

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của Cơ sở:

“NHÀ MÁY SẢN XUẤT MÓN TRÁNG MIỆNG DẠNG BỘT VỚI
QUY MÔ 957 TẤN SẢN PHẨM/NĂM; SẢN XUẤT NƯỚC TRÁI
CÂY DẠNG BỘT VỚI QUY MÔ 1.365 SẢN PHẨM/NĂM; SẢN
XUẤT CÀ RI DẠNG VIÊN, CÀ RI DẠNG KHỐI NÉN VỚI QUY
MÔ 2.385 TẤN SẢN PHẨM/NĂM; SẢN XUẤT MÓN ĂN, THỨC ĂN
CHẾ BIẾN SẴN VỚI QUY MÔ 03 TẤN SẢN PHẨM/NĂM”

ĐỊA ĐIỂM: Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình,
Tỉnh Đồng Nai

CHỦ CƠ SỞ

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
HOUSE VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC



田村 泰嗣
HIROTSUGU TAMURA

Đồng Nai, năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	5
1. Tên chủ cơ sở:	5
2. Tên cơ sở:	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	8
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	8
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của cơ sở.....	19
4.1. Danh mục nguyên, nhiên, vật liệu	19
4.2. Danh mục máy móc thiết bị sản xuất	24
4.3. Nhu cầu sử dụng điện.....	28
4.4. Nhu cầu sử dụng nước.....	29
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	32
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,.....	36
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	36
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	36
2. Sự phù hợp của cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường:.....	37
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	42
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	42
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	42
1.2. Thu gom, thoát nước thải	42
1.3. Xử lý nước thải	43
2. Các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	54
3. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải thông thường	59
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	61
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	64
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	64
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	67
8. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp	71
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	76
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	76
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	78
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	79
4. Nội dung cấp phép đối với chất thải rắn.....	80
CHƯƠNG V	83
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	83
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường	83

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:	83
2.1. Kết quả quan trắc nước thải trong năm 2024.....	83
2.2. Kết quả quan trắc nước thải trong năm 2025.....	84
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải.....	85
3.1. Kết quả quan trắc khí thải trong năm 2024.....	85
3.2. Kết quả quan trắc khí thải trong năm 2025.....	85
4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải.....	86
5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.....	88
CHƯƠNG VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH	
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	89
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của nhà máy	89
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	89
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	89
1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp thực hiện.....	91
2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của nhà máy	91
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	91
CHƯƠNG VII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	93
PHẦN PHỤ LỤC	94

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Công suất sản xuất của cơ sở	8
Bảng 2: Danh mục nguyên, nhiên, vật liệu.....	19
Bảng 3: Bảng cân bằng vật chất	24
Bảng 4: Máy móc, thiết bị chính phục vụ cơ sở	24
Bảng 5: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở	30
Bảng 6: Quy mô sử dụng đất.....	33
Bảng 7: Diện tích xây dựng các hạng mục công trình.....	34
Bảng 8: Thông số kỹ thuật của HTXLNT, công suất 16 m ³ /ngày	48
Bảng 9: Thông số kỹ thuật của HTXLNT sản xuất, công suất 10 m ³ /ngày	54
Bảng 10: Tổng hợp chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quy trình sản xuất	60
Bảng 11: Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất.....	61
Bảng 12: Kết quả quan trắc năm 2024 nước thải sau HTXL đầu nối với KCN.....	83
Bảng 13: Kết quả quan trắc năm 2025 nước thải sau HTXL đầu nối với KCN.....	84
Bảng 14: Kết quả quan trắc năm 2024 khí thải sau HTXL	85
Bảng 15: Kết quả quan trắc năm 2025 khí thải sau HTXL	86
Bảng 16: Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm.....	89
Bảng 17: Kế hoạch về thời gian lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường.....	89
Bảng 18: Bảng tổng hợp chi phí cho quan trắc và bảo vệ môi trường hàng năm dự kiến	91

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1: Quy trình sản xuất bột trắng miệng.....	10
Hình 2: Quy trình sản xuất trái cây nước dạng bột.....	11
Hình 3: Quy trình sản xuất cà ri dạng viên.....	13
Hình 4: Quy trình sản xuất cà ri dạng khối nén	15
Hình 5: Quy trình sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.....	17
Hình 6: Hình ảnh sản phẩm cơ sở	18
Hình 7: Vị trí bố trí dây chuyền sản xuất cà ri mới	28
Hình 7: Hình ảnh vị trí cơ sở trong KCN Amata	33
Hình 8: Phương án thu gom và xử lý nước thải của toàn nhà máy.....	43
Hình 9: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoạt 3 ngăn có năng lọc	44
Hình 10: Sơ đồ HTXLNT, công suất 16 m ³ /ngày.....	46
Hình 11: Sơ đồ HTXLNT sản xuất, công suất 10 m ³ /ngày.....	50
Hình 12: Quy trình hệ thống công suất 3.500 m ³ /giờ	56
Hình 13: Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại và hồ gom tràn đổ	64
Hình 14. Sơ đồ ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất	71

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam

- Địa chỉ công ty: Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) Hirotugu Tamura, Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

- Điện thoại: 0251 8877225

Fax: 0251 8877226

- Website: housefoods.com.vn

- Giấy chứng nhận đầu tư số 5434345185 chứng nhận lần đầu ngày 04/01/2012, chứng nhận thay đổi lần thứ mười bảy ngày 27/10/2025 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602703340 đăng ký lần đầu ngày 04/01/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/10/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai - Phòng đăng ký kinh doanh cấp.

2. Tên cơ sở: “Nhà máy sản xuất món tráng miệng dạng bột với quy mô 957 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất nước trái cây dạng bột với quy mô 1.365 sản phẩm/năm; Sản xuất cà ri dạng viên, cà ri dạng khối nén với quy mô 2.385 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn với quy mô 03 tấn sản phẩm/năm ”.

- Địa điểm cơ sở: Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai.

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt của nhà máy như sau:

STT	Loại giấy phép/ văn bản	Số văn bản, ngày ban hành	Nội dung
1	Giấy phép xây dựng	Số 40/GPXD ngày 19/04/2012 của Ban quản lý các KCN Đồng Nai.	Giấy phép xây dựng các công trình nhà xưởng, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật cấp cho Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam
2	Giấy phép xây dựng	Số 114/GPXD ngày 29/10/2012 của Ban quản lý các KCN Đồng Nai.	Giấy phép xây dựng tầng lửng (trong nhà xưởng) cấp cho Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam

STT	Loại giấy phép/ văn bản	Số văn bản, ngày ban hành	Nội dung
3	Giấy phép xây dựng	Số 74/GPXD-KCNĐN ngày 04/04/2017 của Ban quản lý các KCN Đồng Nai.	Giấy phép xây dựng nhà để ga, bể xử lý nước thải + nhà điều hành cấp cho Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam
4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Số vào sổ cấp GCN: CT 18425 ngày 31/07/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam
5	Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC	Số 150/TD-PCCC ngày 15/03/2012 của Sở Cảnh sát PC&CC tỉnh Đồng Nai.	Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC cấp cho Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam
6	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	Số 941/QĐ-UBND ngày 03/04/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai.	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất thực phẩm chế biến ăn liền đóng gói dạng bột như món tráng miệng, nước trái cây với quy mô 2.322 tấn sản phẩm/năm” cấp cho Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam tại KCN Amata, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
7	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	Số 115/QĐ-KCNĐN ngày 22/05/2017 của Ban quản lý các KCN Đồng Nai..	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng sản xuất chế biến thực phẩm các loại: Bột gia vị các loại với quy mô 500 tấn sản phẩm/năm; cà ri đóng gói với quy mô 675 tấn sản

STT	Loại giấy phép/ văn bản	Số văn bản, ngày ban hành	Nội dung
			phẩm/năm” cấp cho Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam tại KCN Amata, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
8	Giấy xác nhận công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành	Số 3768/GXN-UBND ngày 15/11/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai.	Giấy xác nhận công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án “Xây dựng nhà máy sản xuất thực phẩm chế biến ăn liền đóng gói dạng bột như món tráng miệng, nước trái cây với quy mô 2.322 tấn sản phẩm/năm” cấp cho Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam tại KCN Amata, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
9	Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường	Số 191/XN-KCNĐN ngày 25/12/2019 của Ban quản lý các KCN Đồng Nai	Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường dự án “Mở rộng sản xuất chế biến thực phẩm các loại: Bột gia vị các loại với quy mô 500 tấn sản phẩm/năm; cà ri đóng gói với quy mô 675 tấn sản phẩm/năm” cấp cho Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam tại KCN Amata, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

- Quy mô của cơ sở: Tổng vốn đầu tư 511.811.200.000 VNĐ (năm trăm mười một tỷ, tám trăm mười một triệu, hai trăm nghìn) đồng, theo tiêu chí phân loại của đầu tư công, cơ sở thuộc khoản 3, điều 10 của Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024, cơ sở thuộc nhóm B (với mức đầu tư từ 120 tỷ đồng đến dưới 2.000 tỷ đồng).

- Điều 1, khoản 4, mục IV, phụ lục I của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP theo Luật đầu tư công, cơ sở thuộc nhóm B (với mức đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng).

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thực phẩm
- Phân nhóm dự án đầu tư: Cơ sở thuộc Phụ lục V - Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, cơ sở thuộc đối tượng quy định tại STT 2 → Thuộc nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại Khoản 5 Điều 28 Luật BVMT.

Do đó Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép do chủ đầu tư thực hiện thuộc thẩm quyền cấp phép của Ban Quản lý các Khu Công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Hiện nay công ty đang hoạt động sản xuất theo các quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và xác nhận hoàn thành môi trường đã được cấp. Do nhu cầu tăng quy mô sản xuất chế biến thực phẩm ăn liền đóng gói cà ri dạng viên, cà ri dạng khối nén từ 930 tấn sản phẩm/năm lên 2.385 tấn sản phẩm/năm do đó công ty thực hiện giấy phép môi trường cho cơ sở: “Nhà máy sản xuất món tráng miệng dạng bột với quy mô 957 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất nước trái cây dạng bột với quy mô 1.365 sản phẩm/năm; Sản xuất cà ri dạng viên, cà ri dạng khối nén với quy mô 2.385 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn với quy mô 03 tấn sản phẩm/năm”.

Công suất sản xuất được thống kê theo bảng sau:

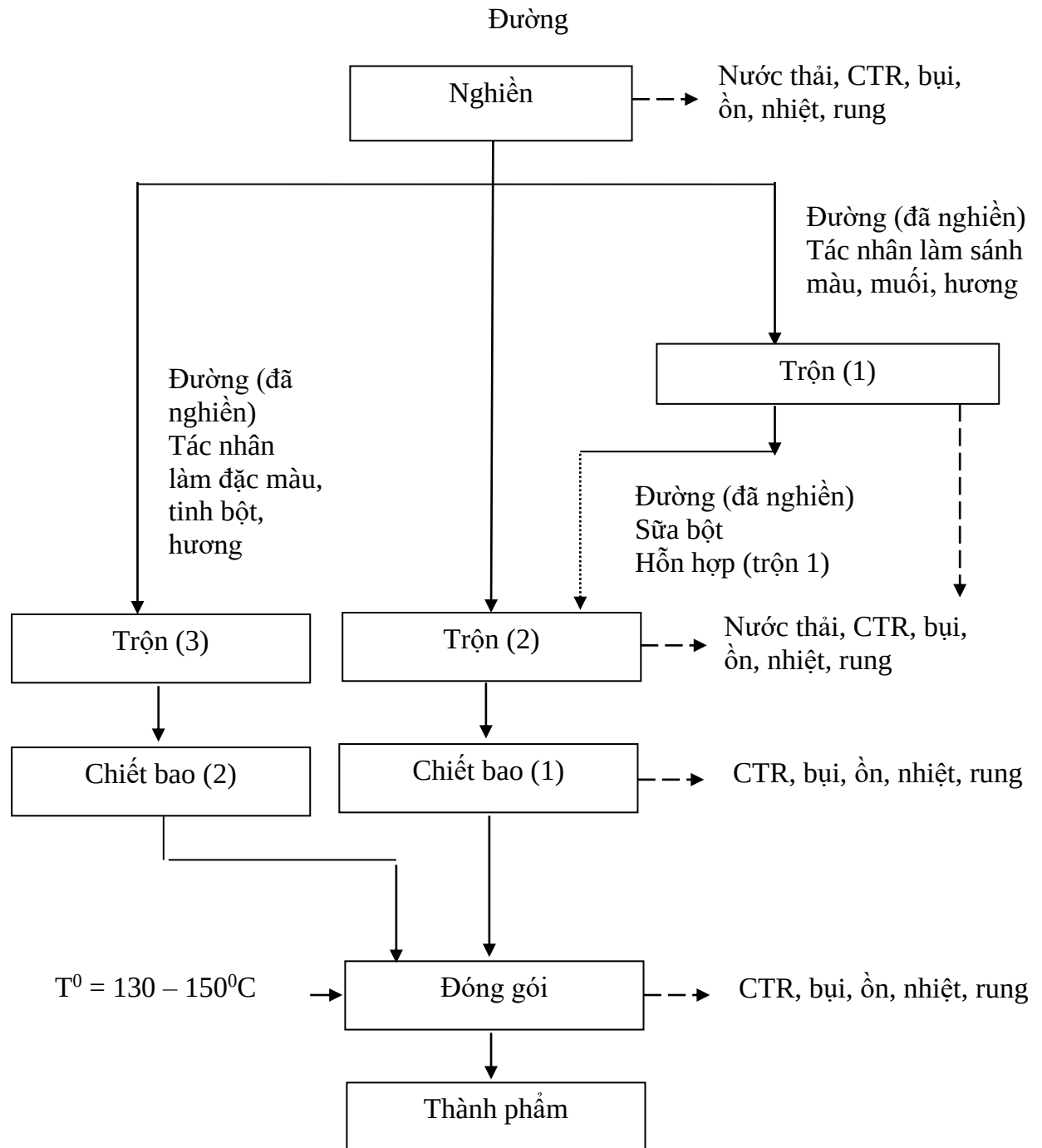
Bảng 1: Công suất sản xuất của cơ sở

STT	Mục tiêu hoạt động	Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hiện hữu	Đề xuất cấp GPMT	Ghi chú
1	Sản xuất món tráng miệng dạng bột	2.322 tấn sản phẩm/năm	74,8 tấn sản phẩm/năm	957 tấn sản phẩm/năm	Không thay đổi
2	Sản xuất nước trái cây dạng bột		0	1.365 tấn sản phẩm/năm	Không thay đổi
3	Sản xuất bột gia vị các loại	500 tấn sản phẩm/năm	0	-	Không sản xuất

STT	Mục tiêu hoạt động	Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Hiện hữu	Đề xuất cấp GPMT	Ghi chú
4	Sản xuất cà ri dạng viên, cà ri dạng khối nén	675 tấn sản phẩm/năm	673,2 tấn sản phẩm/năm	2.385 tấn sản phẩm/năm	Tăng công suất
5	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	-	0	3 tấn sản phẩm/năm	Bổ sung sản xuất
Tổng		3.497 tấn sản phẩm/năm	748 tấn sản phẩm/năm	4.710 tấn sản phẩm/năm	-

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

a. Quy trình sản xuất bột trắng miệng



Hình 1: Quy trình sản xuất bột tráng miệng

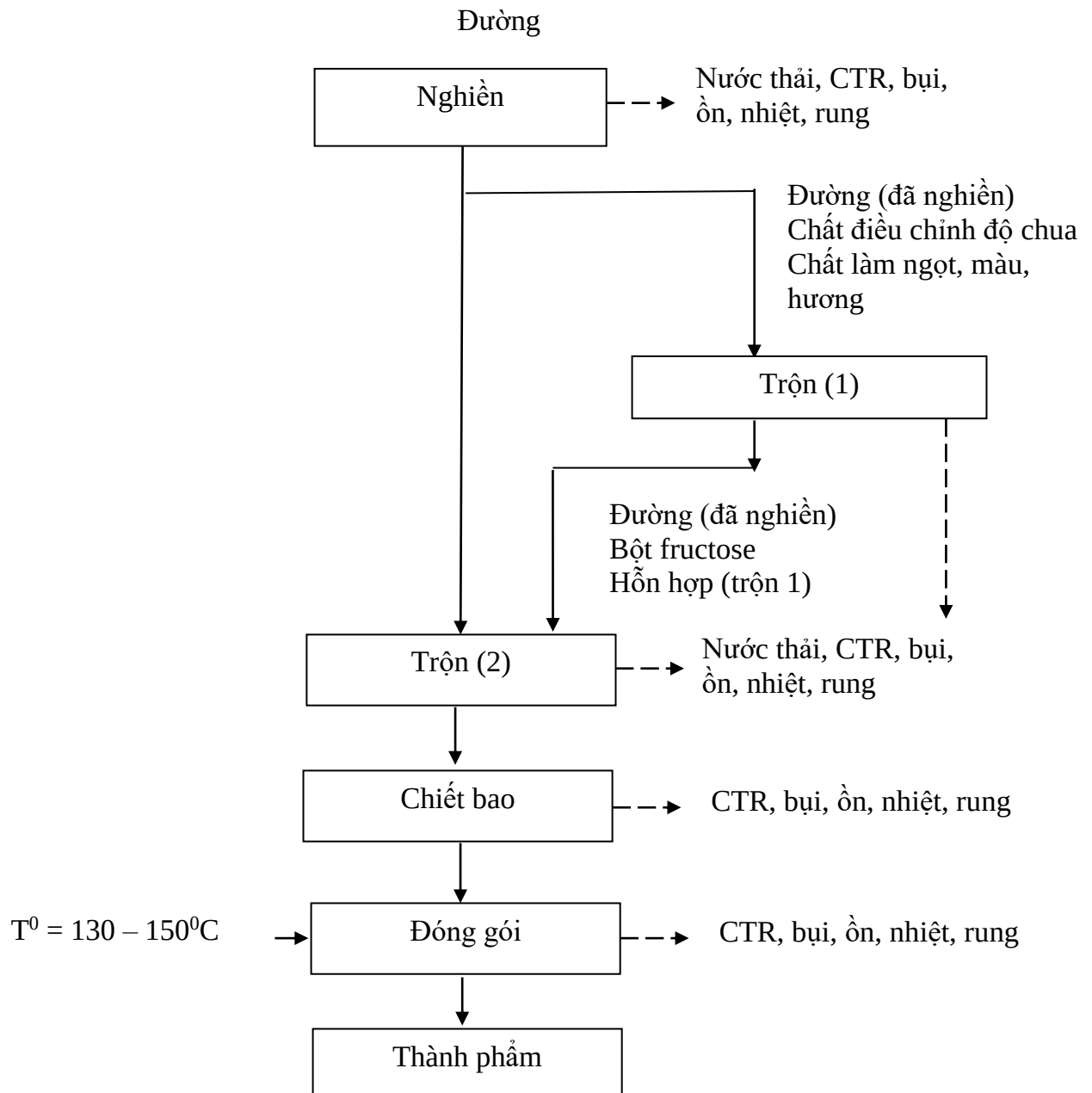
Thuyết minh quy trình

Đường cát trắng tinh luyện được nghiền nhỏ thành bột, sau đó trộn với các nguyên liệu dạng bột khác nhau để tạo thành hai dòng bán thành phẩm:

- Bán thành phẩm (hỗn hợp trộn 2): gồm hỗn hợp trộn (1) các nguyên liệu như đường đã được nghiền, tác nhân làm sánh, màu thực phẩm, muối và hương; sau đó được trộn đều với bột đường, sữa bột;
- Bán thành phẩm (hỗn hợp trộn 3): gồm bột đường, tác nhân làm đặc, màu thực phẩm, tinh bột và hương sau khi được trộn đều.

Các loại nguyên liệu đầu vào trong dây chuyền sản xuất đều ở dạng bột (ngoại trừ đường ở dạng hạt nhỏ), khô. Nguyên liệu được đưa vào dây chuyền sản xuất bằng các ống nạp liệu (dạng phễu). Các công đoạn nghiền, trộn đều thực hiện theo quy trình khô, không dùng nước trong bất cứ công đoạn nào. Hai dòng bán thành phẩm tạo thành ở dạng bột mịn được chiết bao và đóng gói thành phẩm. Khi sử dụng, tùy vào sở thích, có thể pha trộn hai bán thành phẩm với từng lượng khác nhau cùng với nước ấm để sử dụng.

b. Quy trình sản xuất trái cây nước dạng bột



Hình 2: Quy trình sản xuất trái cây nước dạng bột

Thuyết minh quy trình

Các loại nguyên liệu đưa vào trong dây chuyền sản xuất đều ở dạng bột (ngoại trừ đường ở dạng hạt nhỏ), khô. Nguyên liệu được đưa vào dây chuyền sản xuất bằng các ống nạp liệu (dạng phễu). Các công đoạn nghiền, trộn đều thực hiện theo quy trình khô, không dùng nước trong bất cứ công đoạn nào. Đường cát trắng tinh luyện được nghiền nhỏ thành bột, sau đó trộn đều với các nguyên liệu dạng bột khác như chất điều chỉnh độ chua, chất làm ngọt, màu thực phẩm và hương thành hỗn hợp trộn (1). Hỗn hợp này tiếp tục được trộn đều với bột đường, bột fructose thành hỗn hợp trộn (2), sau đó chiết bao và đóng gói thành phẩm.

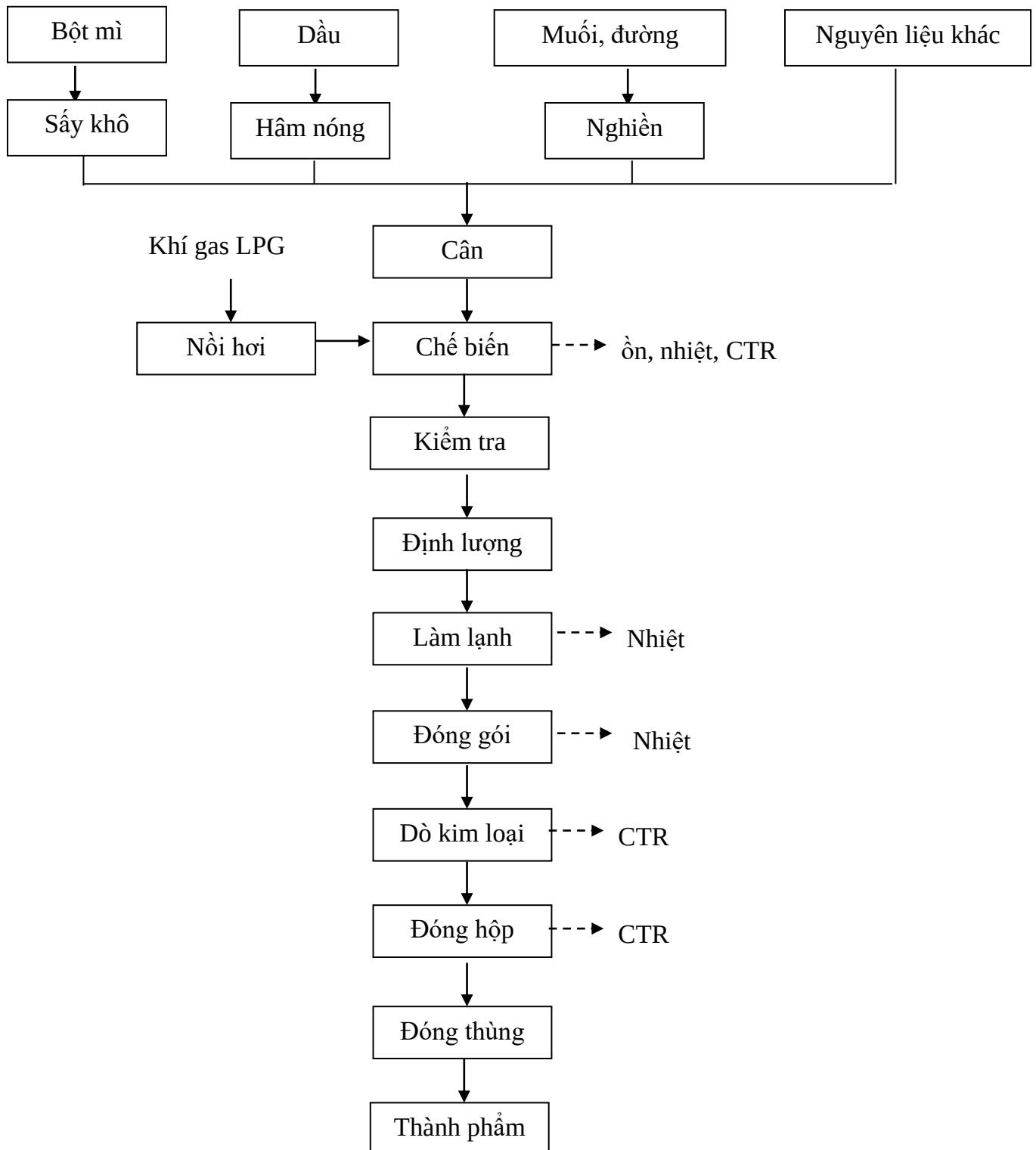
Toàn bộ quá trình sản xuất hai loại thành phẩm bột tráng miệng và bột trái cây là quy trình tương đối kín từ công đoạn nghiền đến chiết bao và đóng gói, trong đó nguyên liệu được chuyển bằng bao kín từ máy nghiền đến các máy trộn và máy chiết bao. Do đó, không phát sinh nhiều bụi trong các công đoạn này, bụi (từ các nguyên liệu sản xuất dạng bột) chỉ phát sinh trong quá trình nạp liệu vào máy và tại công đoạn chiết sản phẩm vào từng bao bì nhỏ. Do đó, công ty có trang bị các máy hút bụi để thu gom toàn bộ bụi nguyên liệu phát sinh tại hai công đoạn này (minh họa tại hình 1.3).

Trong quá trình đóng gói, cấp nhiệt từ $t^{\circ} = 130 - 150^{\circ}\text{C}$ làm nóng điện trở của máy đóng gói để và ép dính miệng bao. Nhiệt chỉ cấp vào điện trở và làm nóng cục bộ tại máy đóng gói, không thất thoát ra môi trường khu vực sản xuất.

Tại dự án không thực hiện quá trình sản xuất bao bì, in ấn (chỉ in ngày sản xuất và hạn sử dụng cho sản phẩm). Bao bì dùng để đóng gói thành phẩm là bao bì nguyên liệu hoàn chỉnh, được công ty đặt hàng từ các nhà thầu phụ, bao bì sử dụng cho dự án đã được in logo nhà sản xuất, thành phần nguyên liệu, hướng dẫn sử dụng và các thông tin khác về sản phẩm.

Trong quá trình sản xuất, các loại nguyên liệu bột sẽ bám dính lên bề mặt của máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất. Sau thời gian dài, các loại nguyên liệu này có thể bị hỏng, phân hủy làm mất vệ sinh và ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Do đó, công ty sẽ thực hiện vệ sinh, rửa các loại máy móc này theo định kỳ bằng nước cấp, đây là nguyên nhân phát sinh nước thải sản xuất của dự án

c. Quy trình sản xuất cà ri



Hình 3: Quy trình sản xuất cà ri dạng viên

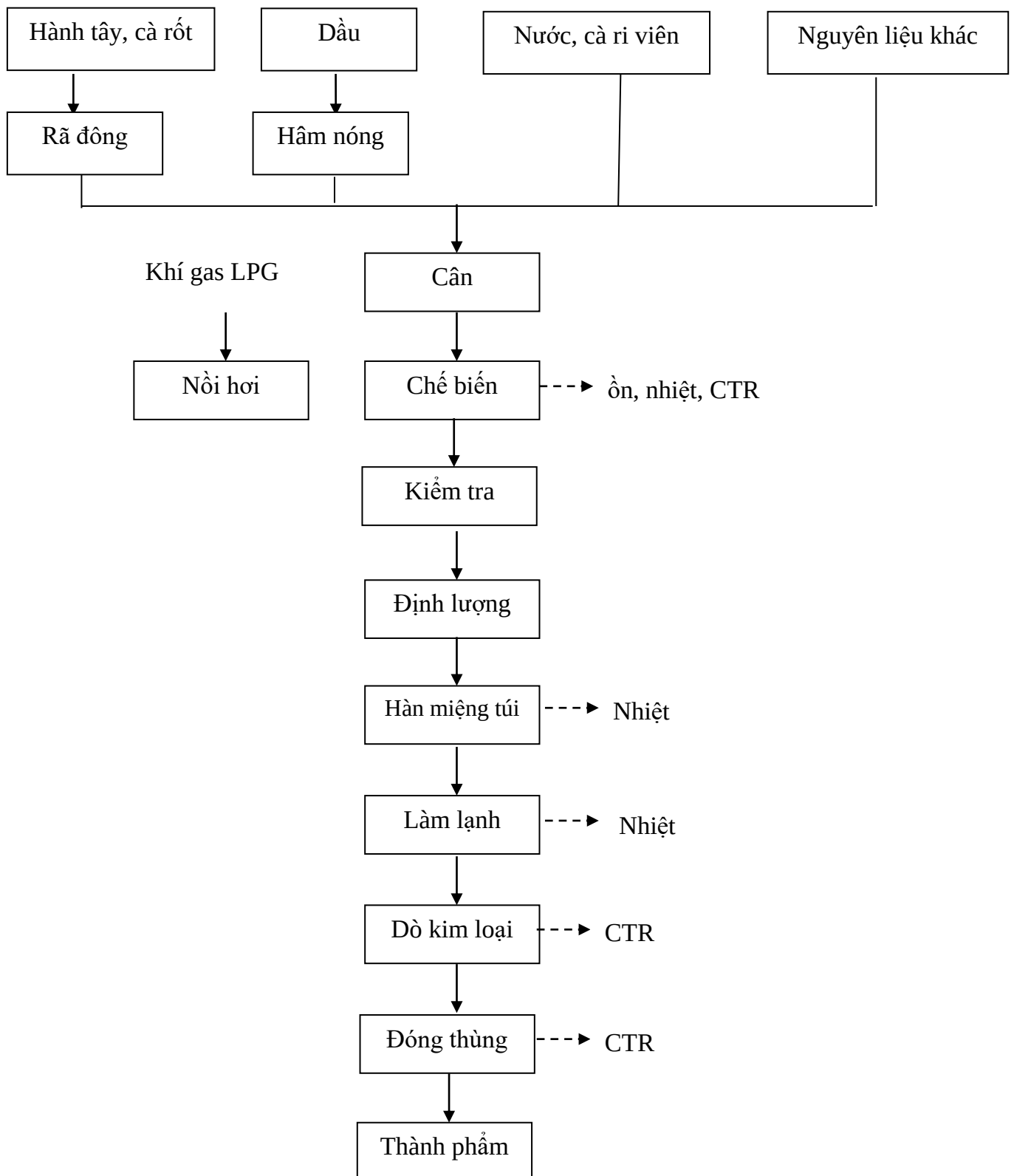
Thuyết minh quy trình

Nguyên liệu cho sản phẩm cà ri dạng viên bao gồm: **Bột mì, muối, đường tinh luyện và nguyên liệu khác (dầu thực vật, bột ngọt, và gia vị khác...)**. Nguyên liệu sẽ được sơ chế trước khi chế biến: Bột mì được sấy ở nhiệt độ 110°C (sấy bằng không khí nóng có được từ

quá trình trao đổi nhiệt của hơi nước sinh ra từ lò hơi với bộ phận trao đổi nhiệt của máy sấy), muối và đường tinh luyện được nghiền mịn để đảm bảo tơi và đồng nhất trong sản phẩm. Dầu thực vật (dầu cọ) được làm nóng tới nhiệt độ 65°C nhờ bồn hâm nóng dầu (Nước nóng có được từ quá trình trao đổi nhiệt giữa hơi nước sinh ra từ lò hơi với nước trong bể hâm).

Trong quá trình chế biến: Nguyên liệu sau khi sàng và cân theo tỷ lệ công thức sản phẩm đã được định sẵn để phối trộn sẽ được cho vào thiết bị chế biến cà ri, khuấy trộn và gia nhiệt từ nhiệt độ 65°C lên khoảng 115°C, sau đó giảm nhiệt độ xuống còn 65°C. Tổng quá trình tăng và giảm nhiệt độ mất khoảng 1 tiếng 40 phút. Kế đến, hỗn hợp được kiểm tra chất lượng rồi chuyển đến bồn chứa. Tiếp theo, hỗn hợp sẽ được chuyển từ bồn chứa sang máy chiết rót để chiết rót vào khay nhựa (500g/khay) rồi được đưa vào tủ lạnh công nghiệp để làm lạnh nhanh ở nhiệt độ -15°C, trong thời gian 50 phút. Sau khi làm lạnh, cà ri cô đặc lại thành viên, sau đó được đóng túi nhôm theo khối lượng tương ứng 1,0kg/gói (2 viên 500g trong một gói) nhờ thiết bị đóng túi chuyên dụng và dò kim loại, kiểm tra trọng lượng ngay sau đó.

Sản phẩm sau khi đóng túi nhôm được đóng vào hộp giấy có đầy đủ thông tin cần thiết và chuyển sang khu vực đóng thùng, in thông tin ngày sản xuất, hạn sử dụng và kết thúc quá trình sản xuất.



Hình 4: Quy trình sản xuất cà ri dạng khối nén

Thuyết minh quy trình

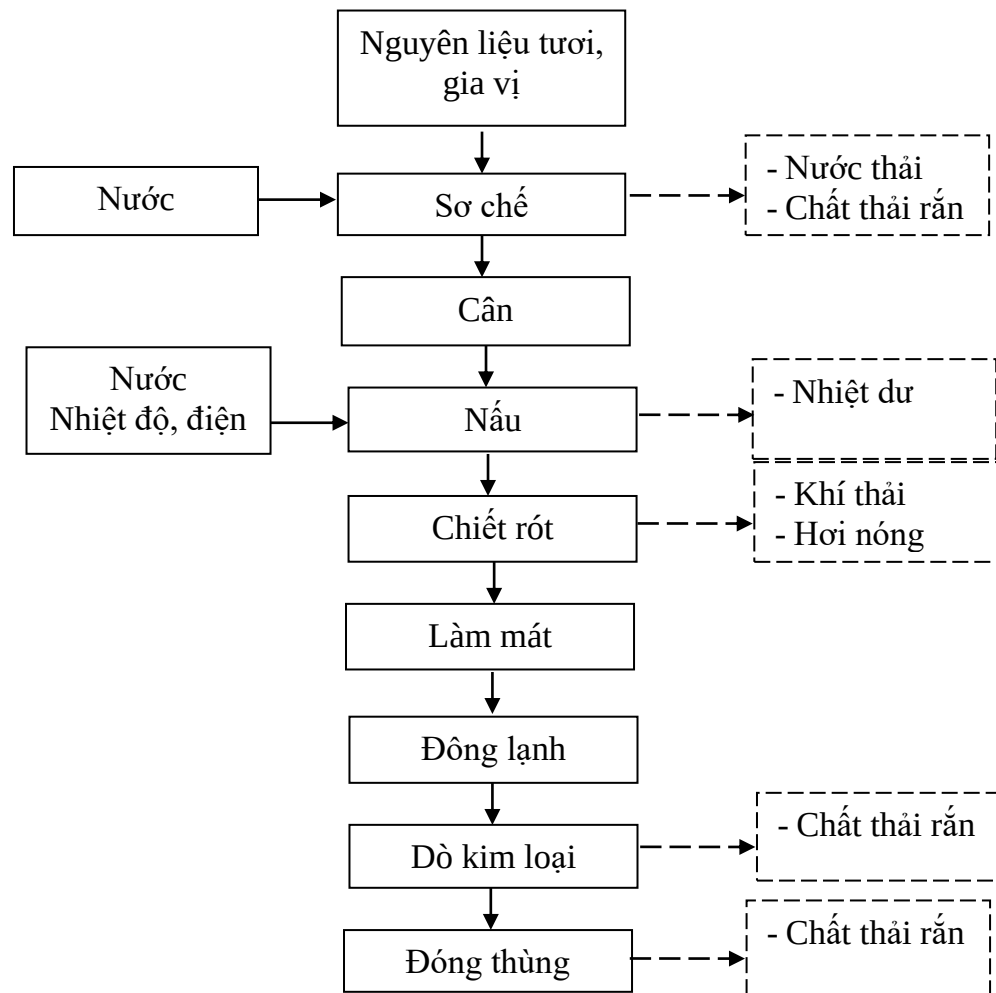
Nguyên liệu cho sản phẩm cà ri dạng khối nén bao gồm: **hành tây, cà rốt; cà ri cô đặc và nguyên liệu khác (dầu thực vật, nước tinh khiết và gia vị khác...)**. Nguyên liệu sẽ được sơ chế trước khi chế biến: hành tây và cà rốt được rã đông. Dầu thực vật được làm nóng tới nhiệt

độ 65°C nhờ bồn hâm nóng dầu (Nước nóng có được từ quá trình trao đổi nhiệt giữa hơi nước sinh ra từ lò hơi với nước trong bể hâm).

Trong quá trình chế biến: Nguyên liệu sau khi sơ chế (cân, rửa đông, và trộn sơ bộ bằng tay) được đưa theo tỷ lệ công thức sản phẩm đã được định sẵn để phối trộn cùng với nước tinh khiết (sử dụng nước lọc tinh khiết) được cho vào thiết bị chế biến cà ri, khuấy trộn và gia nhiệt đến nhiệt độ 75°C và giữ ở nhiệt độ này trong 1 giờ. Sau đó, sẽ cho cà ri cô đặc được cắt nhỏ khoảng 20mm vào, khuấy trộn và gia nhiệt đến nhiệt độ 85°C. Tổng quá trình nấu mất khoảng 1 tiếng 50 phút. Sau đó, hỗn hợp được kiểm tra chất lượng rồi chuyển đến bồn chứa rồi chuyển sang máy chiết rót tự động để đóng gói theo khối lượng tương ứng 2,2 kg/túi nhờ thiết bị định lượng chuyên dụng. Sản phẩm sau khi định lượng được kiểm tra trọng lượng từng túi một và được cho vào bồn nước lạnh 7°C để giải nhiệt trong vòng 85 phút.

Sau khi giải nhiệt, sản phẩm được dò kim loại và được đóng thùng, in thông tin cần thiết như ngày sản xuất, hạn sử dụng,... Sau đó, các thùng đã đóng sẽ được cho vào kho đông để đông lạnh ở -18°C trong vòng 10 ngày và kết thúc quá trình sản xuất.

e. Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn



Hình 5: Quy trình sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn

Thuyết minh quy trình

1. Nguyên liệu tươi, gia vị được sơ chế ban đầu

Nguyên liệu được nhập từ các nhà cung cấp như: thịt bò, thịt gà được rửa sạch

Gia vị: Hành được gọt vỏ, rửa sạch, cắt nhỏ sau đó phi với dầu ăn với lửa vừa trong thời gian 2,5 tiếng và làm mát. Tỏi, gừng được gọt vỏ rửa sạch băm nhuyễn cùng với đường, bột ngọt, tiêu, tinh dầu ớt,...

2. Cân

Cân các nguyên liệu và gia vị theo tỷ lệ công thức sản phẩm đã được định sẵn để phối trộn của từng mặt hàng

3. Nấu

Tiến hành công đoạn nấu khoảng 10kg/nồi, với lửa vừa, khoảng 1 tiếng tùy từng loại mã sản phẩm.

4. Chiết rót

Đóng thành phẩm vào túi theo khối lượng yêu cầu (rót nóng ở nhiệt độ $> 60^{\circ}\text{C}$)

5. Làm mát:

Sau đó sản phẩm được hạ nhiệt nhanh bằng đông lạnh (thời gian 60 phút, nhiệt độ nước $7^{\circ}\text{C} \pm 2$)

6. Đông lạnh: Sau đó chuyển vào tủ đông (nhiệt độ $< -18^{\circ}\text{C}$) trong ít nhất 2 ngày

7. DỒ KIM LOẠI

Các sản phẩm phải qua máy dò kim loại trước khi qua quá trình đóng thùng.

10. BẢO QUẢN

Sản phẩm được đóng thùng, in ngày và hạn sử dụng khoảng từ 3 – 6 tháng và lưu kho đông (nhiệt độ $< -18^{\circ}\text{C}$)

3.3. Sản phẩm của cơ sở:



Hình 6: Hình ảnh sản phẩm cơ sở

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của cơ sở

4.1. Danh mục nguyên, nhiên, vật liệu

Bảng 2: Danh mục nguyên, nhiên, vật liệu

STT	Nguyên liệu	Thành phần	Đơn vị tính	Số lượng		Nơi cung cấp
				Hiện hữu	Đề xuất cấp GPMT	
A	Sản xuất bột tráng miệng					
1.	Đường tinh luyện	C ₁₂ H ₂₂ O ₁₁	Tấn/năm	55,37	708,38	Trong nước
2.	Bột kem không sữa	-	Tấn/năm	5,76	74,7	Nhập khẩu
3.	Sữa bột tách béo	-	Tấn/năm	4,88	62,47	Nhập khẩu
4.	Màu tự nhiên	Caramel, màu vàng FCF C ₁₆ H ₁₀ N ₂ Na ₂ O ₇ S ₂	Tấn/năm	0,29	4,75	Nhập khẩu
5.	Hương tự nhiên	Hương sữa, gum từ trái cây arabic, Dextrin (sản phẩm tạo ra đầu tiên khi thủy phân tinh bột)	Tấn/năm	0,68	8,75	Nhập khẩu
6.	Chất điều chỉnh độ acid	Acid citric tự nhiên	Tấn/năm	0,49	6,25	Nhập khẩu
7.	Chất làm đông	Chất keo	Tấn/năm	3,91	49,97	Trong

STT	Nguyên liệu	Thành phần	Đơn vị tính	Số lượng		Nơi cung cấp
				Hiện hữu	Đề xuất cấp GPMT	
		gelatin				nước
8.	Đường glucose		Tấn/năm	3,12	39,98	Nhập khẩu
9.	Chất làm sánh	Thạch Agar (nguồn gốc từ rong biển)	Tấn/năm	0,1	2,25	Nhập khẩu
10.	Muối	NaCl	Tấn/năm	0,2	2,5	Trong nước
	Tổng cộng		Tấn/năm	74,8	960	
	Sản xuất nước trái cây dạng bột					
11.	Đường tinh luyện	$C_{12}H_{22}O_{11}$	Tấn/năm	-	1.077	Trong nước
12.	Bột kem không sữa	-	Tấn/năm	-	50	Nhập khẩu
13.	Sữa bột tách béo	-	Tấn/năm	-	125	Nhập khẩu
14.	Màu tự nhiên	Caramel, màu vàng FCF $C_{16}H_{10}N_2Na_2O_7S_2$	Tấn/năm	-	5	Nhập khẩu
15.	Hương tự nhiên	Hương sữa, gum từ trái cây arabic, Dextrin (sản phẩm tạo ra	Tấn/năm	-	30	Nhập khẩu

STT	Nguyên liệu	Thành phần	Đơn vị tính	Số lượng		Nơi cung cấp
				Hiện hữu	Đề xuất cấp GPMT	
		đầu tiên khi thủy phân tinh bột)				
16.	Chất điều chỉnh độ acid	Acid citric tự nhiên	Tấn/năm	-	18	Nhập khẩu
17.	Đường glucose		Tấn/năm	-	30	Nhập khẩu
18.	Chất làm sánh	Thạch Agar (nguồn gốc từ rong biển)	Tấn/năm	-	30	Nhập khẩu
19.	Muối	NaCl	Tấn/năm	-	3	Trong nước
	Tổng cộng		Tấn/năm		1.368	
	Vật liệu đóng gói					
20.	Giấy bìa cứng		Tấn/năm	45,07	200,80	Trong nước
21.	Màng nhôm, túi nhôm phức hợp		Tấn/năm	12,35	55,00	Trong nước
22.	Màng co vì nhiệt	PP và PE	Tấn/năm	1,70	7,56	Trong nước
23.	Bao bì plastic		Tấn/năm	0,5	2,24	Trong nước
24.	Giấy carton		Tấn/năm	113,72	506,64	Trong nước

STT	Nguyên liệu	Thành phần	Đơn vị tính	Số lượng		Nơi cung cấp
				Hiện hữu	Đề xuất cấp GPMT	
B	Sản xuất cà ri					
25.	Dầu thực vật (dầu cọ)		Tấn/năm	227,3	805,4	Nhập khẩu
26.	Bột lúa mì		Tấn/năm	144,7	512,6	Trong nước
27.	Đường tinh luyện		Tấn/năm	91,5	324,3	Trong nước
28.	Muối		Tấn/năm	63,1	188,3	Trong nước
29.	Bột cà ri		Tấn/năm	26,6	94,1	Nhập khẩu
30.	Nước lọc tinh khiết		Tấn/năm	23,6	83,7	Trong nước
31.	Bột bắp		Tấn/năm	23,6	83,7	Nhập khẩu
32.	Bột hành		Tấn/năm	17,7	62,8	Nhập khẩu
33.	Gia vị các loại (tiêu, quế, đinh hương)		Tấn/năm	14,8	52,3	Trong nước
34.	Chiết xuất nấm men		Tấn/năm	14,8	52,3	Nhập khẩu
35.	Đường tinh bột (Malto Dextrin)		Tấn/năm	11,8	41,8	Nhập khẩu
36.	Hương tự nhiên		Tấn/năm	8,9	31,4	Nhập khẩu

STT	Nguyên liệu	Thành phần	Đơn vị tính	Số lượng		Nơi cung cấp
				Hiện hữu	Đề xuất cấp GPMT	
37.	Bột tẻ		Tấn/năm	8,9	31,4	Nhập khẩu
38.	Màu tự nhiên		Tấn/năm	5,9	21,9	Nhập khẩu
	Tổng cộng		Tấn/năm	673,2	2.386	
39.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn					
40.	Nước lọc tinh khiết	-	Kg/năm	-	1.900	Trong nước
41.	Cà ri dạng viên	-	Kg/năm	-	300	Trong nước
42.	Thịt bò	-	Kg/năm	-	300	Trong nước
43.	Hành tây	-	Kg/năm	-	200	Trong nước
44.	Dầu ăn	-	Kg/năm	-	200	Trong nước
45.	Nước ép trái cây	-	Kg/năm	-	100	Trong nước
	Tổng cộng		Kg/năm	-	3.000	
46.	Hoá chất xử lý nước thải					
47.	NaOH	-	Kg/năm	1.260	1.500	Trong nước
48.	PAC	-	Kg/năm	650	700	Trong nước
49.	Polymer	-	Kg/năm	9	15	Trong nước
50.	Methanol	-	Kg/năm	1.225	1.400	Trong nước

STT	Nguyên liệu	Thành phần	Đơn vị tính	Số lượng		Nơi cung cấp
				Hiện hữu	Đề xuất cấp GPMT	
51.	FeCl ₃	-	Kg/năm	300	500	Trong nước
52.	Nguyên liệu khác					
53.	Keo dán hộp (Hotmelt)		Tấn/năm	1,49	6,62	Trong nước
54.	Gas LPG		Tấn/năm	43,8	110	Trong nước

(Nguồn: Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam)

Bảng 3: Bảng cân bằng vật chất

STT	Nguyên liệu đầu vào (tấn/năm)	Sản phẩm (tấn/năm)	Chất thải (tấn/năm)
1	4.717	4.710	7

4.2. Danh mục máy móc thiết bị sản xuất

Để phục vụ cho quá trình sản xuất nâng công suất, Công ty tiến hành nhập thêm một số máy móc thiết bị mới. Danh sách máy được thống kê như sau:

Bảng 4: Máy móc, thiết bị chính phục vụ cơ sở

STT	Máy móc thiết bị	Số lượng		Công suất (KW)	Năm sản xuất	Xuất xứ
		Hiện hữu	Đề xuất cấp GPMT			
I. Máy móc sản xuất món tráng miệng dạng bột và nước trái cây dạng bột						
1.	Máy nghiền	1	1	33,57	2000	Nhật Bản
2.	Máy trộn xoắn	2	2	5,5	2000	Nhật Bản
3.	Máy trộn rocking	1	1	1,15	2003	Nhật Bản
4.	Máy trộn nhỏ	1	1	0,4	2012	Nhật Bản
5.	Máy sàng	5	5	1,5	2012	Đài Loan

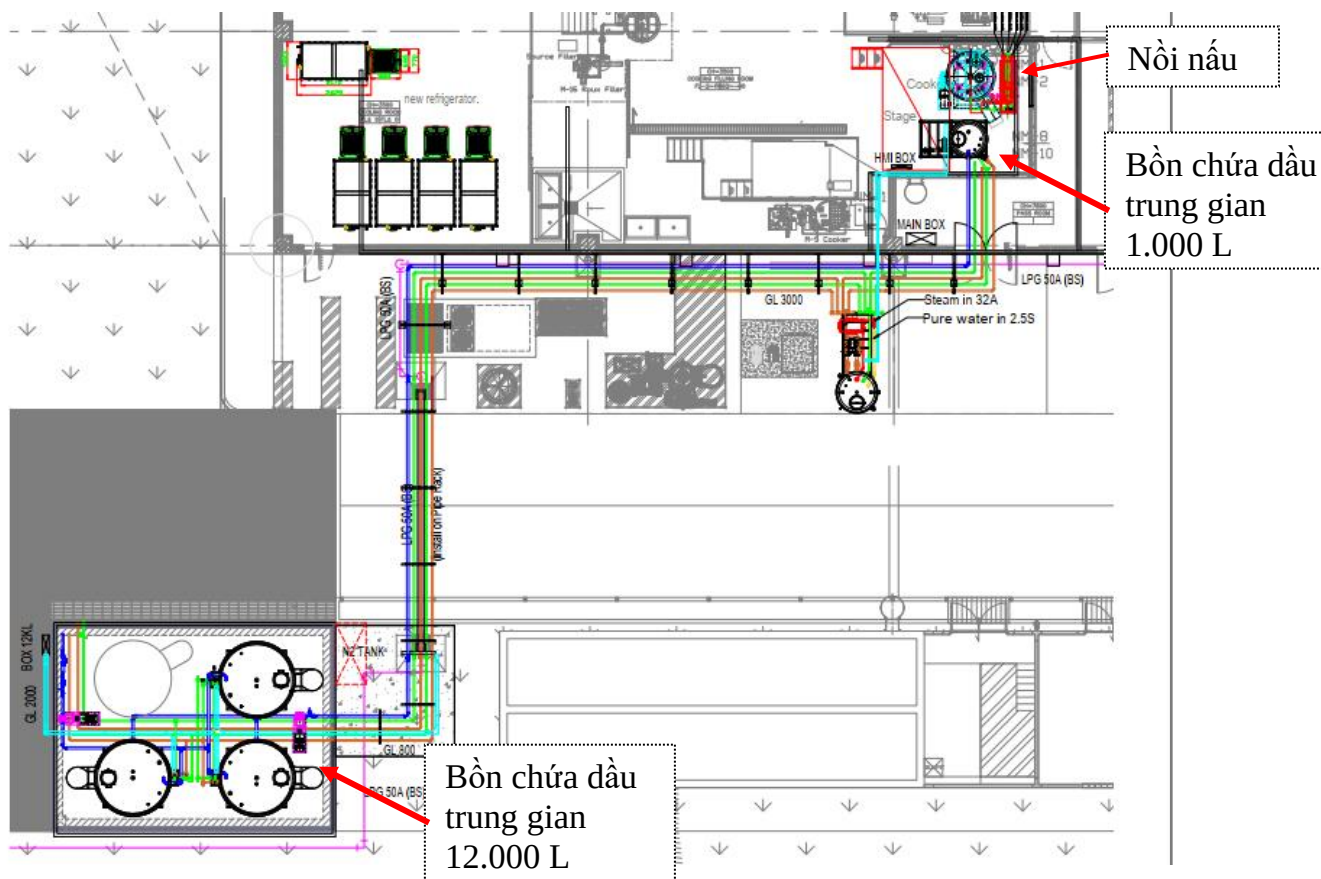
STT	Máy móc thiết bị	Số lượng		Công suất (KW)	Năm sản xuất	Xuất xứ
		Hiện hữu	Đề xuất cấp GPMT			
	rung (LS-1200)					
6.	Máy sàng rung (LS-450)	1	1	0,38	2024	Đài Loan
7.	Máy định lượng	3	3	1,3	2012	Trung Quốc
8.	Máy đóng gói hộp giấy	1	1	7,0	2012	Nhật Bản
9.	Băng tải cân trọng lượng	1	1	0,7	2012	Nhật Bản
10.	Náy dò kim loại	1	1	0,7	2012	Nhật Bản
11.	Máy đóng gói màng co	1	1	10	2012	Nhật Bản
12.	Máy seal miệng túi Fuji	1	1	2,7	2020	Nhật Bản
13.	Máy hút bụi	1	1	0,75	2012	Nhật Bản
14.	Máy hút bụi	2	2	1,5	2012	Nhật Bản
15.	Máy hút bụi	1	1	3,7	2012	Nhật Bản
16.	Máy trộn RS-200	1	1	4	2016	Đài Loan
II. Máy móc dùng để sản xuất cà ri						
17.	Máy nghiền	1	1	8,5	2017	Trung Quốc
18.	Máy sấy	1	1	20,65	2017	Trung Quốc
19.	Máy sàng rung (LS-600)	2	2	0,75	2017	Trung Quốc
20.	Máy sàng	1	1	0,56	2023	Đài Loan

STT	Máy móc thiết bị	Số lượng		Công suất (KW)	Năm sản xuất	Xuất xứ
		Hiện hữu	Đề xuất cấp GPMT			
	rung (LS-600-1S)					
21.	Máy sàng LS-450	2	2	0,38	2012	Đài Loan
22.	Máy sàng LS-500	1	1	0,55	2017	Trung Quốc
23.	Máy hút bụi	2	2	0,75	2012	Nhật Bản
24.	Hâm dầu	1	1	0,4	2017	Nhật Bản
25.	Máy nấu	1	1	2,2	2017	Nhật Bản
26.	Thiết bị định lượng cà ri Roux	1	1	0,75	2017	Nhật Bản
27.	Thiết bị định lượng cà ri Sauce	1	1	0,13	2018	Trung Quốc
28.	Tủ đông	6	6	2,0	2017	Indonesia
29.	Máy đóng gói pillow 1kg	1	1	4,5	2024	Nhật Bản
30.	Máy đóng gói pillow 200g	1	1	5,0	2012	Nhật Bản
31.	Máy đóng gói hộp giấy	1	1	14,3	2007	Nhật Bản
32.	Bể làm lạnh	1	1	2.0 m3	2017	Việt Nam
33.	Thiết bị làm lạnh	1	1	24,7	2017	Mỹ
34.	Tháp giải nhiệt	1	1	3.95	2017	Trung Quốc
35.	Thiết bị lọc mùi	1	1	6,25	2017	Thái Lan

STT	Máy móc thiết bị	Số lượng		Công suất (KW)	Năm sản xuất	Xuất xứ
		Hiện hữu	Đề xuất cấp GPMT			
36.	Lò hơi	1	1	1000 kg/h	2017	Nhật Bản
37.	Lò hơi	1	1	1000 kg/h	2022	Nhật Bản
38.	Máy nén khí	1	1	22	2012	Nhật Bản
39.	Máy nén khí	1	1	22	2024	Trung Quốc
40.	Bồn nước nóng rửa dụng cụ	1	1	1,75 m3	2017	Nhật Bản
41.	Bồn tuần hoàn nước nóng	1	1	1,0 m3	2017	Nhật Bản
	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn					
42.	Bếp gas	-	2	-	2012	Việt Nam
43.	Bếp từ	-	2	2,1	2015	Việt Nam
44.	Nồi inox	-	4	15 L	2018	Việt Nam
45.	Chảo	-	2	2,5	2018	Trung Quốc
46.	Máy seal miệng túi Fuji Implus	-	1	2,3	2019	Nhật Bản
47.	Tủ đông	-	4	0,0809	2019	Việt Nam
48.	Máy dò kim loại	-	1	0,7	2012	Nhật Bản
49.	Máy in date	-	1	0,3	2021	Nhật Bản
	Máy móc đầu tư mới					
50.	Thiết bị nấu cà ri	-	1	900 kg (7.4 KW)	2025	Nhật bản
51.	Bồn dầu ngoài trời	-	3	12.000 L	2025	Việt nam
52.	Bồn dầu trung gian (trong nhà)	-	1	1.000 L	2025	Việt nam

STT	Máy móc thiết bị	Số lượng		Công suất (KW)	Năm sản xuất	Xuất xứ
		Hiện hữu	Đề xuất cấp GPMT			
53.	Tủ làm lạnh	-	5	10 KW	2025	Trung Quốc

(Nguồn: Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam)



Hình 7: Vị trí bố trí dây chuyền sản xuất cà ri mới

4.3. Nhu cầu sử dụng điện

a) Nguồn cung cấp điện

Nguồn điện phục vụ cho cơ sở được lấy từ lưới điện lực Quốc gia. Việc cung cấp điện do Công ty TNHH Điện lực Amata (Biên Hòa) thực hiện.

b) Nhu cầu tiêu thụ điện

Nhu cầu cung cấp điện phục vụ cho hoạt động của nhà máy hiện hữu khoảng 129.930 KWh/tháng (trung bình hoá đơn điện 6 tháng đầu năm 2025), dự kiến khi nâng công suất và hoạt động ổn định khoảng 460.000 KWh/tháng.

4.4. Nhu cầu sử dụng nước

a) Nguồn cung cấp nước

Nguồn nước Công ty sử dụng được lấy từ hệ thống cấp nước Biên Hoà thông qua Công ty cổ phần đô thị Amata Biên Hoà thực hiện.

b) Nhu cầu sử dụng nước

➤ Nhu cầu sử dụng nước hiện hữu

Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở bao gồm: nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt, nhà ăn của công nhân viên, nước phục vụ sản xuất, nước vệ sinh máy móc thiết bị, nhà xưởng, nước dùng để tưới cây, phòng cháy chữa cháy. Hiện tại tổng nhu cầu sử dụng nước khoảng 693,5 m³/tháng, tương đương khoảng 26,7 m³/ngày (trung bình hóa đơn nước 6 tháng đầu năm 2025). Cụ thể nhu cầu tiêu thụ như sau:

- **Nước cấp cho mục đích sinh hoạt:** gồm nước cấp cho nhu cầu vệ sinh cá nhân: Theo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng, lượng nước sử dụng là 80 lít/người/ca, nhà máy hiện hữu có 94 công nhân viên, lượng nước cấp cho sinh hoạt như sau:

$$Q_{sh} = 80 \text{ lít/người/ca} \times 94 \text{ người} = 7,52 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- **Nước cấp cho nhà ăn:** công ty đặt suất ăn công nghiệp

- **Nước cấp cho sản xuất:**

+ **Nước cấp cho nồi hơi:** 8 m³/ngày, định kỳ xả đáy lò hơi 0,8 m³/ngày.

+ **Nước cấp cho tháp giải nhiệt, làm lạnh:** khoảng 1 m³/ngày. Lượng nước này được tuần hoàn tái sử dụng, định kỳ thải bỏ đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm

+ **Nước cấp cho thiết bị xử lý mùi scrubber:** 1 m³/ngày. Lượng nước này được tuần hoàn tái sử dụng và Định kỳ 1 tháng sẽ được thải bỏ về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy

+ **Nước cấp vệ sinh máy móc thiết bị, bồn trộn, các đường ống dẫn cho sản xuất món tráng miệng dạng bột:** 2 m³/ngày.

+ **Nước cấp vệ sinh máy móc thiết bị, bồn trộn, các đường ống dẫn cho sản xuất cà ri:** 2 m³/ngày.

+ **Nước cấp cho quá trình giặt đồ bảo hộ công nhân viên:** 1 m³/ngày

- **Nước cấp cho tưới cây, rửa đường:** khoảng 4,18 m³/ngày.

- **Nước cấp PCCC:** Nước cấp cho chữa cháy, đối với các công trình công nghiệp mà diện tích không quá 200.000 m², lưu lượng nước dùng để chữa cháy không quá 10 l/s.đám cháy, tính toán cho trường hợp 02 đám cháy diễn ra đồng thời, thời gian kéo

dài trong 02 giờ: $10\text{l/s} \times 2 \times 2 \times 3.600\text{s} = 144.000 \text{ lít} = 144 \text{ m}^3$. Toàn bộ lượng nước này sẽ được chứa trong bể chứa nước PCCC 250 m^3 .

➤ **Nhu cầu sử dụng nước khi cơ sở tăng công suất, hoạt động ổn định**

- **Nước cấp cho mục đích sinh hoạt:** gồm nước cấp cho nhu cầu vệ sinh cá nhân: Theo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng, lượng nước sử dụng là 80 lít/người/ca, nhà máy hiện hữu có 100 công nhân viên, lượng nước cấp cho sinh hoạt như sau:

$$Q_{sh} = 80 \text{ lít/người/ca} \times 100 \text{ người} = 8 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- **Nước cấp cho nhà ăn:** công ty đặt suất ăn công nghiệp

- **Nước cấp cho sản xuất:**

+ **Nước cấp cho nồi hơi:** 16 $\text{m}^3/\text{ngày}$, định kỳ xả đáy lò hơi 1,6 $\text{m}^3/\text{ngày}$.

+ **Nước cấp cho tháp giải nhiệt, làm lạnh:** khoảng 1 $\text{m}^3/\text{ngày}$. Lượng nước này được tuần hoàn tái sử dụng, định kỳ thải bỏ đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 $\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$

+ **Nước cấp cho thiết bị xử lý mùi scrubber:** 1 $\text{m}^3/\text{ngày}$. Lượng nước này được tuần hoàn tái sử dụng và Định kỳ 1 tháng sẽ được thải bỏ về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy

+ **Nước cấp cho quá trình rửa nguyên vật liệu sản xuất:** 0,2 $\text{m}^3/\text{ngày}$

+ **Nước cấp vệ sinh máy móc thiết bị, bồn trộn, các đường ống dẫn cho sản xuất món tráng miệng dạng bột:** 2 $\text{m}^3/\text{ngày}$.

+ **Nước cấp vệ sinh máy móc thiết bị, bồn trộn, các đường ống dẫn cho sản xuất cà ri:** 5 $\text{m}^3/\text{ngày}$

- **Nước cấp cho quá trình giặt đồ bảo hộ công nhân viên:** 1 $\text{m}^3/\text{ngày}$

- **Nước cấp cho tưới cây, rửa đường:** khoảng 4,18 $\text{m}^3/\text{ngày}$.

- **Nước cấp PCCC:** Nước cấp cho chữa cháy, đối với các công trình công nghiệp mà diện tích không quá 200.000 m^2 , lưu lượng nước dùng để chữa cháy không quá 10 l/s.đám cháy, tính toán cho trường hợp 02 đám cháy diễn ra đồng thời, thời gian kéo dài trong 02 giờ: $10\text{l/s} \times 2 \times 2 \times 3.600\text{s} = 144.000 \text{ lít} = 144 \text{ m}^3$. Toàn bộ lượng nước này sẽ được chứa trong bể chứa nước PCCC 250 m^3 .

Bảng 5: Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Lượng nước sử dụng		Lượng nước thải		Phương án xử lý
			Hiện hữu	Ổn định	Hiện hữu	Ổn định	

1	Nhu cầu sinh hoạt của công nhân viên	m ³ /ngày	7,52	8	7,52	8	Về hệ thống xử lý nước thải, công suất 16 m ³ /ngày của Công ty để xử lý
2	Nước cấp cho nồi hơi.	m ³ /ngày	8	16	0,8	1,6	Về hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 10 m ³ /ngày của Công ty để xử lý
3	Nước cấp cho tháp giải nhiệt, làm lạnh	m ³ /ngày	1	1	1	1	Về hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 10 m ³ /ngày của Công ty để xử lý
4	Nước cấp cho thiết bị xử lý mùi scrubber	m ³ /ngày	1	1	1	1	Về hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 10 m ³ /ngày của Công ty để xử lý
5	Nước cấp vệ sinh máy móc thiết bị, bồn trộn, các đường ống dẫn cho sản xuất món tráng miệng dạng bột	m ³ /ngày	2	2	2	2	Về hệ thống xử lý nước thải, công suất 16 m ³ /ngày của Công ty để xử lý
6	Nước cấp vệ sinh	m ³ /ngày	2	5	2	5	Về hệ thống

	máy móc thiết bị, bồn trộn, các đường ống dẫn cho sản xuất cà ri						xử lý nước thải sản xuất, công suất 10 m ³ /ngày của Công ty để xử lý
7	Nước cấp cho quá trình rửa nguyên vật liệu sản xuất	m ³ /ngày	-	0,2	-	0,2	Về hệ thống xử lý nước thải, công suất 16 m ³ /ngày của Công ty để xử lý
8	Nước cấp cho quá trình giặt quần áo công nhân viên	m ³ /ngày	1	1	1	1	Về hệ thống xử lý nước thải, công suất 16 m ³ /ngày của Công ty để xử lý
9	Nước tưới cây, tưới đường	m ³ /ngày	4,18	4,18	-	-	
10	Nước cấp cho PCCC	m ³ /ngày	(250)	(250)	-	-	
Tổng cộng lượng nước sử dụng tính cho ngày lớn nhất (không kể nước PCCC)		m³/ngày	26,7	38,38	15,32	19,8	

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Quy mô các hạng mục của nhà máy

Toàn bộ cơ sở của Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam được thực hiện trên khu đất thuê lại của Công ty CP Đô thị Amata Biên Hòa tại lô 239, đường số 12, KCN Amata, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích khu đất 15.150,3 m².

Các vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc : giáp ranh giới của KCN Amata

- Phía Nam : giáp Công ty TNHH Friwo Việt Nam (sản xuất thiết bị điện tử);
- Phía Đông : giáp Công ty TNHH FT Industries Việt Nam (Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh);
- Phía Tây : giáp Công ty TNHH Tirol Choco Việt Nam (sản xuất bánh kẹo, socola các loại)

Hình ảnh vị trí cơ sở



Hình 7: Hình ảnh vị trí cơ sở trong KCN Amata

Hiện trạng quản lý và sử dụng đất trên diện tích đất của cơ sở thuộc quy hoạch của KCN, khu vực xung quanh cơ sở không có bất kỳ công trình văn hóa, tôn giáo, các di tích lịch sử; khu đô thị, khu dân cư.

Quy mô sử dụng đất của toàn Công ty và các hạng mục công trình cụ thể như sau:

Bảng 6: Quy mô sử dụng đất

STT	Quy mô sử dụng đất	Hiện hữu		Sau khi nâng công suất	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	5.423,7	35,8	5.604,07	37

STT	Quy mô sử dụng đất	Hiện hữu		Sau khi nâng công suất	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
2	Đất giao thông nội bộ, sân bãi	2.357,63	15,6	2.721,49	18
3	Đất cây xanh, thảm cỏ	7.368,97	48,6	6.824,74	45
Tổng diện tích		15.150,3	100	15.150,3	100

Bảng 7: Diện tích xây dựng các hạng mục công trình

STT	Các hạng mục	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
A	Công trình chính			
1	Nhà xưởng	1	4.855,35	Hiện hữu
2	Tầng lửng	1	88,32	Hiện hữu
B	Công trình phụ			
3	Nhà bảo vệ		40	Hiện hữu
4	Nhà để xe 2 bánh		188,4	Hiện hữu
5	Nhà xe 4 bánh		63,73	Hiện hữu
6	Bể nước		68,5	Hiện hữu
7	Trạm ga LPG		88,32	Xây mới
8	Trạm bồn dầu nóng		64,02	Xây mới
9	Trạm máy bơm nước làm mát		28,03	Xây mới
C	Công trình bảo vệ môi trường			
10	Nhà rác + Nhà bơm + Nhà kho		69	Hiện hữu
11	Khu lưu giữ chất thải rắn	1	50	Hiện hữu
12	Khu chất thải rắn công nghiệp thông thường	1	(25)	Hiện hữu
13	Khu chất thải nguy hại	1	(25)	Hiện hữu
14	Bể XLNT + nhà điều hành		50,4	Hiện hữu

STT	Các hạng mục	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
15	Hệ thống xử lý nước thải 16m ³ /ngày.đêm	1	20	Hiện hữu
16	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất 10 m ³ /ngày.đêm	1	50,4	Hiện hữu
17	Hầm tự hoại	2	25,8 m ³	Ngầm, hiện hữu
18	Thiết bị lọc bụi, mùi công suất 3.500 m ³ /giờ	1	-	Hiện hữu
Tổng diện tích xây dựng		-	5.604,07	-

(Nguồn: Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam)

5.2. Tiến độ thực hiện

- Tháng 11/2025 – 01/2026: Hoàn thành các thủ tục pháp lý;
- Tháng 02/2026 – 06/2026: Lắp đặt máy móc, thiết bị;
- Tháng 06/2026 – 09/2026: Vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý nước thải sản xuất;
- Tháng 10/2026: Chính thức đi vào hoạt động.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

KCN Long Bình (Amata) đã được các ban ngành cấp các hồ sơ sau:

+ Giấy phép môi trường số 510/GPMT-BTNMT ngày 18/12/2023 cấp cho Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa, địa chỉ tại Khu công nghiệp Long Bình (Amata), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Long Bình (Amata) do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

+ Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) số 28/GPMT-BTNMT ngày 14/01/2025 cấp cho Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa, có địa chỉ tại Khu công nghiệp Long Bình (Amata), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

+ Phiếu thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1744/MTg ngày 29/7/1995 do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp; Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được phê duyệt, các ngành nghề thu hút đầu tư của KCN chủ yếu là nhóm ngành: điện, điện tử; cơ khí; thực phẩm; dược phẩm; mỹ phẩm; nông dược; thuốc diệt côn trùng; hóa chất; keo dán công nghiệp; sơn cao cấp; hạt nhựa; bột màu công nghiệp; dệt (không nhuộm); may mặc, giày dép, da (không thuộc da); sợi PE; nữ trang; hàng mỹ nghệ; dụng cụ y tế; sản phẩm công nghiệp (cao su, nhựa, gốm, sứ, thủy tinh; thép xây dựng,...); gốm sứ vệ sinh cao cấp; bình chứa gas; bao bì; giấy vệ sinh; các cấu kiện bê tông đúc sẵn; bê tông tươi.

+ Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 62/GXN-TCMT ngày 08/6/2017 của Dự án “*Công ty liên doanh phát triển khu công nghiệp hiện đại Long Bình (Amata) Đồng Nai*”.

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (cấp lại lần 1) số 2256/GP-BTNMT ngày 04/9/2019 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp. Thời hạn giấy phép đến ngày 03/11/2025.

+ Theo Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 KCN Long Bình (Amata) tại Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, lô đất thực hiện Dự án thuộc đất công nghiệp.

Các ngành nghề thu hút đầu tư trong KCN Long Bình (Amata) bao gồm: Sản xuất, chế biến thực phẩm, sản xuất đồ uống, Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt (không bao gồm công đoạn nhuộm, trừ Công ty TNHH YKK Việt Nam và Công ty TNHH Lovetex Industrial Việt Nam), hàng dệt khác, may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú), sản xuất trang phục dệt kim, đan móc, vali, túi xách, yên đệm, giày, dép, sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ

và vật liệu tết bện, bột giấy, giấy và bìa, giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa, sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu, in ấn bao bì giấy, sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất nitơ; sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, sơn, vecni, mực in, mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh, sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu, sản xuất sợi nhân tạo, thuốc, hóa dược và dược liệu, cao su, plastic, sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, gốm sứ, sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, Sản xuất sắt, thép, gang (không sản xuất trực tiếp từ quặng), sản xuất kim loại quý và kim loại màu (không sản xuất trực tiếp từ quặng), đúc kim loại, các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi, rèn, dập, ép và cán kim loại (không có rèn và luyện bột kim loại), gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không bao gồm công đoạn xi mạ), sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng, các sản phẩm kim loại khác, *sản xuất linh kiện điện tử*, máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính, thiết bị truyền thông, sản phẩm điện tử dân dụng, thiết bị và dụng cụ quang học, thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất đồng hồ, thiết bị điện, sản xuất ô tô và xe có động cơ khác, *sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác*, Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan, dụng cụ thể dục, thể thao, thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng, sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn, sửa chữa máy móc, thiết bị, điện mặt trời, sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng và điều hòa không khí, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, hoạt động viễn thông khác; giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, vuất bản phần mềm.

Do đó, ngành nghề sản xuất của Nhà máy tại KCN Long Bình (Amata) là sản xuất thực phẩm (*thuộc sản xuất chế biến thực phẩm*) hoàn toàn phù hợp với phân khu chức năng của KCN Long Bình (Amata) theo Giấy phép môi trường số 510/GPMT-BTNMT ngày 18/12/2023 cấp cho Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa đã được thẩm định, phê duyệt.

2. Sự phù hợp của cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường:

Cơ sở được thực hiện tại KCN Long Bình (Amata). Hệ thống thoát nước bản chung bên ngoài khu vực dự án đã thực hiện hoàn chỉnh, nhà máy chỉ cần đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN và được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại), nước thải sản xuất từ các doanh nghiệp và công trình hạ tầng kỹ thuật trong KCN Long Bình (Amata); nước thải sinh hoạt từ khu thương mại Amata được thu gom và đấu nối vào công trình thu gom nước thải của KCN Long Bình (Amata) tại các hố ga nước thải được bố trí dọc tuyến đường nội bộ KCN Long Bình (Amata), sau đó được bơm (nếu ở các khu vực thấp) hoặc tự chảy về NMXLNTTT để xử lý theo quy định.

Nước thải sau xử lý từ Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Bình (Amata) qua mương quan trắc nước thải sau xử lý (nằm trong khuôn viên Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Bình (Amata)) chảy ra suối Chùa, sau đó chảy ra suối Bà Lúa và cuối cùng đổ ra sông Đồng Nai. Chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A; các hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$).

Ngoài ra, tương tự như công trình thoát nước mưa, việc thu hút đầu tư thêm dự án với các ngành nghề bổ sung sẽ đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất công nghiệp và hạ tầng của KCN. Toàn bộ nước thải phát sinh (nếu có) sẽ được đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Bình (Amata).

KCN Long Bình (Amata) đã được đầu tư hệ thống thu gom, thoát nước thải theo quy hoạch được phê duyệt và sẵn sàng các vị trí đầu nối với các doanh nghiệp thứ cấp khi cần, do đó việc bổ sung thêm ngành nghề này sẽ không làm ảnh hưởng đến công trình thu gom, thoát nước thải của KCN. Tùy vào dự án cụ thể khi đầu tư sẽ thực hiện các thủ tục môi trường theo quy định tuy nhiên vẫn phải đảm bảo thực hiện đầu nối 100% nước thải (nếu có phát sinh) đạt giới hạn tiếp nhận nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Bình (Amata).

NMXLNTTT KCN Long Bình (Amata) với tổng công suất $12.000 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$ hoàn toàn đủ khả năng tiếp nhận và xử lý nước thải từ các doanh nghiệp trong KCN, nước thải phát sinh từ Nhà máy chi nhánh tại KCN Long Bình (Amata) phát sinh tối đa khoảng $49,41 \text{ m}^3/\text{ngày}$, kể cả các giai đoạn phát triển trong tương lai.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Long Bình (Amata) bao gồm 03 mô đun xử lý nước thải với tổng công suất $12.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

Công trình xử lý nước thải số 03 (mô đun 03):

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Máy tách rác thô → Bể gom chung → Máy tách rác tinh → Bể thu cát, tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Cụm 02 bể sinh học thiếu khí → Cụm 03 bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Mương quan trắc chung → Nguồn tiếp nhận nước thải.

- Công suất thiết kế: $5.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

Công trình xử lý nước thải số 04 (mô đun 04) và số 05 (mô đun 05):

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Máy tách rác thô → Bể gom chung → Máy tách rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Cụm 02 bể SBR → Bể khử trùng → Mương quan trắc chung → Nguồn tiếp nhận nước thải.

- Công suất thiết kế:

+ Mô đun 04: $2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

+ Mô đun 05: 5.000 m³/ngày (24 giờ).

Đã xây dựng hồ sơ có dung tích thiết kế 15.000 m³ để lưu chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp gặp sự cố.

Giới hạn tiếp nhận của KCN Amata:

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Amata	
			Cơ sở chỉ xả nước thải sinh hoạt	Các cơ sở khác
1	Nhiệt độ	°C	40	40
2	Độ màu	Pt/Co	50	50
3	pH	-	6 – 9	6 – 9
4	BOD5	mg/l	500	500
5	COD	mg/l	800	530
6	TSS	mg/l	200	200
7	Asen	mg/l	0,041	0,041
8	Hg	mg/L	0,0041	0,0041
9	Pb	mg/l	0,81	0,81
10	Cd	mg/l	0,041	0,041
11	Cr ⁶⁺	mg/l	0,041	0,041
12	Cr ³⁺	mg/l	0,162	0,162
13	Cu	mg/l	1,62	1,62
14	Zn	mg/l	2,43	2,43
15	Ni	mg/l	0,162	0,162
16	Mn	mg/l	0,41	0,41
17	Fe	mg/l	0,81	0,81
18	Sn	mg/l	0,2	0,2
19	CN ⁻	mg/l	0,0567	0,0567
20	Tổng Phenol	mg/l	0,081	0,081
21	Dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05	4,05
22	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10	10
23	S ²⁻	mg/l	0,162	0,162
24	F ⁻	mg/l	4,05	4,05
25	Amoni	mg/l	70	20
26	Tổng N	mg/l	80	30
27	Tổng P	mg/l	5	5
28	Cl ⁻	mg/l	405	405
29	Clo dư	mg/l	0,81	0,81
30	HCBVTV clo hữu cơ	mg/l	0,041	0,041
31	HCBVTV phospho hữu	mg/l	0,243	0,243

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Amata	
			Cơ sở chỉ xả nước thải sinh hoạt	Các cơ sở khác
	cơ			
32	Tổng PCB	mg/l	0,003	0,003
33	Coliform	MNP/100ml	3.000	3.000
34	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1
35	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1	1

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đô thị Amata Biên Hòa)

Chế độ thủy văn tại khu vực

Khu công nghiệp Amata nằm trên lưu vực sông Đồng Nai. Sông Đồng Nai là nguồn cung cấp nước mặt chủ yếu cho thành phố Biên Hòa. Do ảnh hưởng trực tiếp của chế độ thủy triều biển Đông và sự điều tiết nước của hồ Trị An, nên lưu lượng nước thay đổi theo mùa và lên xuống theo chế độ bán nhật triều biển Đông. Trong đó, hồ Trị An trên sông Đồng Nai có diện tích 32.400 ha, dung tích chứa bình quân là 2.542 tỷ m³ là lưu lượng dự trữ nước mặt lớn nhất của tỉnh và lưu lượng lớn nhất khi xả xuống hệ thống các sông là 780 m³/s, nhỏ nhất 253 m³/s và trung bình là 478 m³/s. Ngoài việc cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, sông Đồng Nai còn có tác dụng rất lớn về duy trì cân bằng sinh thái, tạo nên hệ thống giao thông thủy quan trọng không chỉ cho riêng thành phố Biên Hòa và tỉnh Đồng Nai, mà còn cho cả Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ. Hiện nay trong vùng dự án có suối Bà Lúa làm nhiệm vụ tiêu thoát nước cho KCN.

Suối Bà Lúa được xem là mương dẫn tiếp nhận nước thải từ hoạt động sản xuất của một số KCN (KCN Biên Hòa I và II, KCN Amata, KCN Loteco, KCN Agtex Long Bình), từ hoạt động nông nghiệp và nước thải sinh hoạt từ các cụm dân cư ven suối.

Chế độ thủy văn của sông Đồng Nai ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống sông rạch trong khu vực. Các đặc trưng thủy văn chủ yếu như sau:

- Mức nước cao nhất là + 2,19 m.
- Mức nước thấp nhất là - 2,06 m.
- Mức nước trung bình cao nhất là + 1,59 m.
- Mức nước trung bình thấp nhất là - 1,79 m.
- Mức chênh lệch triều trong năm lớn nhất là +3,81 m.
- Mức chênh lệch triều trung bình là 3,38 m.
- Lưu lượng: $Q_{\max} = 2.700 \text{ m}^3/\text{s}$; $Q_{\min} = 158 \text{ m}^3/\text{s}$. Lưu lượng trung bình $Q_{\text{tb}} = 770,65 \text{ m}^3/\text{s}$.

Chế độ thủy văn của sông Đồng Nai phụ thuộc vào chế độ bán nhật triều không đều của biển Đông, nghĩa là biến đổi lớn theo không gian và thời gian - mưa nhiều thì dòng chảy mạnh, mưa ít dòng chảy yếu, thủy triều mạnh (triều cường) thì dòng chảy mạnh hơn, xâm nhập sâu vào đất liền, có biên độ lớn, khi triều kém thì ngược lại.

Trong năm thời tiết có hai mùa chính: mùa mưa và mùa khô nên chế độ dòng chảy sông Đồng Nai cũng hình thành hai chế độ dòng chảy tương ứng: chế độ dòng chảy mùa lũ, chế độ dòng chảy mùa kiệt. Sự biến đổi dòng chảy hai mùa rất tương phản nhau. Ngoài ra, hoạt động của nhà máy thủy điện Trị An cũng gây tác động đến chế độ thủy văn sông Đồng Nai.

Khu vực nhà máy nằm cách sông Đồng Nai 6km (theo đường xa lộ Hà Nội). Đây là hệ thống sông lớn nên có khả năng vận chuyển đường thủy, là nguồn cung cấp nước dồi dào cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt của nhà máy.

Hạ lưu sông Đồng Nai, đặc biệt đoạn chảy qua Tp. Biên Hòa với dòng chảy được cung cấp bởi hệ thống sông Đồng Nai (được điều tiết tại đập thủy điện Trị An, sau đó hợp lưu với sông Bé). Đoạn sông cũng chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều biển Đông, lên xuống ngày 2 lần.

Hàng tháng, triều xuất hiện 2 lần nước cao (triều cường) và 2 lần nước thấp (triều kém) theo chu kỳ trăng. Dạng triều lúc cường và lúc kém cũng khác nhau, và trị số trung bình của các chu kỳ ngày cũng tạo thành một sóng có chu kỳ 14,5 ngày với biên độ 0,30-0,40 m. Trong năm, đỉnh triều có xu thế cao hơn trong thời gian từ tháng XII-I và chân triều có xu thế thấp hơn trong khoảng từ tháng VII-VIII. Đường trung bình của các chu kỳ nửa tháng cũng là một sóng có trị số thấp nhất vào tháng VII-VIII và cao nhất vào tháng XII-I. Theo hệ cao độ Hòn Dấu, triều ven biển Đông có mực nước đỉnh trung bình vào khoảng 1,1-1,2 m, các đỉnh cao có thể đạt đến 1,3-1,4 m, và mực nước chân trung bình từ -2,8 đến -3,0 m, các chân thấp xuống dưới -3,2 m.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường giao thông nội bộ, sân,... được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại các hố ga trước khi chảy vào hệ thống cống thoát nước mưa. Các hố ga được định kỳ nạo vét, bùn thải thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

Nước mưa từ mái tôn công trình được thu gom vào các ống đứng bằng nhựa sau đó được xả vào hệ thống thoát nước mưa của nhà máy bằng hệ thống cống BTCT D300 – 600, $i = 0,3\%$ với tổng chiều dài thu gom là khoảng 300m rồi chảy ra hệ thống thoát nước mưa chung của KCN tại 02 vị trí đầu nối của KCN tại đường số 12 (Biên bản thỏa thuận kèm bản vẽ đầu nối đính kèm).

1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $8 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được đưa về 02 bể tự hoại 03 ngăn có tổng thể tích $25,8 \text{ m}^3$ để xử lý sơ bộ sau đó thu gom bằng ống Inox 304 $\varnothing 65\text{mm}$ dẫn đến hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế $16 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Amata.

- Nước thải phát sinh từ vệ sinh máy móc thiết bị, bồn trộn, đường ống dẫn **cho sản xuất món tráng miệng dạng bột** khoảng $2 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom bằng ống nhựa HDPE 65mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế $16 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Amata.

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa nguyên vật liệu sản xuất khoảng $0,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom bằng ống nhựa HDPE 65mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế $16 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Amata.

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa giặt đồ bảo hộ công nhân viên khoảng $1 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom bằng ống nhựa HDPE 65mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế $16 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Amata.

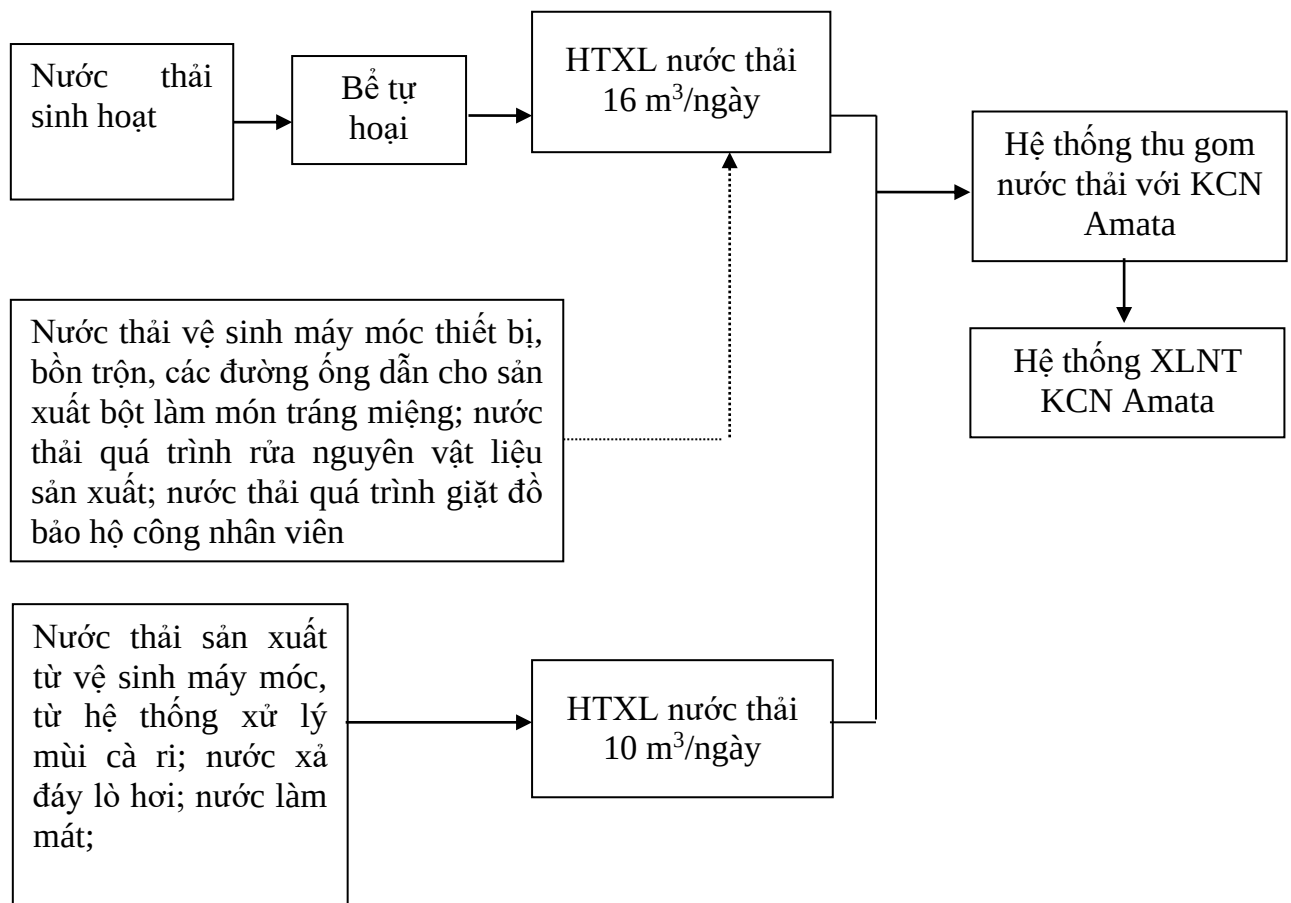
- Nước thải phát sinh từ quá trình xả đáy lò hơi khoảng $1,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom bằng ống Inox 304 $\varnothing 65\text{mm}$ dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Amata.

- Nước thải phát sinh từ thiết bị xử lý mùi khoảng $1\text{m}^3/\text{ngày}$ được thu gom bằng ống nhựa HDPE Ø65mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế $10\text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Amata.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ vệ sinh máy móc thiết bị, bồn trộn, đường ống dẫn **cho sản xuất cà ri** khoảng $5\text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom bằng ống nhựa HDPE 65mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế $10\text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Amata.

Toàn bộ nước thải phát sinh của Công ty được thu gom bằng hệ thống ống nhựa HDPE Ø65mm, $i = 0,5\%$ với tổng chiều dài 468,2 m đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Amata tại 01 vị trí hố ga I của KCN bằng phương thức tự chảy. Tọa độ X = 1196581; Y = 409926 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°). (Biên bản thỏa thuận kèm bản vẽ đầu nối đính kèm).

Sơ đồ phương án thu gom và xử lý nước thải của Nhà máy:



Hình 8: Phương án thu gom và xử lý nước thải của toàn nhà máy

1.3. Xử lý nước thải

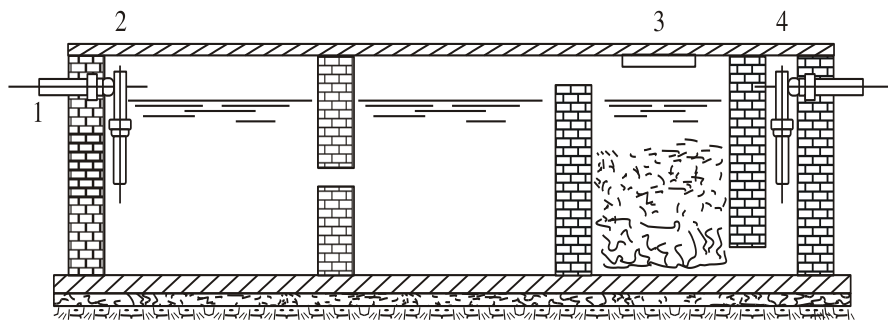
1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt

Thành phần nước thải sinh hoạt thường chứa hàm lượng cao các chất hữu cơ (đặc trưng bởi các thông số BOD₅, COD), chất rắn lơ lửng (TSS), chất dinh dưỡng (Nitơ, Photpho), vi sinh (Coliform), N-NH₃,...

Toàn bộ nước thải sinh hoạt của Công ty bao gồm nước từ nhà vệ sinh, từ khu vực rửa tay, khu vệ sinh cá nhân được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Hiện tại, Công ty đang có 2 hầm tự hoại 3 ngăn: (tổng lưu lượng thiết kế cho cả 2 hầm là 25,8 m³/ngày):

- + Hầm tự hoại đặt tại khu vực vệ sinh trong xưởng sản xuất;
- + Hầm tự hoại đặt tại khu vực vệ sinh trong khuôn viên văn phòng.

Mô hình bể tự hoại như hình:



Hình 9: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có năng lọc

- 1 - Ống dẫn nước thải vào bể; 2 - Ống thông hơi; 3 - Nắp thăm (để hút cặn);
4 - Ngăn định lượng xả nước thải đến công trình xử lý tiếp theo

Bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc được thiết kế đúng quy cách và thường xuyên cho vào các chế phẩm EM để tăng cường mật độ vi sinh để phân giải các chất hữu cơ. Bể tự hoại có hai chức năng chính là lắng cặn và phân hủy cặn lắng. Thời gian lưu nước trong bể từ 1- 3 ngày thì có khoảng 90% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải CH₄, CO₂, H₂S,... Cặn trong bể tự hoại được lấy ra định kỳ, mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải được lưu trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.

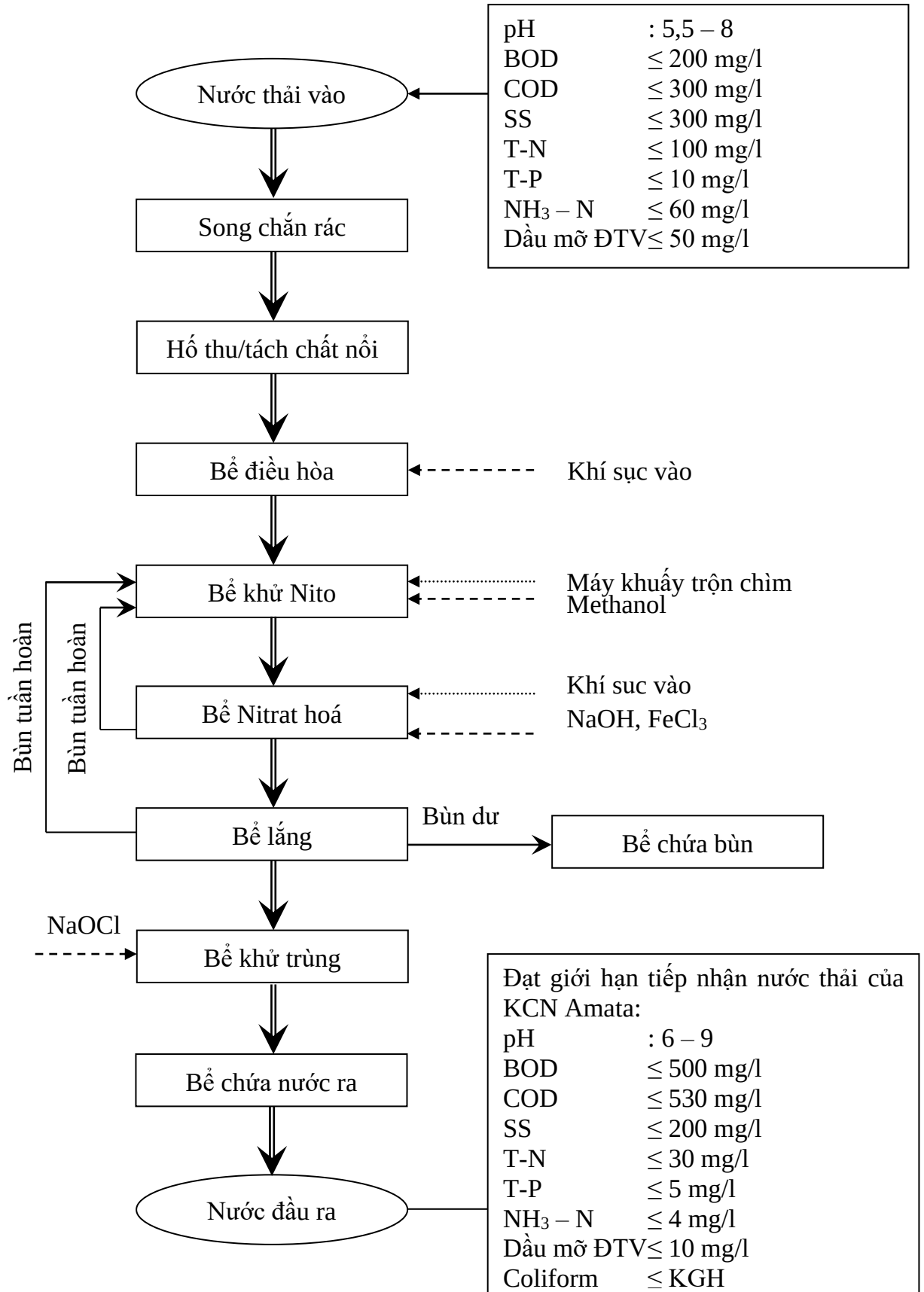
Phần cặn được lưu lại phân huỷ kỵ khí trong bể, phần nước được dẫn vào hệ thống thoát nước thải của toàn nhà máy và được đầu nối vào hệ thống XLNT tập

trung của KCN. Ngoài ra, một số biện pháp sau đây đã được thực hiện:

- Tránh không để rơi vãi dung môi hữu cơ, xăng dầu, xà phòng,... xuống bề tự hoại. Các chất này làm thay đổi môi trường sống của các vi sinh vật, do đó giảm hiệu quả xử lý của bề tự hoại. Biện pháp này sẽ giúp giảm bớt nồng độ các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng trong nước thải.

Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp được thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu), đây là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.

Hệ thống xử lý nước thải, công suất 16 m³/ngày như hình:



Hình 10: Sơ đồ HTXLNT, công suất 16 m³/ngày

Thuyết minh quy trình xử lý nước thải:

- Song chắn rác

Song chắn rác được thiết kế để giữ lại những vật rắn có kích thước lớn và ngăn không cho những vật này đi vào hệ thống. Song chắn rác này được định kỳ vệ sinh (nên làm ít nhất mỗi ca 1 lần hoặc khi nào song chắn bị nghẹt rác).

- Hồ thu gom/tách chất nổi

Nước thải của nhà máy sau khi qua song chắn rác được cho đi qua bể này, bể này được thiết kế để tách những vật nổi ra khỏi dòng nước thải, những vật nổi sẽ được giữ lại và tích tụ trên bề mặt của bể, nước sẽ đi qua bể tiếp theo từ phía dưới. Những vật nổi tích tụ trên bề mặt bể phải được định kỳ vớt bằng tay và chuyển qua bể chứa bùn (thực hiện ít nhất mỗi tuần 1 lần hoặc khi nào trên bề mặt bể tích tụ nhiều chất nổi tràn qua bể điều hòa).

- Bể điều hòa

Nước thải sau khi qua bể tách chất nổi chảy tràn vào bể này. Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hoà lưu lượng và chất lượng dòng vào. Máy thổi khí cấp khí vào để điều hoà chất lượng nước thải và tránh mùi hôi sinh ra từ bể này. Từ bể này, nước thải được chuyển đến hộp điều chỉnh lưu lượng để cố định lưu lượng đi vào bể Khử Nitơ bằng bơm chìm. Đồng thời bể này cũng có vai trò làm bể chứa nước thải khi hệ thống dừng lại để sửa chữa hoặc bảo trì.

- Bể khử nito (bể thiếu khí)

Bể này được thiết kế để loại bỏ hợp chất chứa Nitơ có trong nước thải. Bởi vì hàm lượng Nitơ tổng (T-N) và Ammonia ($\text{NH}_3\text{-N}$) của nước thải đầu vào cao vì thế Methanol được châm vào liên tục với liều lượng xác định và Máy khuấy trộn chìm được thiết kế để tăng hiệu quả của quá trình xử lý Nitơ tổng và Amonia.

- Bể Nitrat hoá (bể hiếu khí)

Tại bể này, chất thải có trong nước thải được xử lý bằng bùn hoạt tính. Máy thổi khí được thiết kế để cung cấp khí cho vi sinh sinh sống và phát triển. pH của nước thải được điều chỉnh bằng NaOH. NaOH được cấp vào bởi bơm riêng và hoạt động dựa trên tín hiệu nhận được đầu điều khiển pH đặt trong bể này. Bùn được tuần hoàn lại về bể Khử Nitơ để đảm bảo quá trình xử lý hợp chất chứa Nitơ trong nước thải đạt hiệu quả cao.

- Bể lắng

Sau khi qua bể xử lý Nitrat hóa nước được nhận vào bể này, trong bể này diễn ra quá trình lắng, phần nước trong sẽ tràn vào bể khử trùng, phần bùn lắng xuống được tuần hoàn về bể khử Nitơ và bùn dư định kỳ xả vào bể chứa bùn bằng cách mở van bằng tay.

- Bể khử trùng

NaOCl được châm vào để khử trùng nước sau xử lý trước khi thải vào cống xả thải của KCN Amata. Nước sau khi được châm hóa chất khử trùng, chảy tràn qua bể chứa nước ra.

- Bể chứa nước ra

Từ bể này, nước sau xử lý được bơm ra cống xả thải bằng bơm chìm và nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Amata

- Bể chứa bùn

Bùn nổi từ bể tách chất nổi và bùn dư từ bể lắng được xả về và chứa trong bể này. Bùn được hút ra bằng xe hút bùn chuyên dụng khi bể này đầy.

Bảng 8: Thông số kỹ thuật của HTXLNT, công suất 16 m³/ngày

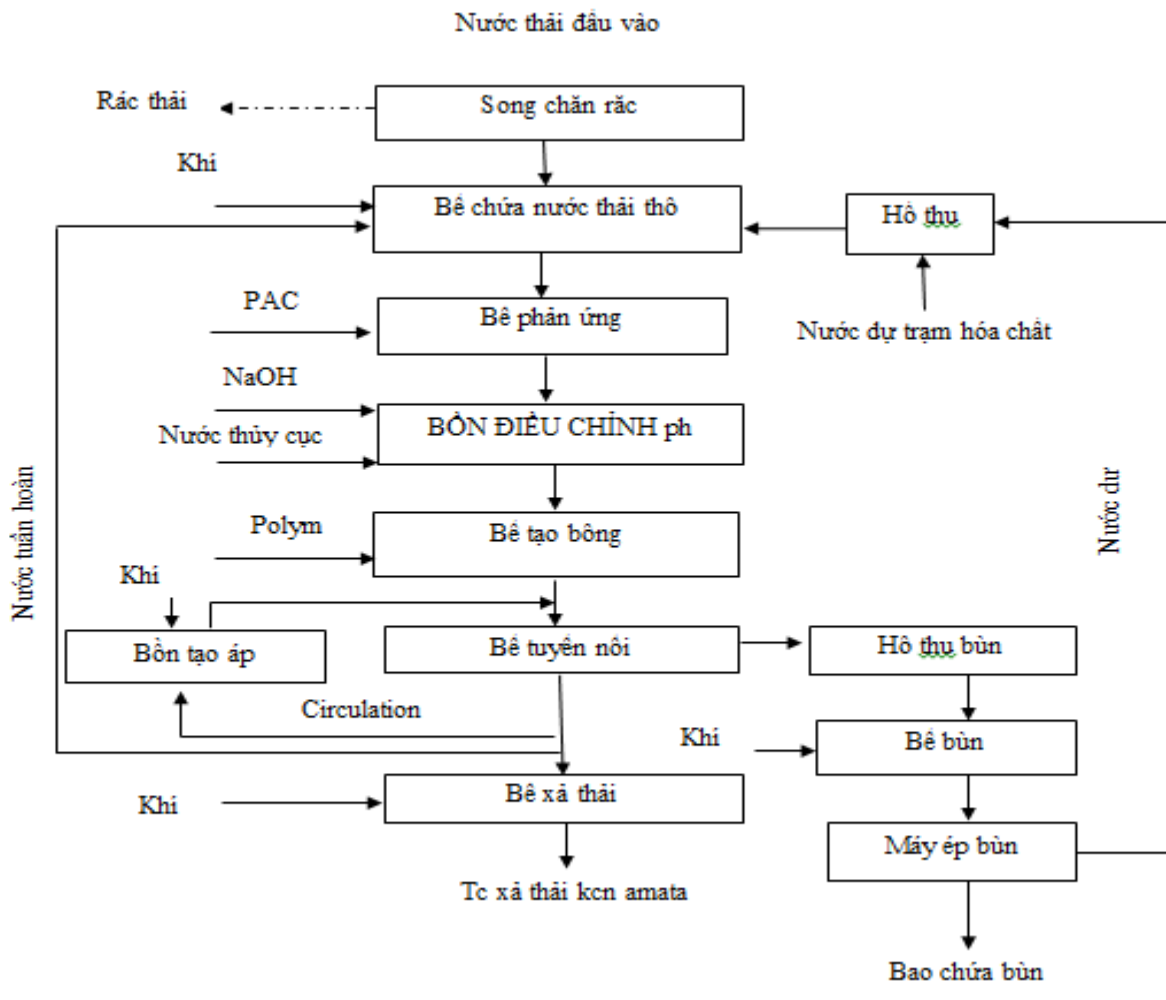
STT	Tên thiết bị	Thông số thiết kế	Đặc điểm
1	Hố bơm chìm	Bê tông cốt thép V=2,5m ³	Thu gom nước thải từ các nguồn thải
2	Song chắn rác	Thép không rỉ 304 (01 song)	Giữ lại những vật rắn có kích thước lớn và ngăn không cho những vật này đi vào hệ thống
3	Hố thu/tách chất nổi	BTCT (01 bể) (V=4 m ³)	Chứa nước thải thô kết hợp lọc rác và tách dầu mỡ
4	Bể điều hòa	BTCT (01 bể) (15 m ³)	Đảm bảo nước thải đạt sự đồng đều, cân bằng và ổn định các thành phần có trong nước thải (BOD, COD, Nito,...) Bể điều hòa thiết kế thêm một ngăn tách mỡ, các phần mỡ vẩn nổi sẽ được thu bằng phương pháp trọng lực và được xả ra ngoài. Giữ nước thải ở trạng thái huyền phù bởi thiết bị sục khí và hạn chế quá trình yếm khí gây ra mùi khó chịu.
4	Bể sinh học	BTCT (01 bể) (5 m ³)	Chuyển hóa NO ₃ ⁻ thành N ₂ tự do

STT	Tên thiết bị	Thông số thiết kế	Đặc điểm
	thiếu khí		
5	Bể sinh học hiếu khí	BTCT (01 bể) (12 m ³)	Loại bỏ BOD, COD và chất rắn lơ lửng bởi quá trình oxy hóa và phân hủy thành CO ₂ , H ₂ O và bùn sơ sinh khối. Cung cấp oxy duy trì sự sống cho bùn vi sinh
6	Bể lắng	BTCT (01 bể) (4 m ³)	Tách phần nước trong ra khỏi bùn sinh học dư. Bùn dư được bơm qua bể chứa bùn
7	Bể khử trùng	BTCT (01 bể) (1 m ³)	Khử trùng nước thải sinh hoạt sau xử lý.
8	Bể chứa nước ra	BTCT (01 bể) (1m ³)	Chứa nước thải sau khi xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống XLNT của KCN Amata
9	Bể chứa bùn	BTCT (01 bể) (10m ³)	Chứa lượng sinh khối bùn dư và làm giảm thể tích bùn thông qua quá trình tách nước theo trọng lực của bùn và phân hủy bùn tự nhiên.

(Nguồn: Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam)

1.3.2. Xử lý nước thải sản xuất

Hệ thống xử lý nước thải cục bộ, công suất 10 m³/ngày như hình:



Hình 11: Sơ đồ HTXLNT sản xuất, công suất 10 m³/ngày

Thuyết minh quy trình xử lý nước thải

A. Bể chứa nước thải thô

Bể này có nhiệm vụ tập trung nước thải sản xuất thải ra từ nhà máy và tích lũy lượng nước tuần hoàn về sau khi đã qua quá trình giải nhiệt và xử lý dầu mỡ.

Nước thải thô thải ra từ Nhà máy vào bể này được dẫn qua Giỏ chắn rác, giỏ chắn rác có nhiệm vụ giữ lại phần rác có kích thước lớn trong nước và được vệ sinh hằng ngày để tránh gây tắc nghẽn bơm và các thiết bị khác (vệ sinh ít nhất 1 lần/ca hoặc bất cứ khi nào bị tắc nghẽn).

B. Cụm bể xử lý: (Bể Phản ứng – Điều chỉnh pH – Tạo Bông)

Nước thải trong hệ thống được xử lý qua 03 quy trình chính, mỗi quy trình tương ứng một quá trình tuần hoàn nước. Tác dụng của mỗi bể trong mỗi quá trình là khác nhau. Cụ thể như sau:

Vòng tuần hoàn 1 – quá trình giải nhiệt bằng khí và xử lý dầu mỡ:

Tác dụng chính: Làm nguội nước đến 50°C và xử lý dầu mỡ bằng phương pháp tuyển nổi.

► **Bể phản ứng:**

Trong quá trình này, bể Phản ứng là nơi hòa trộn PAC và nước thải. PAC có tác dụng keo tụ các chất ô nhiễm trong nước thải tạo thành các bông bùn to lơ lửng và được châm vào bể với liều lượng nhất định bằng bơm định lượng.

Cánh khuấy trong bể có tác dụng khuấy trộn đều PAC và nước thải trong suốt quá trình phản ứng.

► **Bể điều chỉnh pH:**

Trong quá trình này, nhiệt độ và pH trong bể được kiểm soát liên tục bằng các đầu dò tín hiệu TIA-01 và pHIC. Giá trị pH trong bể được điều chỉnh bằng NaOH. NaOH được cấp vào bể bằng bơm riêng và hoạt động dựa trên tín hiệu nhận được từ đầu điều khiển pH (pHIC).

Cánh khuấy trong bể có tác dụng khuấy trộn đều NaOH và nước thải trong suốt quá trình phản ứng. Giá trị pH yêu cầu tại bể khi kết thúc quá trình là 6,5 – 7,5.

► **Bể tạo bông:**

Trong quá trình này, bể tạo bông chỉ đóng vai trò trung gian, chuyển tiếp nguồn nước sang bể Tuyển nổi, đồng thời góp phần làm tăng thời gian lưu, giúp giảm nhiệt cho nước.

→ Nhiệt độ của nước thải được theo dõi bằng đầu dò nhiệt độ TIA-01. Khi TIA < 50°C, tín hiệu kết thúc.

Vòng tuần hoàn 2 – quá trình giải nhiệt bằng nước thủy cục:

Tác dụng chính: Làm nguội nước đến dưới 40°C bằng nước thủy cục.

► **Bể phản ứng:**

Trong quá trình này, bể Phản ứng chỉ đóng vai trò trung gian, nhận và chuyển tiếp nước qua bể điều chỉnh pH. Không châm PAC vào bể trong suốt quá trình này. Thời gian của quá trình kéo dài khoảng 2 giờ.

► **Bể điều chỉnh pH:**

Trong quá trình này, bể Điều chỉnh pH có vai trò là nơi tiếp nhận, hòa trộn nước thải thô và nước thủy cục cấp vào nhằm giải nhiệt cho nước. Nhiệt độ tại bể được kiểm soát bởi đầu dò nhiệt độ TIA-01.

Giá trị nhiệt độ yêu cầu khi kết thúc quá trình $H \leq 40^\circ\text{C}$.

► **Bể tạo bông:**

Trong quá trình này, bể Tạo bông chỉ đóng vai trò trung gian, chuyển tiếp nguồn nước sang bể Tuyển nổi, đồng thời góp phần làm tăng thời gian lưu, giúp giảm nhiệt cho nước.

Vòng tuần hoàn 3 – quá trình xử lý COD:

Tác dụng chính: xử lý COD và độ màu bằng phương pháp keo tụ - tạo bông.

► Bể phản ứng:

Trong quá trình 1, PAC được châm vào bể với liều lượng nhất định và có tác dụng keo tụ các chất ô nhiễm trong nước thải tạo thành các bông bùn lơ lửng. Thời gian của quá trình này kéo dài khoảng 5 giờ.

► Bể điều chỉnh pH:

Bể điều chỉnh pH có tác dụng như quá trình 1. Giá trị pH tối ưu trong bể ($6.5 \div 7.5$) được điều chỉnh bằng NaOH. NaOH được cấp vào bể bằng bơm riêng và hoạt động dựa trên tín hiệu nhận được từ đầu điều khiển pH (pHIC).

► Bể tạo bông:

Những hạt bông được hình thành trong quá trình keo tụ trở nên nhỏ và mịn. Trong bể tạo bông, một loại polymer có tác dụng liên kết các cấu trúc phân tử rất nhỏ sẽ được châm vào nhằm nâng cao hiệu quả quá trình tuyển nổi nhằm loại bỏ các chất bẩn. Cánh khuấy trong bể có tác dụng phân tán đều polymer vào nước thải.

→ Tiến trình kết thúc khi phao báo mực bể chứa nước thô xuống mực rất thấp (LL).

C. Bể tuyển nổi

Trong quá trình xử lý này, dòng nước được tăng áp và hoàn tan các vi bọt khí. Khi vào bể, các chất thải dạng keo không hòa tan và hạt bông bùn trong nước sẽ bám lên bề mặt các vi bọt khí nổi dần lên trên. Bùn nổi được gạt vào ống thu bùn, sau đó được đưa đến bể chứa bùn thu bùn Drain Pit B-07. Một lượng ít cặn và các hạt bùn không nổi được sẽ lắng xuống đáy bể và được bơm và xả định kỳ bằng tay vào Hố thu bùn Drain Pit B-107.

Tương ứng với 04 quy trình xử lý (với 03 vòng tuần hoàn của nước), nước thải đầu ra Bể tuyển nổi sẽ được điều tiết khác nhau.

Vòng tuần hoàn 1 & 2 – quá trình xử lý dầu mỡ, giải nhiệt bằng khí và nước thủy cục:

Trong 02 quá trình này, nước đầu ra bể Tuyển nổi sẽ được tuần hoàn về bể Chứa nước thải thô B-101.

Vòng tuần hoàn 3 – quá trình xử lý COD:

Trong quá trình này, nước đầu ra bể Tuyển nổi sẽ qua trực tiếp bể xả thải B-106.

Bồn tạo vi bọt:

Bồn tạo vi bọt lắp đặt kèm theo bể Tuyển nổi có tác dụng tạo vi bọt khí, hỗ trợ quá trình tuyển nổi của bùn trong bể Tuyển nổi. Tại đây, một lượng nước đầu ra bể Tuyển nổi được dẫn vào bồn và hòa tan cùng khí nén dưới áp suất cao $4 \text{ Kg/cm}^2 - 5 \text{ Kg/cm}^2$, sau đó hỗn hợp này được tuần hoàn vào bể Tuyển nổi, do áp suất giảm đột ngột khi ra môi trường ngoài, khí từ đó tách ra khỏi nước tạo thành các vi bọt nhỏ li ti bám dính lên bề mặt các bông cặn cho các bông cặn nổi lên bề mặt Tuyển nổi.

D. Bể xả thải

Bể xả thải có tác dụng chứa nước sau xử lý. Nước trong bể được xả ra ngoài định kỳ bằng bơm xả **Discharge pump**. Nước đầu ra đạt tiêu chuẩn xả thải Khu công nghiệp AMATA.

E. Hồ thu bùn

Bùn tách ra từ bể chuyển nổi sẽ tự chảy qua hồ thu. Khi bùn trong hồ đầy, bơm sẽ tự động bơm bùn về **Bể chứa bùn**.

F. Bể chứa bùn

Bùn từ Hồ thu bùn được đưa vào chứa trong bể này. Từ bể này bùn được bơm đến **máy ép bùn**.

G. Máy ép bùn

Máy ép bùn có chức năng xử lý bùn, ép bùn thành những khối bùn khô để giảm thể tích bùn. Nước thải được tách ra khỏi bùn sẽ tự chảy về **Hồ thu nước dư**. Bùn sau khi ép sẽ được mang đi xử lý.

H. Hồ thu nước dư

Nước tách ra từ Máy ép bùn, nước dư từ trạm pha hóa chất sẽ tự chảy về Hồ thu nước dư. Từ hồ này nước thải sẽ được chuyển về bể chứa nước thải thô để tái xử lý nhờ bơm **Sumpit Pump**.

Công ty đã thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Amata theo Hợp đồng xử lý nước thải số 81/HĐ-SZL-KD TT.NT ký ngày 03/07/2013 của Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam ký với Công ty CP Đô thị Amata Biên Hòa.

❖ Đánh giá với công suất, công nghệ hệ thống xử lý nước thải sản xuất hiện tại đáp ứng để xử lý nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất sản phẩm mới:

Công ty bổ sung nâng công suất sản xuất sản phẩm cà ri với công suất 2.385 tấn sản phẩm/năm, trong đó phát sinh nước thải chủ yếu từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị, bồn trộn, các đường ống dẫn cho sản xuất cà ri

⇒ Tổng lượng nước thải bổ sung từ nâng công suất là $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Công suất hệ thống xử lý nước thải sản xuất là 10 m³/ngày.

Tỉ lệ % công suất thiết kế: $8,6/10 = 86\%$

Vì tổng nước thải phát sinh là 8,6 m³/ngày, chưa vượt quá 95% công suất thiết kế và có dự phòng, giúp đảm bảo khả năng xử lý trong điều kiện hoạt động ổn định. Nên hệ thống xử lý nước thải sản xuất hiện tại của Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam với công suất 10 m³/ngày vẫn đáp ứng đủ để xử lý nước thải phát sinh kể cả khi có bổ sung nâng công suất

Bảng 9: Thông số kỹ thuật của HTXLNT sản xuất, công suất 10 m³/ngày

STT	Tên thiết bị	Thông số thiết kế	Đặc điểm
1	Bể chứa nước thải thô	V = 25 m ³ Hô bê tông ngầm	Thu gom nước thải quá trình sản xuất và vệ sinh
2	Bể phản ứng	V = 1 m ³ Composite FRP	Các hóa chất được hòa trộn nhanh và đều vào trong nước thải
5	Bể điều chỉnh pH	V = 1 m ³ Composite FRP	Điều chỉnh pH, điều hòa lưu lượng xử lí Bên cạnh, bể cũng đóng vai trò làm bể chứa nước thải khi hệ thống dừng lại để bảo trì sửa chữa
6	Bể tạo bông	V = 0,5m ³ Composite FRP	Keo tụ các chất lơ lửng khó lắng trong nước thải thành bông cặn dễ lắng
7	Bể tuyển nổi	V1 = Ø1.350 × H2.000 CSE	Tách bùn hoạt tính chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng ra khỏi hỗn hợp làm cho nước đủ độ trong để xả ra nguồn tiếp nhận
8	Bể xả thải	V3 = 2m ³ Bê tông	Chứa nước thải đã qua xử lý trước khi ra môi trường tiếp nhận

(Nguồn: Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam)

2. Các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải hiện hữu

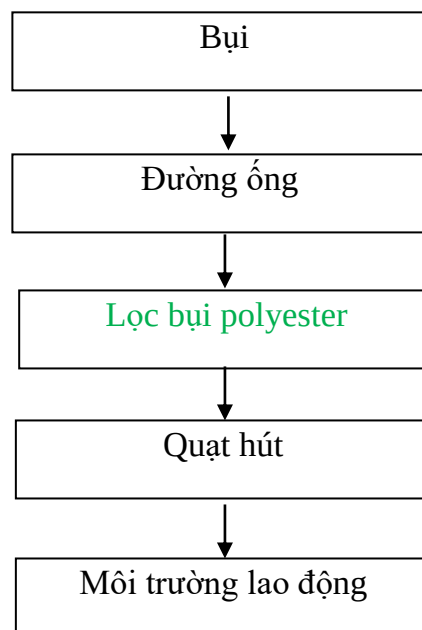
➤ **Kiểm soát bụi từ quá trình sản xuất**

Để giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất, công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế, lắp đặt dây chuyền sản xuất khép kín, tự động hóa và liên kết giữa các công đoạn sản xuất từ khâu nhập liệu đến hoàn thành sản phẩm.
- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ khu vực sản xuất, thường xuyên vệ sinh nhà xưởng, máy móc.
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh bụi, khí thải trong quá trình hoạt động.
- Trang bị khẩu trang và bảo hộ lao động cho công nhân, đồng thời có kế hoạch kiểm tra việc mang bảo hộ lao động của công nhân khi làm việc, tránh trường hợp có bảo hộ lao động mà không sử dụng.
- Bố trí nhà xưởng thông thoáng, trang bị quạt thông gió nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lưu thông khí tự nhiên.

➤ **Kiểm soát bụi từ quá trình sản xuất**

Tại khu vực sản xuất món tráng miệng dạng bột, tại các công đoạn sẽ bố trí chụp hút bụi thu gom đưa về hệ thống lọc thu hồi bụi bằng bộ lọc polyester (hệ thống đi kèm máy, không có ống thải). Công ty đã bố trí 04 hệ thống thu hồi xử lý bụi tại các khu vực như nghiền, cân, trộn, định lượng.



Thuyết minh quy trình kỹ thuật:

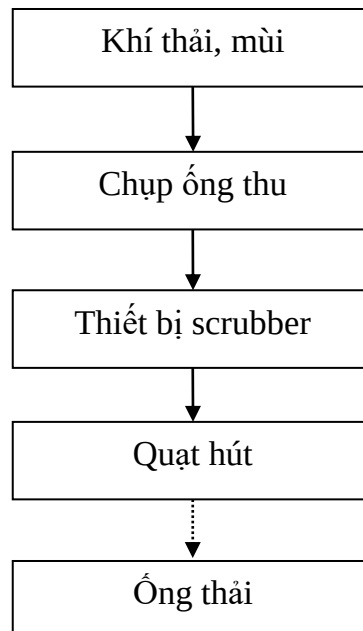
Bụi phát sinh từ công đoạn như nghiền, cân, trộn, định lượng sẽ được thu gom bởi chụp hút bố trí tại vị trí phát sinh. Nhờ lực hút của quạt ly tâm cao áp sẽ hút các hạt bụi lơ lửng đưa về thiết bị xử lý thông qua hệ thống đường ống gió và phụ kiện.

Hệ thống sử dụng quạt ly tâm để tạo ra một lực hút tại các miệng hút thông qua đường ống dẫn. Tại các miệng hút đặt tại vị trí cần hút bụi sẽ dẫn bụi và dòng khí vào bên trong buồng lọc. Khi tới buồng lọc, dòng khí giảm đột ngột nên phần lớn hạt bụi lớn mất động năng và rơi xuống phễu. Dòng khí mang bụi còn sót lại đi vào từng buồng riêng biệt chứa đựng lõi lọc polyester. Tại đây bụi được giữ lại ở bề mặt bên ngoài lõi lọc polyester. Dòng khí sạch được hút vào bên trong lõi lọc và thoát ra ngoài. Sau một thời gian các hạt nhỏ trở dày lên bám vào bên ngoài lõi lọc. Khi đó sẽ được rũ bỏ nhờ dòng khí nén có áp suất cao, bắn vào trong lòng polyester (Sử dụng hệ thống van điện từ và bình tích khí nén). Trong quá trình hoạt động hút lọc bụi. Bụi rơi vào phễu và được vận chuyển xuống đáy của hệ thống lọc bụi, lưu trữ xử lý định kỳ hoặc tái sử dụng. Chu trình lọc bụi diễn ra khép kín hoàn toàn trong thiết bị.

➤ **Kiểm soát mùi từ quá trình sản xuất**

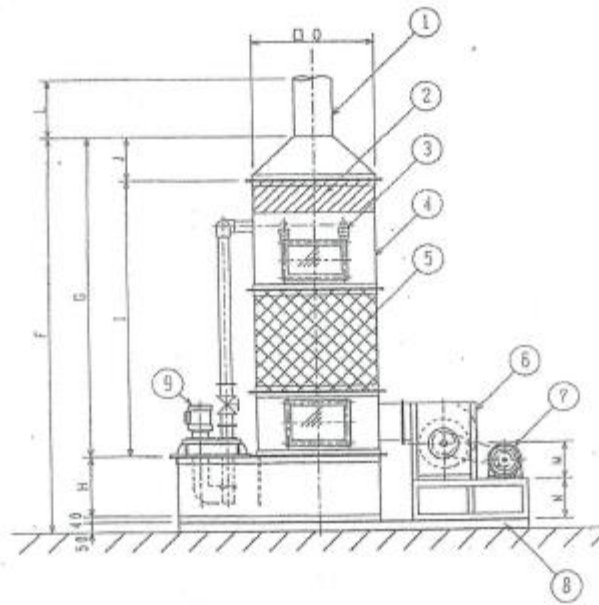
- Mùi phát sinh trong quá trình sản xuất chủ yếu từ khâu chế biến nguyên liệu. Tuy nhiên, do quy trình sản xuất được thực hiện bằng dây chuyền máy móc, thiết bị hiện đại, khép kín chỉ ảnh hưởng trong khu vực chế biến nguyên liệu và mùi phát sinh chỉ từ nguyên liệu tự nhiên nên không gây khó chịu, do đó ảnh hưởng không đáng kể đến sức khỏe công nhân viên làm việc trực tiếp tại phân xưởng chế biến nguyên liệu cũng như nhân viên hoạt động toàn nhà máy.

- Tuy nhiên, Công ty đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi, mùi, công suất 3.500 m³/h trong khu vực sản xuất ca ri để đảm bảo môi trường lao động cho công nhân bằng hệ thống màng nước scrubber tại khu vực sản xuất ca ri. Công nghệ như sau:



Hình 12: Quy trình hệ thống công suất 3.500 m³/giờ

Khí hút từ các chụp hút sẽ được dẫn tới hệ thống xử lý khí scrubber. Mô tả chi tiết và nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý khí – tháp hút lọc khí (scrubber).



1. Ống xả khí ra ngoài: Đây là ống khói xả khí ra ngoài không khí
2. Thiết bị khử nước: Có tác dụng ngăn sương mù để nước phun mù không thoát ra ngoài

3. Phun mù: Cung cấp phun nước không quá nhiều, nhưng đều vào chất đệm

4. Không gian phun mù: Đây là không gian để phun mù phân tán rộng khắp

5. Chất đệm: Đây là nơi để cho khí thải tiếp xúc với nước

7. Động cơ: Làm chuyển động quạt

8. Giá đỡ tháp lọc: Giá đỡ toàn bộ tháp lọc

9 Bơm phun mù: Bơm hút đẩy phun mù.

Thuyết minh quy trình xử lý:

Toàn bộ bụi, mùi phát sinh tại trong quá trình chế biến ca ri sẽ được thu gom bằng chụp hút, sau đó đưa qua ống thu có đường kính $D = 350\text{mm}$ để dẫn về 01 hệ thống hấp thụ bằng nước trước khi giải phóng khí ra môi trường. Quá trình sản xuất sinh ra một số khí thải độc hại cần được khống chế để đảm bảo an toàn như bụi, SO_2 , SO_3 , H_2S , Mercaptan mercaptan. Các chất độc hại tan trong nước như bụi, SO_2 , SO_3 , H_2S ... sẽ được hòa tan bên trong nước, do đó không khí mang chất ô nhiễm được đưa từ dưới lên, nước được phun ra ở dạng sương mù từ trên xuống sẽ bao trùm tất cả khí ô nhiễm trong dòng khí. Nhiệt độ của dòng khí không cao (ở nhiệt độ thường, từ $25\text{--}30^\circ\text{C}$), nước cấp vào tháp hấp thụ khoảng 20°C , do đó khả năng hấp thụ SO_2 , SO_3 , H_2S cao (mức độ hòa tan của khí trong nước giảm dần khi nhiệt độ nước tăng cao). Khí thải sau xử lý được thoát ra ngoài đạt tiêu chuẩn.

Thông số kỹ thuật của hệ thống:

- Lưu lượng: $3.500\text{ m}^3/\text{h}$

- Đường kính bình tháp: 15 cm
- Chiều cao ống tháp: 10 m
- Bơm công suất: 2,0 kW

Ngoài ra, Công ty sẽ thực hiện thường xuyên các công tác:

- Khu vực sản xuất được thiết kế bố trí riêng biệt và yêu cầu an toàn cao khi ra vào khu vực xưởng: trang phục, mũ bảo hộ, khẩu trang...

- Vệ sinh sạch sẽ khu vực sản xuất.

- Trang bị khẩu trang và bảo hộ lao động cho công nhân, đồng thời có kế hoạch kiểm tra việc mang bảo hộ lao động của công nhân khi làm việc, tránh trường hợp có bảo hộ lao động mà không sử dụng.

➤ **Kiểm soát bụi và khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng**

Phòng đặt máy phát điện được xây dựng đúng kỹ thuật, đặt tại khu vực riêng nhằm hạn chế tác động đến môi trường xung quanh. Ngoài ra công ty đã thực hiện các biện pháp sau để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng:

- Sử dụng loại máy phát điện mới;
- Sử dụng loại dầu có tỷ lệ %S thấp hơn 0,05% (dầu DO) để giảm nồng độ SO₂ trong khí thải;
- Máy phát điện đặt tại vị trí thích hợp, cách biệt khu vực văn phòng và nhà xưởng;
- Phát tán khí thải bằng ống khói;
- Chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng khi bị cúp điện hoặc xảy ra sự cố liên quan đến lưới điện.

➤ **Khí thải lò hơi**

Khí thải phát sinh từ 2 lò hơi công suất 1 tấn hơi/giờ sử dụng khí thiên nhiên LPG có nồng độ các chất ô nhiễm thấp. Tuy nhiên, công ty sẽ thực hiện những biện pháp sau để giảm thiểu tác động đối với môi trường:

- Phòng đặt lò hơi được xây dựng đúng kỹ thuật, đặt tại khu vực riêng nhằm hạn chế tác động đến môi trường xung quanh.
- Sử dụng máy mới 100% và hiện đại
- Sử dụng nguyên liệu đốt hoàn toàn bằng Gas
- Lò hơi đặt tại vị trí thích hợp cách biệt khu vực văn phòng làm việc

➤ **Kiểm soát bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông**

Về vấn đề ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông vận tải, nhà máy áp dụng các biện pháp thích hợp để hạn chế tối đa nguồn ô nhiễm trên gồm:

- Kho bãi, đường giao thông nội bộ trong khuôn viên cơ sở đã được bê tông và được vệ sinh thường xuyên;
- Sử dụng giải pháp đối lưu không khí tự nhiên kết hợp quạt công nghiệp cỡ lớn và quạt hơi nước thông thoáng nhà xưởng để làm thông thoáng nhà xưởng;
- Quy định cho các phương tiện giao thông không được chở quá trọng tải quy định;
- Bảo dưỡng phương tiện theo đúng định kỳ;
- Không để xe nổ máy lâu trong khu vực khi chờ bốc hàng hoặc dỡ hàng;
- Bê tông hóa các tuyến đường giao thông bên trong Công ty, thường xuyên vệ sinh các tuyến đường.
- Các biện pháp trên làm giảm thiểu ô nhiễm không khí bởi các tác nhân như khói bụi, khí thải, bụi do lưu thông, tiếng ồn động cơ và tai nạn giao thông do chất lượng xe được bảo dưỡng thường xuyên.

Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải giai đoạn mở rộng, nâng công suất

Đối với các biện pháp giảm thiểu khí thải hiện hữu công ty đang thực hiện tốt, chưa từng xảy ra sự cố nào, công ty sẽ tiếp tục duy trì và không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở.

3. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải thông thường

a) Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 22 tấn/năm được thu gom bằng các thùng rác và giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định. Trong đó:

- + Chất thải vô cơ có khả năng tái sử dụng, tái chế (giấy thải, thủy tinh thải, chai nhựa thải...) khoảng 10 tấn/năm.
- + Chất thải thực phẩm (thức ăn thừa, rau củ quả thải, phần bỏ đi từ thịt, hải sản,...) khoảng 10 tấn/năm..
- + Chất thải sinh hoạt khác (vỏ trứng, vỏ hạt, bã trà, cà phê, lá cây, khẩu trang, hộp xốp, túi nylon đựng thực phẩm,...) khoảng 2 tấn/năm.

Vấn đề thu gom và xử lý rác sinh hoạt đã được thực hiện như sau:

- Trong từng phòng và từng khu vực nhà máy đều phải trang bị các loại thùng rác 60 lít, 220 lít có nắp đậy.
- Các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom. Chất thải sau khi thu gom được bảo quản cẩn thận, không để xảy ra tình trạng các thùng chứa chất thải bị phân hủy bởi nước mưa và ánh sáng mặt trời (đặc biệt là đối với một số loại chất thải có khả năng gây ô nhiễm đất, hoặc đối với những chất thải có thành

phần dễ hòa tan trong nước hay dễ phân hủy, từ đó làm ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm).

Toàn bộ chất thải này được thu gom theo lịch trình nhất định, Công ty có bố trí các thùng chứa rác sinh hoạt tại các khu vực bên ngoài nhà xưởng, cuối ngày chuyển về 01 thùng nhựa lớn 240 lít tại khu lưu giữ bên ngoài nhà xưởng. Hiện tại công ty hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Định kỳ 3 lần/tuần, đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Trong quá trình sản xuất, chất thải rắn không nguy hại phát sinh từ các công đoạn như sắt thép phế liệu, bao bì đóng gói, giấy carton, giấy vụn, dây đai, giấy thải decal, giấy chống ẩm, chất chống ẩm và các loại chất thải rắn từ hoạt động văn phòng,...

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được liệt kê theo bảng sau:

Bảng 10: Tổng hợp chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quy trình sản xuất

TT	Nhóm CTRTT	Trạng thái tồn tại	Hiện hữu (kg/năm)	Giai đoạn ổn định (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Can thiết	Rắn	11.235	33.500	-	-
2	Bao bì đóng gói, giấy carton, giấy vụn	Rắn	9.991	18.000	18 01 05	TT-R
3	Nylon, nhựa thải, cuộn nhựa thải	Rắn	145	500	18 01 06	TT-R
4	Bao bì gỗ thải (thùng, pallet gỗ, lót pallet)	Rắn	3.945	5.000	18 01 07	TT-R
Tổng khối lượng			25.316	57.000	-	-

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được Công ty thu gom, phân loại và lưu giữ tại kho riêng có diện tích 25 m² trong tổng diện tích khu vực lưu giữ chất thải là 50m². Khu vực lưu giữ chất thải được bố trí riêng biệt, bên ngoài nhà xưởng. Trong nhà xưởng Công ty có bố trí các thùng nhỏ chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường và định kỳ tập trung được đưa về khu vực lưu giữ CTR, hợp đồng với đơn vị thu gom xử lý.

Lượng bùn phát sinh từ bể tự hoại (không đưa về khu vực lưu giữ chất thải) được

Công ty thuê xe hút hầm cầu đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 6 tháng/lần.

Tần suất và thời gian thu gom phụ thuộc vào khối lượng chất thải trong kho, đơn vị thu gom xử lý đến nhà máy thu gom khi Công ty gửi văn bản đến đơn vị hợp đồng yêu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý. Công ty đã ký hợp đồng thu gom chất thải rắn thông thường với Công ty CP Môi trường Xanh VN định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, ngoài ra còn ký hợp đồng mua bán phế liệu với Công ty CP Môi trường Xanh VN.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Trong quá trình sản xuất và hoạt động của nhà máy phát sinh các loại chất thải rắn nguy hại sau: Phôi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác (Bụi kim loại), bùn thải từ hệ thống XLNT, giẻ lau dính dầu, dầu thải, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì cứng thải bằng nhựa,... Cụ thể:

Bảng 11: Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất

TT	Nhóm CTRTT	Trạng thái tồn tại	Hiện hữu (kg/năm)	Giai đoạn ổn định (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Dầu thải từ quá trình bảo trì máy móc	Lỏng	37	50	17 02 03	NH
2	Hộp mực in thải	Rắn	47	60	08 02 04	KS
3	Bùn thải từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp	Bùn	1.817	2.300	12 06 05	KS
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	9	15	16 01 06	NH
5	Thùng chứa dầu bằng kim loại	Rắn	-	10	18 01 02	KS
6	Bao tay, giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	35	80	18 02 01	KS

TT	Nhóm CTRTT	Trạng thái tồn tại	Hiện hữu (kg/năm)	Giai đoạn ổn định (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
Tổng khối lượng			1.945	2.515		-

Trong đó ký hiệu phân loại chất thải dựa theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

KS (Kiểm soát): Cần áp dụng ngưỡng CTNH theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng CTNH để phân định là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường.

NH (Nguy hại): Chất thải nguy hại trong mọi trường hợp.

TT-R: Chất thải rắn công nghiệp thông thường trong mọi trường hợp.

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất được phân loại, bảo quản chất thải nguy hại (CTNH) theo từng chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH;
- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra (dễ cháy, dễ nổ, dễ bị oxi hóa, ...);
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 về “Chất thải nguy hại - dấu hiệu cảnh báo”.

Sau khi phân loại tại nguồn, phân loại theo từng loại CTNH theo từng mã CTNH đã được xác định, chất thải được chứa trong các thùng phuy kim loại 220 lít với từng loại chất thải và được tập trung chứa trong kho chất thải nguy hại của công ty, có diện tích 25m² trong tổng diện tích khu vực lưu giữ chất thải là 50m². Khu vực lưu giữ được bố trí có mái che và tường bao quanh, nền gia cố chống thấm, có hố thu gom tràn đổ chất thải nguy hại, gờ chống tràn, lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các chất thải được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

Ngoài ra, để quản lý tốt nguồn chất thải rắn, công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Trong mỗi khu vực phát sinh chất thải rắn, chủ cơ sở có kế hoạch thu gom

thường xuyên không để chất thải rắn tràn lan hay bị phân hủy bởi các thành phần trong môi trường. Các cống rãnh cũng có thể là nơi tích tụ chất thải được nạo vét thường xuyên;

- Lập bản kê để theo dõi tình trạng lưu giữ chất thải;
- Phân công một nhân viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm việc phân loại, quản lý chất thải tại công ty;
- Trong quá trình giao nhận chất thải nguy hại với đơn vị thu gom, xử lý theo hợp đồng ký kết, Công ty đã tuân thủ quy định giao nhận và lưu giữ chứng từ quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở được thu gom và lưu giữ trong kho chất thải rắn nguy hại có mái che và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải định kỳ theo đúng quy định. Hiện nay, toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh tại công ty được hợp đồng với Công ty CP Môi trường xanh VN định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Một số hình ảnh khu lưu giữ chất thải tại nhà máy:





Hình 13: Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại và hố gom tràn đổ

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Áp dụng các biện pháp phòng chống, giảm thiểu tiếng ồn trong quá trình sản xuất:

- + Thường xuyên kiểm tra định kỳ, đảm bảo máy phát điện dự phòng, máy bơm luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tra dầu nhớt đầy đủ theo hướng dẫn sử dụng của thiết bị, máy móc. Tuân thủ chu kỳ bảo dưỡng theo hướng dẫn sử dụng.

- + Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các máy móc, thiết bị sản xuất và phương tiện giao thông.

- + Dùng các phương tiện bảo vệ cá nhân như: sử dụng các loại dụng cụ như: cái bịt tai làm bằng chất dẻo, cái che tai và bao ốp tai; các bao tay có đệm đàn hồi, giày có đế chống rung.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải

- Đối với bể tự hoại: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể, tránh tình trạng tắc nghẽn bồn cầu (phải thông bồn cầu và đường ống dẫn), tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi (phải thông ống dẫn khí). Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

- Phân công 1 nhân viên có chuyên môn để vận hành, kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, vận hành hệ thống XLNT theo đúng quy trình.

- Thường xuyên kiểm tra sự hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình bể tự hoại, bể tách mỡ và hệ thống xử lý nước thải.

- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân tại hệ thống không chế ô nhiễm để kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra.

- Tránh để rơi vãi dung môi hữu cơ, xăng dầu, xà phòng,... xuống bề tự hoại. Không để nước mưa chảy vào hệ thống thoát nước thải.

- Đối với các sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước: thường xuyên kiểm tra các mối nối, van khóa trên các hệ thống cấp thoát nước để phát hiện sớm các sự cố. Khi xảy ra sự cố phải khóa tất cả van nước, báo ngay cho đơn vị cung cấp nước để kịp thời sửa chữa khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Các máy móc, thiết bị (như: bơm, van) đều có dự phòng đề phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.

- Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nguy cấp, công ty sẽ liên hệ với đơn vị hạ tầng KCN để thỏa thuận xử lý trong thời gian công ty khắc phục sớm nhất. Lượng nước thải sẽ được lưu giữ và không xả ra trực tiếp ngoài môi trường đến khi HTXL nước thải khắc phục xong.

Ứng phó sự cố với hệ thống xử lý khí thải:

- Thường xuyên kiểm tra các mối nối, van khóa trên hệ thống phát hiện sớm các sự cố và có hướng khắc phục, sửa chữa.

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị điều hòa, quạt thông gió, quạt hút khí thải.

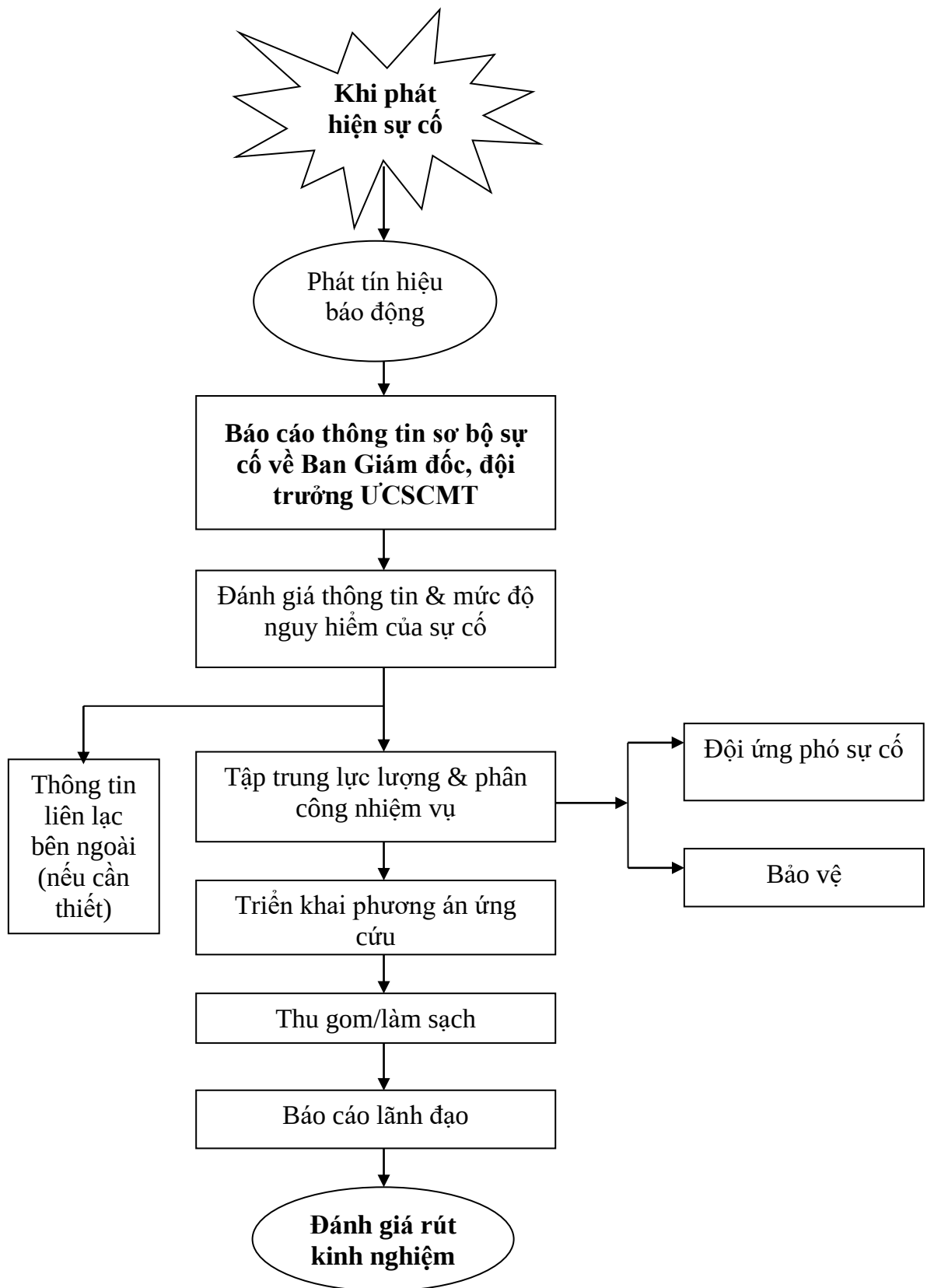
- Các máy móc, thiết bị (như: quạt hút) đều có dự phòng đề phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh bụi, khí thải trong quá trình hoạt động.

- Kết hợp với các cơ quan chuyên môn về môi trường nhằm theo dõi và khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Sau mỗi lần sự cố cần ghi lại và nghiên cứu kỹ hơn các biện pháp khắc phục nhằm làm giảm ảnh hưởng cho các lần sau.

- Sơ đồ ứng phó sự cố môi trường của công ty:



- Những người vận hành hệ thống được đào tạo các kiến thức về:
 - + Hướng dẫn lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải
 - + Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị: cách xử lý các sự cố đơn giản và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

+ Hướng dẫn an toàn vận hành hệ thống xử lý: trong giai đoạn này, những người tham dự khóa huấn luyện sẽ được đào tạo các kiến thức về an toàn khi vận hành hệ thống xử lý. Đây là một trong những bài học quan trọng không thể thiếu đối với người trực tiếp vận hành hệ thống xử lý.

+ Hướng dẫn thực hành vận hành hệ thống: thực hành các thao tác vận hành hệ thống xử lý và thực hành xử lý các tình huống sự cố.

Đối với kho chứa chất thải

- Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

- Nền bê tông kiên cố, chống thấm, tường chống cháy, trang bị bình chữa cháy, vật liệu thu gom, xử lý.

- Sử dụng thiết bị lưu chứa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đối với CTNH. Xử lý, sửa chữa nhanh các vị trí, thùng chứa xảy ra rò rỉ, có mâm chống tràn cho các chất thải nguy hại lỏng.

- Trang bị các thiết bị, vật dụng cũng như huấn luyện cho nhân viên phụ trách ứng phó với các sự cố, tình huống khẩn cấp xảy ra tại khu CTNH.

- Dùng giẻ lau thấm hút chất lỏng nguy hại, kiểm soát nhanh tại nguồn phát sinh và hạn chế chảy tràn lan rộng.

- Dùng các phương tiện bảo vệ cá nhân thích hợp với các chất lỏng nguy hại tràn đổ hoặc rò rỉ khi tham gia xử lý.

- Tiến hành điều tra nguyên nhân và lên phương án khắc phục, hiệu chỉnh các biện pháp, kế hoạch an toàn phòng ngừa sự cố.

- Trường hợp chất thải nguy hại vượt quá khả năng của khu chứa, liên hệ ngay đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định. Nếu tình trạng thường xuyên và liên tục, công ty sẽ tiến hành thủ tục xin mở rộng khu chứa chất thải nguy hại.

- Khi xảy ra sự cố phải báo ngay cho cấp trên để kịp thời sửa chữa khắc phục sự cố, thu gom chất thải rơi vãi, tràn đổ ra môi trường.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích đất sử dụng để tạo mỹ quan cho công ty cũng như điều hòa các yếu tố vi khí hậu, hạn chế ô nhiễm môi trường.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau đây để phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

- Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu và từng công đoạn sản xuất tại xưởng sản xuất;
- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân: mũ, giày, găng tay, khẩu trang, kính mắt bảo hộ;
- Trang bị các trang thiết bị và dụng cụ y tế và thuốc men cần thiết để kịp thời ứng cứu sơ bộ trước khi chuyển nạn nhân đến bệnh viện;
- Lên kế hoạch ứng cứu sự cố trong đó xác định những vị trí có khả năng xảy ra sự cố, bố trí nhân sự và trang thiết bị thông tin để đảm bảo thông tin khi có xảy ra sự cố;
- Thành lập đội an toàn lao động HSE trong nhà máy.
- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về thao tác ứng cứu khẩn cấp, thực hành cấp cứu y tế, sử dụng thành thạo các phương tiện thông tin, địa chỉ liên lạc khi có sự cố;
- Người lao động (kể cả học nghề) trước khi vào làm việc phải được khám sức khỏe; chủ cơ sở phải căn cứ vào sức khỏe của người lao động để bố trí việc làm và nghề nghiệp cho phù hợp với sức khỏe của người lao động;
- Có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên ít nhất 1 lần/năm, việc khám sức khỏe được các đơn vị chuyên môn thực hiện và tuân thủ theo quy định tại Thông tư 19/2016/TT-BYT ngày 30/06/2016 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

b) Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) được thực hiện nghiêm túc theo đúng Luật PCCC sửa đổi bổ sung năm 2013.

Hoạt động sản xuất của công ty có sử dụng nhiều dầu DO, khí CNG, hóa chất... dễ cháy. Do đó để giảm thiểu nguy cơ cháy nổ đối với khu vực lưu trữ hóa chất, dung môi, công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí khu vực lưu trữ hóa chất kho chứa nguyên liệu rắn riêng biệt, có mái che, khung thép được gia cố theo yêu cầu và được sơn chống cháy nhằm tăng thời gian chịu lửa của cấu kiện, nền đồ bê tông, mái lợp tôn và thiết kế thông gió phù hợp, thông thoáng cho các loại hóa chất, tránh tình trạng tích tụ lâu dài hơi hóa chất tạo hỗn hợp cháy nổ;

- Các chất lỏng có tính dễ cháy khi tiếp xúc trực tiếp với nguồn lửa nên khu vực lưu trữ được thiết kế chịu được lửa, nhiệt độ cao, không phản ứng hóa học và không thấm chất lỏng. Tường bên ngoài chịu được lửa ít nhất là 30 phút, tất cả các tường đều không thấm nước, bề mặt bên trong của tường trơn nhẵn, sơn chống cháy, có thể rửa một cách dễ dàng và không bắt bụi.

- Xung quanh khu vực lưu trữ được thiết kế các bờ bao quanh với chiều cao 0,2m, tránh hóa chất độc hại tràn đổ vào hệ thống thoát nước của công ty cũng như KCN.

- Bố trí các biển cảnh báo, báo cháy và thiết bị chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy CO₂, bình chữa cháy khô ABC,...

Hệ thống phòng chống sét được thiết kế theo các công nghệ mới nhằm đạt độ an toàn cao cho các hoạt động của Công ty. Hệ thống chống sét gồm kim thu sét tích cực được lắp đặt tại điểm cao nhất của công trình, hộp kiểm tra điện trở đất và hệ tiếp đất được thiết kế, lắp đặt tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn.

Ngoài ra, hệ thống phòng cháy chữa cháy được lắp đặt tại tất cả các phòng, khu vực trong toàn cơ sở. Các thiết bị báo cháy như: tủ điều khiển báo cháy, tủ hiển thị báo cháy, hệ thống đèn thoát hiểm, ... Hệ thống chữa cháy gồm bể nước ngầm, bơm nước chữa cháy, hộp chữa cháy, họng tiếp nước chữa cháy, trụ nước chữa cháy ngoài trời, ...

Ứng phó khi sự cố cháy nổ xảy ra:

- Bước 1: Báo động toàn bộ nhà máy, đồng thời thành viên trong đội PCCC hướng dẫn sơ tán công nhân viên tại nhà máy theo các hướng thoát hiểm.

- Bước 2: Đối với đám cháy nhỏ, tập hợp đội PCCC nội bộ của công ty và sử dụng những phương tiện phòng cháy chữa cháy trang bị sẵn tại nhà máy để khống chế đám cháy, tránh tình trạng cháy lan sang khu vực khác.

- Bước 3: Gọi điện thoại đến các cơ quan chức năng khi đám cháy xảy ra, tùy theo quy mô của đám cháy mà thứ tự ưu tiên như sau:

- + Gọi điện thoại đến lực lượng PCCC của KCN.

- + Gọi điện thoại đến cơ quan PCCC theo số điện thoại 114.

- + Gọi đến cơ quan công an (113) nhằm trợ giúp ngăn chặn giao thông, tránh tình trạng gây ùn tắc giao thông và ngăn ngừa tính hiếu kỳ của người dân.

- + Gọi cấp cứu theo số 115 nếu có tai nạn xảy ra.

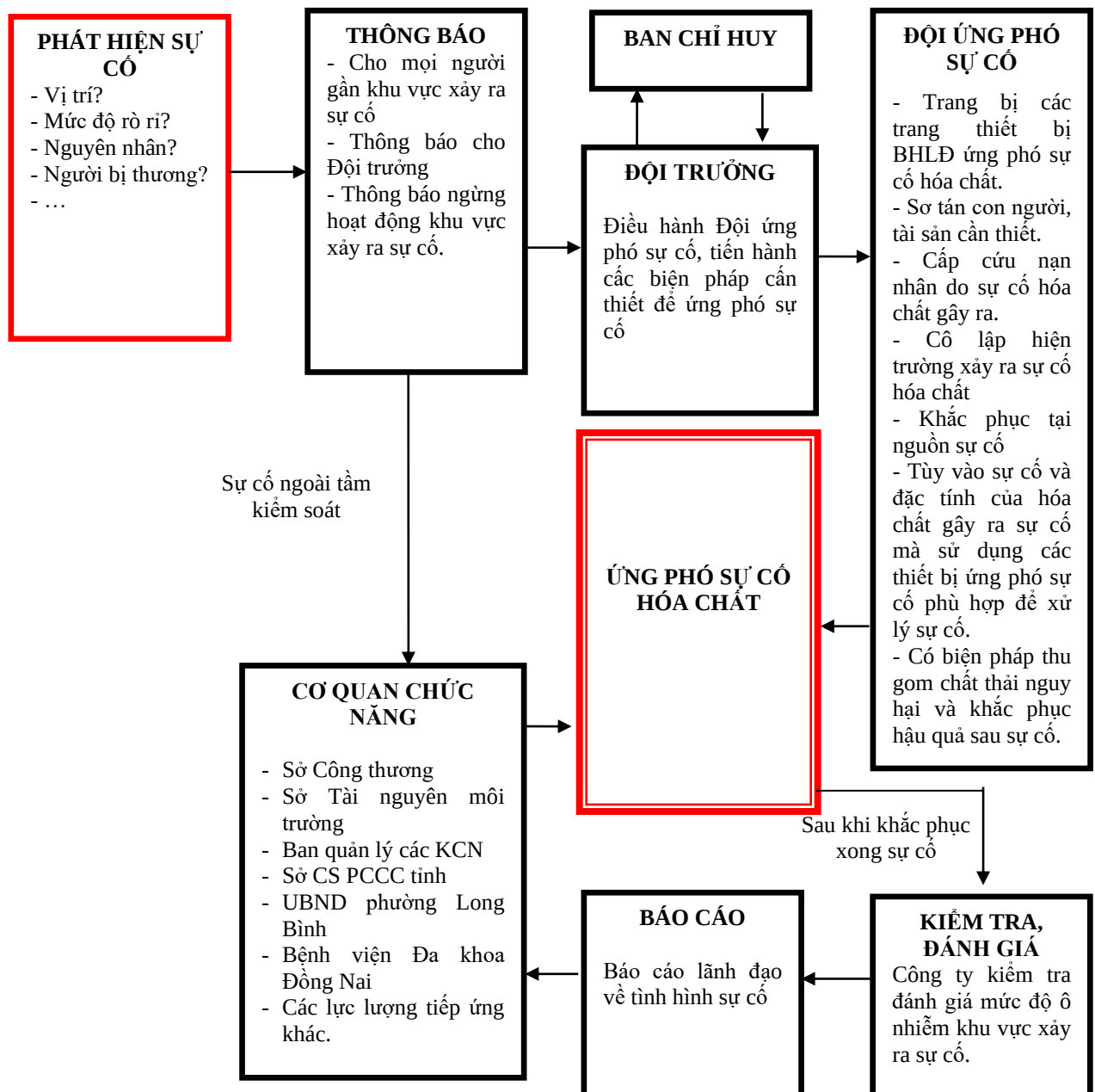
- + Gọi điện thoại báo cho lãnh đạo của công ty.

- Bước 4: Di tản những tài sản có giá trị mà có thể vận chuyển ra khỏi khu vực của nhà máy.

c) Phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu, hóa chất

Cơ sở có sử dụng dầu sản xuất, hóa chất quá trình làm sạch, xử lý nước thải... nên khả năng xảy ra sự cố rò rỉ, đổ tràn nguyên nhiên liệu là rất dễ xảy ra. Để phòng chống và ứng cứu sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu tại khu vực nhà máy, Chủ cơ sở phối hợp cùng với các cơ quan chức năng PCCC giám sát, kiểm tra nghiêm ngặt các hệ thống kỹ thuật tại kho chứa, lập phương án ứng cứu khi xảy ra sự cố. Đồng thời, chủ cơ sở thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố như sau:

- Lưu trữ nguyên nhiên liệu dạng lỏng với khối lượng ít nhất (đủ dùng, lượng dự phòng khoảng 10 – 15% lượng cần dùng);
- Bố trí khu vực chứa nguyên liệu, hóa chất ở vị trí cách xa nguồn nhiệt và khu vực làm việc của công nhân;
- Bảo quản nguyên liệu, nhiên liệu trong các thiết bị chuyên dụng, các thùng chứa phải đậy kín, đặt nơi khô ráo, thông thoáng;
- Trong khu vực chứa nguyên nhiên liệu dễ cháy, treo biển cấm không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa;
- Tuân thủ các yêu cầu về đảm bảo an toàn hóa chất của Nhà nước, bảo vệ môi trường phòng chống tràn hóa chất trong quá trình bảo quản, tồn chứa, vận hành và sử dụng;
- Vận chuyển bình chứa, thùng chứa đúng cách (di chuyển bình ở tư thế đứng, không lăn tròn, hạn chế rung động mạnh), tuyệt đối không được dùng bình chứa, thùng chứa vào các mục đích khác;
- Thường xuyên kiểm tra định kỳ bình chứa và kho chứa;
- Tuân thủ và thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ;
- Tổ chức nhân sự cho kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố.
- Sơ đồ ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất như sau:



Hình 14. Sơ đồ ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất

8. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

Hiện nay công ty vẫn đang hoạt động sản xuất theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 115/QĐ-KCNĐN ngày 22/05/2017 cho dự án: “Mở rộng sản xuất chế biến thực phẩm các loại: Bột gia vị các loại với quy mô 500 tấn sản phẩm/năm; cà ri đóng gói với quy mô 675 tấn sản phẩm/năm” do Ban Quản lý KCN tỉnh Đồng Nai cấp và Xác nhận hoàn thành số 191/XN-KCNĐN ngày 25/12/2019 cho dự án: “Mở rộng sản xuất chế biến thực phẩm các loại: Bột gia vị các loại với quy mô 500 tấn sản phẩm/năm; cà ri đóng gói với quy mô 675 tấn sản phẩm/năm” do Ban Quản lý KCN tỉnh Đồng Nai cấp . Do sắp tới có nhu cầu tăng thêm công suất sản xuất chế biến thực phẩm ăn liền đóng gói cà ri dạng viên, cà ri dạng khối và bổ sung sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn nên công ty tiến hành xin nâng công suất bằng cách lắp đặt thêm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất và thực hiện giấy phép môi trường cho cơ sở: “ Nhà máy sản xuất món tráng miệng dạng bột

với quy mô 957 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất nước trái cây dạng bột với quy mô 1.365 sản phẩm/năm; Sản xuất cà ri dạng viên, cà ri dạng khối nén với quy mô 2.385 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn với quy mô 03 tấn sản phẩm/năm” trước khi hoạt động thay đổi.

STT	Hạng mục	Theo ĐTM và XNHT	Nội dung thay đổi
1	Sản phẩm và công suất sản xuất	Sản xuất món tráng miệng dạng bột: 957 tấn sản phẩm/năm Sản xuất nước trái cây dạng bột: 1.365 sản phẩm/năm Sản xuất, chế biến thực phẩm ăn liền đóng gói: Bột gia vị các loại: 500 tấn sản phẩm/năm Cà ri dạng viên, cà ri dạng khối nén: 675 tấn sản phẩm/năm.	Để đáp ứng nhu cầu thị trường về sản phẩm, nên công ty có các điều chỉnh sau: Sản xuất món tráng miệng dạng bột: 957 tấn sản phẩm/năm (giữ nguyên) Sản xuất nước trái cây dạng bột: 1.365 sản phẩm/năm (giữ nguyên) Sản xuất, chế biến thực phẩm ăn liền đóng gói: Hủy sản xuất sản phẩm Bột gia vị các loại Cà ri dạng viên, cà ri dạng khối nén: 2.385 tấn sản phẩm/năm. (tăng từ 675 tấn sản phẩm/năm lên 2.385 tấn sản phẩm/năm) Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn: 3 tấn sản phẩm/năm (bổ sung thêm)
2	Quy trình sản xuất	- Không thay đổi	- Bổ sung quy trình sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn:
3	Nguyên nhiên vật liệu sản xuất	- Không thay đổi	Bổ sung các nguyên nhiên vật liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm món ăn, thức ăn chế biến sẵn:

STT	Hạng mục	Theo ĐTM và XNHT	Nội dung thay đổi
4	Máy móc thiết bị sản xuất	-	Bổ sung các máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất nâng công suất sản phẩm Cà ri dạng viên, cà ri dạng khối nén và Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn
5	Xử lý nước thải sản xuất	-Hệ thống xử lý nước thải công suất 16 m³/ngày đêm: xử lý nước thải sinh hoạt của toàn nhà máy + Nước thải từ khu vực sản xuất bột làm bánh. Quy trình xử lý: Nước thải → Hố bơm → Hố thu /tách chất nổi → song chắn rác → Bể điều hòa → Bể khử nito → Bể nitrat hóa → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa nước đầu ra - Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 10 m³/ngày đêm (từ vệ sinh máy móc, thiết bị, hệ thống xử lý mùi cà ri, nước xả đáy lò hơi). Quy trình xử lý: nước thải → Bể chứa nước thô → Bể phản ứng → Bể điều chỉnh pH → Bể tạo bông → Bể tuyển nổi → Nước sau xử lý Toàn bộ nước sau xử lý sơ bộ của nhà máy được thu gom đưa về chung 01 hố ga đầu nối	Hệ thống xử lý nước thải công suất 16 m³/ngày đêm: xử lý nước thải sinh hoạt của toàn nhà máy + Nước thải từ khu vực sản xuất bột làm bánh. Quy trình xử lý: Nước thải → Hố bơm → Hố thu /tách chất nổi → song chắn rác → Bể điều hòa → Bể khử nito → Bể nitrat hóa → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể chứa nước đầu ra - Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 10 m³/ngày đêm (từ vệ sinh máy móc, thiết bị, hệ thống xử lý mùi cà ri, nước xả đáy lò hơi, nước từ khu vực chế biến thức ăn nhanh). Quy trình xử lý: nước thải → Bể chứa nước thô → Bể phản ứng → Bể điều chỉnh pH → Bể tạo bông → Bể tuyển nổi → Nước sau xử lý. Bổ sung dòng nước thải từ khu vực chế biến sản phẩm thức ăn nhanh Toàn bộ nước sau xử lý sơ bộ của nhà máy được thu gom đưa về chung 01 hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN tại 01 vị trí trên đường số 12

STT	Hạng mục	Theo ĐTM và XNHT	Nội dung thay đổi
		vào hệ thống thu gom nước thải của KCN tại 01 vị trí trên đường số 12	

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Amata, không xả ra môi trường).

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 8 m³/ngày.
 - + Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ vệ sinh máy móc thiết bị, bồn trộn, các đường ống dẫn cho sản xuất món tráng miệng dạng bột khoảng 2 m³/ngày
 - + Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa nguyên vật liệu sản xuất khoảng 0,2 m³/ngày
 - + Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ quá trình giặt đồ bảo hộ công nhân viên khoảng 1m³/ngày
 - + Nguồn số 05: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình xả đáy lò hơi khoảng 1,6 m³/ngày.
 - + Nguồn số 06: Nước thải sản xuất từ thiết bị xử lý mùi scrubber khoảng 1 m³/ngày.
 - + Nguồn số 07: Nước thải sản xuất từ vệ sinh máy móc, bồn trộn, các đường ống cho sản xuất cà ri khoảng 5 m³/ngày.
 - + Nguồn số 08: Nước thải từ quá trình làm mát khoảng 1 m³/ngày.
- Lưu lượng thải tối đa: 19,8 m³/ngày.đêm.
- Dòng nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại cùng với nước thải vệ sinh máy móc thiết bị, bồn trộn, các đường ống dẫn cho sản xuất món tráng miệng dạng bột; Nước thải phát sinh từ quá trình rửa nguyên vật liệu sản xuất; Nước thải phát sinh từ quá trình giặt đồ bảo hộ công nhân viên được dẫn về HTXL nước thải công suất 16 m³/ngày của công ty để xử lý. Nước thải sản xuất từ quá trình xả đáy lò hơi, từ thiết bị xử lý mùi scrubber, từ vệ sinh máy móc, bồn trộn, các đường ống dẫn cho sản xuất cà ri dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế 10 m³/ngày sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Amata
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận của KCN Amata
1	Nhiệt độ (*)	°C	40

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận của KCN Amata
2	Độ màu (pH=7)	Pt - Co	50
3	pH	-	6 - 9
4	BOD ₅	mg /l	500
5	COD	mg /l	530
6	TSS	mg/l	200
7	As	mg/l	0,041
8	Hg	mg/l	0 0041
9	Pb	mg/l	0,081
10	Cd	mg/l	0,041
11	Cr ⁶⁺	mg/l	0,041
12	Cr ³⁺	mg/l	0,162
13	Cu	mg/l	1,62
14	Zn	mg/l	2,43
15	Ni	mg/l	0,162
16	Mn	mg/l	0,41
17	Fe	mg/l	0,81
18	Sn	mg/l	0,2
19	Tổng CN ⁻	mg/l	0,0567
20	Tổng phenol	mg/l	0,081
21	Tổng DMK	mg/l	4,05
22	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
23	S ²⁻	mg/l	0,162
24	F ⁻	mg/l	4,05
25	N-NH ₃	mg/l	20
26	Tổng N	mg/l	30
27	Tổng P	mg/l	5
28	Cl ⁻	mg/l	405
29	Cl ₂	mg/l	0,81

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận của KCN Amata
30	HCBVTV clo hữu cơ	mg/l	0,041
31	HCBVTV lân hữu cơ	mg/l	0,243
32	Tổng PCBs	mg/l	0,003
33	Coliform	MPN/100 ml	KQĐ
34	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,10
35	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

- Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí: 01 điểm tại vị trí hố ga nằm trên đường số 12 trước khi đầu nối vào HTXLNT của KCN Amata, có tọa độ X = 1211525.69; Y = 406036.26.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

+ Phương thức xả thải: tự chảy, chảy liên tục.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Amata

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 01: Khí thải, mùi từ khu vực sản xuất cà ri. Tọa độ: X = 1211569.93; Y = 405997.03.

+ Nguồn số 02: Khí thải từ lò hơi 1 (sử dụng nhiên liệu gas LPG, không phát sinh ô nhiễm khí thải ra môi trường). Tọa độ: X = 1211556.41; Y = 406007.38.

+ Nguồn số 03: Khí thải từ lò hơi 2 (sử dụng nhiên liệu gas LPG, không phát sinh ô nhiễm khí thải ra môi trường). Tọa độ: X = 1211558.18; Y = 406005.85.

+ Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ công đoạn nghiền nguyên liệu sản xuất món tráng miệng dạng bột (thiết bị xử lý đi kèm máy, không có ống thải)

+ Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ công đoạn cân của sản xuất món tráng miệng dạng bột (thiết bị xử lý đi kèm máy, không có ống thải)

+ Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ công đoạn trộn của sản xuất món tráng miệng dạng bột (thiết bị xử lý đi kèm máy, không có ống thải)

+ Nguồn số 07: Bụi phát sinh từ công đoạn định lượng của sản xuất món tráng miệng dạng bột (thiết bị xử lý đi kèm máy, không có ống thải)

+ Nguồn số 08: Khí thải từ máy phát điện dự phòng (sử dụng dầu DO, nhiên liệu sạch, khí thải phát sinh không đáng kể, không phát sinh ô nhiễm khí thải ra môi trường). Tọa độ: X = 1211553.64; Y = 406008.68.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 3.500 m³/h (Nguồn số 01).
- Dòng khí thải: Khí thải, bụi từ công đoạn sản xuất cà ri được xử lý qua HTXL khí thải công suất 3.500 m³/giờ rồi theo ống thoát khí thải cao 5 m thoát ra ngoài nhà xưởng.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT cột C từ ngày 01/7/2025.

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2024/BTNMT (cột C)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	Bụi	mg/Nm ³	100	
3	CO	mg/Nm ³	450	
4	SO ₂	mg/Nm ³	350	
5	NO _x	mg/Nm ³	500	
6	Nhiệt độ	°C	-	
7	Methyl mercaptan	mg/Nm ³	15	

- Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận khí thải
- + Vị trí: 01 điểm tại ống thải sau hệ thống xử lý mùi sản xuất cà ri công suất 3.500 m³/ giờ. Tọa độ: X=1211569.93; Y = 405997.03.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiều 3⁰)

- + Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, xả thải liên tục khi phát sinh.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 01: từ khu vực hệ thống xử lý nước thải
- + Nguồn số 02: từ máy phát điện.
- + Nguồn số 03: từ khu vực máy nén khí.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

+ Nguồn số 01: từ khu vực hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ X = 1211525.46; Y = 406016.47

+ Nguồn số 02: từ máy phát điện. Tọa độ X = 1211553.64; Y = 406008.68

+ Nguồn số 03: từ khu vực máy nén khí. Tọa độ X=1211577.97, Y=405988.47.

(Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiều 3⁰)

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc và QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Chi tiết như sau:

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L _{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tên khu vực
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	-
1	70	60	Khu vực Thông thường

4. Nội dung cấp phép đối với chất thải rắn

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại dự kiến phát sinh thường xuyên:

TT	Nhóm CTRNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Dầu thải từ quá trình bảo trì máy móc	Lỏng	50	17 02 03	NH

TT	Nhóm CTRNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
2	Hộp mực in thải	Rắn	60	08 02 04	KS
3	Bùn thải từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp	Bùn	2.300	12 06 05	KS
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	15	16 01 06	NH
5	Thùng chứa dầu bằng kim loại	Rắn	10	18 01 02	KS
6	Bao tay, giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	80	18 02 01	KS
Tổng cộng			2.515		

- Thiết bị lưu chứa: phuy kim loại.

- Khu vực lưu chứa: diện tích 25m² trong tổng diện tích khu vực lưu giữ chất thải là 50m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có mái che, nền được gia cố chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các chất thải được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

Công trình lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng theo hướng dẫn tại Điều 35, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Nhóm CTRTT	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Can thiết	Rắn	33.500	-	-
2	Bao bì đóng gói, giấy carton, giấy vụn	Rắn	18.000	18 01 05	TT-R

TT	Nhóm CTRTT	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
3	Nylon, nhựa thải, cuộn nhựa thải	Rắn	500	18 01 06	TT-R
4	Bao bì gỗ thải (thùng, pallet gỗ, lót pallet)	Rắn	5.000	18 01 07	TT-R
Tổng khối lượng			57.000	-	-

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa

- Khu vực lưu chứa: diện tích 25 m² trong tổng diện tích khu vực lưu giữ chất thải là 50 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: có mái che, có nền bê tông chống thấm, nền kín, không bị rạn nứt, không bị ảnh hưởng bởi nước mưa chảy tràn. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng theo hướng dẫn tại Điều 33, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải vô cơ có khả năng tái sử dụng, tái chế	10
2	Chất thải thực phẩm	10
3	Chất thải sinh hoạt khác	2
Tổng khối lượng		22

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa 240 lít có nắp đậy và có nhãn dán phân loại.

- Khu vực lưu chứa: bên ngoài nhà xưởng.

Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng theo hướng dẫn tại Điều 33, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền:

- + Bố trí cán bộ chuyên trách cho công tác quản lý môi trường.
- + Lập kế hoạch quản lý, triển khai các công tác bảo vệ môi trường như: lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và cập nhật số lượng loại chất thải nguy hại phát sinh trong Báo cáo công tác BVMT cuối năm.
- + Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
- + Lập kế hoạch đào tạo, giáo dục nâng cao nhận thức môi trường cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty.
- + Sau khi Dự án triển khai, Công ty sẽ tiếp tục duy trì công tác quản lý, bảo vệ môi trường, đồng thời tiến hành rà soát lại các quy định bảo vệ môi trường để có thể thực hiện tốt hơn.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

2.1. Kết quả quan trắc nước thải trong năm 2024

- Thời gian quan trắc: 23/03/2024, 22/05/2024, 27/09/2024, 16/12/2024
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc: Nước thải tại hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Amata.

Bảng 12: Kết quả quan trắc năm 2024 nước thải sau HTXL đầu nối với KCN

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				Giới hạn KCN Amata
			NT1	NT2	NT3	NT4	
1	pH	-	7,16	722	6,36	6,67	6 – 9
2	TSS	mg/L	60	69	28	31	200
3	COD	mg/L	396	388	52	69	530
4	BOD ₅	mg/L	161	152	23	24	500
5	Tổng N	mg/L	5,88	6,9	KPH	KPH	30
6	Tổng P	mg/L	0,76	0,58	0,48	0,6	5
7	Amoni	mg/L	2,13	3,5	KPH	KPH	20
8	Độ màu	mg/L	48	45	11	15	50

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				Giới hạn KCN Amata
			NT1	NT2	NT3	NT4	
9	Dầu mỡ khoãng	mg/L	3	2,5	KPH	KPH	4,05

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

Nhận xét: Qua bảng phân tích kết quả chất lượng nước thải trong năm 2024 của Công ty, cho thấy tất cả các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn của KCN. Từ đó cho thấy các bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải hoạt động tốt, ổn định. Do đó nước thải đầu ra tại Công ty có thể đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của KCN Amata

2.2. Kết quả quan trắc nước thải trong năm 2025

- Thời gian quan trắc: 07/03/2025, 17/06/2025, 18/08/2025, 23/10/2025
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc: Nước thải tại hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Amata..
- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

Bảng 13: Kết quả quan trắc năm 2025 nước thải sau HTXL đầu nối với KCN

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				Giới hạn KCN Amata
			NT1	NT2	NT3	NT4	
1	pH	-	7,28	5,59	6,87	5,91	6 – 9
2	TSS	mg/L	16	45	24	10	200
3	COD	mg/L	26	61	72	61	530
4	BOD ₅	mg/L	11	26	29	51	500
5	Tổng N	mg/L	7,3	8,5	9,2	12,4	30
6	Tổng P	mg/L	0,75	0,2	0,36	0,55	5
7	Amoni	mg/L	KPH	1,1	1,52	3,2	20
8	Độ màu	mg/L	8	29	32	28	50
9	Dầu mỡ khoãng	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	4,05

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

Nhận xét: Qua bảng phân tích kết quả chất lượng nước thải trong năm 2025 của Công ty, cho thấy tất cả các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn của KCN. Từ đó cho thấy các bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải hoạt động tốt, ổn định. Do đó nước thải đầu ra tại Công ty có thể đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của KCN Amata.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

3.1. Kết quả quan trắc khí thải trong năm 2024

- Thời gian quan trắc: 23/03/2024, 22/05/2024, 27/09/2024, 16/12/2024
- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc: khí thải tại ống thải của HTXL mùi

Bảng 14: Kết quả quan trắc năm 2024 khí thải sau HTXL

STT	Thời gian quan trắc	Nhiệt độ	Bụi	CO	SO ₂	NO _x	H ₂ S	Metyl mercaptan
		°C	mg/Nm ³					
1	23/03/2024	47	23	9,12	KPH	KPH	KPH	KPH
2	22/05/2024	47,5	24	10,3	KPH	KPH	KPH	KPH
3	27/09/2024	37,4	15,4	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
4	16/12/2024	38,1	8,7	KPH	KPH	KPH	0,93	KPH
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, Kp=1 và Kv=0,6 QCVN 20:2009/BTNMT			120	600	510	300	4,5	15

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

Nhận xét: Qua bảng phân tích kết quả chất lượng khí thải trong năm 2023 của Công ty, cho thấy tất cả các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép khi so sánh với quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, Kp=1 và Kv=0,6. Từ đó cho thấy hệ thống lọc bụi, mùi hoạt động tốt, ổn định.

3.2. Kết quả quan trắc khí thải trong năm 2025

- Thời gian quan trắc: 07/03/2025, 17/06/2025, 18/08/2025, 23/10/2025
- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc: khí thải tại ống thải của HTXL mùi
- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

Bảng 15: Kết quả quan trắc năm 2025 khí thải sau HTXL

STT	Thời gian quan trắc	Nhiệt độ	Bụi	CO	SO ₂	NO _x	H ₂ S	Metyl mercaptan
		°C	mg/Nm ³					
1	07/03/2025	35	10,5	KPH	KPH	KPH	0,97	KPH
2	17/06/2025	25	16,1	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
3	18/08/2025	32	13,5	KPH	KPH	KPH	1,63	KPH
4	23/10/2025	31	26,8	KPH	KPH	KPH	4,5	KPH
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, Kp=1 và Kv=0,6 QCVN 20:2009/BTNMT			120	600	510	300	4,5	15

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

Nhận xét: Qua bảng phân tích kết quả chất lượng khí thải trong năm 2024 của Công ty, cho thấy tất cả các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép khi so sánh với quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, Kp=0,9 và Kv=1. Từ đó cho thấy hệ thống lọc bụi hoạt động tốt, ổn định.

4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Thống kê khối lượng chất thải rắn sinh hoạt

TT	CTRSRSH	Khối lượng (Năm 2025) (tấn/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (Năm 2024) (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh như hoa quả, trái cây, thực phẩm dư thừa, bình lọ thủy tinh, hộp sữa, bao bì bánh kẹo, nylon,...	12.000	Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	13.632

Tổng cộng	12.000	-	13.632
------------------	---------------	----------	---------------

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025)

Thống kê khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Nhóm CTRCNTT	Số lượng (Năm 2025) (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm gần nhất (Năm 2023) (kg/năm)
1	Tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận)	25.316	Công ty TNHH Quân Lộc Phát & Công ty CP Môi Trường Xanh VN	19.244
2	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu cho quá trình sản xuất	Không có	-	Không có
3	Chất thải phải xử lý	Không có	-	Không có
Tổng cộng		25.316	-	19.244

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025)

Thống kê khối lượng chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (Năm 2025) (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (Năm 2024) (kg/năm)
1	Dầu thải từ quá trình bảo trì máy móc	17 02 03	37	Công ty CP Môi trường xanh VN, Công ty	25,9
2	Hộp mực in thải	08 02 04	47		68
3	Bùn thải từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp	12 06 05	1.817		960

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (Năm 2025) (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (Năm 2024) (kg/năm)
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	9	TNHH Hà Lộc - -	77
5	Thùng chứa dầu kim loại	18 01 02	-		0
6	Bao tay, giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	35		36
	Tổng khối lượng		1.945		1.166,9

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025)

5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Quá trình hoạt động trong năm 2023 và năm 2024 của công ty tại KCN diễn ra hoàn toàn bình thường. Không có cơ quan nhà nước nào khác đến kiểm tra, thanh tra nhà máy trong vòng 2 năm gần đây.

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ nhà máy tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của nhà máy

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 16: Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

STT	Tên công trình	Thời gian
1	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế 10 m ³ /ngày	Tối đa 06 tháng kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm
2	Hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 16 m ³ /ngày	
3	Hệ thống xử lý khí thải mùi, công suất 3.500 m ³ /giờ	

Công suất dự kiến đạt được của các HTXL chất thải của Nhà máy tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm: khi kết thúc vận hành đạt >50% công suất của hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bảng 17: Kế hoạch về thời gian lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường

Nội dung quan trắc	Thời gian quan trắc dự kiến	Thông số quan trắc	Quy chuẩn áp dụng	Tần số quan trắc	Thiết bị xử lý
Nước thải	- Lấy mẫu lần 1: sau khi nộp văn bản thông báo về Ban quản lý	Đầu vào và đầu ra HTXLNT sản xuất: pH, TSS, COD, BOD₅, Tổng N, Tổng P, NH₄⁺ (tính theo N), Tổng dầu, mỡ khoáng. Đầu vào và đầu ra HTXLNT sinh hoạt: pH, TSS, COD, BOD₅, Tổng N, Tổng P, NH₄⁺ (tính theo N).	Giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Amata	01 mẫu/ngày	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế 10 m³/ngày Hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 16m³/ngày
	- Lấy mẫu lần 2: Liên tiếp sau khi lấy mẫu lần 1. - Lấy mẫu lần 3: Liên tiếp sau khi lấy mẫu lần 2.	Đầu ra HTXLNT: pH, TSS, COD, BOD₅, Tổng N, Tổng P, NH₄⁺ (tính theo N), Tổng dầu, mỡ khoáng.			

Nội dung quan trắc	Thời gian quan trắc dự kiến	Thông số quan trắc	Quy chuẩn áp dụng	Tần số quan trắc	Thiết bị xử lý
Khí thải	- Lấy mẫu lần 1: sau khi nộp văn bản thông báo về Ban quản lý - Lấy mẫu lần 2: Liên tiếp sau khi lấy mẫu lần 1. - Lấy mẫu lần 3: Liên tiếp sau khi lấy mẫu lần 2.	Óng thải sau HTXLKT: lưu lượng, bụi, CO, NO _x , SO ₂ , H ₂ S, Metyl mercaptan	QCVN 19:2024/BTNMT	01 mẫu/ngày	HTXLKT mùi công suất 3.500 m ³ /giờ

1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp thực hiện

Công ty sẽ lựa chọn đơn vị có năng lực thực hiện dịch vụ, đáp ứng được các yêu cầu của cơ quan chức năng.

2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của nhà máy

Căn cứ Điều 97, 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 công ty không thuộc trường hợp quan trắc nước thải, khí thải, không khí xung quanh định kỳ.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Bảng 18: Bảng tổng hợp chi phí cho quan trắc và bảo vệ môi trường hàng năm dự kiến

STT	Hạng mục	Tổng vốn (VNĐ)
1	Chi phí cho hoạt động quản lý, giám sát môi trường:	
	- Quan trắc môi trường định kỳ	50.000.000
	- Bể tự hoại	35.000.000

STT	Hạng mục	Tổng vốn (VNĐ)
	- HTXL nước thải	100.000.000
	- HTXL khí thải	100.000.000
	- Khu vực lưu giữ CTR	50.000.000
	- Chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	150.000.000
2	- Chi phí quản lý môi trường: trồng và chăm sóc cây xanh	55.000.000
	Tổng chi phí quản lý, giám sát môi trường	540.000.000

CHƯƠNG VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam – Chủ cơ sở xin cam kết:

- Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.
- Nghiêm túc thực hiện các biện pháp không chế nguồn ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng phương án kỹ thuật đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường này và những yêu cầu theo giấy phép môi trường.
- Đảm bảo kinh phí đầu tư các công trình xử lý môi trường cũng như kinh phí thực hiện chương trình giám sát môi trường.
- Đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của cơ sở nằm trong giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường:
- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT; QCVN 21:2016/BYT; QCVN 22:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03: 2019/BYT.
 - QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;
 - QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
 - QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
 - Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Amata.
- Đảm bảo việc quản lý chất thải rắn, phế liệu, quy định về quản lý chất thải nguy hại, giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh tuân thủ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.
- Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của báo cáo giấy phép môi trường của cơ sở đã được phê duyệt.
- Có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.
- Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung của giấy phép môi trường được phê duyệt của cơ sở.
- Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ và nộp Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 01 lần/năm đến cơ quan nhà nước.
- Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương và các cơ quan có chuyên môn để xử lý ngay nguồn ô nhiễm này./.

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I : MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN NHÀ MÁY

PHỤ LỤC II: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

PHỤ LỤC III: MỘT SỐ SƠ ĐỒ, BẢN VẼ LIÊN QUAN ĐẾN NHÀ MÁY

**BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5434345185

Chứng nhận lần đầu: ngày 04 tháng 01 năm 2012

Chứng nhận thay đổi lần thứ mười lăm: ngày 05 tháng 5 năm 2025

Chứng nhận thay đổi lần thứ mười sáu: ngày 26 tháng 6 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 204/TTg ngày 06 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5434345185 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ mười lăm ngày 05 tháng 5 năm 2025;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM nộp ngày 23 tháng 6 năm 2025,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM; mã số dự án 5434345185 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ mười lăm ngày 05 tháng 5 năm 2025;

Được đăng ký: Tăng quy mô sản xuất, chế biến thực phẩm ăn liền đóng gói cà ri dạng viên, cà ri dạng khối nén tăng từ 930 tấn sản phẩm/năm lên 2.385 tấn sản phẩm/năm.

Thông tin dự án sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

HOUSE FOODS GROUP INC; Giấy đăng ký doanh nghiệp số 1220-01-005872 ngày 07 tháng 6 năm 1947 tại Nhật Bản.

Địa chỉ trụ sở chính: 1-5-7, Mikuriyasakae-machi, Higashi-Osaka-city, Osaka, Japan.

Người đại diện: Ông HIROSHI URAKAMI; sinh ngày 16 tháng 8 năm 1965; quốc tịch Nhật Bản; hộ chiếu số: TR9220286 cấp ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại Nhật Bản; địa chỉ thường trú: 5-38, Nigawa-cho, Nishinomiya-city, Hyogo, Japan; chức vụ: Chủ tịch.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602703340 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2012, thay đổi lần thứ mười ngày 10 tháng 4 năm 2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM.**
- Mục tiêu và quy mô của dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô	Mã ngành theo VSIC	Mã CPC
01	Sản xuất món tráng miệng dạng bột.	957 tấn sản phẩm/năm.	1079	
02	Sản xuất nước trái cây dạng bột.	1.365 sản phẩm/năm.		
03	Sản xuất, chế biến hỗn hợp chất tạo ngọt các loại.	20 tấn sản phẩm/năm.		
04	Sản xuất, chế biến hỗn hợp bột sữa các loại.	300 tấn sản phẩm/năm.		
05	Chế biến đường nghiền mịn các loại từ nguyên liệu là đường thành phẩm.	200 tấn sản phẩm/năm.		
06	Sản xuất, chế biến thực phẩm ăn liền đóng gói, bao gồm: - Bột gia vị các loại. - Cà ri dạng viên, cà ri dạng khối nén. - Các loại bột rau củ.	500 tấn sản phẩm/năm. 2.385 tấn sản phẩm/năm. 150 tấn sản phẩm/năm.	1075	

07	Sản xuất, chế biến các loại đồ uống pha chế sẵn.	01 tấn sản phẩm/năm.	1075	
08	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.	03 tấn sản phẩm/năm.	1075	
09	Thực hiện hoạt động tư vấn quản lý.		7020	865
10	Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa thuộc 07 nhóm mã HS như sau: 0910, 2009, 2103, 2104, 2106, 2201, 2202.		4632 4633	622

3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô số 239, Khu công nghiệp Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

4. Diện tích đất sử dụng: 15.150,3 m².

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 511.811.200.000 (năm trăm mười một tỷ, tám trăm mười một triệu, hai trăm nghìn) đồng, tương đương 23.556.775 (hai mươi ba triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 483.173.800.000 (bốn trăm tám mươi ba tỷ, một trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm nghìn) đồng, tương đương 22.439.000 (hai mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn) đô la Mỹ; chiếm tỷ lệ 94% tổng vốn đầu tư, do HOUSE FOODS GROUP INC, góp; tiến độ góp vốn: Đã góp đủ.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2012.

Thời hạn hoạt động tại Khu công nghiệp Long Bình (Amata) đến tháng 12 năm 2044. Sau thời hạn trên, nếu Khu công nghiệp Long Bình (Amata) được gia hạn thời gian hoạt động và nhà đầu tư có nhu cầu tiếp tục đầu tư tại địa điểm hiện tại thì phải thỏa thuận về thời hạn và điều kiện thuê đất với Công ty kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Long Bình (Amata) để tiếp tục hoạt động.

Trường hợp Khu công nghiệp Long Bình (Amata) không được gia hạn thêm thời hạn hoạt động, nhà đầu tư phải di dời dự án đến vị trí mới phù hợp để tiếp tục hoạt động hoặc thực hiện thủ tục chấm dứt dự án theo quy định.

7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Đi vào hoạt động từ tháng 6 năm 2013.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.
2. Thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: Theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

Điều 3: Các quy định đối với Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.
2. Triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ đã cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, quy hoạch, lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai dự án đầu tư.
3. Đối với những hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được triển khai kinh doanh sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp giấy phép kinh doanh, giấy tờ có giá trị tương đương và/hoặc đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật.
4. Đối với phần tăng quy mô sản xuất, chế biến thực phẩm ăn liền đóng gói cà ri dạng viên, cà ri dạng khối nén; sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn: Công ty phải hoàn tất thủ tục môi trường theo quy định trước khi triển khai hoạt động.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5434345185 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ mười lăm ngày 05 tháng 5 năm 2025.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Dương Thị Xuân Nương

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3602703340

Đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 01 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 10 tháng 04 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOUSE FOODS VIETNAM CO., LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251 8877225

Fax: 0251 8877226

Email:

Website: housefoods.com.vn

3. Vốn điều lệ : 483.173.800.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi ba tỷ một trăm bảy mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng

tương đương 22.439.000 đô la Mỹ

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: HOUSE FOODS GROUP INC

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 1220-01-005872

Ngày cấp: 07/06/1947 Nơi cấp: Nhật Bản

Địa chỉ trụ sở chính: 1-5-7 Mikuriyasakae-machi, Higashi-Osaka-city, Osaka, NHẬT BẢN

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HIROTSUGU TAMURA

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 22/11/1979

Dân tộc:

Quốc tịch: Nhật Bản

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: TT5642437

Ngày cấp: 15/03/2024

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Nhật Bản

Địa chỉ thường trú: 6-1-26-2-4 Maebara Nishi, Funabashi Shi, Chiba Ken, Nhật Bản

Địa chỉ liên lạc: Số 89 Nguyễn Hữu Cánh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Phan Huy Toàn

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng sản xuất chế biến thực phẩm các loại: Bột gia vị các loại với quy mô 500 tấn sản phẩm/năm; cà ri đóng gói với quy mô 675 tấn sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam tại KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức thực hiện thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng sản xuất chế biến thực phẩm các loại: Bột gia vị các loại với quy mô 500 tấn sản phẩm/năm; cà ri đóng gói với quy mô 675 tấn sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam tại KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, họp tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai vào ngày 16/3/2017;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng sản xuất chế biến thực phẩm các loại: Bột gia vị các loại với quy mô 500 tấn sản phẩm/năm; cà ri đóng gói với quy mô 675 tấn sản phẩm/năm” tại KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình số 02-MT/CV đề ngày 03/5/2017 của Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng sản xuất chế biến thực phẩm các loại: Bột gia vị các loại với quy mô 500 tấn sản phẩm/năm; cà ri đóng gói với quy mô 675 tấn sản phẩm/năm” (sau đây gọi tắt là Dự án) của Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) tại KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Vị trí: Đường số 12, KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Diện tích Dự án: Tổng diện tích 488 m² (trong đó: khu sản xuất bột gia vị 109,8 m² và 02 khu sản xuất cà ri tổng diện tích 378,2 m², các hạng mục khác sử dụng chung với dự án hiện hữu).

1.3. Mục tiêu, sản phẩm: Sản xuất chế biến thực phẩm các loại: Bột gia vị các loại với quy mô 500 tấn sản phẩm/năm; cà ri đóng gói với quy mô 675 tấn sản phẩm/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị của Dự án:

- Có biện pháp bảo đảm không phát tán bụi, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vi phạm quy chuẩn môi trường; đảm bảo an toàn giao thông.

- Thực hiện thu gom, quản lý toàn bộ chất thải phát sinh bao gồm chất thải nguy hại (dầu nhớt thải, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại,...) và xử lý theo quy định.

- Thi công xây dựng công trình môi trường về xử lý chất thải; tách riêng hệ thống thu gom nước mưa và nước thải đối với Dự án.

2.2. Trong quá trình hoạt động của Dự án:

- Thực hiện biện pháp thu gom, xử lý nước thải như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; đảm bảo nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đạt Giới hạn tiếp nhận theo thỏa thuận giữa Chủ dự án với Công ty đầu tư hạ tầng KCN Amata, trước khi đầu nối vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Amata để được tiếp tục xử lý đạt Quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thải vào nguồn tiếp nhận; không được xả nước thải chưa đạt Quy chuẩn ra môi trường; bố trí vị trí đầu nối nước thải ở vị trí thuận lợi, minh bạch cho việc kiểm tra, giám sát.

- Đảm bảo các loại khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; K_v= 0,6; K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT. Thực hiện các biện pháp khống chế, giảm thiểu mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường.

- Bố trí khu vực lưu giữ các loại chất thải đúng quy định; Thu gom, phân loại, xử lý toàn bộ các loại chất thải đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định; Quản lý chất thải rắn theo Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ và quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện báo cáo quan trắc môi trường theo quy định hiện hành (giám sát chất thải với tần suất ít nhất 03 tháng/lần trong quá trình hoạt động của dự án); cập nhật, lưu giữ số liệu phục vụ quá trình kiểm tra, theo dõi.

- Thực hiện các biện pháp khác để bảo vệ môi trường: bố trí diện tích đất trồng cây xanh theo quy định; có kế hoạch tổ chức thực hiện về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước.

- Tuân thủ quy định về công khai thông tin, dữ liệu về môi trường theo quy định tại Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Trường hợp các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo Quy chuẩn mới.

3. Các điều kiện kèm theo đối với Chủ dự án: Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, Đoàn Công an KCN, Công ty đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN trong quá trình chuẩn bị, lắp đặt máy móc thiết bị và hoạt động của dự án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn lao động.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi Ban Quản lý các KCN Đồng Nai để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức.

3. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ban Quản lý các KCN Đồng Nai phối hợp cùng các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Biên Hòa;
- Lưu VT, MT (Đ).

TRƯỞNG BAN *HT*



Cao Tiên Sỹ

Số: 941 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 03 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Xây dựng Nhà máy sản xuất thực phẩm chế biến ăn liền đóng gói dạng bột như món tráng miệng, nước trái cây với quy mô 2.322 tấn sản phẩm/năm” tại KCN Amata, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH thực phẩm House Việt Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Xây dựng Nhà máy sản xuất thực phẩm chế biến ăn liền đóng gói dạng bột như món tráng miệng, nước trái cây với quy mô 2.322 tấn sản phẩm/năm” tại KCN Amata, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH thực phẩm House Việt Nam, họp ngày 17/02/2012 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng Nhà máy sản xuất thực phẩm chế biến ăn liền đóng gói dạng bột như món tráng miệng, nước trái cây với quy mô 2.322 tấn sản phẩm/năm” tại KCN Amata, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai đã được chỉnh sửa bổ sung tại Văn bản số 03/HF-CV.2012 ngày 05/3/2012 của Công ty TNHH thực phẩm House Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 144/TTr-TNMT ngày 27/3/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Xây dựng Nhà máy sản xuất thực phẩm chế biến ăn liền đóng gói dạng bột như món tráng miệng, nước trái cây với quy mô 2.322 tấn sản phẩm/năm” tại KCN Amata, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH thực phẩm House Việt Nam (dưới đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Vị trí: Lô 239, KCN Amata, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Tổng diện tích: 15.150,3m²;

1.3. Sản phẩm:

- Bột trắng miệng: 957 tấn/năm;
- Bột nước trái cây: 1.365 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

Tuân thủ quy hoạch tổng thể của dự án và địa phương đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Quy hoạch bố trí các khu chức năng phải gắn liền với bảo vệ môi trường. Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các biện pháp thu gom và xử lý các loại chất thải đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam về môi trường; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu sau đây:

2.1) Trong giai đoạn thi công, xây dựng dự án:

- Có biện pháp bảo đảm không phát tán bụi, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vi phạm quy chuẩn môi trường; thực hiện che chắn, không làm rơi vãi bùn đất đối với xe ra vào công trường và trên đường vận chuyển; đảm bảo an toàn giao thông.

- Bố trí khu vực thu gom và xử lý chất thải công trường, lưu ý quản lý riêng chất thải nguy hại đúng quy định (dầu nhớt thải, giẻ lau nhiễm dầu,...); thi công hệ thống thoát nước, không gây ngập úng (nhất là vào mùa mưa).

- Thi công xây dựng công trình môi trường về xử lý chất thải; xây dựng tách riêng hệ thống thu gom nước mưa và nước thải đối với dự án.

- Trước khi đưa dự án vào vận hành, chủ dự án phải lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (chi tiết theo quy định tại Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường).

2.2) Trong quá trình hoạt động dự án:

- Vận hành công trình xử lý nước thải cục bộ, xử lý nước thải đạt giới hạn tiếp nhận nước thải theo thoả thuận của chủ dự án với phía đơn vị quản lý hạ tầng KCN Amata là Công ty Cổ phần Amata (Việt Nam); không được để nước thải tự thấm xuống đất; không được xả nước thải chưa đạt quy chuẩn ra môi trường; bố trí cửa xả nước thải ở vị trí thuận lợi, minh bạch cho việc kiểm tra, giám sát.

- Thực hiện các biện pháp khống chế, giảm thiểu ô nhiễm do khí thải, bụi, mùi hôi; Vận hành công trình xử lý khí thải (đối với trường hợp đầu tư công trình xử lý khí thải từ máy phát điện dự phòng không đạt quy chuẩn) đạt các

0908940944

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, ứng với $K_v = 0.8$; K_p theo lưu lượng khí thải thực tế và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải vào môi trường tiếp nhận. Thực hiện giám sát đối với môi trường không khí xung quanh theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường QCVN 05:2009/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT.

- Bố trí khu vực lưu giữ các loại chất thải đúng quy định; Thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ các loại chất thải bảo đảm an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định. Quản lý chất thải rắn theo Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ và quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện báo cáo giám sát định kỳ 6 tháng/lần (giám sát chất thải với tần suất ít nhất 03 (ba) tháng một lần và giám sát môi trường xung quanh 6 (sáu) tháng/lần trong quá trình hoạt động của dự án); cập nhật, lưu giữ số liệu quan trắc và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, kiểm tra.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác: bố trí diện tích đất trồng cây xanh theo quy định; có kế hoạch tổ chức thực hiện về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn hoá chất, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước.

- Tuân thủ quy định về công khai thông tin, dữ liệu về môi trường theo quy định tại Nghị định số 29/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính Phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính Phủ.

2.3. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quy trình thi công, xây dựng và hoạt động dự án để bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn lao động; thực hiện chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đối với người lao động tham gia thi công, xây dựng và vận hành dự án.

2.4. Dự án chỉ được phép đi vào hoạt động sau khi chủ dự án đã hoàn thành thực hiện các nội dung cam kết bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, các yêu cầu bảo vệ môi trường nêu trên và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về môi trường kiểm tra, cấp giấy xác nhận theo quy định.

2.5. Trường hợp các quy chuẩn quốc gia có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn mới.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án, gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư của Dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa, Chủ tịch UBND phường Long Bình, Chủ dự án – Công ty TNHH thực phẩm House Việt Nam và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;

Lưu: VT, CNN, KT.

QĐĐTM. XdNhamaysxthucphamchebienanlien-CtythucphamHouseVN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thị Mỹ Thanh

GIẤY XÁC NHẬN
VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH
của Dự án “Nhà máy sản xuất thực phẩm chế biến ăn liền đóng gói dạng bột như món tráng miệng, nước trái cây với quy mô 2.322 tấn sản phẩm/năm” tại KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH thực phẩm House Việt Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về Đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Nhà máy sản xuất thực phẩm chế biến ăn liền đóng gói dạng bột như món tráng miệng, nước trái cây với quy mô 2.322 tấn sản phẩm/năm” tại KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH thực phẩm House Việt Nam vào ngày 09/7/2013;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1246/TTr-STNMT ngày 24/10/2013,

XÁC NHẬN:

Điều 1. Công ty TNHH thực phẩm House Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Nhà máy sản xuất thực phẩm chế biến ăn liền đóng gói dạng bột như món tráng miệng, nước trái cây với quy mô 2.322 tấn sản phẩm/năm” tại KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, bao gồm các hạng mục sau đây:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải; hệ thống thu gom, thoát nước mưa:

- Đã xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước mưa tách riêng với mạng lưới thu gom nước thải.

- Đã xây dựng mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt từ nhà ăn, cụm nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và được thu gom, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ, công suất 16m³/ngày.đêm; nước thải sản xuất từ việc vệ sinh các bồn chứa, máy móc thiết bị được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ, công suất 16m³/ngày.đêm để xử lý;

- Thực hiện đầu nối vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Amata (theo Hợp đồng thuê bất động sản ngày 23/2/2013).

2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Đã bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, diện tích 20 m²; có lắp đặt dấu hiệu cảnh báo và các thông tin theo quy định; có bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường.

- Đã được Chi cục Bảo vệ môi trường cấp Sở đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 145/SĐK-CCBVMT ngày 18/6/2013 (Mã số QLCTNH: 75.001994.T).

- Đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH Một thành viên Thanh Tùng 2 để thu gom theo hợp đồng ngày 21/5/2013.

- Đã ký hợp đồng thu mua phế liệu với Công ty TNHH Một thành viên Thanh Tùng 2 để thu gom theo Hợp đồng số 02/2013/PL/TT2-CY ngày 22/01/2013.

- Đã ký hợp đồng thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt với Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Môi trường Đô thị Đồng Nai để thu gom, xử lý theo Hợp đồng số 508/2013/HĐDV.RT ngày 14/12/2012.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Đã được Sở Cảnh sát PC & CC tỉnh Đồng Nai nghiệm thu hệ thống Phòng cháy chữa cháy (Văn bản số 297/SPCCC-PC ngày 8/11/2012).

Điều 2: Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây trong giai đoạn tiếp theo của dự án:

1. Tiếp tục thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo, triển khai thực hiện các hạng mục, phân kỳ đầu tư tiếp theo của Dự án và các yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 941/QĐ-UBND ngày 03/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

2. Tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đã nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này, đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

3. Vận hành các công trình xử lý chất thải đã nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này theo đúng thiết kế, đảm bảo các quy trình, quy phạm kỹ thuật.

4. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

5. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành phân kỳ đầu tư của Dự án và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH thực phẩm House Việt Nam (để thực hiện);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Biên Hòa;
- Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;
- Phòng Cảnh sát Phòng, chống tội phạm về MT;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Lưu: VT, CNN, KT.

GXN.hoanthanhcongtrinhBVMT-CtyThucphamHouseVN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Chánh

Đồng Nai, ngày 25 tháng 12 năm 2019

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án “Mở rộng sản xuất chế biến thực phẩm các loại: Bột gia vị các loại với quy mô 500 tấn sản phẩm/năm; Cà ri đóng gói với quy mô 675 tấn sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam tại Lô 239, KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI
XÁC NHẬN:

I. Thông tin chung về dự án:

1. Tên chủ dự án: Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam.
2. Địa chỉ liên hệ: Lô 239, KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô 239, KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
4. Điện thoại: 0251.8.877.225 Fax: 0251.8.877.226
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3602703340 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 04/01/2012; Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 08/03/2019.
Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 5434345185 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp, chứng nhận lần đầu ngày 04/01/2012; Chứng nhận thay đổi lần thứ mười ngày 12/03/2019.
6. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 115/QĐ-KCNĐN ngày 22/05/2017 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án “Mở rộng sản xuất, chế biến thực phẩm các loại: Bột gia vị các loại với quy mô 500 tấn sản phẩm/năm; Cà ri đóng gói với quy mô 675 tấn sản phẩm/năm” tại Lô 239, KCN Amata, thành phố Biên Hòa của Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam (tại Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2 và 3 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án./

Nơi nhận:

- Cty TNHH Thực phẩm House VN;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Biên Hòa;
- Lưu VT, MT (Tuyết).

TRƯỞNG BAN




Cao Tiến Sỹ

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: 191/XN-KCNĐN ngày 25 tháng 12 năm 2019
của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai)

1. Công trình xử lý nước thải:

1.1. Thu gom nước mưa: Hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải và được đấu nối vào hệ thống thu gom thoát nước mưa của KCN Amata 02 hồ ga trên đường số 12.

1.2. Thu gom, xử lý nước thải:

Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng tách riêng với tuyến thu gom nước mưa.

- Tổng lượng nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm (cả dự án hiện hữu và nâng công suất) phát sinh khoảng 14,9 m³/ngày, trong đó:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh của văn phòng, nhà xưởng (lượng phát sinh khoảng 5,9 m³/ngày của 44 lao động) được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải cục bộ hiện hữu công suất 16 m³/ngày.đêm của Công ty để xử lý trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

+ Nước thải sản xuất (lượng phát sinh khoảng 7,5 m³/ngày) bao gồm: nước thải sản xuất phát sinh từ khu vực sản xuất bột làm bánh khoảng 02 m³/ngày (của dự án hiện hữu); nước thải từ vệ sinh máy móc, thiết bị (khoảng 02 m³/ngày), từ hệ thống xử lý mùi cà ri khoảng 02 m³/ngày và nước xả đáy lò hơi trước (định kỳ xả thải khoảng 1,5 m³/lần xả) được thu gom hệ thống xử lý nước thải cục bộ của Công ty để xử lý trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

- Các công trình xử lý môi trường đã xây lắp:

+ Dự án hiện hữu (sản xuất bột làm bánh) đã đầu tư 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 16 m³/ngày.đêm để thu gom, xử lý nước thải sản xuất phát sinh từ khu vực sản xuất bột làm bánh và nước thải sinh hoạt của toàn nhà máy. Công trình này đã được xác nhận tại Giấy xác nhận số 3768/GXN-UBND ngày 15/11/2013 của UBND tỉnh. Quy trình xử lý gồm các công đoạn sau: Nước thải → hồ bơm chìm → hồ thu/tách chất nổi → song chắn rác → bể điều hòa → bể khử Nitơ → bể nitrat hóa → bể lắng → bể khử trùng → bể chứa nước đầu ra.

+ Dự án (mở rộng sản phẩm bột gia vị, cà ri) đầu tư 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 10 m³/ngày.đêm để thu gom, xử lý nước thải từ vệ sinh máy móc, thiết bị, từ hệ thống xử lý mùi cà ri, nước xả đáy lò hơi. Quy trình xử lý gồm các công đoạn sau: Nước thải → bể chứa nước thô → bể phản ứng → bể điều chỉnh pH → bể tạo bông → bể tuyển nổi → nước sau xử lý.

Toàn bộ nước thải sau xử lý sơ bộ của nhà máy được thu gom đưa về chung 01 hồ ga và đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN tại 01 vị trí trên

đường số 12.

- Kết quả thu, phân tích mẫu nước thải sau hệ thống xử lý, tại hố ga đầu nối với KCN, mã số MS1907.0627 ngày 29/7/2019 do Trung tâm Công nghệ và Quản lý Môi trường thực hiện cho thấy có 10/10 thông số phân tích: pH, độ màu TSS, BOD₅, COD, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, dầu mỡ động thực vật, dầu mỡ khoáng đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Amata.

2. Công trình xử lý bụi, khí thải:

- Dự án đã lắp đặt 01 hệ thống lý bụi, mùi trong khu vực sản xuất cà ri. Quy trình xử lý như sau: khí, mùi → chụp hút → thiết bị xử lý (scrubber) → ống thải.

- Công ty sử dụng 01 lò hơi sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng LPG, công suất 01 tấn/giờ.

- Kết quả thu, phân tích mẫu khí thải sau hệ thống xử lý bụi mùi trong khu vực sản xuất cà ri, mã số MS1908.0494-0496 ngày 19/8/2019 do Trung tâm Công nghệ và Quản lý Môi trường thực hiện cho thấy có 6/6 thông số phân tích: Bụi tổng, NO_x, SO₂, CO, H₂S, CH₃SH đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B với K_p = 1; K_v = 0,6) và QCVN 20:2009/BTNMT.

3. Công trình xử lý, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH):

3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Công ty đã bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn với tổng diện tích là 50 m², trong đó khu lưu giữ chất thải rắn thông thường là 25 m².

- Đã hợp đồng thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt với Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi (hợp đồng số 236/2019/HĐ.RT ngày 02/01/2019); hợp đồng thu mua phế liệu với Công ty TNHH MTV Phú Đại Thành (theo hợp đồng số 01-2019/HFV-PĐT ngày 01/01/2019);

3.2. Công trình lưu giữ CTNH:

- Khu lưu chứa chất thải nguy hại, diện tích 25 m² có mái che, thực hiện gắn biển báo, dán nhãn mã CTNH theo quy định.

- Đã hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH Tân Phát Tài (theo hợp đồng số 058-19/HĐXL-TPT ngày 01/01/2019).

4. Các hạng mục khác:

- Công ty đã được Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Đồng Nai cấp văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC số 297/SPCCC-PC ngày 08/11/2012.

- Có bố trí diện tích trồng cây xanh, thảm cỏ theo quy định.

5. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam kèm theo được Ban Quản lý các KCN Đồng Nai đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này.

6. Yêu cầu khác:

6.1. Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

6.2. Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa sự cố môi trường và ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 108 và Điều 109 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP





PROPERTY LEASE AGREEMENT
HỢP ĐỒNG THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN

Between
Giữa

AMATA (VIETNAM) JOINT STOCK COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN AMATA (VIỆT NAM)

And
Và

HOUSE FOODS VIETNAM CO., LTD.
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM



23 February 2012
Ngày 23 tháng 02 năm 2012

HỢP ĐỒNG THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN

HỢP ĐỒNG THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN này được lập tại thành phố Biên Hòa vào ngày 23 tháng 02 năm 2012,

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN AMATA (VIỆT NAM), nguyên là một công ty liên doanh được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam, theo Giấy Phép Đầu Tư số 1100/GP do Ủy Ban Hợp tác và Đầu tư cấp ngày 31/12/1994, đăng ký lại thành Công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 472022000132 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 07/05/2007 và sau đó được Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp phép chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 472033000132 cấp ngày 29/04/2009, có trụ sở đăng ký đặt tại Khu Công Nghiệp Amata, phường Long Bình, thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (dưới đây gọi là "**Bên Cho Thuê**");

VÀ

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM, một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam, theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 472043000914 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 04/01/2012, có trụ sở đăng ký tại Lô 239, Đường 12, Khu Công Nghiệp Amata, phường Long Bình, thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (dưới đây gọi là "**Bên Thuê**").

ĐẠI DIỆN CỦA CÁC BÊN

Đại diện của Các Bên được ủy quyền thay mặt cho mỗi bên ký Hợp Đồng này là:

Bên Cho Thuê:

Pháp nhân đại diện:	TS. Huỳnh Ngọc Phiên	Bà Phạm Thị Thanh Hương
Chức vụ:	Tổng Giám Đốc	Phó Tổng Giám Đốc
Quốc tịch:	Việt Nam	Việt Nam

Bên Thuê:

Pháp nhân đại diện:	Ông Masakazu Yamaguchi
Chức vụ:	Tổng Giám Đốc
Quốc tịch:	Nhật Bản

GIỚI THIỆU:

- (A) Bên Cho Thuê được Chính Quyền cấp quyền sử dụng đất để phát triển Khu công nghiệp Amata tại phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- (B) Bên Cho Thuê được phép cho thuê lại các lô đất trong Khu Công Nghiệp Amata.



Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

- (C) Bên Cho Thuê đồng ý cho Bên Thuê thuê Bất Động Sản theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này.

CÁC BÊN THỎA THUẬN RẰNG:

ĐỊNH NGHĨA:

Trong Hợp Đồng này, các cụm từ sau có nghĩa là:

“Bất Động Sản” là lô đất sẵn sàng cho thuê lại nằm trong Khu Công Nghiệp Amata như đề cập trong **PHỤ LỤC I** của Hợp Đồng này;

“Hợp Đồng Thuê Bất Động Sản” là Hợp Đồng Thuê Bất Động Sản liên quan đến Bất Động Sản, sau đây gọi tắt là **Hợp đồng**;

“Thời Hạn” là ngày bàn giao Bất Động Sản cho đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2044;

“Ngày hết hạn” là ngày 30 tháng 11 năm 2044, ngày mà Thời hạn của Hợp đồng này kết thúc.

“Ngày bàn giao” là ngày Bên Cho Thuê chính thức bàn giao Bất Động Sản cho Bên Thuê, với điều kiện là ngày đó sẽ không trễ hơn 07 (bảy) ngày tính từ ngày ký Hợp đồng này và Bên Cho Thuê sẽ ký với Bên Thuê một biên bản bàn giao.

“Tiền Thuê” là các khoản tiền phải trả cho Bên Cho Thuê cho việc thuê Bất Động Sản theo **Điều 3** của Hợp Đồng này;

“Phí sử dụng hạ tầng” là chi phí mà Bên Thuê trả cho Bên Cho Thuê cho việc Bên Thuê sử dụng các cơ sở hạ tầng công cộng của Khu công nghiệp Amata và không bao gồm chi phí quản lý và các phí dịch vụ được quy định tại **PHỤ LỤC III**.

“Điện lực Amata (Biên Hòa)” là Công ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa) - công ty cung cấp điện cho Khu Công Nghiệp Amata;

“Hợp Đồng Cung Cấp Điện” là Hợp Đồng Cung Cấp Điện được thực hiện bởi Bên Thuê và Điện lực Amata (Biên Hòa);

“Chi Phí Giữ Đất và Hỗ Trợ Đầu Tư” bao gồm chi phí của Bên Cho Thuê cho lợi ích bị mất đi từ việc giới thiệu và giữ đất và chi phí cho dịch vụ thực hiện các thủ tục pháp lý (Giấy chứng nhận đầu tư, con dấu, mã số thuế, đăng ký cơ cấu tổ chức quản lý) và các dịch vụ hỗ trợ cần thiết khác cho Bên Thuê trước khi Bên Thuê chính thức đi vào hoạt động.

“Mục Đích Sử Dụng Cho Phép” là ngành nghề kinh doanh mà Bên Thuê được phép tiến hành theo Giấy chứng nhận đầu tư do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp cho Bên Thuê.

1. CHO THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN

- 1.1 Bên Cho Thuê sẽ cho Bên Thuê thuê Bất Động Sản và Bên Thuê sẽ thuê Bất Động




Sản từ Bên Cho Thuê trong Thời Hạn theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Hợp đồng.

- 1.2 Bất Động Sản là Lô đất số 239 có tổng diện tích 15.150,3m² như đề cập trong **PHỤ LỤC I**.

2. SỬ DỤNG BẤT ĐỘNG SẢN

- 2.1 Bên Thuê phải luôn tuân thủ đầy đủ Pháp Luật Việt Nam và các điều khoản được quy định trong Giấy Chứng Nhận Đầu Tư trong việc sử dụng Bất Động Sản căn cứ vào Quy Tắc và Quy Định như đã nêu ở **PHỤ LỤC II**.
- 2.2 Bên Thuê được quyền sử dụng các dịch vụ và tiện ích của Bên Cho Thuê hoặc Đại diện có thẩm quyền và trả các phí quản lý và dịch vụ tương ứng như đã nêu trong **PHỤ LỤC III**.
- 2.3 Bên Thuê được quyền sử dụng Bất Động Sản trong suốt Thời hạn.
- 2.4 Bên Cho Thuê cam kết rằng Bên Thuê sẽ có quyền ưu tiên cao nhất so với bất kỳ bên thứ ba nào trong việc gia hạn Thời hạn với Bên Cho Thuê hoặc người kế nhiệm của Bên Cho Thuê, người sẽ là Bên Cho Thuê của Bất Động Sản tại thời điểm ký kết Hợp đồng mới, được quy định cụ thể trong ba trường hợp dưới đây:
- a) **Trường hợp thứ nhất:** Trước Ngày hết hạn, nếu Bên Cho Thuê có thể nhận được sự chấp thuận của Chính Quyền để gia hạn thời hạn thuê cho toàn bộ diện tích đất của Khu công nghiệp Amata, Bên Cho Thuê cam kết rằng Bên Thuê sẽ có quyền ưu tiên cao nhất so với bất kỳ bên thứ ba nào để gia hạn Thời hạn với các điều khoản và điều kiện thuê được đồng ý bởi cả Hai Bên theo Hợp đồng thuê bất động sản mới, trừ phi chính Bên Thuê quyết định khác. Trong trường hợp này và trong phạm vi được Pháp Luật Việt Nam cho phép, Thời hạn sẽ được gia hạn tương ứng.
- b) **Trường hợp thứ hai:** Trước Ngày hết hạn, nếu Bên Cho Thuê không nhận được sự chấp thuận của Chính Quyền để gia hạn thời hạn thuê cho toàn bộ diện tích đất của Khu công nghiệp Amata, nhưng Chính Quyền lại chấp thuận cho một bên thứ ba quản lý Khu Công Nghiệp Amata thì trong phạm vi Pháp Luật Việt Nam cho phép, Bên Thuê sẽ có quyền đàm phán với bên thứ ba đó để gia hạn Thời hạn. Bên Cho Thuê cũng cam kết sẽ bằng nỗ lực của mình hỗ trợ Bên Thuê một cách tốt nhất trong việc đàm phán với bên thứ ba ấy.
- c) **Trường hợp thứ ba:** Trước Ngày hết hạn, nếu Chính quyền quyết định thu hồi toàn bộ đất của Khu công nghiệp Amata, Hợp đồng này sẽ được chấm dứt và Nhà xưởng sẽ được dỡ bỏ theo quy định tại **Điều 10.1** của Hợp đồng này.

3. THANH TOÁN TIỀN THUÊ

- 3.1 Khoản tiền cọc 3.023.825.794 đồng do House Foods Corporation, chủ sở hữu của Bên Thuê trả vào ngày 12 tháng 12 năm 2011 theo Hợp Đồng Giữ Chỗ ký kết ngày 07 tháng 12 năm 2011 sẽ không được hoàn lại. Tuy nhiên, khi các bên ký kết Hợp

any

đồng này, Tiền Cọc sẽ được ghi có vào Tiền Thuê theo Điều 3.3.

3.2 **Tiền Thuê** bao gồm 3 khoản phải trả dưới đây :

- (a) Chi phí giữ đất và hỗ trợ đầu tư 105.100 đồng/m² sẽ được trả vào năm đầu tiên của thời hạn thuê đất.
- (b) Phí sử dụng hạ tầng là 1.891.800 đồng/m² cho toàn thời hạn thuê kể từ ngày bàn giao đến ngày 30 tháng 11 năm 2044.
- (c) Tiền thuê đất thô được trả hàng năm theo mức giá công bố của Nhà nước. Tiền thuê đất thô năm đầu tiên được tính từ ngày bàn giao đất cho đến hết năm và được thanh toán vào ngày bàn giao. Những năm tiếp theo của thời hạn thuê, tiền thuê đất thô sẽ được thanh toán trong tháng đầu tiên của mỗi năm. Trong trường hợp tại thời điểm thu tiền thuê đất thô chưa có thông báo về mức giá của năm đó, tiền thuê sẽ được tạm thu theo giá của năm trước và sẽ được truy thu hoặc hoàn trả cho khoản chênh lệch (nếu có) so với mức giá mới.

3.3 Tổng tiền thuê bao gồm Chi phí giữ đất và hỗ trợ đầu tư và Phí sử dụng hạ tầng (được đề cập ở đây là **Tiền thuê**) là 30.253.634.070 đồng. Bên Thuê phải thanh toán khoản Tiền thuê là 27.229.808.276 đồng (30.253.634.070 đồng - Tiền Đặt Cọc 3.023.825.794 đồng) chậm nhất vào ngày 01 tháng 03 năm 2012.

3.4 Tiền Thuê phải được thanh toán:

- (a) bằng tiền có nguồn gốc rõ ràng;
- (b) bằng Đồng Việt Nam;
- (c) không bao gồm các khoản sau:
 - (i) bất cứ phí chuyển khoản ngân hàng, hay các loại thuế (phát sinh ở Việt Nam hay ở nước ngoài) liên quan đến việc chuyển Tiền Thuê; và
 - (ii) Thuế GTGT, và các loại thuế/phí khác mà Bên Thuê phải trả liên quan đến việc thuê Bất Động Sản theo Hợp Đồng này;
- (d) bằng cách chuyển khoản vào Tài Khoản của Bên Cho Thuê hoặc vào tài khoản ngân hàng khác mà Bên Cho Thuê thông báo cho Bên Thuê tùy từng thời điểm.

3.5 Nếu Bên Thuê không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào trong Hợp Đồng vào kỳ hạn thanh toán và các phí dịch vụ quy định, thì Bên Cho Thuê được quyền tính lãi suất trên các khoản thanh toán quá hạn của Bên Thuê theo theo Lãi Suất Phạt 18% mỗi năm tính từ ngày hết hạn cho đến ngày Bên Cho Thuê nhận được khoản thanh toán nợ của Bên Thuê.

4. **NHÀ XƯỞNG TRÊN BẤT ĐỘNG SẢN**

4.1 Bên Thuê được quyền xây dựng Nhà xưởng trong khuôn viên Bất Động Sản sau




khi Bên Thuê, Bên Cho Thuê, và Nhà Thầu Xây Dựng của Bên Thuê đã ký Bản Thỏa Thuận Ghi Nhớ. Mẫu của Bản Thỏa Thuận Ghi Nhớ nằm trong phần **Phụ Đính**.

- 4.2 Nhà xưởng cũng như bất kỳ chỉnh sửa tôn tạo nào và các loại máy móc hoặc vật chất khác gắn liền với Nhà xưởng sẽ là tài sản của Bên Thuê.

Quyền sở hữu của Bên Thuê đối với Nhà xưởng (bao gồm bất kỳ chỉnh sửa tôn tạo nào và các loại máy móc hoặc vật chất khác gắn liền với nó) có thể không bị giới hạn trong Thời hạn và theo sự chấp thuận của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Trường hợp Hợp đồng này chấm dứt trước Ngày hết hạn vì bất kỳ lý do nào, Bên Thuê được quyền chuyển nhượng Nhà xưởng cho bên thứ ba với điều kiện là bên thứ ba đó chỉ sử dụng nhà xưởng cho các mục đích công nghiệp cũng như nhận được sự chấp thuận/đồng ý của DIZA và Bên Cho Thuê. Trong trường hợp này, Bên Cho Thuê sẽ tiến hành ký kết với bên thứ ba ấy một Hợp đồng thuê bất động sản mới để cho thuê Bất Động Sản.

- 4.3 Nếu Bên Thuê không tuân thủ đầy đủ tất cả các nghĩa vụ theo Hợp Đồng này, trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên Cho Thuê, Bên Cho Thuê có thể giải quyết bằng cách đưa vấn đề này lên Tòa Án theo **Điều 12** với điều kiện Bên Cho Thuê sẽ là người được ưu tiên thanh toán.

5. NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHO THUÊ ĐỐI VỚI BẤT ĐỘNG SẢN

- 5.1 Bên Cho Thuê phải bàn giao quyền sử dụng Bất Động Sản cho Bên Thuê vào Ngày bàn giao. Bên Cho Thuê phải tiến hành thủ tục cần thiết cũng như hỗ trợ Bên Thuê trong việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bất Động Sản sau khi Bên Thuê đã thanh toán đầy đủ tiền thuê lại đất như nêu tại **Điều 3**.

Bên Cho Thuê cũng sẽ nỗ lực hết mình để hỗ trợ Bên Thuê (nếu Bên Thuê yêu cầu) trong việc xin cấp giấy phép xây dựng hay bất kỳ giấy phép, sự chấp thuận hay sự cho phép cần thiết nào liên quan đến việc xây dựng và vận hành Nhà xưởng. Bên Thuê sẽ chịu tất cả chi phí phát sinh cho hoạt động này.

- 5.2 Bên Cho Thuê sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các Công ty dịch vụ trong Khu công nghiệp Amata trong việc phát triển và cung cấp dịch vụ viễn thông. Bên Cho Thuê sẽ hỗ trợ Bên Thuê để xin phép sử dụng đường dây điện thoại. Bên Thuê sẽ chịu tất cả các chi phí liên quan đến việc xin phép và lắp đặt đường dây điện thoại của mình.

Ngoại trừ nguyên nhân gây ra do bên thứ ba hoặc là bất khả kháng, nếu cơ sở hạ tầng công cộng trong Khu công nghiệp Amata (hệ thống đường, hệ thống chiếu sáng, hệ thống cung cấp nước, hệ thống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải) không được cung cấp ổn định do lỗi của Bên Cho Thuê trong việc duy trì cơ sở hạ tầng, Bên Cho Thuê sẽ chịu trách nhiệm đối với những mất mát, thiệt hại hoặc khiếu nại hợp lý mà Bên Thuê phải chịu. Ngoài ra, nếu cơ sở hạ tầng công cộng như đã nêu ở điều này không được cung cấp trong hơn 30 ngày, trừ trường hợp hệ thống bị hư hỏng do lỗi của bên thứ ba hoặc do bất khả kháng, và điều này gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc vận hành Nhà xưởng, Bên Thuê có quyền, bằng quyết định của mình, đơn phương chấm dứt Hợp đồng này theo quy định tại **Điều 10.5** của Hợp đồng.

ml

my

- 5.3 Bên Cho Thuê có nghĩa vụ duy trì đúng cách cơ sở hạ tầng công cộng của Khu công nghiệp Amata để đảm bảo cơ sở hạ tầng hoạt động đầy đủ.

Với điều kiện là Bên Thuê thanh toán đầy đủ và đúng hạn Phí quản lý và các Phí dịch vụ theo quy định tại **PHỤ LỤC III** của Hợp đồng, Bên Cho Thuê phải cố gắng tối đa để đảm bảo rằng các nhà cung cấp như nhà cung cấp nước, nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, nhà cung cấp điện sẽ duy trì cung cấp các dịch vụ này cho Bất Động Sản trong suốt Thời hạn. Tuy nhiên, do Bên Cho Thuê không phải là nhà cung cấp những dịch vụ này nên Bên Cho Thuê sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ mất mát, thiệt hại hoặc khiếu nại nào mà Bên Thuê phải chịu trong trường hợp các nhà cung cấp ấy không duy trì cung cấp cho Bên Thuê.

- 5.4 Bên Cho Thuê và **Điện Lực Amata (Biên Hòa)** phải cung cấp cho Bên Thuê:

- (a) nguồn điện 22 KV;
- (b) đường dây điện tới ranh giới bên ngoài của Bất Động Sản;

Việc cung cấp điện sẽ do Điện Lực Amata (Biên Hòa) thực hiện.

Để đảm bảo Bên Cho Thuê /đại diện của Bên Cho Thuê có đủ công suất cung cấp điện, Bên Thuê phải đăng ký lượng tiêu thụ điện là 1.000KVA vào ngày sử dụng là tháng 10 năm 2012. Nếu có sự khác biệt giữa công suất tiêu thụ đăng ký và công suất tiêu thụ thực tế, Bên Thuê phải thông báo trước tối thiểu 90 ngày bằng văn bản cho Bên Cho Thuê và Điện Lực Amata (Biên Hòa) về việc tăng/giảm số lượng đó.

- 5.5 Bên Cho Thuê phải cố gắng tối đa để đảm bảo rằng Điện Lực Amata (Biên Hòa) cung cấp nguồn điện ổn định với Tổng Công Suất Điện cho Bên Thuê.

- 5.6 Áp lực nước không thấp hơn $1,2 \text{ kgf/cm}^2$ sẽ được cung cấp đến phần ranh giới bên ngoài của Bất Động Sản với chất lượng nước theo tiêu chuẩn của Công ty cấp nước Đồng Nai.

Để đảm bảo Bên Cho Thuê/đại diện của Bên Cho Thuê có đủ công suất cung cấp nước, Bên Thuê phải đăng ký lượng tiêu thụ nước là $27\text{m}^3/\text{ngày}$ vào ngày sử dụng là tháng 10 năm 2012. Nếu có sự khác biệt giữa công suất tiêu thụ đăng ký và công suất tiêu thụ thực tế, Bên Thuê phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên Cho Thuê về việc tăng/giảm số lượng đó tối thiểu 90 ngày.

- 5.7 Bất kỳ lúc nào Bên Thuê vi phạm các điều khoản theo Hợp Đồng này hoặc vi phạm Pháp Luật Việt Nam có liên quan, Bên Cho Thuê sẽ không có trách nhiệm duy trì hoặc vận hành các nguồn cung cấp tiện ích cho Bất Động Sản hoặc sẽ không cho phép Bên Thuê xả nước thải vào hệ thống thoát nước trung tâm của Bên Cho Thuê. Khi đó Bên Thuê sẽ hoàn toàn gánh chịu trách nhiệm về các thiệt hại/tổn thất trong kinh doanh; và các vấn đề liên quan đến môi trường do việc không xử lý hoặc xử lý không đạt nước thải của mình.

- 5.8 Bên Cho Thuê/hoặc đại diện của Bên Cho Thuê phải duy trì cơ sở hạ tầng công cộng của Khu Công Nghiệp Amata trong suốt Thời Hạn bằng nguồn kinh phí quản lý do tất cả các Nhà xưởng trong Khu Công Nghiệp Amata đóng góp và Bên Cho Thuê phải quản lý cung cấp dịch vụ công cộng cho Bên Thuê theo Hợp Đồng này



với điều kiện là Bên Thuê tuân thủ mọi qui định liên quan áp dụng trong Hợp Đồng và liên quan đến việc cung cấp dịch vụ công cộng và các điều khoản ở đây và phải trả phí quản lý và tất cả phí dịch vụ như đề cập ở **PHỤ LỤC III**.

6. NGHĨA VỤ CỦA BÊN THUÊ ĐỐI VỚI BẤT ĐỘNG SẢN

- 6.1 Bên Thuê không được phép chuyển nhượng Bất động sản. Tuy nhiên, Bên Thuê có quyền chuyển nhượng Bất Động Sản và chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Nhà xưởng cũng như các tài sản của Bên Thuê gắn với Bất Động Sản cho bên thứ ba tại bất kỳ thời điểm nào trong Thời Hạn với các điều kiện như sau: (1) Bên Thuê phải nhận được sự chấp thuận từ các cơ quan hữu quan của Việt Nam và của Bên Cho Thuê (để tránh các dự án không phù hợp/ô nhiễm); (2) Bên Thuê đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán Tiền Thuê bất động sản, phí quản lý và các phí dịch vụ nêu tại **PHỤ LỤC III** cho đến ngày Bên thứ ba nhận bàn giao bất động sản từ Bên Thuê và (3) Bên Thuê phải ngay lập tức thông báo bằng văn bản cho Bên Cho Thuê về việc chuyển nhượng Bất Động Sản, chuyển nhượng Nhà xưởng và các tài sản sản khác.

Trong trường hợp này, Bên thứ ba phải ký kết Hợp đồng thuê Bất động sản với Bên Cho Thuê, nội dung và các điều khoản của Hợp Đồng thuê Bất động sản sẽ được thảo luận và thống nhất giữa Bên Cho Thuê và Bên Nhận Chuyển Nhượng.

Bằng chi phí của mình, Bên Thuê phải chuyển trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bất Động Sản cho Bên Cho Thuê khi chấm dứt Hợp đồng này.

- 6.2 Bằng chi phí của mình, Bên Thuê phải:

- (a) lắp đặt trạm điện phụ hoặc trạm biến thế bên trong Bất Động Sản;
- (b) lắp đặt cáp nối từ các đường dây điện của Bên Cho Thuê đến trạm phát điện phụ của Bên Thuê;
- (c) nộp bản vẽ thiết kế trạm điện phụ để xin chấp thuận trước của Bên Cho Thuê và Điện Lực Amata (Biên Hòa) trước khi bắt đầu xây dựng trạm điện phụ. Nếu Các Bên không thể thỏa thuận được bản vẽ thiết kế trạm điện phụ, Bên Thuê phải xây dựng trạm điện phụ theo chỉ thị của Bên Cho Thuê; và
- (d) ký Hợp Đồng Cung Cấp Điện với Điện Lực Amata (Biên Hòa) theo các điều khoản chuẩn mực của Điện Lực Amata (Biên Hòa), và tuân thủ đầy đủ các điều khoản và điều kiện của hợp đồng cung cấp điện trong suốt Thời Hạn.

- 6.3 Điện Lực Amata (Biên Hòa) là nhà cung cấp điện duy nhất cho các công ty nằm trong Khu Công Nghiệp Amata. Bên Thuê không được mua điện từ nguồn nào khác, ngoại trừ bất kỳ nguồn điện nào do Bên Thuê tự sản xuất, với điều kiện là Bên Thuê sẽ tuân thủ tất cả các thủ tục và quy định của Pháp Luật Việt Nam.

- 6.4 Các Bên và Điện Lực Amata (Biên Hòa) phải thỏa thuận thời điểm để đấu nối đường dây điện của Bên Cho Thuê đến trạm điện phụ của Bên Thuê. Nếu Các Bên không thỏa thuận được, Bên Thuê sẽ nối đường dây điện vào thời điểm do Bên Cho Thuê chỉ định. Bên Thuê phải yêu cầu Bên Cho Thuê và Điện Lực Amata (Biên

Handwritten signature

Hòa) kiểm tra và chứng nhận trạm điện phụ của Bên Thuê sau khi hoàn tất lắp đặt.

- 6.5 Bên Thuê phải tự trả tiền lắp đặt đồng hồ nước và đường ống nước từ đường ống nước chính của Khu Công Nghiệp Amata vào bên trong Bất Động Sản dưới sự giám sát của Bên Cho Thuê. Bên Thuê phải để Bên Cho Thuê chỉ định người có thẩm quyền kiểm tra và chứng nhận đồng hồ nước trước khi lắp đặt đúng theo Bản đồ lắp đặt đồng hồ nước và ống nước tại **PHỤ LỤC IV**.

Bên Thuê đồng ý để Bên Cho Thuê kiểm tra đồng hồ bất cứ lúc nào; một khi đồng hồ bị hỏng, Bên Cho Thuê sẽ lắp đặt đồng hồ mới bằng chi phí của mình. Bên Thuê cũng đồng ý để Bên Cho Thuê kiểm tra, giám sát, bảo trì và lấy mẫu nước tại cụm đồng hồ đo đếm vào bất kỳ thời điểm nào.

Bên thuê không vi phạm các quy định sau:

- Khoan giếng khai thác nước ngầm.
- Lấy nước tại tuyến ống trước đồng hồ.
- Thay đổi đồng hồ, dời chỗ đặt đồng hồ, di chuyển đường ống khi chưa có sự đồng ý trước của Bên Cho Thuê.
- Dùng bơm đặt trực tiếp vào đường ống để hút nước, trừ trường hợp khẩn cấp cần lấy nước để chữa cháy,
- Cung cấp nước cho đối tượng khác ngoài Mục Đích Sử Dụng của Bên Thuê.

- 6.6 Bên Thuê sẽ xây dựng và vận hành Nhà xưởng theo Pháp Luật Việt Nam và các Quy Tắc và Quy Định sử dụng Bất Động Sản đính kèm theo Hợp Đồng này như trong **PHỤ LỤC II**.

- 6.7 Bên Thuê phải tự trả tiền xây dựng bồn chứa nước trong khu vực Bất Động Sản có sức chứa đủ để sử dụng trong hai ngày. Nước chứa trong bồn sẽ là nguồn dự trữ trong trường hợp thiếu nước hoặc xảy ra hỏa hoạn trong khu vực Bất Động Sản.

- 6.8 Trừ khi có quy định khác tại Hợp Đồng này, Bên Thuê phải trả tất cả các khoản thuế, phí và lệ phí do Chính Phủ quy định hoặc sẽ thu của Bên Thuê trong suốt Thời Hạn.

- 6.9 Bên Thuê sẽ thanh toán Phí Quản Lý và tất cả các Phí Dịch Vụ khác cho Bên Cho Thuê hoặc đại diện ủy quyền của Bên Cho Thuê trong suốt Thời Hạn.

- 6.10 Bên Thuê sẽ phải tự trả tiền đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Bên Cho Thuê; sẽ phải xả nước thải vào hệ thống nước thải trung tâm của Bên Cho Thuê, và phải trả phí xử lý nước thải được nêu tại **PHỤ LỤC III** cho Bên Cho Thuê. Bên Thuê đồng ý để Bên Cho Thuê lấy mẫu nước thải của Bên Thuê vào bất kỳ thời điểm nào/ngẫu nhiên để phân tích chất lượng và để đảm bảo rằng nước thải từ Bên Thuê tuân thủ tiêu chuẩn quy định tại **PHỤ LỤC V (Tiêu chuẩn Qui định Nước Thải)**. Trong trường hợp nước thải từ Bên Thuê không tuân thủ tiêu chuẩn quy định, Bên Thuê phải:

- (i) Hoàn trả cho Bên Cho Thuê chi phí lấy và phân tích mẫu nước thải từ Bên




Thuê,

(ii) Khi nhận được Kết quả phân tích chất lượng chứng minh rằng mẫu nước thải từ Bên Thuê không đạt **Tiêu chuẩn Qui định Nước Thải**,

(a) Trong trường hợp nước thải của Bên Thuê không đạt Tiêu Chuẩn hai lần trong khoảng thời gian 3 tháng (với điều kiện lần vi phạm thứ nhất không vượt quá 10% theo **Tiêu chuẩn Qui định Nước Thải**) thì sẽ phải chịu phạt như sau:

Mức vượt chuẩn

Mức phạt (được căn cứ trên mức phí xử lý nước thải của tháng có mức vượt chuẩn)

* Đến 10%	50% Phí xử lý nước thải
* Từ 10%-20%	100% Phí xử lý nước thải
* Từ 21%-30%	200% Phí xử lý nước thải
* Từ 31%-40%	300% Phí xử lý nước thải
* Từ 41%-50%	400% Phí xử lý nước thải
* Trên 50%	500% Phí xử lý nước thải

(b) Trong trường hợp nước thải của Bên Thuê không đạt Tiêu chuẩn lần thứ ba (trong khoảng thời gian 3 tháng), Bên Cho Thuê sẽ có quyền sau:

- * báo cáo trường hợp vi phạm lên chính quyền để giải quyết
- * ngưng cung cấp các dịch vụ và tiện ích cho Bên Thuê cho đến khi nước thải đạt chuẩn
- * yêu cầu Bên Thuê xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ để đảm bảo rằng nước thải từ Bên Thuê tuân thủ tiêu chuẩn quy định tại **PHỤ LỤC V** trước khi xả nước thải vào hệ thống nước thải trung tâm của Bên Cho Thuê.

6.11 Trong trường hợp mức phạt tại **Điều 6.10** không đủ bù đắp thiệt hại gây ra do nước thải của Bên Thuê vượt quá mức cho phép nêu tại **Tiêu chuẩn Qui định Nước Thải**, theo yêu cầu của Bên Cho Thuê, Bên Thuê sẽ trả thêm cho Bên Cho Thuê khoản thiệt hại /chi phí phát sinh trong quá trình vận hành Nhà xưởng xử lý nước thải.

6.12 Bên Thuê cũng phải tự trả tiền xử lý các chất thải độc hại theo quy định của Pháp Luật Việt Nam mà không làm ảnh hưởng đến môi trường trong Khu Công Nghiệp Amata, đến Bên Cho Thuê hoặc bất kỳ bên thứ ba nào.

6.13 Bên Thuê phải đảm bảo rằng khí thải từ Nhà xưởng mình phải đáp ứng tiêu chuẩn qui định đối với khí thải nêu tại **PHỤ LỤC VI**.

my

- 6.14 Bên Thuê phải chịu trách nhiệm và bồi thường cho Bên Cho Thuê đối với bất kỳ mất mát hoặc thiệt hại nào mà Bên Cho Thuê phải chịu vì bất cứ lý do nào phát sinh từ những hành động cố ý hoặc cẩu thả của Bên Thuê, nhân viên, đại lý, người phục vụ hoặc khách mời của Bên Thuê.

7. CAM KẾT VÀ ĐẢM BẢO CỦA BÊN CHO THUÊ

Bên Cho Thuê cam kết và đảm bảo với Bên Thuê rằng:

- (a) Bên Cho Thuê là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Pháp Luật Việt Nam, và được cấp giấy phép hợp pháp để tiến hành công việc kinh doanh tại Việt Nam;
- (b) Hợp Đồng này không vi phạm vào bất cứ điều khoản nào của Giấy Phép của Bên Cho Thuê, hoặc điều lệ hoặc bất kỳ thỏa thuận nào khác mà Bên Cho Thuê tham gia với tư cách là một bên.
- (c) Bên Cho Thuê có và sẽ có quyền sử dụng đất hợp lệ đối với Bất Động Sản trong suốt Thời Hạn và có đầy đủ quyền hạn và thẩm quyền cho Bên Thuê thuê lại Bất Động Sản theo các điều khoản quy định trong Hợp Đồng này.
- (d) Tất cả những tuyên bố liên quan tới Bất Động Sản hoặc Bên Cho Thuê trong Hợp Đồng này đều đúng vào ngày ký Hợp đồng này.

8. CAM KẾT VÀ ĐẢM BẢO CỦA BÊN THUÊ

Bên Thuê cam kết và đảm bảo với Bên Cho Thuê rằng:

- (a) Bên Thuê là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo Pháp Luật Việt Nam, được cấp giấy phép hợp pháp để tiến hành công việc kinh doanh tại Việt Nam và được phép thuê Bất Động Sản.
- (b) Hợp Đồng này không vi phạm vào bất cứ điều khoản nào của Giấy Phép Đầu Tư của Bên Thuê hoặc bất kỳ thỏa thuận nào khác mà Bên Thuê tham gia với tư cách là một bên.
- (c) Bên Thuê đã xin được các phê chuẩn và chấp thuận cần thiết để ký kết Hợp Đồng này và thực hiện các nghĩa vụ được qui định trong Hợp Đồng này.
- (d) Bên Thuê dự định sử dụng Bất Động Sản theo Mục Đích Sử Dụng Cho Phép. Trong trường hợp bên thuê muốn chuyển nhượng Bất động sản và tài sản đi kèm với Bất động sản, ngoài việc thực hiện theo Điều 6.1, Bên thuê phải thông báo cho Bên Cho thuê trước và làm các thủ tục cần thiết để chắc chắn phù hợp với Mục Đích Sử Dụng Cho Phép.

Bất kỳ sự thay đổi nào trong Mục Đích Sử Dụng Cho Phép bắt buộc phải thỏa thuận bằng văn bản với Bên Cho Thuê; và

- (e) Tất cả những tuyên bố liên quan đến Bên Thuê và được nêu tại Hợp Đồng này là đúng và sẽ đúng trong suốt Thời Hạn.

omy

9. THÔNG BÁO

9.1 Thông Báo

Tất cả các thông báo, yêu cầu và các hình thức liên lạc khác (sau đây gọi chung là "Thông Báo") được một Bên theo Hợp Đồng này ủy quyền hoặc yêu cầu giao hoặc thực hiện sẽ được giao hoặc thực hiện bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt và bằng văn bản có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của Bên đó, được giao hoặc gửi bằng thư bảo đảm, hoặc được gửi bằng fax, về Địa Chỉ Giao Dịch của Bên Cho Thuê hoặc Địa Chỉ Giao Dịch của Bên Thuê, tùy từng trường hợp.

9.2 Thông Báo được xem là đã giao

Bất cứ thông báo nào theo **Điều 9** này sẽ được xem là đã được gửi hoặc người nhận đã nhận được một cách hợp thức:

- (a) nếu là thư giao tay hay gửi bảo đảm ngay khi giao thư; và
- (b) nếu gửi bằng fax, ngay sau khi có bản xác nhận hợp lệ của người nhận.

Trong trường hợp việc giao hoặc nhận được thực hiện vào ngày không phải là Ngày Làm Việc hoặc quá 5 giờ chiều (giờ địa phương), Thông Báo sẽ được xem là đã được giao hoặc được thực hiện khi bắt đầu Ngày Làm Việc kế tiếp.

9.3 Thay Đổi Địa Chỉ

Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận Thông Báo vào bất kỳ lúc nào bằng cách gửi thông báo thay đổi cho Bên kia theo các quy định của Hợp Đồng này.

10. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 10.1 Vào Ngày hết hạn, nếu Bên Thuê quyết định không gia hạn Thời hạn theo quy định tại **Điều 2.4** của Hợp đồng, Hợp đồng này sẽ tự động kết thúc, và Bên Thuê đồng ý ngưng hoạt động ngay và trả lại Bất động sản cho Bên Cho Thuê trong tình trạng không xấu hơn so với lúc ban đầu của Thời hạn, đồng thời chuyển trả lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất của Bất Động Sản cho Bên Cho Thuê tại thời điểm kết thúc Hợp đồng do hết Thời hạn thuê. Mọi chi phí phát sinh cho việc chuyển trả lại Bất động sản và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bên cho thuê theo điều khoản này sẽ do Bên Thuê chi trả.

Quyền sở hữu của Bên Thuê đối với Nhà xưởng có thể không bị giới hạn trong Thời hạn như quy định tại **Điều 4.2**. Khi kết thúc Thời hạn, Bên Thuê có quyền ưu tiên cao nhất như quy định tại **Điều 2.4** để thuê Bất Động Sản từ Bên Cho Thuê hay người kế thừa của Bên Cho Thuê, người mà có quyền sử dụng đất đối với Bất Động Sản (tùy từng trường hợp) để có thể tiếp tục sử dụng Nhà xưởng.

10.2 Bên Cho Thuê có thể chấm dứt Hợp Đồng này nếu:

- (a) Nếu sau 150 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán bất kỳ khoản tiền nào theo **Điều 3** và các loại phí dịch vụ như đề cập ở **PHỤ LỤC III** (gọi chung là

amy

me

nợ) cùng với lãi suất nợ quá hạn mà Bên Thuê vẫn chưa thanh toán cho Bên Cho Thuê; hoặc

- (b) Bên Thuê vi phạm bất kỳ điều kiện nào của Hợp Đồng này mà không chịu khắc phục lỗi có thể khắc phục được trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận Thông Báo của Bên Cho Thuê yêu cầu khắc phục vi phạm; hoặc
- (c) Bên Thuê lâm vào tình trạng phá sản hoặc bắt đầu bị giải thể, tiến hành bất cứ hành động nào để dàn xếp hoặc thỏa thuận với chủ nợ, tiến hành giải thể hoặc là đối tượng của một đơn yêu cầu phá sản hoặc phải thi hành một phán quyết/quyết định nào đối với Bất Động Sản; hoặc
- (d) Bên Thuê không tiến hành xây dựng Nhà xưởng hoặc bắt đầu hoạt động kinh doanh trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày ký kết Hợp Đồng này.

10.3 Khi Hợp Đồng này bị chấm dứt cùng với Điều 10.2 ở trên:

- (a) Bên Thuê phải ngưng vận hành Nhà xưởng và làm mọi việc cần thiết và hỗ trợ cần thiết cho Bên Cho Thuê để chuyển trả lại chủ quyền đất của Bất Động Sản cho Bên Cho Thuê. Bên Cho Thuê có quyền xem xét có hoàn lại một phần Tiền Thuê cho Bên Thuê hay không;
- (b) Bên Cho Thuê có thể thu hồi Bất Động Sản;
- (c) Bên Cho Thuê có thể giữ lại toàn bộ Tiền Thuê; và Bên Thuê sẽ không được quyền đòi lại số tiền đã trả cũng không được cản trở các khoản phải trả vào số tiền thuê đã trả cho giai đoạn sau ngày chấm dứt Hợp Đồng này;
- (d) Bên Cho Thuê có toàn quyền yêu cầu Bên Thuê phải tự mình trả tiền phục hồi Bất Động Sản trở về tình trạng ban đầu như trước khi xây dựng Nhà xưởng trong vòng 90 ngày kể từ ngày chấm dứt.

10.4 Việc Bên Cho Thuê chấp nhận Tiền Thuê không được coi là việc khước từ bất kỳ quyền nào đối với Bên Thuê khi Bên Thuê vi phạm, không tuân thủ hoặc không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của Bên Thuê theo Hợp Đồng này.

10.5 Bên Thuê có thể chấm dứt Hợp đồng này trước Ngày hết hạn trong một trong những trường hợp sau:

- (i) Trường hợp Bên Cho Thuê không tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 5.2 và Điều 5.3 ở trên và do những nguyên nhân gây ra bởi Bên Cho Thuê dẫn đến kết quả là Bên Thuê tự quyết định rằng Bên Thuê không thể vận hành Nhà xưởng.
- (ii) Trường hợp Bên Thuê, bằng quyết định của mình, chấm dứt hoạt động của Nhà xưởng tại Khu công nghiệp Amata và/hoặc hoạt động kinh doanh tại Việt Nam do chiến lược kinh doanh và chiến lược quản lý của Bên Thuê, với điều kiện là Bên Thuê phải thông báo cho Bên Cho Thuê bằng văn bản ít nhất trước 90 (chín mươi) ngày về việc chấm dứt đó. Trong trường hợp này, Bên Thuê được quyền chuyển nhượng Bất Động Sản và Nhà xưởng cho bên thứ ba như quy định tại Điều 4.2 và Điều 6.1.



10.6 Việc hoàn lại Tiền thuê chưa sử dụng sẽ được thực hiện như sau:

- (a) Nếu Hợp đồng này chấm dứt do bất kỳ nguyên nhân nào gây ra bởi Bên Cho Thuê như quy định tại **Điều 5.2** và **Điều 5.3**, Bên Cho Thuê sẽ hoàn lại cho Bên Thuê phần Tiền thuê chưa sử dụng cho Thời hạn còn lại mà Bên Thuê đã thanh toán (ngoại trừ tiền thuê đất thô). Việc hoàn lại Tiền thuê chưa sử dụng được tính theo công thức sau: (Phí sử dụng hạ tầng thực nhận/394 tháng) x (394 tháng - số tháng đã sử dụng). Việc hoàn lại Tiền thuê chưa sử dụng phải được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên thuê trả lại Bất Động Sản cho Bên Cho Thuê.
- (b) Nếu Hợp đồng này chấm dứt do bất kỳ nguyên nhân nào gây ra bởi Bên Thuê, ngoại trừ những nguyên nhân được quy định tại **Điều 10.2** ở trên và Bất khả kháng, Hai Bên sẽ cùng nhau thảo luận một cách thiện chí về các điều khoản và điều kiện hoàn lại Tiền thuê chưa sử dụng.

11. BẤT KHẢ KHÁNG

- 11.1 Mỗi Bên sẽ được miễn trách khỏi các nghĩa vụ theo Hợp Đồng này trong phạm vi mà việc thực hiện bị trì hoãn, cản trở hoặc ngăn cản do các tình huống nằm ngoài tầm kiểm soát, bao gồm nhưng không giới hạn, các hành động hoặc hạn chế của chính quyền hoặc của các cơ quan công quyền; chiến tranh, cách mạng, bạo động hoặc khởi nghĩa; bao vây hoặc cấm vận; hoặc thiên tai.
- 11.2 Bên bị ảnh hưởng trong những trường hợp như vậy ngay khi biết được phải thông báo toàn bộ sự việc bằng văn bản cho Bên kia, và phải cố gắng hết sức để phục hồi việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng này mà không có bất kỳ chậm trễ nào và trong khi chờ đợi sẽ nỗ lực tạo điều kiện cho Bên kia có biện pháp thay thế để các nghĩa vụ có thể được thực hiện theo Hợp Đồng này, với điều kiện Bên bị ảnh hưởng trong các trường hợp này không có trách nhiệm nào khác và/hoặc không phải chịu phí tổn và/hoặc chi phí liên quan đến biện pháp thay thế đó.
- 11.3 Nếu các trường hợp được nêu tại **Điều 11.1** tiếp diễn liên tục trong một giai đoạn vượt quá ba tháng, Bên được thông báo về tình huống như vậy theo **Điều 11.1** có thể ngay lập tức chấm dứt Hợp Đồng bằng cách gửi văn bản thông báo chấm dứt cho Bên kia, mà không làm ảnh hưởng đến bất kỳ quyền hoặc chế tài nào mà Bên đó có.

12. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

12.1 Thương Thảo

Tranh chấp phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp Đồng này hoặc việc thực hiện Hợp Đồng này, bao gồm cả tính hiện hữu và giá trị pháp lý, phạm vi, ý nghĩa, cấu trúc, diễn giải hoặc áp dụng của Hợp Đồng này ("Tranh Chấp"), trong phạm vi có thể, sẽ được giải quyết bằng đàm phán và thảo luận giữa các Bên.

12.2 Thẩm Quyền Tòa Án

Bất kỳ Tranh Chấp nào không thể giải quyết bằng hòa giải thiện chí giữa các Bên sẽ được trình lên Tòa Án Kinh Tế của Tỉnh Đồng Nai. Bên vi phạm phải chịu toàn




bộ chi phí pháp lý, án phí và các chi phí ngay thực khác phát sinh cho Bên kia do việc Tranh Chấp. Cả hai Bên sẽ nghiêm chỉnh tuân thủ các quyết định của Tòa Án.

12.3 Nghĩa Vụ Trong Khi Chờ Đợi Kết Quả Giải Quyết Tranh Chấp

Trước khi giải quyết xong Tranh Chấp theo Hợp Đồng này, Các Bên phải tuân thủ các nghĩa vụ theo Hợp Đồng này mà không ảnh hưởng đến việc điều chỉnh cuối cùng theo quyết định của Tòa Án Kinh Tế.

13. **BẢO MẬT**

Cả hai Bên theo đây phải bảo mật nội dung của Hợp Đồng này và tất cả các điều khoản và điều kiện đã được thỏa thuận trong khi thương thảo giữa Các Bên và không tiết lộ cho bất cứ một bên thứ ba nào khác trừ khi được yêu cầu bởi Pháp Luật Việt Nam. Điều khoản này có hiệu lực ngay cả khi chấm dứt Hợp Đồng này.

14. **CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

14.1 Thay Đổi

Mọi thay đổi hoặc điều chỉnh đối với Hợp Đồng này sẽ không có giá trị trừ khi được thực hiện bằng văn bản và có chữ ký của Các Bên.

14.2 Tính Thống Nhất

Hợp Đồng này bao gồm toàn bộ các thỏa thuận của các Bên và thay thế toàn bộ các thỏa thuận và ghi nhớ trước đây giữa Các Bên liên quan đến vấn đề của Hợp Đồng này.

14.3 Luật Điều Chỉnh

Hợp Đồng này được điều chỉnh và giải thích theo Pháp Luật Việt Nam.

14.4 Không Hợp Danh, Đại Lý

Không quy định nào trong Hợp Đồng này có thể được hiểu hoặc giải thích là cấu thành mối quan hệ đại lý hoặc hợp danh giữa các Bên. Một Bên không được lợi dụng hoặc có ý định lợi dụng sự tín nhiệm của Bên kia để cam kết hay đại diện thay mặt Bên kia, trừ khi được quy định rõ ràng, khiến cho một Bên trở thành đại lý hoặc đại diện hợp pháp của Bên kia.

14.5 Khước Từ

Việc không thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện bất kỳ quyền, quyền hạn hoặc đặc quyền của một Bên theo Hợp Đồng này, hoặc theo bất cứ thỏa thuận khác liên quan đến Hợp Đồng này, sẽ không có nghĩa là khước từ quyền, quyền hạn hoặc đặc quyền đó, cũng như việc thực hiện riêng lẻ hoặc từng phần bất kỳ quyền, quyền hạn hoặc đặc quyền sẽ không loại trừ việc thực hiện các quyền, quyền hạn hoặc đặc quyền trong tương lai. Quyền và tổ quyền được quy định trong Hợp Đồng này mang tính cộng dồn và không loại trừ các quyền hoặc tổ quyền khác do pháp luật



quy định.

14.6 Tính Riêng Biệt

Việc bất kỳ quy định nào trong Hợp Đồng này bị vô hiệu không ảnh hưởng đến tính hiệu lực của những quy định còn lại của Hợp Đồng. Tuy nhiên, bất kể những quy định trên, nếu sự cân bằng cơ bản về quyền lợi kinh tế được phản ánh trong Hợp Đồng này bị thay đổi một cách đáng kể bởi một quy định nào đó bị vô hiệu trong Hợp Đồng này, thì Bên bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể có thể tiến hành thủ tục chấm dứt Hợp Đồng này.

14.7 Nguyên Bản và Thi Hành

Hợp đồng này được lập thành hai bản tiếng Anh và năm bản tiếng Việt. Mỗi Bên sẽ giữ một bản tiếng Anh và một bản tiếng Việt; các bản tiếng Việt còn lại sẽ được nộp cho Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai (DIZA) và các cơ quan hữu quan của tỉnh Đồng Nai.

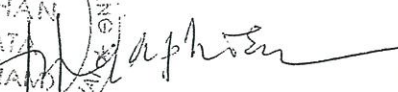
14.8 Chi Phí

Mỗi Bên sẽ tự trả chi phí pháp lý và các phí tổn và chi phí khác liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc soạn thảo, và thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp Đồng này, trừ khi có quy định khác trong Hợp Đồng này.

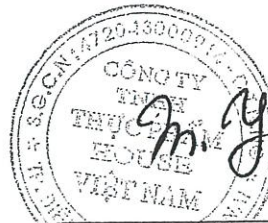
KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Thay mặt Bên Cho Thuê




Huỳnh Ngọc Phiên
Tổng Giám Đốc

Thay mặt Bên Thuê




Masakazu Yamaguchi
Tổng Giám Đốc




Phạm Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám Đốc





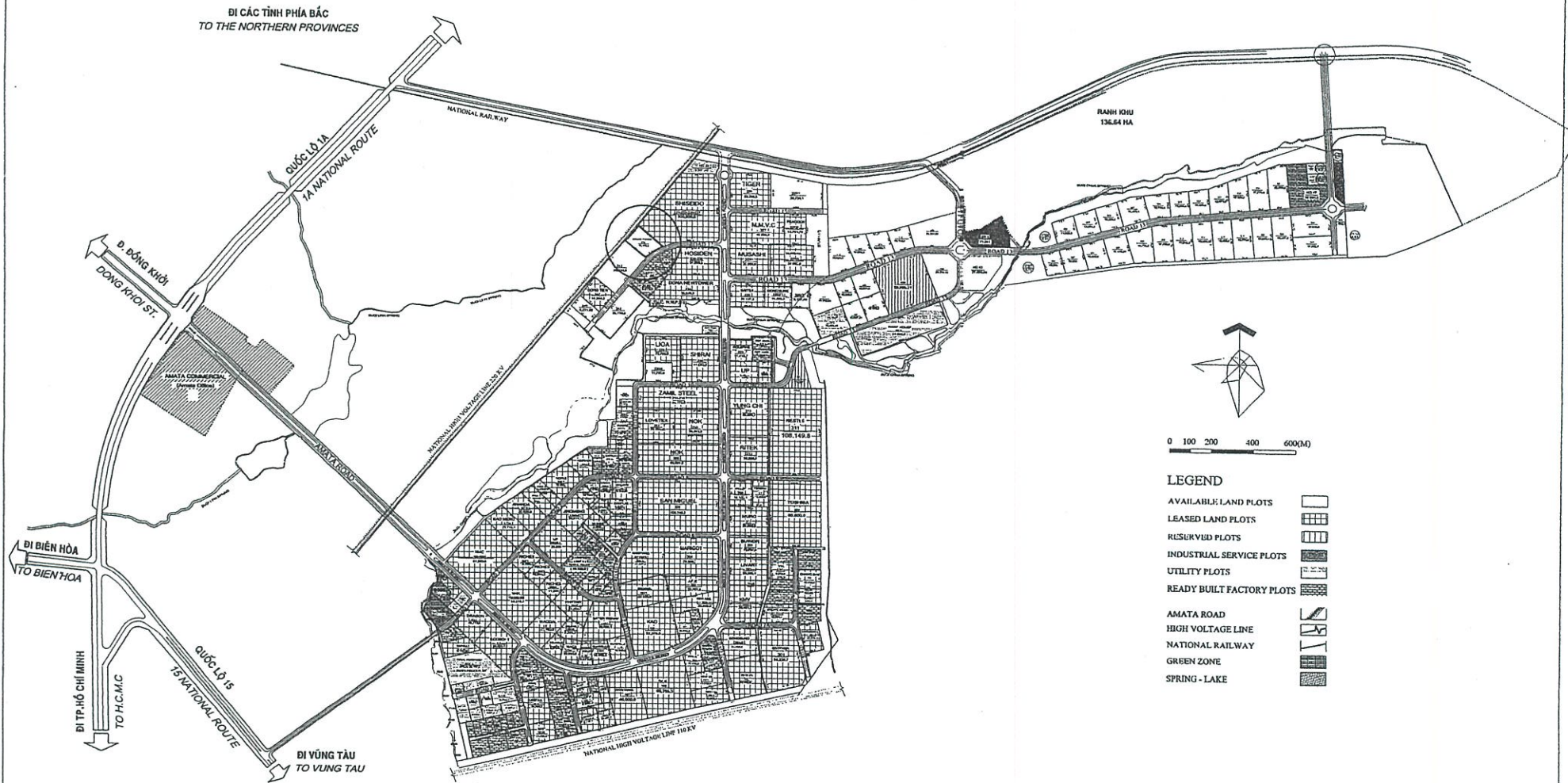
Phụ Lục Tham Khảo

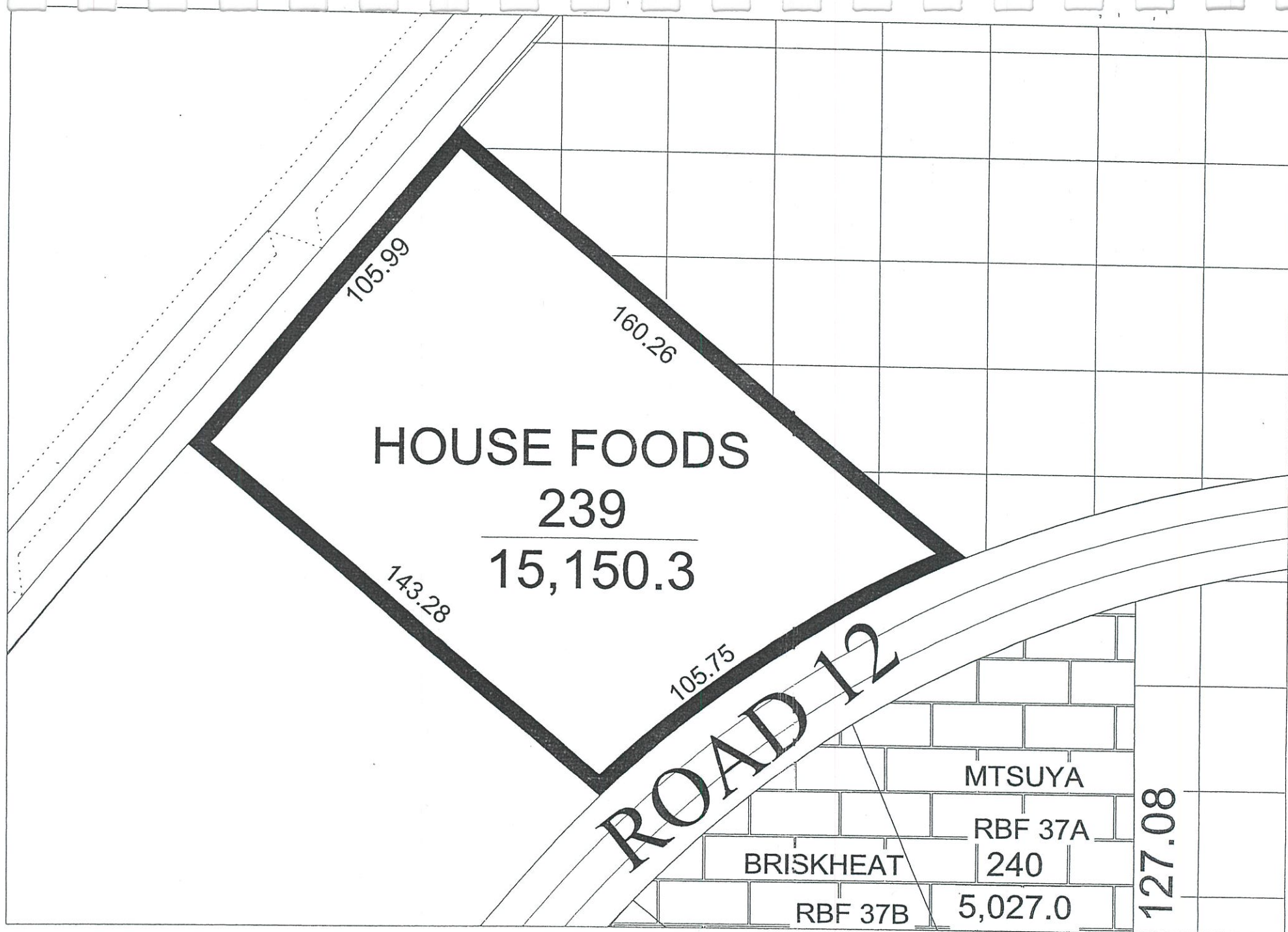
Địa chỉ giao dịch của Bên Cho Thuê	Gửi:	Dr. Huỳnh Ngọc Phiên	
	Địa chỉ:	Khu Công Nghiệp Amata, Phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	
	Fax:	+ (84 61) 3891 251	
Đại diện của Bên Cho Thuê	Tên:	TS. Huỳnh Ngọc Phiên	Bà Phạm Thị Thanh Hương
	Chức vụ:	Tổng Giám Đốc	Phó Tổng Giám Đốc
	Quốc tịch:	Việt Nam	Việt Nam
Địa chỉ giao dịch của Bên Thuê	Gửi:	Ông Masakazu Yamaguchi	
	Địa chỉ:	Lô 239, Đường 12, Khu Công Nghiệp Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	
Đại diện của Bên Thuê	Tên:	Ông Masakazu Yamaguchi	
	Chức vụ:	Tổng Giám Đốc	
	Quốc tịch:	Nhật Bản	
Tài khoản của Bên Cho Thuê	Được thông báo trong Phiếu Báo Thu Tiền		
Lãi suất phạt	18 % / năm		
Mục đích sử dụng cho phép	Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 427043000914 ngày 04/01/2012, sản xuất thực phẩm chế biến ăn liền đóng gói dạng bột như món tráng miệng, nước trái cây		
Bất Động Sản	Lô số 239 có tổng diện tích 15.150,3m ² trong Khu Công Nghiệp Amata được đánh dấu trong “Bản Đồ Vị trí Phân Lô Amata” đính kèm theo Hợp Đồng này trong Phụ Lục I		
Đặt cọc	3.023.825.794 đồng được trả vào ngày 12 tháng 12 năm 2011		
Công suất điện tiêu thụ	1.000KVA		
Công suất nước tiêu thụ	23m ³ /ngày		

ANNEX I
PHỤ LỤC I

AMATA INDUSTRIAL PARK

MASTER PLAN PHASE 1&2





Paul

ml

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI
XÁC NHẬN:

- Ngày 23 tháng 02 năm 2012 (ngày hai mươi ba tháng hai năm hai ngàn không trăm mười hai) tại Ban Quản lý các KCN Đồng Nai,

- Hợp đồng thuê bất động sản (thuê lại đất) ngày 23/02/2012 được giao kết giữa Bên cho thuê là Công ty Cổ phần Amata (Việt Nam) và Bên thuê là Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam; các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng;

- Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản chính (mỗi bản chính gồm 15 tờ, 15 trang và đính kèm 02 tờ sơ đồ vị trí), lưu tại Ban Quản lý các KCN Đồng Nai 01 (một) bản chính.

Số 033/2012/KCNĐN/XN/HĐGD.

Đồng Nai, ngày 27 tháng 02 năm 2012

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN


Nguyễn Mạnh Văn

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực:
Quyển số: 01-03-2012-SCT/BS
Ngày:
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG ĐÀ KAO


Nguyễn Thị Lê Hương

PHỤ LỤC II

QUY TẮC VÀ QUY ĐỊNH CỦA AMATA TRONG VIỆC SỬ DỤNG BẤT ĐỘNG SẢN

Để việc phát triển Khu Công Nghiệp Amata được thực hiện theo cách thích hợp và hữu hiệu nhất và để những người thuê sử dụng đất không làm giảm giá trị của lô đất của người thuê khác, Bên Thuê đồng ý tuân thủ nghiêm ngặt các Quy Tắc và Quy Định về Việc Sử Dụng Bất Động Sản sau đây:

1. Bất Động Sản sẽ không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc vận hành Nhà Máy theo Mục Đích Cho Phép, theo giấy phép đầu tư của Bên Thuê và Pháp Luật Việt Nam, và đặc biệt sẽ không được sử dụng để làm nhà ở.
2. Sau khi hoàn thành việc xây dựng Nhà Máy, Bên Thuê không được xây dựng bất cứ công trình nào trên Bất Động Sản hoặc thay đổi cấu trúc của Nhà Máy hiện hữu mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của Chính Quyền và Bên Cho Thuê.
3. Bên Thuê không được đào lỗ hoặc thay đổi mặt bằng Bất Động Sản trừ khi có lý do chính đáng và phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên Cho Thuê.
4. Không giới hạn Quy Tắc 3, Bên Thuê sẽ không thay đổi cao độ mặt đất ở khu vực ranh giới Bất Động Sản để có thể gây hư hại cho tường rào hoặc gây khó khăn cho việc xây dựng rào hoặc tường trong tương lai. Bên Thuê xây dựng tường rào thống nhất chiều cao 2 mét từ hiện trạng cao độ mặt đất. Bên Thuê sẽ chịu trách nhiệm bồi thường bất kỳ hư hại nào đối với tường rào của người bên cạnh hoặc chịu thêm chi phí có thể phát sinh trong việc xây dựng tường hoặc rào của người bên cạnh do Bên Thuê thay đổi cao độ mặt đất tại ranh giới Bất Động Sản.
5. Nếu như phần đất sau khi đào còn thừa lại, Bên Thuê sẽ tự trả tiền vận chuyển phần đất thừa đó tới nơi do Bên Cho Thuê chỉ định trong phạm vi Khu Công Nghiệp AMATA. Bên Thuê phải vận chuyển đất theo cách hợp lý để không làm rơi vãi đất trên đường. Bề mặt đất phải chắc và san bằng sau khi đào.
6. Khi xây dựng trạm biến thế trong khu vực được chỉ định, việc thiết kế phải do Bên Cho Thuê chấp thuận.
7. Nếu Nhà Máy được xây một tầng thì bề mặt không thấm nước không được vượt quá 70% Bất Động Sản. Nếu Nhà Máy được xây hai tầng thì bề mặt không thấm nước không được vượt quá 60% Bất Động Sản. Nếu Nhà Máy được xây ba tầng thì bề mặt không thấm nước không được vượt quá 50% Bất Động Sản.
8. Bên thuê có trách nhiệm thu giữ nước mưa sao cho không để tràn vào các lô đất bên cạnh và đưa vào hệ thống thoát nước mưa.

my

me

9. Nước thải của Bên Thuê phải được dẫn ra hệ thống nước thải trung tâm của Khu Công Nghiệp Amata. Chất lượng nước thải phải phù hợp với mức chuẩn quy định. Để Bên Cho Thuê hoặc đại diện được ủy quyền của Bên Cho Thuê có thể kiểm tra chất lượng nước thải, Bên Thuê phải xây dựng một hố thử ở ngay cửa cống thoát nằm ở ranh giới Bất Động Sản. Bên Thuê cũng phải tự trả tiền xây dựng ống nối với hố ga và van xả bên ngoài Bất Động Sản nối giữa hố thử và hố ga của hệ thống nước thải trung tâm theo bản vẽ thiết kế đính kèm ở **HÌNH II-1**. Bên Thuê phải xử lý nước thải trước khi xả vào hệ thống nước thải trung tâm.
10. Hệ thống thoát nước thải và nước mưa trong Bất Động Sản phải riêng biệt. Tất cả hệ thống thoát nước phải được xây dựng theo cách có thể dễ dàng kiểm tra và làm vệ sinh. Trong trường hợp sử dụng hệ thống thoát nước dạng ngầm, cứ cách tối đa mỗi 50 mét phải đặt một hố ga. Tất cả hệ thống thoát nước phải có một hố ga và hệ thống lọc rác nơi ngang qua ranh giới của Bất Động Sản.
11. Bên Thuê đồng ý phân loại chất thải thành chất thải độc, chất thải thực phẩm, chất thải kim loại, thủy tinh và các chất thải khác. Các chất thải này không được vứt ra bên ngoài Bất Động Sản. Bên Thuê sẽ chịu trách nhiệm tiêu hủy chất thải độc theo quy định của Pháp Luật Việt Nam. Các chất thải khác phải được phân loại và chứa trong thùng rác của Bên Thuê và sẽ được Bên Cho Thuê hoặc cơ quan do Bên Cho Thuê ủy quyền thu gom với chi phí do Bên Thuê chịu. Phí thu gom rác này sẽ do Bên Cho Thuê/hoặc cơ quan do Bên Cho Thuê ủy quyền ấn định tùy từng thời điểm.
12. Bên Thuê không được nuôi súc vật trong khuôn viên Bất Động Sản ngoại trừ việc nuôi vì mục đích nghiên cứu và phải được Bên Cho Thuê chấp thuận trước.
13. Bên Thuê được phép dựng một bảng hiệu tên và biểu tượng của Bên Thuê ở lối vào chính của Bất Động Sản hoặc trên tường của Nhà Máy. Kích thước và thiết kế của bảng hiệu phải được Bên Cho Thuê phê chuẩn trước khi xây dựng.
14. Bên Thuê không được dựng biển hiệu trên hàng rào mặt tiền đường hoặc trong phạm vi 25 mét lùi vào bên trong tính từ khuôn viên của Bất Động Sản.
15. Trường hợp Bên Thuê dự định lắp đặt biển hiệu thì biển hiệu đó không được cao hơn mái Nhà Máy và phải có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên Cho Thuê.
16. Bên Thuê không được khoan giếng nước ngầm trong khuôn viên Bất Động Sản.
17. Hàng rào của phần Bất Động Sản phải cao 2 mét. Hàng rào mặt tiền đường phải theo đúng thiết kế đính kèm ở **HÌNH II.2**. Hàng rào giữa các mảnh đất liền kề phải được xây bằng bê tông và không nhìn xuyên qua được. Hàng rào đối diện với kênh đào bên trong khu công nghiệp phải nhìn qua được để Bên Cho Thuê có thể kiểm tra kênh đào.
18. Bên Thuê sẽ xây dựng hàng rào ranh giới của mình trong phạm vi ranh giới Bất Động Sản và trên độ cao nền đất hiện tại nếu có thể.

CMJ

Thu

19. Bên Thuê sẽ xây một bức tường ngăn cách để tạo điều kiện cho việc xây hàng rào ở ranh giới tiếp giáp giữa Bất Động Sản Cho Thuê với lối đi chung hay khu vực bên ngoài khu công nghiệp có mặt đất thấp hơn so với Bất Động Sản Cho Thuê bằng chi phí của Bên Thuê. Ngoài ra, Bên Thuê đồng ý xây dựng công trình cách hàng rào đối diện đường chính đi ngang qua Bất Động Sản cho thuê ít nhất 25 mét và cách hàng rào đối diện đường phụ ít nhất 15 mét nhằm mục đích tạo cảnh quan và trồng vườn ở phía trước trong phạm vi hàng rào của Bất Động Sản và cách hàng rào bên hông và hàng rào phía sau không ít hơn 5 mét. Cạnh ngoài của mái nhà (nếu có) phải cách hàng rào phía sau và hàng rào bên hông không ít hơn 5 mét để đảm bảo an toàn trong phòng chống cháy. Hơn nữa, Bên Thuê sẽ phải tuân thủ các quy tắc và quy định liên quan đến việc xây dựng nhà máy của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Bên Thuê cũng đồng ý sẽ xây dựng nhà để xe có mái che ở bất kỳ bên nào của hàng rào bên cạnh, chứ không phải ở hàng rào đối diện với đường.
20. Bên Thuê sẽ cho phép người thuê bên cạnh sơn lên bề mặt ngoài của tường và hàng rào do Bên Thuê xây dựng mà không đòi bất kỳ khoản bồi thường nào miễn là việc sơn đó không gây hư hại hoặc làm giảm chất lượng của tường, hàng rào và móng tường. Tường hay hàng rào do bên thuê nào xây dựng trong Khu Công Nghiệp Amata sẽ thuộc về bên thuê đó.
21. Bên Thuê không được làm các lối đi riêng nối khuôn viên Bất Động Sản với khu vực bên ngoài Khu Công Nghiệp Amata.
22. Bên Thuê phải bảo dưỡng và giữ gìn nền đất của Bất Động Sản và các công trình trên đất trong tình trạng tốt. Các màu tối, màu phản chiếu hoặc màu tương phản sẽ bị cấm dùng cho các bức tường bên ngoài của Nhà Máy.
23. Trong trường hợp Bất Động Sản bị bỏ trống và để cỏ hoang mọc, Bên Cho Thuê sẽ gửi văn bản thông báo cho Bên Thuê yêu cầu Bên Thuê tự trả tiền dọn sạch cỏ khỏi khu đất của Bất Động Sản trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo. Bên Thuê có thể sử dụng nhà thầu do Bên Cho Thuê cung cấp với giá hợp lý, hoặc Bên Thuê có thể thuê riêng nhà thầu để dọn sạch cỏ theo lịch do Bên Cho Thuê quy định. Nếu Bên Thuê không tuân thủ thông báo này, Bên Cho Thuê có thể thực hiện những công việc cần thiết, với chi phí do Bên Thuê chịu.
24. Nhà Máy sẽ được vận hành sao cho không gây tiếng ồn, độ rung, mùi, hơi ẩm, khói, bồ hóng, tro, bụi hoặc đá mặt quá mức tiêu chuẩn do Chính Quyền hoặc Bên Cho Thuê toàn quyền quy định và không ảnh hưởng đến các bên liên kề.
25. Bên Thuê không được đậu bất kỳ loại xe nào bên ngoài Bất Động Sản trong Khu Công Nghiệp Amata.
26. Bên Thuê cho phép Bên Cho Thuê hoặc đại diện ủy quyền của Bên Cho Thuê thanh tra Nhà Máy và Bất Động Sản vào thời điểm hợp lý để đảm bảo rằng Bên Thuê tuân thủ các Nguyên Tắc và Quy Định về Sử Dụng Bất Động Sản.

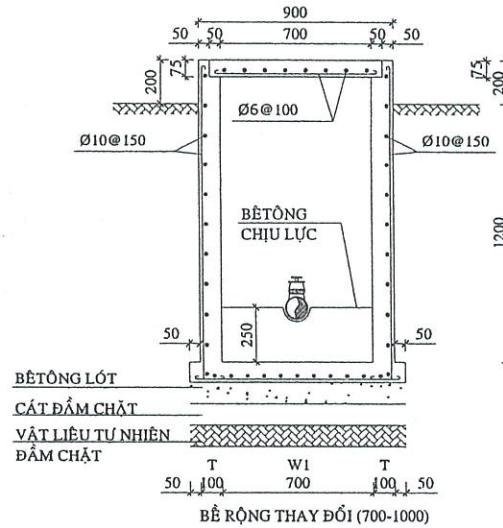
Hình vẽ II.1 (tiếp theo)

CÁC LOẠI HỐ GA KIỂM TRA

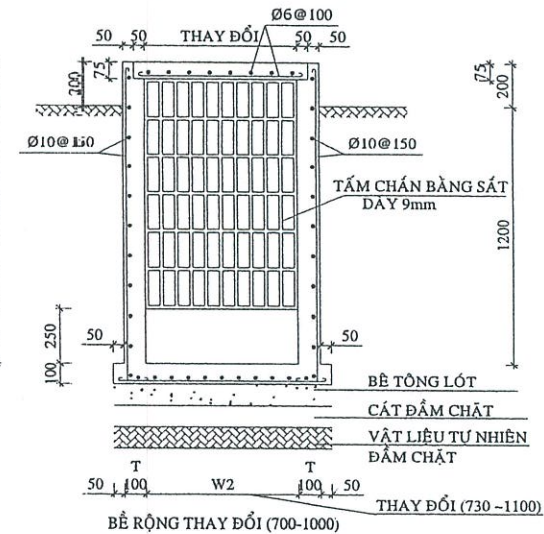
LOẠI	D	W1	W2	T
	ĐƯỜNG KÍNH ỐNG (mm)	BỀ RỘNG HỐ GA (mm)	BỀ RỘNG CHÂN SONG TẮM CHẤN (mm)	CHIỀU DÀY TƯỜNG (mm)
A	Ø150	700	730	100
B	Ø200	800	850	120
C	Ø300	1000	1100	150

GHI CHÚ:

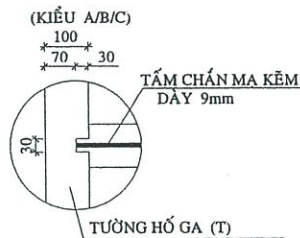
KÍCH THƯỚC CHÂN SONG TẮM CHẤN VÀ BỀ RỘNG HỐ GA KIỂM TRA ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH THEO LƯU LƯỢNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NƯỚC THẢI HOẶC THEO BẢNG TRÊN ĐÂY



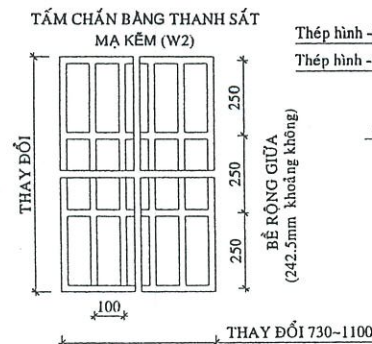
**MẶT CẮT A-A
HỘP VAN**



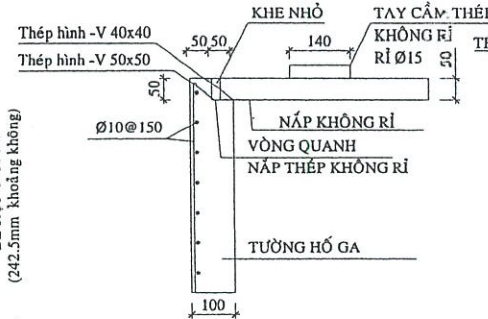
**MẶT CẮT B-B
HỐ GA KIỂM TRA**



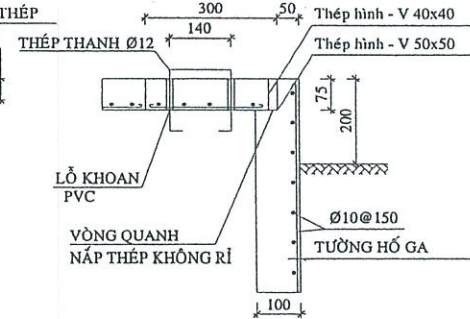
CHI TIẾT 1



CHI TIẾT 2



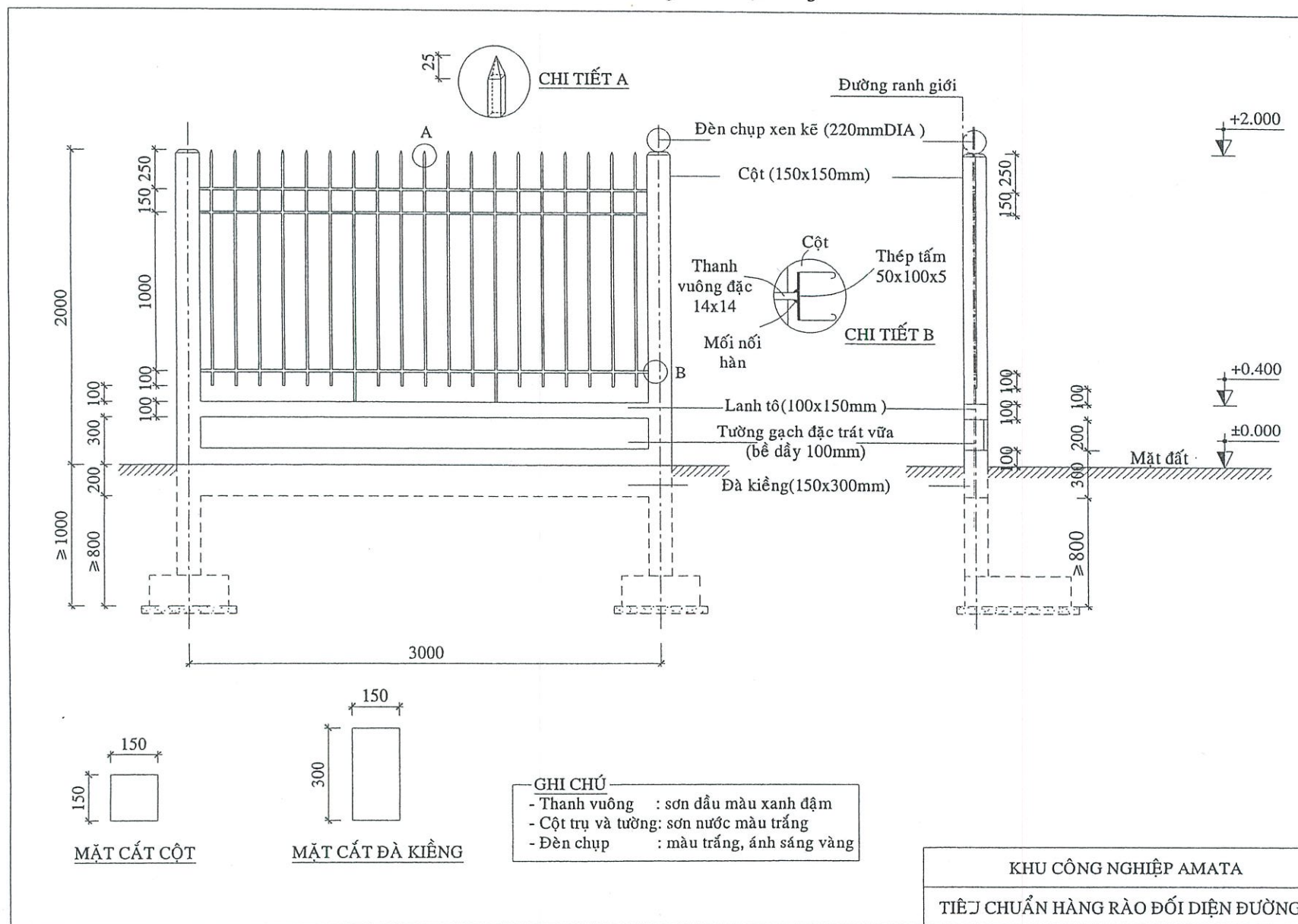
CHI TIẾT 3



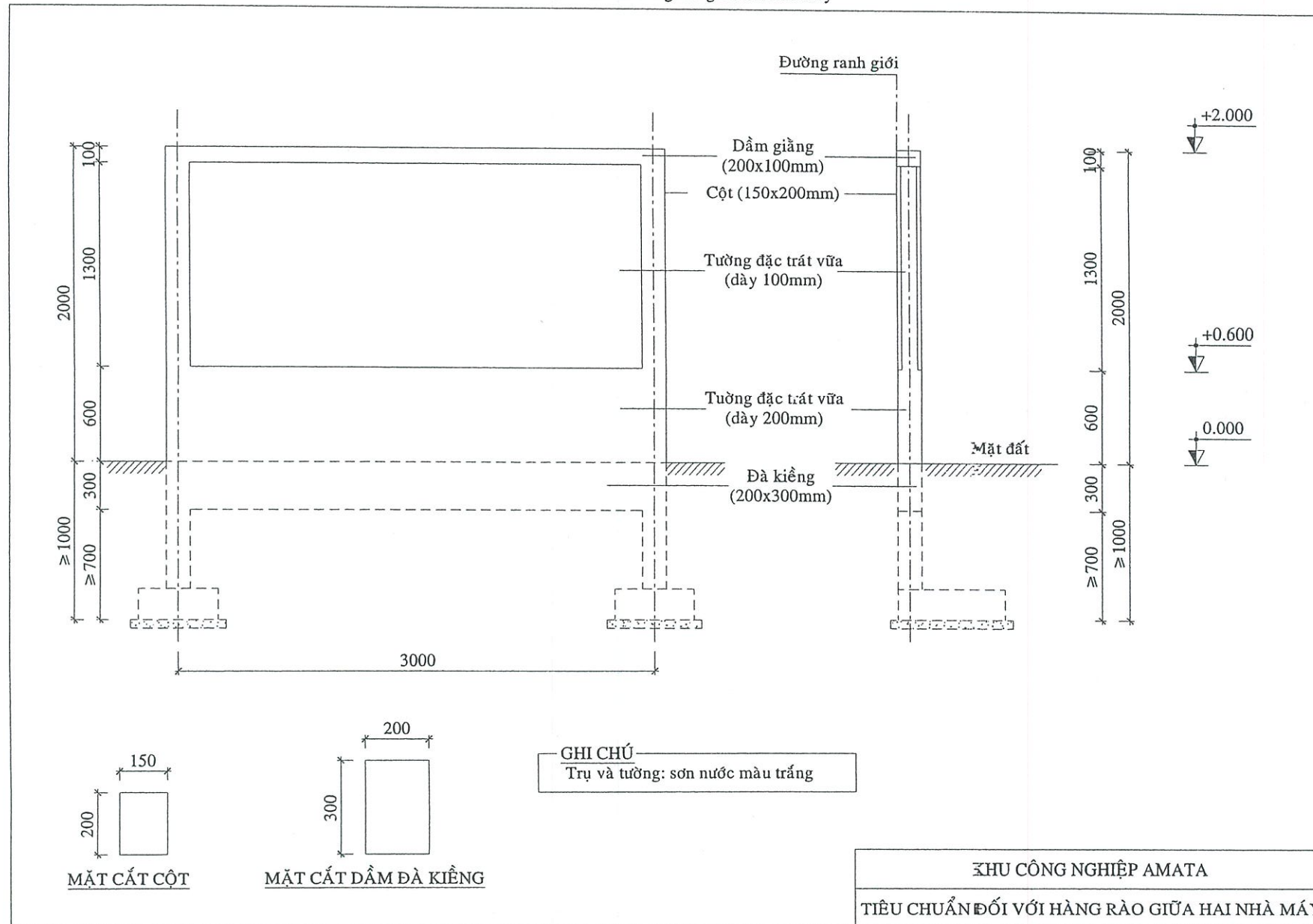
CHI TIẾT 4

KHU CÔNG NGHIỆP AMATA
HỘ VAN, HỐ GA KIỂM TRA

Hình vẽ II.2a
Tiêu chuẩn hàng rào đối diện đường



Hình vẽ II.2b
Tiêu chuẩn đối với hàng rào giữa hai nhà máy



PHỤ LỤC III

PHÍ QUẢN LÝ VÀ PHÍ DỊCH VỤ

Các mức Phí Quản Lý và mức Phí Dịch Vụ được nêu dưới đây áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

1. PHÍ QUẢN LÝ:

- (a) Hàng tháng Bên Thuê sẽ trả Phí Quản Lý trên mỗi m² diện tích đất của Bất Động Sản như sau:

- Trong suốt thời gian xây dựng: miễn phí
- Kể từ ngày bắt đầu đầu nổi tiện ích: 1.760 đồng/m²/tháng; ngoại trừ 2.640 đồng - 3.300 đồng/m²/tháng dành cho doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kho hàng và các dịch vụ khác.

Phí Quản Lý này sẽ được thanh toán cho Amata hoặc đại diện ủy quyền của Amata và sẽ được dùng làm quỹ sửa chữa và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng trong Khu Công Nghiệp Amata và bao gồm cả phí bảo vệ, làm vườn, làm vệ sinh, chiếu sáng đường của Khu Công Nghiệp Amata trong suốt Thời Hạn thuê.

- (b) Amata có thể tăng Phí Quản Lý tùy lúc cần thiết để đáp ứng những chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và dịch vụ mà Amata phải trả. Sau 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo tăng phí của Amata, Bên Thuê phải trả khoản phí tăng như đã được báo.

2. CHI PHÍ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- (a) Hàng tháng Bên Thuê sẽ trả phí xử lý nước thải là 7.700 đồng trên mỗi mét khối nước thải của Bên Thuê. Lượng nước thải của Bên Thuê sẽ được tính tương đương với 80% lượng nước máy tiêu thụ trong cùng thời gian. Phí xử lý nước thải sẽ được trả cho Amata hoặc đại diện ủy quyền của Amata.
- (b) Amata có thể tăng giá phí xử lý nước thải tùy lúc cần thiết để đáp ứng chi phí xử lý. Sau 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo tăng phí của Amata, Bên Thuê phải trả khoản phí tăng như đã được báo.

3. TIỀN ĐIỆN

Bên Thuê trả tiền điện theo lượng điện tiêu thụ và theo giá do Điện Lực Amata (Biên Hòa) quy định tùy từng thời điểm theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng Cung Cấp Điện.

4. TIỀN NƯỚC

Bên Thuê trả tiền nước theo lượng nước tiêu thụ và theo mức giá chính thức do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt áp dụng cho các Khu công nghiệp. Tiền nước tiêu thụ sẽ trả cho Amata hoặc đại diện ủy quyền của Amata.

amy

me

5. TIỀN ĐIỆN THOẠI

Bên Thuê sẽ trả tiền điện thoại theo thời lượng sử dụng và theo giá chính thức của Cơ Quan Bưu Chính Viễn Thông Tỉnh Đồng Nai tùy từng thời điểm. Tiền điện thoại được thanh toán trực tiếp cho Cơ Quan Bưu Chính Viễn Thông tỉnh Đồng Nai.

6. CHI PHÍ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN

Bên Thuê sẽ trả cho Amata hoặc đại diện ủy quyền của Amata chi phí xử lý chất thải rắn theo giá thị trường về thu gom rác tùy từng thời điểm.

7. THANH TOÁN VÀ ĐIỀU CHỈNH

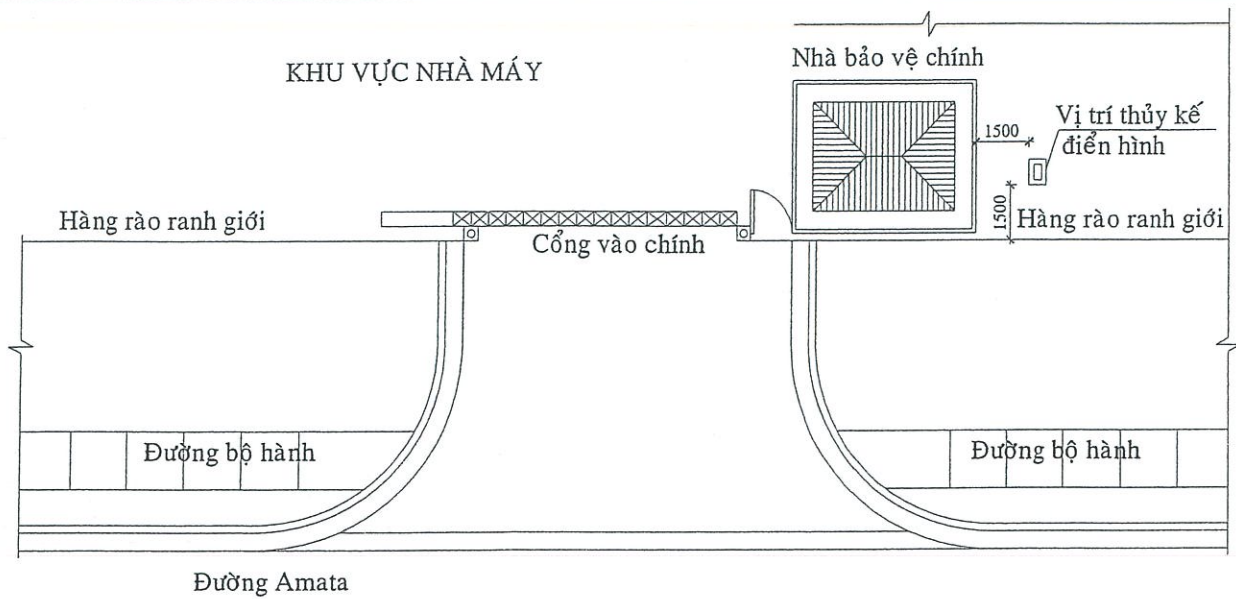
Phí Quản Lý và Phí Dịch Vụ:

- (a) không bao gồm thuế giá trị gia tăng và bất kỳ phí ngân hàng hoặc các loại thuế khác phát sinh cho các khoản thanh toán đó;
- (h) (ngài Phí Quản Lý được thanh toán trước vào ngày đầu tiên trong tháng) các khoản khác được thanh toán trong vòng bảy (7) ngày kể từ khi Bên Thuê nhận được hóa đơn liên quan; và
- (c) sẽ được điều chỉnh hàng năm theo Biểu phí thông báo của Amata áp dụng chung cho tất cả khách hàng trong khu công nghiệp Amata.

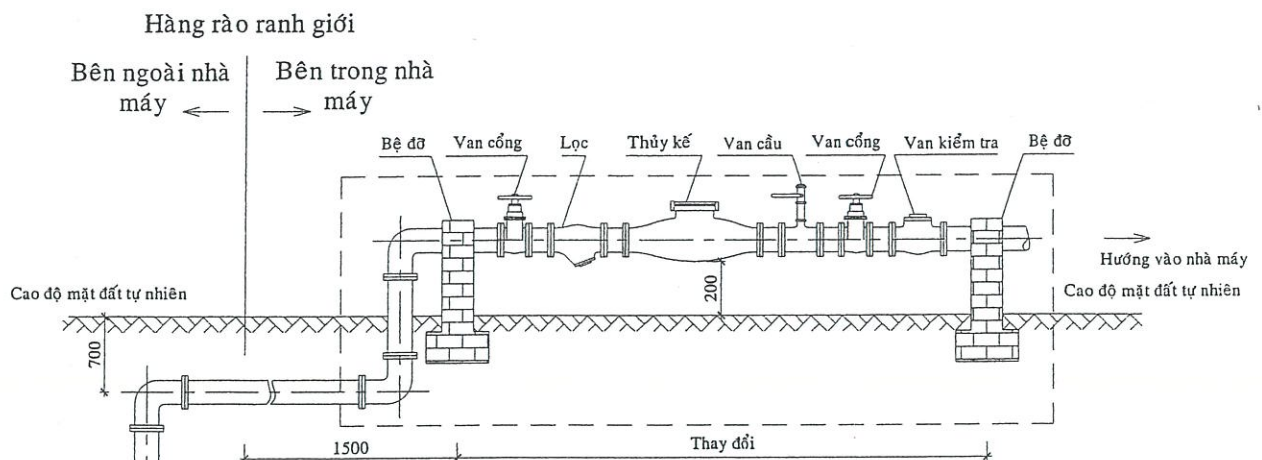
my

me

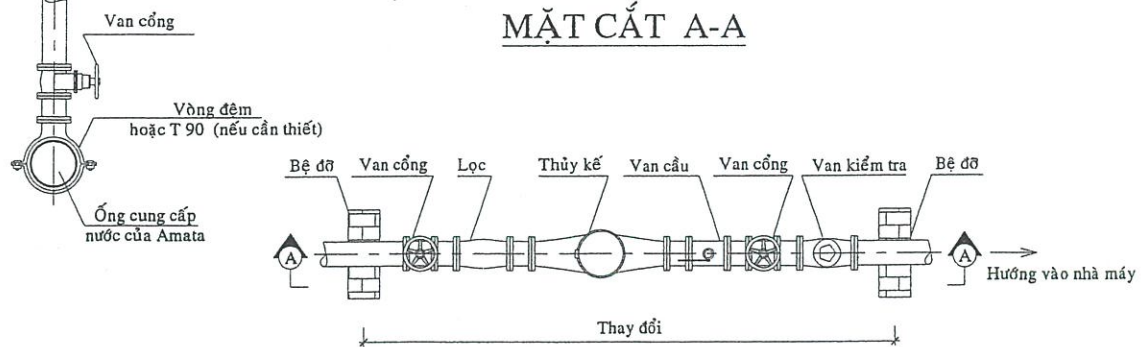
PHỤ LỤC IV
CÔNG TÁC LẮP ĐẶT, ĐẦU NỐI ỐNG VÀ ĐỒNG HỒ THỦY KẾ



MẶT BẰNG VỊ TRÍ THỦY KẾ



MẶT CẮT A-A



ĐẦU NỐI NƯỚC CẤP ĐẶC TRƯNG

VẬT LIỆU ĐỀ NGHỊ

- Đồng hồ nước được cung cấp từ các nhà sản xuất Châu Âu.
- Kích thước phụ kiện căn cứ trên lưu lượng nước.

KHU CÔNG NGHIỆP AMATA

CÔNG TÁC LẮP ĐẶT,
ĐẦU NỐI ỐNG VÀ ĐỒNG HỒ THỦY KẾ

Mỹ

PHỤ LỤC V

TIÊU CHUẨN QUI ĐỊNH NƯỚC THẢI XẢ THẢI VÀO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG (“TIÊU CHUẨN QUI ĐỊNH NƯỚC THẢI”)

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá trị lớn nhất
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH		6- 9
3	BOD (20°C)	mg/l	500
4	COD	”	530
5	Chất rắn lơ lửng	”	200
6	Amoniac (NH ₃)	”	5
7	Chlo hữu cơ	”	1.0
8	Chlorua (Cl-1)	”	500
9	Coliform	MPN/100ml	5,000
10	Xyanua (CN-1)	mg/l	0.1
11	Sắt (Fe)	”	1.0
12	Fluorua (F)	”	5.0
13	Ni tơ (tổng)	”	30
14	Dầu/Mỡ	”	5.0
15	Dầu mỡ động thực vật	”	10
16	Phenol	”	0.1
17	Phốtpho (hữu cơ)	”	0.2
18	Phốtpho (tổng)	”	4.0
19	Hợp chất phóng xạ	”	
	Tổng hoạt độ phóng xạ (α)	Becquerel/l	0.1
	Tổng hoạt độ phóng xạ (β)	Becquerel/l	1.0
20	Asen (As)	mg/l	0.05
	Cadmi (Cd)	”	0.01
	Crom (Cr ⁺⁶)	”	0.05
	Crom (Cr ⁺³)	”	0.2
	Đồng (Cu)	”	2
	Chì (Pb)	”	0.1

omy

me

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá trị lớn nhất
	Mangan (Mn)	”	0.5
	Thủy ngân (Hg)	”	0.005
	Nicken (Ni)	”	0.2
	Lưu huỳnh	”	0.2
	Thiếc (Sn)	”	0.2
	Kẽm (Zn)	”	3.0
	Tetrachloroethylene	”	0.02
	Trichloethylene	”	0.05
21	Các chất khác		
	- Màu		20
	- Chất có độ quánh cao		Không được phép
	- Chất thải cacbua canxi		Không được phép
	- Cặn hoặc bùn làm tắc ống nước		Không được phép

Ngoài các qui định tiêu chuẩn nước thải nêu trên, tất cả dự án thực hiện ở Việt Nam phải tuân thủ tiêu chuẩn môi trường đã và sẽ được ban hành trong tương lai của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường và bất kỳ quy định nào khác của Pháp Luật Việt Nam.

Handwritten signature

PHỤ LỤC VI

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG KHÍ

Chất lượng khí	Tiêu chuẩn	Phương pháp đo
1. Lượng bụi lơ lửng		
1.1 Trong Nhà Máy	Lượng bụi trong hô hấp không quá 15 triệu hạt/feet khối hoặc 5mg/m3	Kỹ thuật dùng giấy lọc mẫu khí tại nơi làm việc
	Tổng số lượng bụi không quá 50 triệu hạt/feet hoặc 15mg/m3	Kỹ thuật dùng giấy lọc mẫu khí tại nơi làm việc
1.2 Từ ống khói	Lượng bụi lơ lửng không quá 400 mg/m3	Kỹ thuật dùng giấy lọc mẫu khí tại lỗ lấy mẫu trên đỉnh của ống khói.
1.3 Khí vùng quanh	Lượng bụi lơ lửng không quá 0,33 mg/m3 (trung bình 24 giờ)	Kỹ thuật lọc giấy bằng phương pháp lấy mẫu cột gravimetric-high. Thời gian thử mẫu phải từ 3-7 ngày để có kết quả trung bình cho 24 giờ.
2. Lượng hóa chất		
Tiêu chuẩn cho khí tỏa ra	1. Acetone 2. Acetaldehyde 3. Acrolein 4. Aniline 5. Benzene 6. Formaldehyde 7. n-Hexone 8. Isopropylamine 9. Isobutanol 10. Methanol 11. Nitrobenzene 12. Phenol 13. Pyrindine 14. Styrene 15. Toluene 16. Xylene (o-, m-, p-) 17. Sulfurdioxide 18. Nitrogendioxide 19. Lead 20. Carbonmonoxide	Không vượt quá 2400 mg/m3 Không vượt quá 270 mg/m3 Không vượt quá 1,2 mg/m3 Không vượt quá 19 mg/m3 Không vượt quá 80 mg/m3 Không vượt quá 6 mg/m3 Không vượt quá 450 mg/m3 Không vượt quá 12 mg/m3 Không vượt quá 360 mg/m3 Không vượt quá 260 mg/m3 Không vượt quá 5 mg/m3 Không vượt quá 19 mg/m3 Không vượt quá 30 mg/m3 Không vượt quá 420 mg/m3 Không vượt quá 750 mg/m3 Không vượt quá 870 mg/m3 Không vượt quá 1500 mg/m3 Không vượt quá 470 mg/m3 Không vượt quá 30 mg/m3 Không vượt quá 1500 mg/m3

Ngoài các tiêu chuẩn khí thải nêu trên, tất cả dự án thực hiện ở Việt Nam phải tuân thủ tiêu chuẩn môi trường đã và sẽ được ban hành trong tương lai của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường hoặc bất kỳ quy định nào khác của Pháp Luật Việt Nam.

Handwritten signature

Handwritten signature

PHỤ ĐÍNH

BẢN THỎA THUẬN GHI NHỚ (VỀ: CÁC TIÊU CHUẨN CHUNG CHO CÁC NHÀ THẦU XÂY DỰNG)

BẢN THỎA THUẬN GHI NHỚ này được làm tại Thành Phố Biên Hòa vào ngày [REDACTED], 200[REDACTED]

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN AMATA (VIỆT NAM), nguyên là một công ty liên doanh được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam, theo Giấy Phép Đầu Tư số 1100/GP do Ủy Ban Hợp tác và Đầu tư cấp ngày 31/12/1994, đăng ký lại thành Công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 472022000132 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 07/05/2007 và sau đó được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 472033000132 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 29/04/2009, có trụ sở đăng ký đặt tại Khu Công Nghiệp Amata, phường Long Bình, thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (dưới đây gọi là "Amata");

Và

CÔNG TY TNHH [REDACTED] một Doanh Nghiệp được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam, theo Giấy Chứng Nhận Đầu tư số [REDACTED], do Ban Quản Lý Các Khu Công Nghiệp Đồng Nai (DIZA) cấp ngày [REDACTED], 200[REDACTED] có trụ sở đặt tại Lô số [REDACTED], Đường [REDACTED], Khu Công Nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (dưới đây gọi là "Công ty")

Và

CÔNG TY TNHH [REDACTED] một công ty được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam, có trụ sở đặt tại [REDACTED] Việt Nam. (dưới đây gọi là "Nhà thầu")

ĐẠI DIỆN CỦA CÁC BÊN

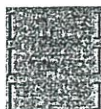
Đại diện của Các Bên được ủy quyền thay mặt cho mỗi bên ký Thỏa Thuận này là :

Cho Amata:

Đại diện pháp lý:	TS. Huỳnh Ngọc Phiên	Bà Phạm Thị Thanh Hương
Chức vụ:	Tổng Giám Đốc	Phó Tổng Giám Đốc
Quốc tịch:	Việt Nam	Việt Nam

Cho Công ty:

Đại diện pháp lý:
Chức vụ:
Quốc tịch:



Handwritten signature

Cho Nhà thầu:

Đại diện pháp lý:
Chức vụ:
Quốc tịch:



GIỚI THIỆU

Xét rằng, Công ty thuê bất động sản của Amata ở Lô [REDACTED], Khu công nghiệp Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Xét rằng, Công ty đã ký kết với Nhà thầu để xây dựng Nhà máy trên Bất động sản.

Xét rằng, Các Bên đồng ý rằng việc xây dựng Nhà máy sẽ được tiến hành theo các điều kiện và điều khoản quy định trong Thỏa Thuận này.

CÁC BÊN THỎA THUẬN RẰNG:

1. SỰ KHÁC BIỆT GIỮA THỎA THUẬN VÀ HỢP ĐỒNG

Các Bên đồng ý rằng các điều khoản trong Thỏa Thuận này sẽ được ưu tiên sử dụng khi có sự khác biệt giữa Thỏa thuận này và Hợp đồng xây dựng được ký kết giữa Công ty và Nhà thầu được chỉ định.

2. GIẢI TRÌNH, ĐẢM BẢO VÀ THỎA THUẬN CỦA CÔNG TY

2.1 Công ty phải:

- (a) giám sát việc xây dựng của Nhà thầu để bảo đảm rằng công trình được thực hiện đúng theo các điều khoản trong Hợp đồng thuê bất động sản, trong Thỏa thuận này, theo đúng các giấy phép xây dựng do Chính quyền cấp, và theo đúng hoạch định xây Nhà máy đã được Amata phê chuẩn;
- (b) bảo đảm tất cả các công trình xây dựng trên Bất động sản phải hoàn toàn tuân theo luật pháp Việt Nam, về mọi mặt, và nói riêng nhưng không giới hạn, rằng tất cả các giấy phép cần thiết cho công trình xây dựng phải được các cấp có thẩm quyền chính thức ban hành;
- (c) bồi thường cho Amata bất kỳ khiếu nại về mất mát hay thiệt hại mà Amata phải gánh chịu do:
 - (i) các hành động hoặc sự chệch mảng của Công ty hay Nhà thầu hoặc bất kỳ công nhân, nhà thầu phụ hoặc nhân viên của Công ty hay của Nhà thầu có liên quan hoặc đang đại diện cho Công ty hay Nhà thầu xây dựng trên Bất động sản, bất kể hành động hoặc chệch mảng đó có xảy ra trên Bất động sản hay không;
 - (ii) nhà thầu vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào đã được quy định trong Thỏa thuận này; hoặc

amg
Tol

- (iii) việc xây dựng của Công ty hay đại diện của Công ty làm ảnh hưởng đến phạm vi bên ngoài ranh giới của Bất động sản;
- (d) lập tức thông báo ngay bằng văn bản cho Amata về việc chấm dứt Hợp đồng xây dựng hoặc ngay khi Nhà thầu hoàn tất các công trình xây dựng theo như Hợp đồng xây dựng;
- (e) trước khi bắt đầu xây dựng, nộp các bản kế hoạch, bản vẽ, các chi tiết và các đặc điểm kỹ thuật của việc xây dựng Nhà máy, đặc biệt các hạng mục như hàng rào, đường nối từ cổng chính vào Bất Động Sản, cây xanh, thảm cỏ, lối đi bộ, rãnh thoát nước, hệ thống nước thải, hồ lấy mẫu thử nước thải, hệ thống thoát nước mưa, van khóa, hố ga với ống dẫn, điện, điểm đầu nối điện thoại, và dây cáp hoặc bất kỳ cấu trúc nào trong Bất động sản tối thiểu 14 ngày để Amata phê duyệt bằng văn bản;
- (f) không tự ý di dời cây xanh ở khu vực dự kiến làm đường nối. Trường hợp Công ty muốn yêu cầu di dời cây xanh phải thông báo bằng văn bản cho Amata tối thiểu 30 ngày trước khi thực hiện việc di dời và trồng lại các cây xanh theo như nội dung đã thông báo. Công ty sẽ chịu các phí tổn cho việc đốn cây và trồng lại; và
- (g) trong khi và sau khi xây dựng Nhà máy, Công ty không được nhổ hoặc di dời cọc đánh dấu hoặc các cột mốc xác định ranh giới phần Bất động sản (“**Cột mốc ranh giới**”). Nếu bất kỳ Cột Mốc Ranh Giới nào bị mất hoặc bị dời đến chỗ khác, Công ty và Nhà thầu sẽ phải có trách nhiệm trả chi phí cho việc đo đạc và dựng lại các cột mốc mới, và phải bồi thường cho Amata, gồm tất cả mất mát và thiệt hại phát sinh cho việc di dời Cột Mốc Ranh Giới.
- 2.2 Công ty phải tự thanh toán chi phí xây dựng tường chắn và hàng rào bao quanh phạm vi Bất động sản. Công ty phải tuân thủ các chỉ dẫn và yêu cầu của Chính quyền, của Amata, và của Luật Pháp Việt Nam đối với việc xây dựng Nhà máy. Bất kỳ khu vực đậu xe nào trong Bất động sản phải được xây dựng kế bên tường rào khách hàng lân cận và không được xây dựng ở hàng rào mặt tiền trước Bất động sản tiếp giáp với đường chính trong Khu công nghiệp Amata hay trong khu vực lùi vào theo quy định của Bất động sản.
- 2.3 Đường vào cổng chính nối từ đường chính hay đường phụ vào Bất động sản của Khu Công Nghiệp Amata phải được xây dựng phù hợp với phối cảnh chung của Khu Công Nghiệp Amata. Đường vào chính phải có lề đường, lối đi bộ, cảnh quan, công trình bê tông cốt thép theo đúng thiết kế đính kèm ở **Phụ Đính 1** và **Phụ Đính 2** Phí tổn xây dựng đường vào chính này do Công ty chịu.
- 2.4 Các bản kế hoạch, thiết kế, các chi tiết và các đặc điểm kỹ thuật của việc xây dựng Nhà máy phải được Amata phê duyệt trước khi tiến hành xây dựng.
3. **GIẢI TRÌNH, ĐẢM BẢO VÀ THỎA THUẬN CỦA NHÀ THẦU**

Nhà thầu phải:

CMY

- (a) chịu trách nhiệm về các hành vi của nhà thầu phụ, các nhân viên, nhà cung cấp và đại diện;
- (b) lắp đặt đồng hồ nước sát tường rào phía trước trong phạm vi bất động sản và hệ thống ống dẫn từ hệ thống phân phối nước vào bên trong Bất động sản của Khu công nghiệp Amata theo **PHỤ LỤC IV** dưới sự giám sát của Amata. Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho Amata ít nhất 7 ngày trước khi lắp đặt. Đồng hồ nước phải do Trung tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 3 ("**QUATEST 3**") kiểm tra và chứng nhận và bản sao Giấy Chứng nhận do **QUATEST 3** ban hành phải nộp cho Amata trước khi lắp đặt đồng hồ nước.
- (c) xây hồ thử, miệng cống, ống dẫn và cửa cống thoát nước thải, van xả phải theo bản vẽ thiết kế đính kèm ở **Hình II.1 của PHỤ LỤC II** và phải đúng với yêu cầu trong Hợp đồng thuê bất động sản.
- (d) bảo đảm hàng rào được xây cất quanh Bất động sản phải cao 2 mét. Bất kỳ hàng rào mặt tiền đối diện đường chính của Khu công nghiệp Amata sẽ phải theo đúng thiết kế đính kèm ở **Hình II.2 của PHỤ LỤC II**. Hàng rào giữa các nhà máy phải theo dạng kín (chắn sáng) và phải làm bằng bê tông.
- (e) thông báo cho Công ty và Amata biết các nhân viên điều hành được giao nhiệm vụ phối hợp với đại diện được ủy quyền của Công ty và Amata trước khi khởi công xây dựng;
- (f) phải bảo đảm rằng các phương tiện cá nhân và các loại xe được sử dụng cho việc xây dựng Nhà máy sẽ chuyên chở không vượt quá tiêu chuẩn trọng tải theo quy định của Bộ giao thông vận tải;
- (g) tuân thủ các mệnh lệnh của Công ty, của Amata và của đại diện được ủy quyền về phương diện giao thông và an toàn;
- (h) không cố tình hoặc cầu thả chất đông, tích trữ, phế bỏ, đổ, để rò rỉ hoặc đánh rơi bất kỳ một vật tư, hàng hóa, chất thải, rác rưởi bên ngoài phần Bất động sản;
- (i) không gây ra tiếng ồn, ánh sáng, khói, bụi, mùi hôi, hoặc bồ hóng gây hại cho môi trường hoặc cho những khách hàng khác trong Khu công nghiệp Amata;
- (j) không sử dụng phần ngoại vi của Bất động sản cho các mục đích khác ngoài những mục đích do Công ty hoặc Amata quy định;
- (k) dọn tất cả rác, chất thải rắn, hoặc các vật liệu thừa sau khi xây dựng Nhà máy bằng cách thu gom và di dời chúng ra khỏi Bất động sản theo hướng dẫn của Công ty hoặc Amata;
- (l) xử lý hợp lý nước thải và nước cống trong thời gian xây dựng Nhà máy

Handwritten signature

- (m) quản lý và giám sát nhân viên, nhà thầu phụ và các nhà cung cấp để ngăn cấm họ không uống rượu, sử dụng ma túy, đánh bạc, và ngăn chặn họ gây gổ với nhau hoặc với người khác trong Khu công nghiệp Amata;
- (n) tuân thủ các hướng dẫn hợp lý của Amata về việc giữ sạch sẽ, trật tự ngăn nắp và an toàn trong Bất động sản trong thời gian xây dựng Nhà máy;
- (o) chịu trách nhiệm bồi thường mất mát hay thiệt hại về người hoặc tài sản thuộc khu vực Bất động sản phát sinh do hành động cố ý hay vô tình của Nhà thầu hoặc nhân viên của họ, nhà thầu phụ, công nhân hoặc nhà cung cấp bất kể việc mất mát, thiệt hại đó xảy ra do Nhà thầu thi công công trình theo Hợp đồng xây dựng hay không. Đối với bất kỳ mất mát, thiệt hại tài sản trong Khu công nghiệp Amata, Nhà thầu có thể bị phạt ít nhất 90.000.000 đồng cho mỗi lần xảy ra, và Amata sẽ thu số tiền phạt đó;
- (p) không cho phép bất kỳ nhân viên nào, nhà thầu phụ, người lao động hoặc nhà cung cấp nào cư trú trong thời gian xây dựng Nhà máy;
- (q) nhận được phê chuẩn của Amata hoặc đại diện được ủy quyền trước khi sử dụng các tiện ích như điện và nước;
- (r) chịu trách nhiệm giữ gìn mỹ quan và nền đất của Bất động sản sau khi hoàn tất việc thi công xây dựng; và
- (s) không giới hạn bất kỳ điều kiện khác của Thỏa thuận này, luôn tuân thủ đầy đủ Luật Pháp Việt Nam liên quan đến các hoạt động trong Bất động sản và theo như Hợp đồng xây dựng.

4. TIỀN KÝ QUỸ ĐẢM BẢO

- 4.1 Để đảm bảo cho việc thực hiện các nghĩa vụ theo đây của Nhà thầu và để giảm thiểu các tổn thất và thiệt hại do Nhà thầu vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Thỏa thuận này, Nhà thầu đồng ý trả cho Amata khoản Tiền ký quỹ bảo đảm là 90.000.000 đồng bằng tiền mặt trong vòng 7 ngày kể từ ngày ký kết Thỏa thuận này.
- 4.2 Amata sẽ trừ vào khoản tiền ký quỹ bảo đảm nói trên khi Amata bị bất cứ tổn thất hay thiệt hại nào do Nhà thầu vi phạm Thỏa thuận này. Amata sẽ thông báo cho Nhà thầu nếu như có bất kỳ sự khấu trừ nào và Nhà thầu phải ngay lập tức trả cho Amata số tiền đó để bù vào cho đủ số tiền ký quỹ bảo đảm nêu trên.
- 4.3 Chỉ sau khi thanh toán tiền ký quỹ bảo đảm cho Amata thì Nhà thầu mới có thể bắt đầu việc xây dựng. Amata phải hoàn lại tiền ký quỹ bảo đảm theo loại tiền tệ mà Nhà thầu đã ký quỹ (số tiền thực nhận) không tính lãi suất (sau khi trừ đi các khoản tiền đã bị trừ phạt và các khoản tiền do Nhà thầu không đóng thêm vào) cho Nhà thầu ngay khi hoàn tất công việc thỏa mãn theo Hợp đồng xây dựng, và khi hết quyền hạn và thời gian thực hiện và kiểm soát công trình xây dựng mà không có bất kỳ khiếu nại nào của Amata hoặc Công ty mà chưa được giải quyết, hoặc khi kết thúc sớm Hợp đồng xây dựng hoặc một trong hai trường hợp sau:

- (a) Công ty đóng thay số tiền ký quỹ bảo đảm; hoặc
- (b) Amata đồng ý rằng mọi khiếu nại đối với Nhà thầu đã được giải quyết.

5. KẾT THÚC THỎA THUẬN

5.1 Mỗi Bên có thể chấm dứt Thỏa thuận này nếu:

- (a) Bên kia bị thanh lý, bị quản lý tài sản một phần hay toàn bộ hoặc tiến hành đi đến đề dàn xếp hoặc thỏa thuận với chủ nợ hoặc triệu tập các chủ nợ; hay
- (b) Bên kia vi phạm nghiêm trọng bất kỳ điều khoản nào của Thỏa thuận này, hoặc nếu Công ty vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng thuê bất động sản, nếu vi phạm có thể khắc phục được mà không khắc phục trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận thông báo bằng văn bản của một Bên về việc vi phạm và yêu cầu khắc phục vi phạm.

5.2 Thỏa thuận này kết thúc theo Điều 5.1 nêu trên, hay cũng sẽ được chấm dứt khi Các Bên đồng ý rằng việc xây dựng Nhà máy đã hoàn tất thành công và thời gian quản lý kiểm soát theo Hợp đồng xây dựng hết hạn mà không có bất kỳ khiếu nại nào giữa Các Bên mà chưa được giải quyết.

6. THÔNG BÁO

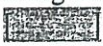
6.1 Thông báo

Tất cả các thông báo, yêu cầu và các hình thức liên lạc khác (sau đây gọi chung là "Thông Báo") được một Bên theo Hợp Đồng này ủy quyền hoặc yêu cầu giao hoặc thực hiện sẽ được giao hoặc thực hiện bằng tiếng Anh và bằng văn bản có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của Bên đó, được giao hoặc gửi bằng thư bảo đảm, hoặc được gửi bằng fax, theo địa chỉ sau:

Bên Amata:

Người nhận: Ông Huỳnh Ngọc Phiên
Địa chỉ: Khu công nghiệp Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Fax: +84-61-3891251

Bên Công ty:

Người nhận: 
Địa chỉ: Lô , Đường Amata, Khu Công Nghiệp Amata, Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Đồng Nai
Fax: 

Bên Nhà thầu:

Người nhận:
Địa chỉ:
Fax:



6.2 Thông Báo Được Xem Là Đã Giao

Bất cứ thông báo nào theo **Điều 6** này sẽ được xem là đã được gửi hợp lệ và người nhận đã nhận khi:

- (a) nếu là thư giao tay hay gửi bảo đảm, khi giao thư; và
- (b) nếu gửi bằng fax, khi có bản xác nhận hợp lệ của người nhận.

Trong trường hợp việc giao hoặc nhận được thực hiện vào ngày không phải là Ngày Làm Việc hoặc quá 5 giờ chiều (giờ địa phương), Thông Báo sẽ được xem là đã được giao hoặc được thực hiện khi bắt đầu Ngày Làm Việc kế tiếp.

6.3 Thay Đổi Địa Chỉ

Một Bên có thể thay đổi địa chỉ nhận Thông Báo vào bất kỳ lúc nào bằng cách gửi thông báo thay đổi cho Bên kia theo các quy định của Thỏa thuận này.

7. **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

7.1 Thương thảo

Tranh chấp phát sinh từ hoặc có liên quan đến Thỏa thuận này hoặc việc thực hiện Thỏa thuận này, bao gồm cả tính hiện hữu và giá trị pháp lý của Thỏa thuận, gồm cả phần này, phạm vi, ý nghĩa, cấu trúc, diễn giải hoặc áp dụng của Thỏa thuận này (“Tranh Chấp”), trong phạm vi có thể, sẽ được giải quyết thiện chí bằng đàm phán và thảo luận giữa các Bên.

7.2 Thẩm Quyền Tòa Án

Bất kỳ Tranh Chấp nào không thể giải quyết bằng hòa giải thiện chí giữa các Bên sẽ được trình lên Tòa Án Kinh Tế của Tỉnh Đồng Nai. Bên vi phạm phải chịu toàn bộ chi phí pháp lý, án phí và các chi phí ngay thực khác phát sinh cho Bên kia do việc Tranh Chấp. Các Bên sẽ nghiêm chỉnh tuân thủ các quyết định của Tòa Án.

7.3 Nghĩa Vụ Trong Khi Chờ Đợi Kết Quả Giải Quyết Tranh Chấp

Trước khi giải quyết xong Tranh Chấp theo Hợp Đồng này, Các Bên phải tuân thủ các nghĩa vụ theo Hợp Đồng này mà không ảnh hưởng đến việc điều chỉnh cuối cùng theo quyết định của Tòa Án Kinh Tế.

7.4 Tính hiệu lực của điều khoản này

my

me

Điều khoản này vẫn có hiệu lực khi Thỏa thuận này chấm dứt.

8. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

8.1 Thay đổi

Mọi thay đổi hoặc điều chỉnh đối với Thỏa thuận này sẽ không có giá trị trừ khi được thực hiện bằng văn bản và có chữ ký của Các Bên.

8.2 Tính thống nhất

Thỏa thuận này bao gồm toàn bộ các thỏa thuận của Các Bên và thay thế toàn bộ các thỏa thuận và ghi nhớ trước đây giữa Các Bên liên quan đến vấn đề của Hợp Đồng này.

8.3 Luật Điều Chỉnh

Hợp Đồng này được điều chỉnh và giải thích theo Pháp Luật Việt Nam

8.4 Không Hợp Danh, Đại Lý

Không quy định nào trong Thỏa thuận này có thể được hiểu hoặc giải thích là cấu thành mối quan hệ đại lý hoặc hợp danh giữa các Bên. Một Bên không được lợi dụng hoặc có ý định lợi dụng sự tín nhiệm của Bên kia để cam kết hay đại diện thay mặt Bên kia, trừ khi được quy định rõ ràng, khiến cho một Bên trở thành đại lý hoặc đại diện hợp pháp của Bên kia.

8.5 Khước từ

Việc không thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện bất kỳ quyền, quyền hạn hoặc đặc quyền của một Bên theo Thỏa thuận này, hoặc theo bất cứ hợp đồng hoặc thỏa thuận khác liên quan đến Thỏa thuận này, sẽ không có nghĩa là khước từ quyền, quyền hạn hoặc đặc quyền đó, cũng như việc thực hiện riêng lẻ hoặc từng phần bất kỳ quyền, quyền hạn hoặc đặc quyền sẽ không loại trừ việc thực hiện các quyền, quyền hạn hoặc đặc quyền trong tương lai. Quyền và tổ quyền được quy định trong Thỏa thuận này mang tính cộng dồn và không loại trừ các quyền hoặc tổ quyền khác do pháp luật quy định.

8.6 Tính riêng biệt

Việc bất kỳ quy định nào trong Thỏa thuận này bị vô hiệu không ảnh hưởng đến tính hiệu lực của những quy định còn lại của Thỏa thuận. Tuy nhiên, bất kể những quy định trên, nếu sự cân bằng cơ bản về quyền lợi kinh tế được phản ánh trong Thỏa thuận này bị thay đổi một cách đáng kể bởi một quy định nào đó bị vô hiệu trong Thỏa thuận này, thì Bên bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể có thể tiến hành thủ tục chấm dứt Thỏa thuận này.

8.7 Chi phí

Mỗi Bên sẽ tự chịu chi phí pháp lý và các phí tổn và chi phí khác liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc soạn thảo, và thực hiện các nghĩa vụ theo Thỏa thuận này, trừ khi có quy định khác trong Thỏa thuận này.

8.8 Nguyên Bản và việc Thi Hành

Thỏa thuận này được làm thành ba bản như nhau, mỗi bản gồm bản Tiếng Anh và bản Tiếng Việt.

KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN THỎA THUẬN

Thay mặt Amata

Thay mặt Công ty

Huỳnh Ngọc Phiên
Tổng Giám Đốc



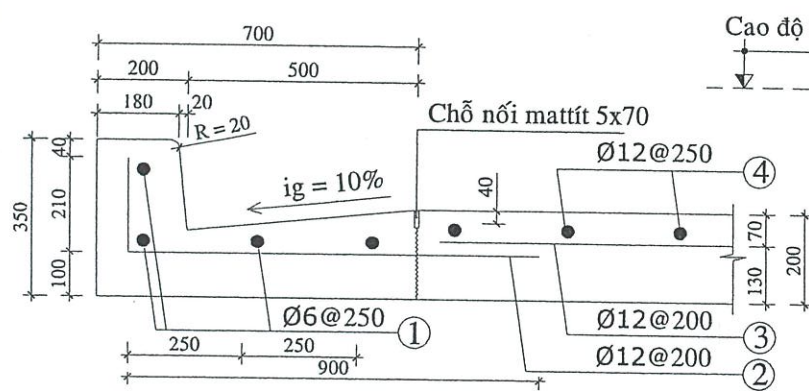
Thay mặt Nhà thầu

Phạm Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám Đốc

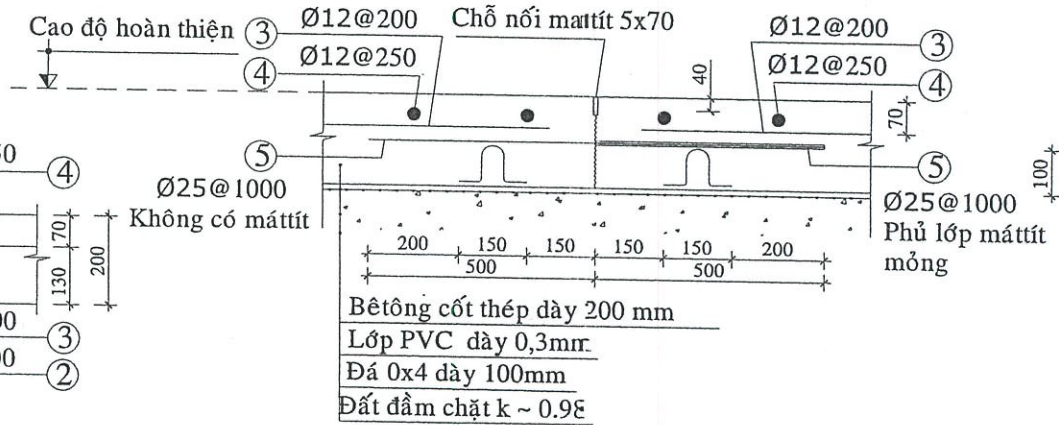


Handwritten initials or marks at the bottom right corner of the page.

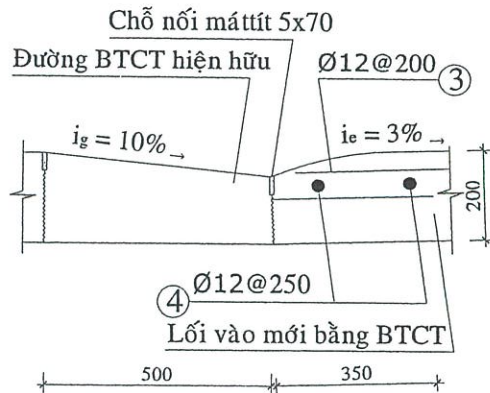
PHỤ LỤC 1
Quy định về cổng vào



A-A (TỶ LỆ: 1/20)

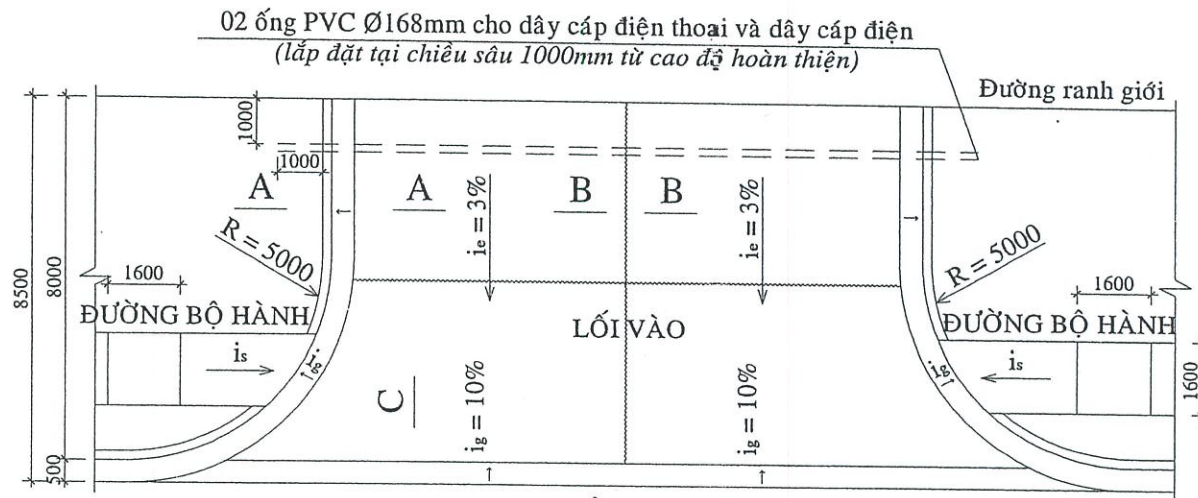


B-B (TỶ LỆ: 1/20)



C-C (TỶ LỆ: 1/20)

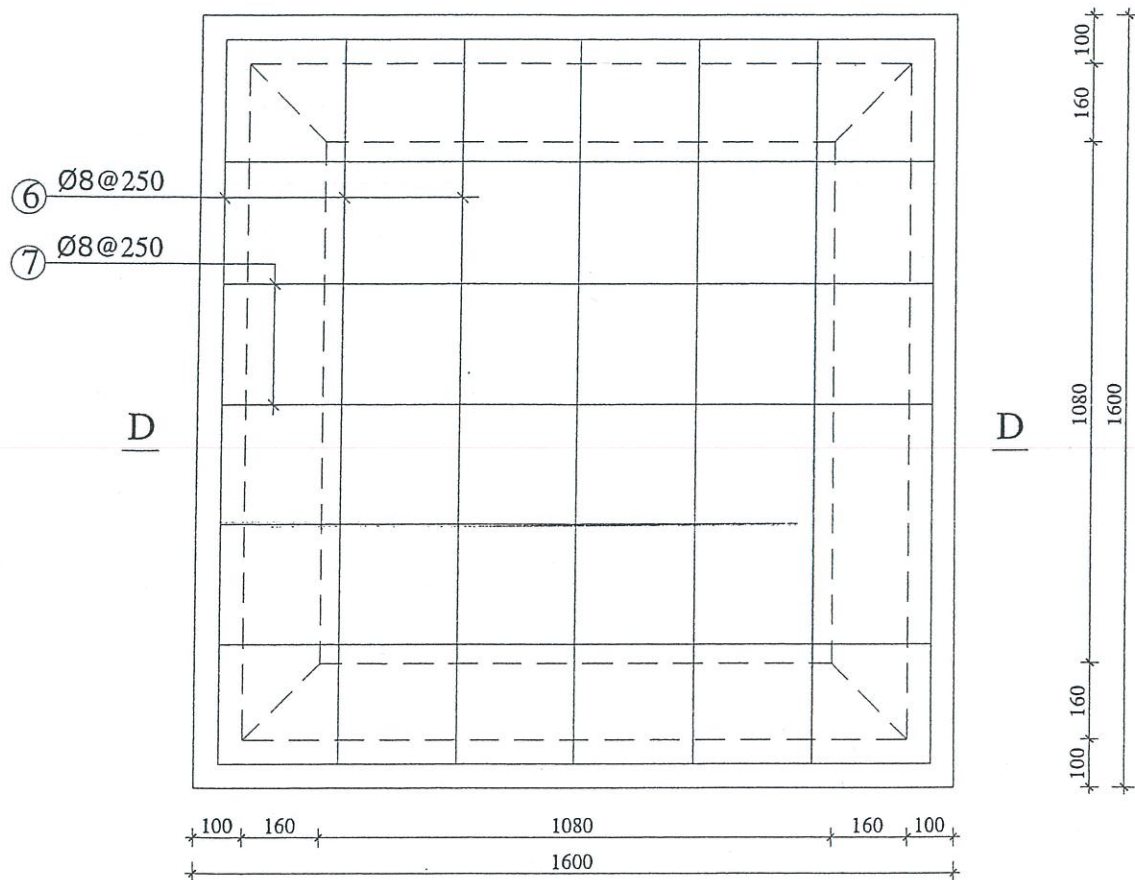
GHI CHÚ:
- BÊTÔNG M350
- CỐT THÉP CƯỜNG ĐỘ $R = 2100 \text{ kg/cm}^2$
- $i_s = 5 \sim 10\%$



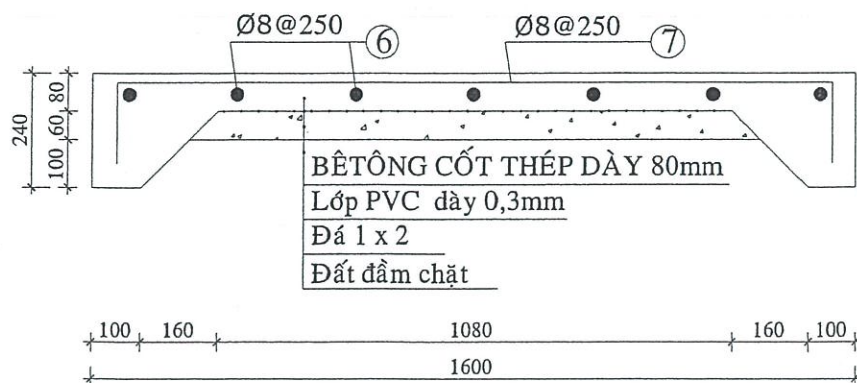
MẶT BẰNG (TỶ LỆ: 1/200)

KHU CÔNG NGHIỆP AMATA
QUI ĐỊNH VỀ CỔNG VÀO

Phụ lục 2
Qui định lề bộ hành



LỀ BỘ HÀNH (TỶ LỆ: 1/20)



D-D (TỶ LỆ: 1/20)

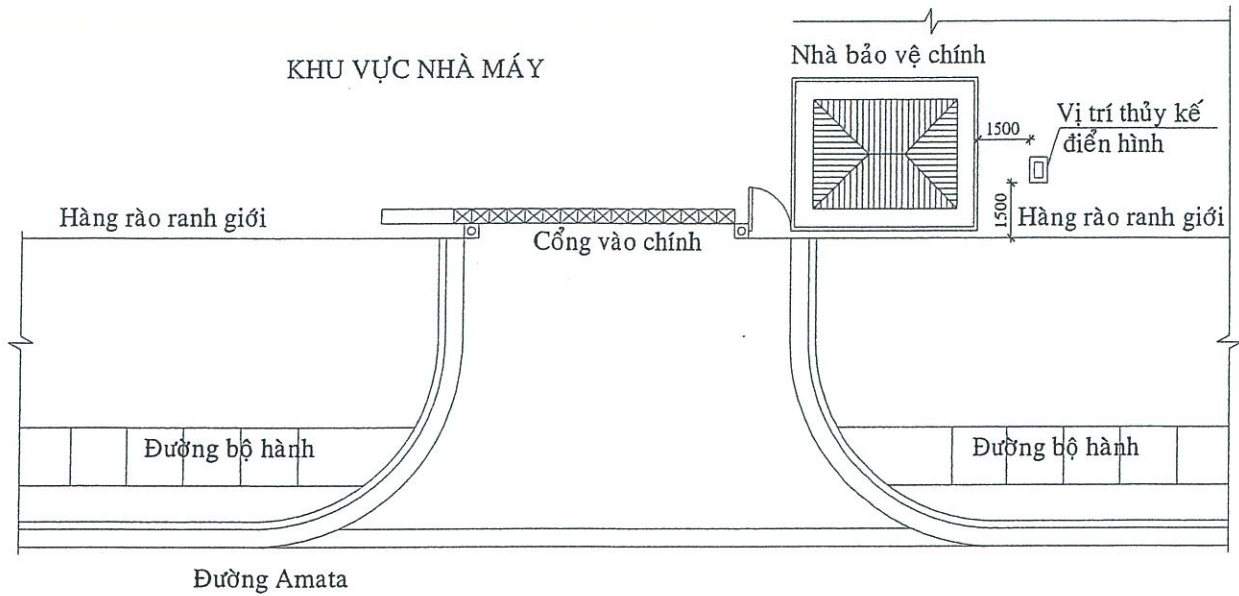
GHI CHÚ:

- BÊTÔNG M200

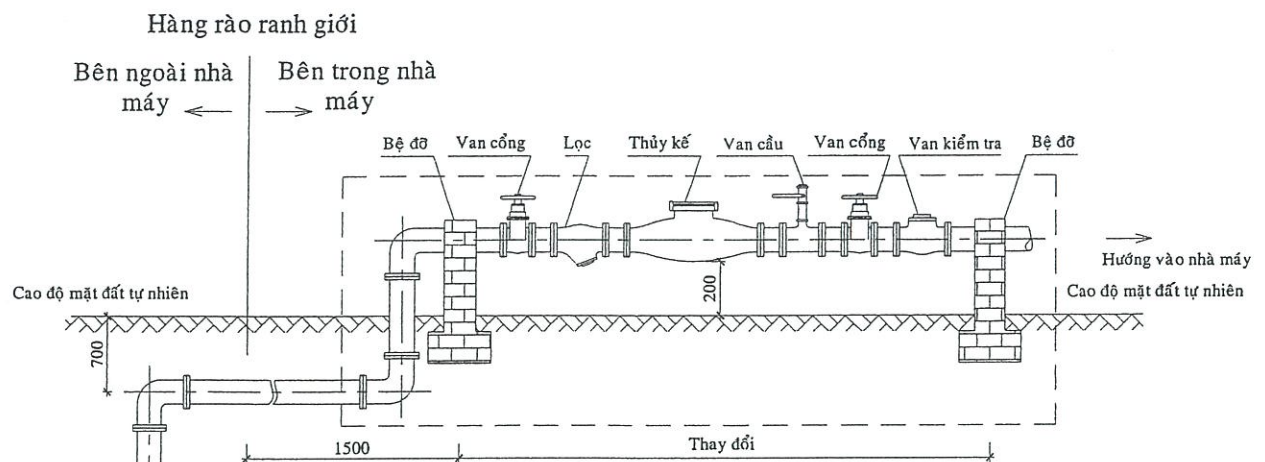
- CỐT THÉP CƯỜNG ĐỘ $R = 2100 \text{ kg/cm}^2$

KHU CÔNG NGHIỆP AMATA
QUI ĐỊNH LỀ BỘ HÀNH

PHỤ LỤC IV
CÔNG TÁC LẮP ĐẶT, ĐẦU NỐI ỐNG VÀ ĐỒNG HỒ THỦY KẾ



MẶT BẰNG VỊ TRÍ THỦY KẾ



ĐẦU NỐI NƯỚC CẤP ĐẶC TRƯNG

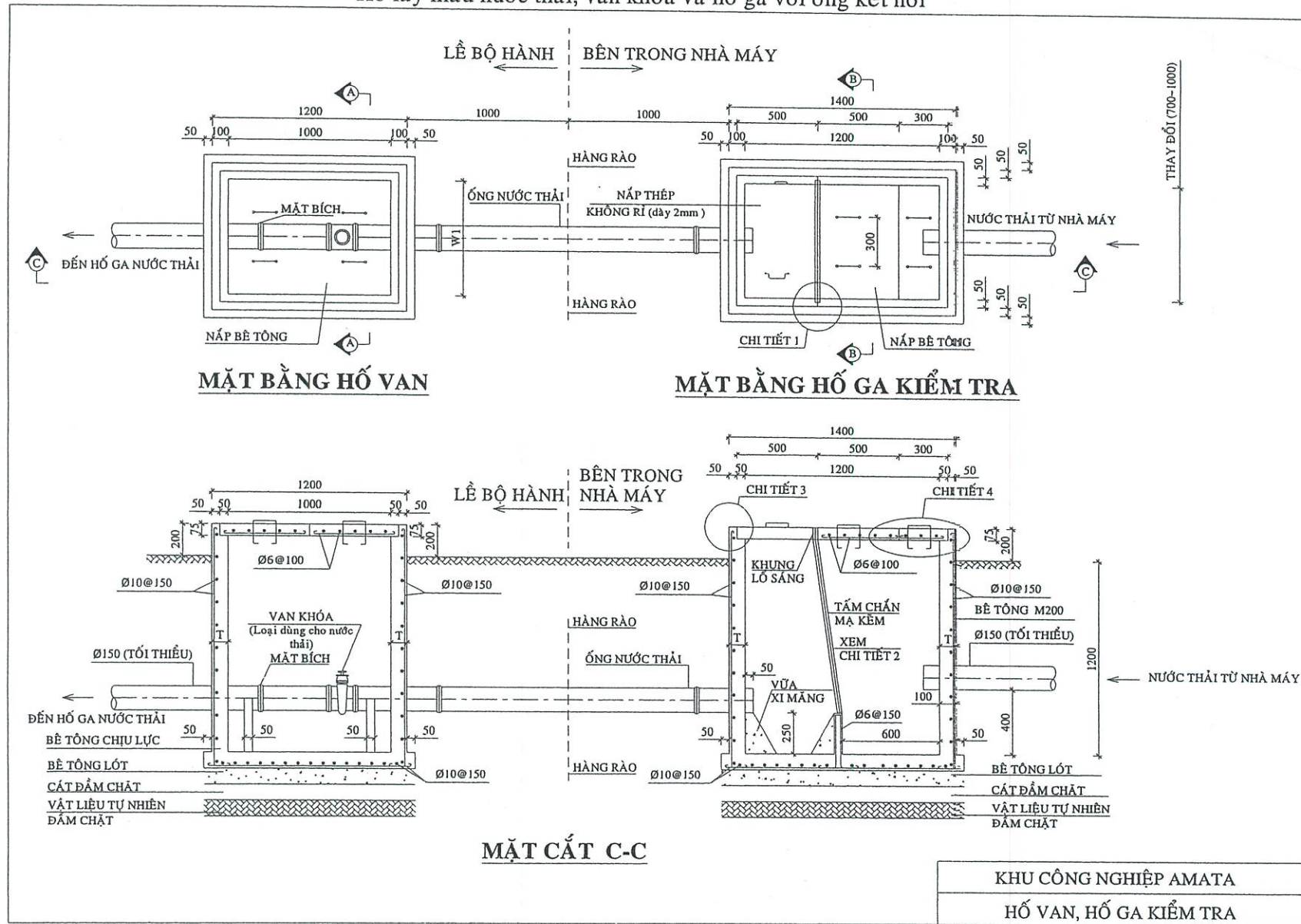
VẬT LIỆU ĐỀ NGHỊ

- Đồng hồ nước được cung cấp từ các nhà sản xuất Châu Âu.
- Kích thước phụ kiện căn cứ trên lưu lượng nước.

KHU CÔNG NGHIỆP AMATA
CÔNG TÁC LẮP ĐẶT,
ĐẦU NỐI ỐNG VÀ ĐỒNG HỒ THỦY KẾ

Mỹ

Hình vẽ II.1
Hố lấy mẫu nước thải, van khóa và hố ga với ống kết nối



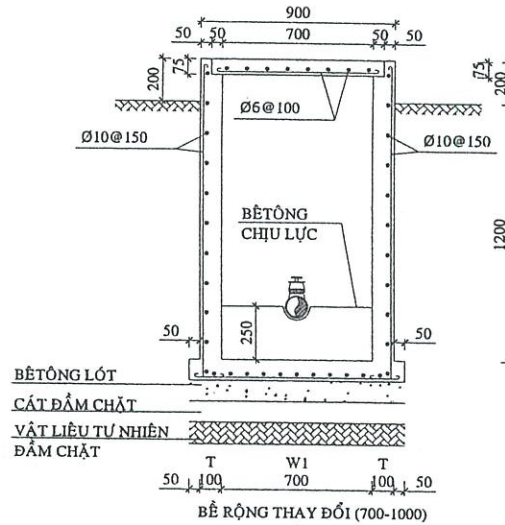
Hình vẽ II.1 (tiếp theo)

CÁC LOẠI HỐ GA KIỂM TRA

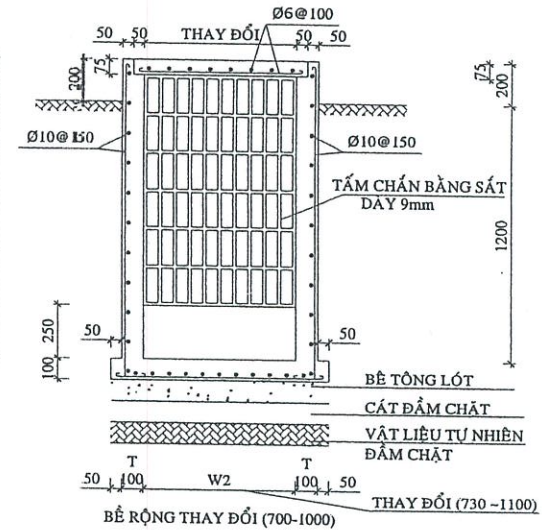
LOẠI	D	W1	W2	T
	ĐƯỜNG KÍNH ỐNG (mm)	BỀ RỘNG HỐ GA (mm)	BỀ RỘNG CHÂN SONG TẮM CHẤN (mm)	CHIỀU DÀY TƯỜNG (mm)
A	Ø150	700	730	100
B	Ø200	800	850	120
C	Ø300	1000	1100	150

GHI CHÚ:

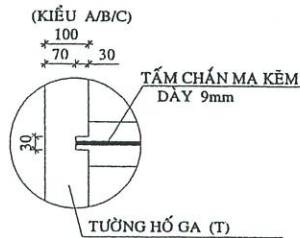
KÍCH THƯỚC CHÂN SONG TẮM CHẤN VÀ BỀ RỘNG HỐ GA KIỂM TRA ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH THEO LƯU LƯỢNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NƯỚC THẢI HOẶC THEO BẢNG TRÊN ĐÂY



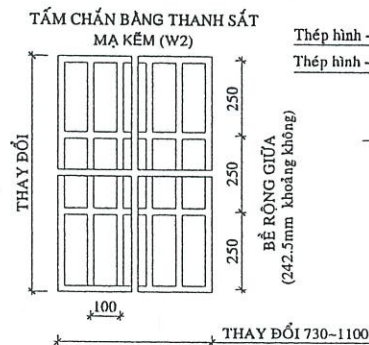
**MẶT CẮT A-A
HỘ VAN**



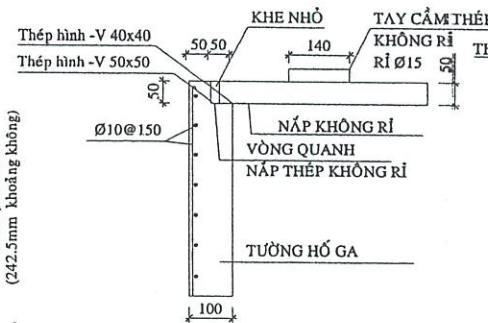
**MẶT CẮT B-B
HỐ GA KIỂM TRA**



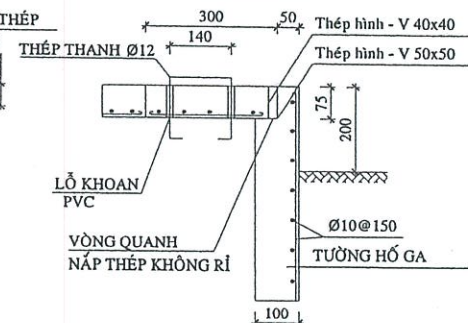
CHI TIẾT 1



CHI TIẾT 2



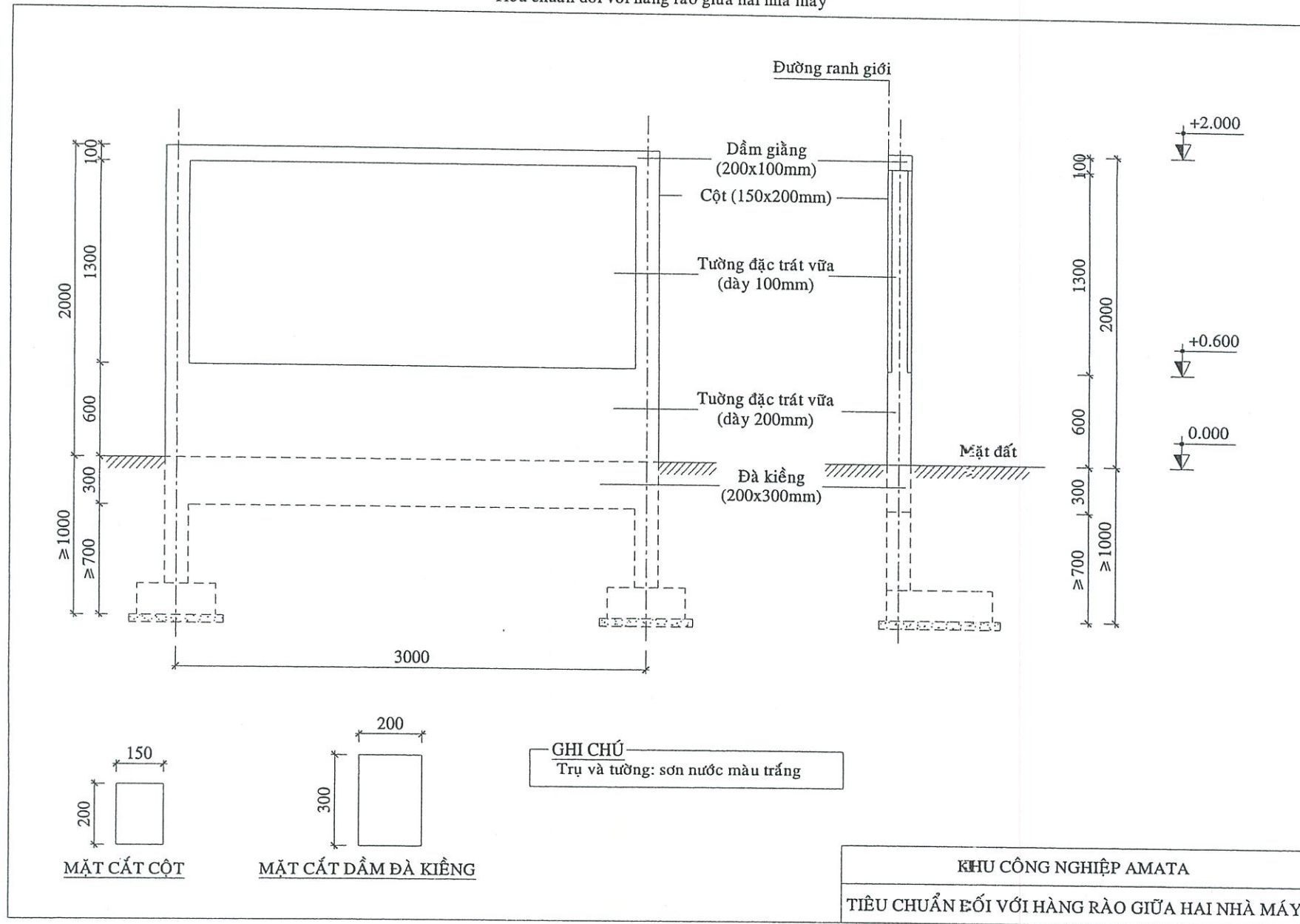
CHI TIẾT 3



CHI TIẾT 4

KHU CÔNG NGHIỆP AMATA
HỘ VAN, HỐ GA KIỂM TRA

Hình vẽ II.2b
Tiêu chuẩn đối với hàng rào giữa hai nhà máy



A

ADDENDUM
to Property Lease Agreement dated 23 February 2012
Subject: Wastewater and Annual raw land rental fee

This **Addendum** is made in Bien Hoa City on 31 July 2015 by and between:

AMATA (VIETNAM) JOINT STOCK COMPANY, originally a Joint Venture Company established and existing under the Laws of Vietnam according to the Investment License No. 1100/GP issued by the State Committee for Cooperation and Investment on 31 December 1994, re-registered as a Limited Liability Company according to the Investment Certificate No. 472022000132, issued by Dong Nai Industrial Zones Authority (DIZA) on 7 May 2007, and then converted into a Joint Stock Company in compliance with the Investment Certificate No. 472033000132 licensed by DIZA on 29 April 2009, with its registered office at Long Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province (hereinafter referred to as the “**Lessor**”);

AND

HOUSE FOODS VIETNAM CO., LTD., a limited liability company established and existing under Vietnamese Law in accordance with Investment Certificate No. 472043000914 issued by Dong Nai Industrial Zones Authority (DIZA) on 04 January 2012 and its first amendment registered on 04 January 2013, with its registered office located at Plot 239-241, Long Binh (Amata) Industrial Park, Bien Hoa City, Dong Nai Province (hereinafter referred to as the “**Lessee**”).

Whereas

- The Lessor and the Lessee had entered into a Property Lease Agreement on 23 February 2012 regarding the Land Plot No. 239 with land area of 15,150.3m² located at Road 12, Amata Industrial Park, Long Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province (hereinafter referred to as the “**Agreement**”);
- The current situation of operation and maintenance of wastewater treatment plant in Amata Industrial Park;
- The Lessor and Dong Nai People’s Committee had signed the Land Lease Contract No. 159/HĐTĐ on 11 May 2006 and Supplementary Agreement to Land Lease Contract No. 159/PLHĐTĐ on 02 May 2013;
- The Decision of Government was issued for Annual raw land rental fee exemption for some land areas in Amata Industrial Park.

Both parties hereto hereby agree to execute this Addendum as a supplement to the Agreement (hereinafter referred to as “**Addendum**”) according to the following terms and conditions:

Article 1 The Lessee shall at its own cost connect its discharged wastewater pipe to the Lessor’s central wastewater system at the point to be advised by the Lessor. The Lessee’s wastewater must be drained into the central sewage system and pay the wastewater treatment charge at the rate stipulated by the Lessor. The Lessee agrees to allow the Lessor to take sample of the Lessee’s wastewater treatment discharge at random for quality analysis to ensure that the Lessee’s wastewater has complied with the standard levels set out in **Effluent Standard Levels**.



- (a) In the event that the Lessee's wastewater is found not to comply with the **Effluent Standard Levels**, the Lessee shall:
- (i) reimburse the Lessor the expense for taking and inspecting the Lessee's wastewater samples;
 - (ii) provide the Lessor with the documents of internal wastewater treatment system;
 - (iii) present the plan to improve the Lessee's wastewater treatment system.
- (b) Upon receipt of the quality and analysis result that proves the Lessee's wastewater does not comply with the **Effluent Standard Levels**, the Lessor has the right to:
- (i) impose a following fine on the Lessee, the pecuniary penalty shall be calculated one month for one time to infringe the **Effluent Standard Levels**. The fine rate is as follows:

<i>Excess standard level</i>	<i>Fine rate</i> (Based on the wastewater charge of the month that has the excessive standard level)
* Up to 10%	50% of the wastewater treatment charge
* 11% to 20%	100% of the wastewater treatment charge
* 21% to 30%	200% of the wastewater treatment charge
* 31% to 40%	300% of the wastewater treatment charge
* 41% to 50%	400% of the wastewater treatment charge
* Above 50%	500% of the wastewater treatment charge

When a violation is found, the Lessor shall send a written notice to the Lessee within 10 (ten) days from the date of such violation, and the total wastewater treatment charge including penalty shall be paid by the Lessee within seven (7) days after receiving the debit note from the Lessor.

- (ii) report the case to the related government authority for its decision;
- (iii) stop the service and utility supply to the Lessee's plant until the time the discharging wastewater meets the standard level;
- (iv) demand the Lessee to construct/upgrade the Lessee's wastewater treatment facility to pre-treat its wastewater to ensure that the wastewater has complied with the standard levels set out in the **Effluent Standard Levels** before discharging it into the central wastewater system.

Article 2 The Lessee shall pay the Lessor on demand the amount of damage or extra cost incurred to the Lessor in the operation of the Lessor's wastewater treatment plant due to the fact that the Lessee's wastewater does not comply with the **Effluent Standard Levels**.

The Lessee shall also be liable to compensate the Lessor, other land users in Amata and/or any third parties the cost and damages incurred to the Lessor, other

land users in Amata and/or any third parties due to the default of the Lessee, including but not limited to, not to comply with the effluent standard level of wastewater, disposing of wastewater on to the ground, to the drainage, or to the public canal.

All above Articles shall be applied **on 01 January 2016**.

Article 3 Annual raw land rental fee with land area of 15,150.3m² shall be applied as below:

Government Contract	Land Area (m ²)	Annual raw land rental fee (VND/m ² /year)	Applied Term
No. 159/HĐTĐ & No. 159/PLHĐTĐ	15,150.3	EXEMPTION	From 01 January 2015 to 18 October 2016

- The Annual raw land rental fee of the following years after the above applied term will be recorded in another supplementary agreement when the Lessor receives the new announcement from Government.

This Addendum shall form an integral part of the Agreement and come into effect from the signing date; all the other terms and conditions of the Agreement, except as agreed hereby, shall remain in full force and effect.

This Addendum is made duplicate in English and Vietnamese; each party shall retain one copy in English and one copy in Vietnamese.

EXECUTED AS AN AGREEMENT

For and on behalf of the Lessor



Pham Thi Thanh Huong
Vice President

Surakij Kiatthanakorn
Vice President

For and on behalf of the Lessee



Seiji Nohara
General Director



PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG
cho Hợp đồng thuê bất động sản ngày 23 tháng 02 năm 2012
Về việc: Nước thải và tiền thuê đất thô hàng năm

Phụ lục hợp đồng này được lập tại thành phố Biên Hòa ngày 31 tháng 07 năm 2015 bởi và giữa:

CÔNG TY CỔ PHẦN AMATA (VIỆT NAM), nguyên là một công ty liên doanh được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam, theo Giấy phép đầu tư số 1100/GP do Ủy ban Hợp tác và Đầu tư cấp ngày 31/12/1994, đăng ký lại thành công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy chứng nhận đầu tư số 472022000132 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 07/05/2007 và sau đó được Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp phép chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đầu tư số 472033000132 cấp ngày 29/04/2009, có trụ sở đăng ký tại phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (dưới đây gọi là “**Bên Cho Thuê**”);

VÀ

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM, một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 472043000914 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 04/01/2012, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 04/01/2013, có trụ sở đăng ký tại Lô 239-241, khu công nghiệp Long Bình (Amata), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (dưới đây gọi là “**Bên Thuê**”).

Căn cứ:

- Hợp đồng thuê bất động sản ký kết ngày 23 tháng 02 năm 2012 giữa Bên Cho Thuê và Bên Thuê liên quan đến lô đất số 239 có diện tích 15.150,3m² tại đường 12, khu công nghiệp Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (dưới đây gọi là “**Hợp đồng**”);
- Tình hình thực tế về công tác vận hành và bảo trì của nhà máy xử lý nước thải trong khu công nghiệp Amata;
- Hợp đồng thuê đất số 159/HĐTĐ ngày 11 tháng 05 năm 2006 và Phụ lục hợp đồng thuê đất số 159/PLHĐTĐ ngày 02 tháng 05 năm 2013 được ký giữa Bên Cho Thuê và Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Quyết định của Nhà nước phê duyệt miễn tiền thuê đất thô hàng năm cho một số khu đất trong khu công nghiệp Amata.

Nay hai bên đồng ý thực hiện Phụ lục hợp đồng này như một phần bổ sung vào Hợp đồng (dưới đây gọi là “**Phụ lục hợp đồng**”) theo các điều khoản và điều kiện sau:

Điều 1

Bên Thuê sẽ phải tự trả tiền đầu nối vào hệ thống thoát nước thải trung tâm của Bên Cho Thuê tại địa điểm do Bên Cho Thuê tư vấn. Nước thải của Bên Thuê phải thoát vào hệ thống nước thải trung tâm và Bên Thuê phải trả phí xử lý nước thải theo mức giá qui định của Bên Cho Thuê. Bên Thuê đồng ý để Bên Cho Thuê lấy mẫu nước thải của Bên Thuê vào bất kỳ thời điểm nào/ngẫu nhiên để phân tích chất lượng và để đảm bảo rằng nước thải từ Bên Thuê tuân thủ tiêu chuẩn quy định tại **Tiêu chuẩn qui định nước thải**.

- (a) Trong trường hợp nước thải từ Bên Thuê không đạt **Tiêu chuẩn qui định nước**



thải, Bên Thuê phải:

- (i) hoàn trả cho Bên Cho Thuê chi phí lấy và phân tích mẫu nước thải từ Bên Thuê;
 - (ii) cung cấp cho Bên Cho Thuê tài liệu về hệ thống xử lý nước thải nội bộ;
 - (iii) giải trình kế hoạch cải thiện hệ thống xử lý nước thải của Bên Thuê.
- (b) Khi nhận được Kết quả phân tích chất lượng chứng minh rằng mẫu nước thải từ Bên Thuê không đạt **Tiêu chuẩn qui định nước thải**, Bên Cho Thuê sẽ có quyền sau:

- (i) quy định mức phạt đối với Bên Thuê, một lần vi phạm **Tiêu chuẩn qui định nước thải** sẽ được tính thành một tháng tiền phạt. Mức phạt được áp dụng như sau:

Mức vượt chuẩn	Mức phạt (được căn cứ trên mức phí xử lý nước thải của tháng có mức vượt chuẩn)
* Đến 10%	50% Phí xử lý nước thải
* Từ 11%-20%	100% Phí xử lý nước thải
* Từ 21%-30%	200% Phí xử lý nước thải
* Từ 31%-40%	300% Phí xử lý nước thải
* Từ 41%-50%	400% Phí xử lý nước thải
* Trên 50%	500% Phí xử lý nước thải

Khi phát hiện vi phạm, Bên Cho Thuê sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho Bên Thuê trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày xảy ra vi phạm, và Bên Thuê phải thanh toán tổng khoản phí xử lý nước thải bao gồm cả khoản phạt trong vòng bảy (7) ngày kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu thanh toán của Bên Cho Thuê.

- (ii) báo cáo trường hợp vi phạm lên chính quyền để giải quyết;
- (iii) ngưng cung cấp các dịch vụ và tiện ích cho Bên Thuê cho đến khi nước thải đạt chuẩn;
- (iv) yêu cầu Bên Thuê xây dựng/nâng cấp trạm xử lý nước thải cục bộ để xử lý sơ bộ nước thải của Bên Thuê để đảm bảo rằng nước thải từ Bên Thuê tuân thủ tiêu chuẩn quy định tại **Tiêu chuẩn qui định nước thải** trước khi xả nước thải vào hệ thống nước thải trung tâm của Bên Cho Thuê.

Điều 2

Bên Thuê sẽ trả thêm cho Bên Cho Thuê khoản thiệt hại/chi phí phát sinh trong quá trình vận hành Nhà máy xử lý nước thải của Bên Cho Thuê do nước thải của Bên Thuê không đạt **Tiêu chuẩn qui định nước thải**.

Bên Thuê cũng sẽ có trách nhiệm bồi thường cho Bên Cho Thuê, những đơn vị sử dụng đất khác trong Amata và/hoặc bất kỳ các bên thứ ba nào do lỗi của Bên Thuê, bao gồm nhưng không giới hạn, không tuân thủ tiêu chuẩn qui định về nước thải, xả thải nước thải xuống lòng đất, vào hệ thống thoát nước mưa hoặc thải ra suối công cộng.

Các điều khoản nêu trên sẽ được áp dụng vào ngày **01 tháng 01 năm 2016**.

Điều 3

Tiền thuê đất thô hàng năm cho diện tích đất 15.150,3m² được áp dụng như sau:

Hợp đồng với Nhà nước	Diện tích đất (m ²)	Tiền thuê đất thô hàng năm (đồng/m ² /năm)	Thời hạn áp dụng
Số 159/HĐTĐ & Số 159/PLHĐTĐ	15.150,3	MIỄN	Từ 01/01/2015 đến 18/10/2016

- Tiền thuê đất thô hàng năm của những năm tiếp theo sau thời hạn trên sẽ được ghi nhận trong một phụ lục hợp đồng khác ngay khi Bên Cho Thuê nhận được mức giá mới công bố từ Nhà nước.

Phụ lục hợp đồng này sẽ là phần luôn đi kèm của Hợp đồng và sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký; tất cả các điều khoản và điều kiện khác trong Hợp đồng, ngoại trừ điều khoản thỏa thuận ở đây, sẽ giữ nguyên giá trị và hiệu lực.

Phụ lục hợp đồng này được làm thành hai bản tiếng Anh và hai bản tiếng Việt; mỗi bên giữ một bản tiếng Anh và tiếng Việt.

KÝ KẾT HỢP ĐỒNG**Thay mặt Bên Cho Thuê**

Phạm Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám Đốc

Surakij Kiatthanakorn
Phó Tổng Giám Đốc

Thay mặt Bên Thuê

Seiji Nohara
Tổng Giám Đốc





卷一百一十五

CÔNG TY CỔ PHẦN AMATA VIỆT NAM

----- 0 -----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- 0 -----

BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐẦU NỐI

BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐẦU NỐI này được lập tại KCN Amata, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vào ngày 12 tháng 03 năm 2012.

GIỮA

Công ty Cổ Phần Amata (Vietnam), dưới đây gọi là Bên A

VÀ

Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam, dưới đây gọi là Bên B

ĐẠI DIỆN CỦA CÁC BÊN

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN AMATA VIỆT NAM.

Ông: Huỳnh Ngọc Phiên.

Tổng Giám Đốc

Bên B : Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam

Ông: Masakazu Yamaguchi

Tổng Giám Đốc

Hai bên cùng nhau thống nhất các thông số kỹ thuật và các quy định khi thi công xây dựng dự án House Foods trong khu công nghiệp Amata.

A. CÁC QUY ĐỊNH KHI ĐẦU NỐI VÀO HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP AMATA

1. Thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa bên trong dự án House Foods được phép thi công và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu công nghiệp Amata. Điểm đầu nối và chi tiết đầu nối được xác định theo bản vẽ đính kèm: A-053, A-053A.

2. Thoát nước thải

Hệ thống thoát nước thải bên trong dự án House Foods được phép thi công đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của khu công nghiệp Amata. Điểm đầu nối và chi tiết đầu nối được xác định theo bản vẽ đính kèm: M-29, M32.

3. Cấp nước sử dụng

Hệ thống cấp nước sinh hoạt bên trong dự án House Foods được phép thi công đấu nối vào hệ thống cấp nước chung của khu công nghiệp Amata. Điểm đấu nối và chi tiết đấu nối được xác định theo bản vẽ đính kèm: M-26, M27a.

GHI CHÚ

Bên B thực hiện thi công đấu nối như nêu tại điểm 1, 2, 3 bằng chi phí của Bên B. Bên B cam kết thực hiện thi công đấu nối theo bản vẽ kỹ thuật đã được Bên A chấp thuận. Bên B phải thông báo cho Bên A để được cung cấp thông tin về công trình ngầm trong phạm vi đấu nối, kiểm tra, hướng dẫn trong quá trình thi công đấu nối. Bên B phải bồi thường mọi thiệt hại (nếu có) do sai sót trong quá trình thi công đấu nối gây ra.

B. DANH SÁCH BẢN VẼ ĐÍNH KÈM

1. Mặt bằng vị trí đấu nối hệ thống thoát nước mưa: A-053.
2. Chi tiết đấu nối hệ thống thoát nước mưa: A-053a.
3. Mặt bằng vị trí đấu nối hệ thống thoát nước thải số: M29.
4. Chi tiết đấu nối hệ thống thoát nước thải số: M32.
5. Mặt bằng vị trí đấu nối hệ thống cấp nước số: M26.
6. Chi tiết đấu nối hệ thống cấp nước số: M27a.

Biên bản thỏa thuận đấu nối này được lập thành bốn bộ bằng tiếng Việt có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản chính.

Đại diện Bên A



Ông: Huỳnh Ngọc Phiên

Đại diện Bên B



Ông: Masakazu Yamaguchi

Nơi gửi:

- Như trên
- Các cơ quan chức năng liên quan của tỉnh Đồng Nai
- Lập 04 (bộ) nội dung như nhau.

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2602013800334

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 472043000914 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp; chứng nhận lần đầu ngày 04/01/2012; đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 04/01/2013.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BP 016907

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 102 Tờ bản đồ số: 29
- b) Địa chỉ thửa đất: phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- c) Diện tích: 15150,3m2, (bằng chữ: mười lăm nghìn một trăm năm mươi phẩy ba mét vuông)
Trong đó: Diện tích được cấp: 15150,3m2, Không được cấp: 0m2
- d) Hình thức sử dụng: riêng: 15150,3 m2, chung: Không m2.
- e) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp.
- f) Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 30/11/2044.
- g) Nguồn gốc sử dụng đất: Thuê lại đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp (Công ty Cổ phần Amata (Việt Nam)).

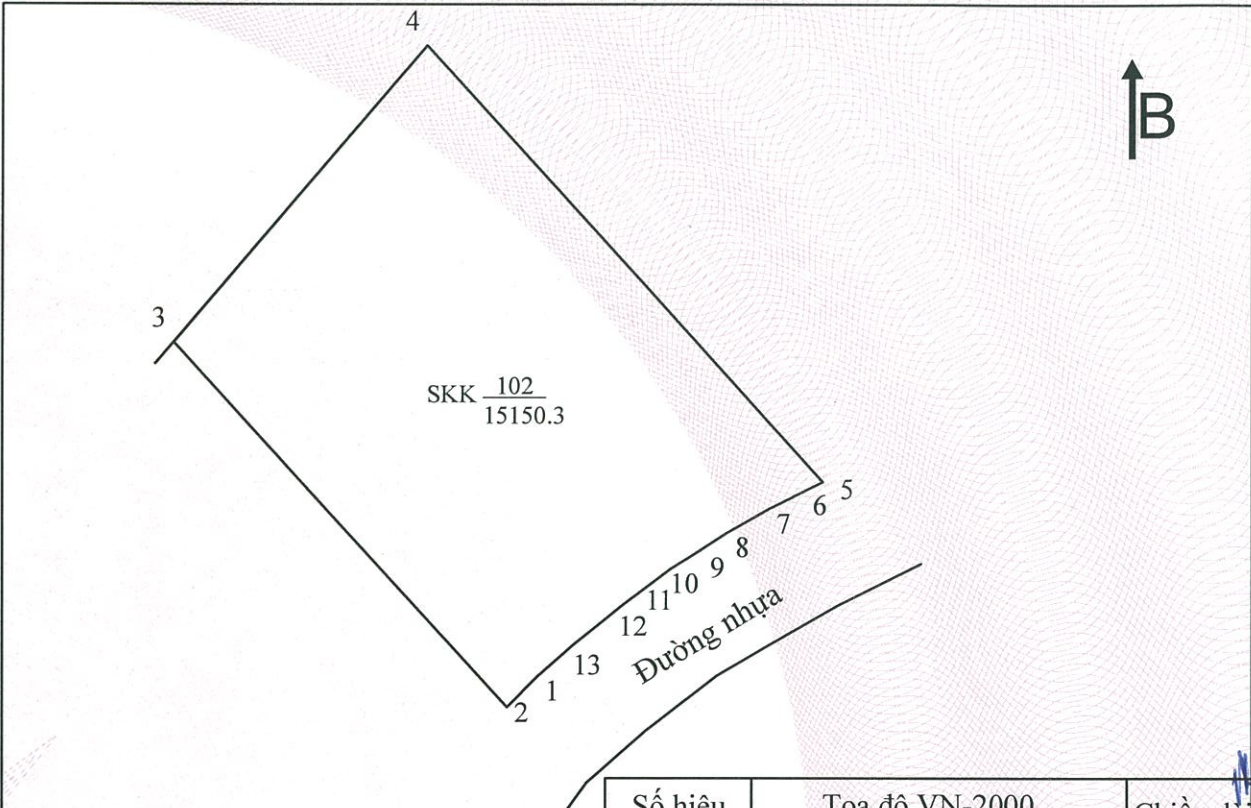
- 2. Nhà ở: -/-
- 3. Công trình xây dựng khác: -/-
- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
- 5. Cây lâu năm: -/-
- 6. Ghi chú:

Đồng Nai, ngày 31... tháng 7... năm 2013
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
TUQ.CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Lê Viết Hưng

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Số hiệu đỉnh thửa	Tọa độ VN-2000		Chiều dài (m)
	X	Y	
1	1211512,13	406034,28	11,72
2	1211503,79	406026,03	134,25
3	1211602,81	405935,38	105,83
4	1211683,33	406004,06	160,13
5	1211565,06	406112,01	1,02
6	1211564,63	406111,09	15,58
7	1211557,55	406097,21	12,78
8	1211551,27	406086,08	12,57
9	1211544,49	406075,49	5,91
10	1211541,39	406070,46	9,51
11	1211535,69	406062,85	6,40
12	1211531,89	406057,69	17,94
13	1211520,51	406043,83	12,71
1	1211512,13	406034,28	

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Đồng Nai, ngày 19 tháng 4 năm 2012.

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 40 /GPXD

1. Cấp cho: **Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam.**

Địa chỉ: KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

2.1. Nhà xưởng:

- + Diện tích xây dựng: 4.550,00 m².
- + Tổng diện tích sàn: 4.700,00 m².
- + Chiều cao công trình: + 9,20 m; số tầng: 01 trệt + 01 lửng.
- + Cốt nền xây dựng công trình: + 0,25 m (so với cốt sân đường nội bộ).

2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật:

- Nhà xe 02 bánh (01): Diện tích xây dựng (DTXD): 119,20 m²
- Nhà xe 02 bánh (02): DTXD: 69,20 m².
- Nhà xe 04 bánh: DTXD: 63,75 m².
- Nhà bảo vệ: DTXD: 40,00 m².
- Bể nước ngầm: DTXD: 68,50 m².
- Nhà bơm + nhà rác + nhà kho: DTXD: 69,00 m².
- Cổng, tường rào, cột cờ.
- Hệ thống đường giao thông nội bộ.
- Hệ thống cấp điện, phòng cháy chữa cháy.
- Hệ thống cấp nước, thoát nước.

2.3. *Vị trí xây dựng:* Lô đất theo nội dung Hợp đồng thuê Bất động sản ngày 23/02/2012; diện tích: 15.150,30 m²; giao kết giữa Công ty Cổ phần Amata (Việt Nam) và Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam tại KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2.4. *Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:* Tuân theo chỉ giới quy định trong khu công nghiệp.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép./.

Nơi nhận:

- Như mục 1;
- Lưu VT, QHXD (Tr);
- 3446C.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Mạnh Văn

CHỦ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.
6. Phải thực hiện đầy đủ nội dung Ý kiến thiết kế cơ sở số 433/KCNĐN-QHXD ngày 17/4/2012 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.
7. Phải thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nội dung về Bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

Điều chỉnh nội dung Mục **2.1. Nhà xưởng** như sau:

- + Diện tích xây dựng: 4.855,35 m².
- + Tổng diện tích sàn: 4.895,55 m².

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Đồng Nai, ngày 13 tháng 8 năm 2012.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Mạnh Văn

Đồng Nai, ngày 29 tháng 10 năm 2012

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 114/GPXD

1. Cấp cho: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM.**

Địa chỉ: KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

2.1. Tầng lửng (trong nhà xưởng):

- + Diện tích xây dựng: 88,32 m².
- + Tổng diện tích sàn: 88,32 m².
- + Chiều cao công trình: + 4,10 m; số tầng: 01 tầng lửng.
- + Cốt nền xây dựng: ± 0,00 m (so với cốt nền nhà xưởng).

2.2. Vị trí xây dựng: Lô đất theo Hợp đồng thuê bất động sản ngày 23/02/2012 giao kết giữa Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam với Công ty Cổ phần Amata (Việt Nam); diện tích lô đất: 15.150,30 m², tại KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2.3. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Phù hợp quy hoạch chi tiết KCN được duyệt.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

Nơi nhận:

- Như mục 1;
- Lưu: VT, QHXD (Th);
- 9300C.

TRƯỞNG BAN 
Võ Thanh Lập

CHỦ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các Chủ sở hữu liên kê.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.
6. Thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy.



Đồng Nai, ngày 04 tháng 4 năm 2017.

Số: 74 /GPXD-KCNĐN

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM.**

Địa chỉ: KCN Amata, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Được phép xây dựng các công trình: Nhà để ga, bể xử lý nước thải + nhà điều hành.

- Do: Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Đồng Nai lập thiết kế.
- Trên lô đất có diện tích: 15.150,30 m².
- Chỉ giới xây dựng: phù hợp quy hoạch chi tiết KCN.
- Mật độ xây dựng: 35,36 %.
- Tổng số công trình: 02.
- Theo thiết kế có ký hiệu: Bản vẽ xin cấp phép xây dựng đính kèm.

2.1. Nhà để ga:

- + Diện tích xây dựng: 13,42 m².
- + Tổng diện tích sàn: 13,42 m².
- + Chiều cao công trình: + 2,20 m; số tầng: 01.
- + Cốt nền xây dựng: + 0,14 m.
- + Màu sắc công trình: Xanh.

2.2. Bể xử lý nước thải + nhà điều hành:

- + Diện tích xây dựng: 50,40 m².
- + Tổng diện tích sàn: 50,40 m².
- + Chiều sâu đáy bể: - 1,25 m (so với cốt nền đường nội bộ).
- + Chiều cao công trình (nhà điều hành): + 4,50 m; số tầng: 01.
- + Màu sắc công trình: Xanh, xám.

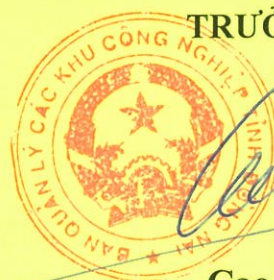
3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê đất ngày 23/02/2012 ký kết giữa Công ty Cổ phần Amata (Việt Nam) và Công ty TNHH Thực phẩm House Việt Nam.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: theo bản vẽ mặt bằng tổng thể đính kèm.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên phải đề nghị gia hạn giấy phép./.

Nơi nhận:

- Như mục 1;
- Lưu VT, QHXD (Tuan).



TRƯỞNG BAN

Cao Tiến Sỹ

CHỦ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép.



Công ty TNHH Thực phẩm House
Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 11 năm 2012

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
HOẶC CÔNG TRÌNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

1. Công trình/hạng mục công trình: Nhà xưởng công ty TNHH thực phẩm House Việt Nam.
2. Địa điểm xây dựng: Lô số 239, Đường số 12 – KCN AMATA, Tỉnh Đồng Nai.
3. Thành phần tham gia nghiệm thu:
 - a) Phía chủ đầu tư: **Công ty TNHH Thực Phẩm House Việt Nam**
 - Người đại diện theo pháp luật: Ông Masakazu Yamaguchi – Tổng Giám Đốc.
 - Người phụ trách bộ phận giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư: Ông Tô Hoàng – Quản lý xây dựng.
 - b) Phía tổng thầu thi công xây dựng công trình: **Công ty Kajima Overseas Asia KOA**
 - Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Tịnh – Giám Đốc dự án
 - Người phụ trách thi công trực tiếp: -như trên-
 - c) Phía nhà thầu thiết kế xây dựng công trình tham gia nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng công trình – **Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và xây dựng quốc tế ICIC**
 - Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Bá Hiền – Phó Tổng Giám Đốc
 - Chủ nhiệm thiết kế: Ông Nguyễn Hữu Tâm – Giám Đốc dự án
 - d) Phía nhà thầu thi công xây dựng công trình:
 - Người đại diện nhà thầu thi công xây dựng: Ông Vũ Quốc Chính – Phó Tổng Giám Đốc – Công ty Cổ Phần Xây Lắp Thương Mại 2.
 - Người đại diện nhà thầu thi công cơ: Ông Shigeru Mikami – Tổng Giám Đốc – Công ty TNHH Kỹ Thuật Taikisha Việt Nam.
 - Người đại diện nhà thầu thi công điện: Ông Phạm Quang Vinh – Giám Đốc dự án – Công ty Sanyo Việt Nam.

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

Bắt đầu: 9:00 am ngày 17 tháng 11 năm 2012

Kết thúc: 11:00 am ngày 17 tháng 11 năm 2012

Tại: Công trình VPJ, Nhà xưởng của Công ty TNHH Thực Phẩm House Việt Nam.

Lô 239, đường số 12, Khu Công Nghiệp Amata, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.



5. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng:

- a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu: *Hồ sơ, Bản vẽ thiết kế được duyệt, Kết quả thử nghiệm các thiết bị, bản vẽ hoàn công, các biên bản/hồ sơ quản lý chất lượng;*
- b) Chất lượng hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật): *Đạt yêu cầu*
- c) Các ý kiến khác nếu có: *Không.*

6. Kết luận:

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng: *Chấp thuận.*
- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác nếu có: *Không*

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này.

**TỔNG THẦU THI CÔNG
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu pháp nhân)



**NHÀ THẦU THIẾT KẾ
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu pháp nhân)



**TỔNG GIÁM ĐỐC
MASAKAZU YAMAGUCHI**



**NHÀ THẦU THI CÔNG
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Quốc Chính



**NHÀ THẦU THI CÔNG
CƠ CÔNG TRÌNH**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



**SHOJI MIKAMI
GENERAL DIRECTOR**

**NHÀ THẦU THI CÔNG
ĐIỆN CÔNG TRÌNH**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



Phạm Cường Vĩnh

Số: 208 /2025/HĐ.RT

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ
Về việc vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết về Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.

Hôm nay, ngày **03** tháng **12** năm **2024**, đại diện các bên ký hợp đồng chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

- Địa chỉ : Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Điện thoại : 0251.88.77.225 - Fax: 0251.88.77.226
- Mã số thuế : 3602703340
- E-mail nhận hóa đơn điện tử: tuyetdung-nguyen@housefoods.com.vn và hanh-tran@housefoods.com.vn
- Đại diện : Ông HIROTSUGU TAMURA - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI (tên viết tắt SZE)

- Địa chỉ : Số 12, đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Tổng đài hỗ trợ: 19003160 - Điện thoại: (0251) 3951771
- Mã số thuế : 3600274914
- Tài khoản : 117000012889 - Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.
- Đại diện : Bà Quách Ngọc Bửu - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Nội dung dịch vụ

1. Bên B nhận thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (viết tắt là CTRSH) được chứa trong thùng rác loại **240 lít** của **bên B** lắp đặt tại địa

điểm **bên A** (trường hợp bên A có trang bị thùng 120 lít hai bên thống nhất quy đổi 02 thùng 120 lít = 01 thùng 240 lít).

2. Số lượng thùng chứa rác bên B đã cung cấp cho bên A là: 01 thùng 240 lít (Một thùng).

3. Cơ sở xác định khối lượng CTRSH 01 thùng/lần giao: CTRSH chứa tối đa đến miệng thùng.

4. Địa điểm thu gom: Tại địa chỉ bên A

5. Tần suất thu gom:

- **Lịch cố định:**

- **Lịch phát sinh:** Bên A thông báo cho bên B trước tối thiểu 01 ngày (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu, sáng: Từ 7h30-11h30, chiều: Từ 13h30-15h30 qua tổng đài hỗ trợ 19003160 (bấm phím 2) hoặc điện thoại: (0251) 3951 771, (0251) 38850 784.

6. Thông tin liên hệ: Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu, sáng: Từ 7h30-11h30, chiều: Từ 13h30-15h30. Tổng đài hỗ trợ 19003160.

- Phòng Tài chính Kế toán: Phụ trách hóa đơn và công nợ, liên lạc qua các số điện thoại: (0251) 3952 257, (0251) 3952 694.

- Phòng Kinh doanh: Phụ trách hợp đồng, khối lượng và lịch thu gom, liên lạc qua các số điện thoại: (0251) 3951 771, (0251) 38850 784

Điều 2. Quyền và trách nhiệm bên A

1. Quyền

- a. Yêu cầu bên B thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đúng theo Điều 01 của hợp đồng.
- b. Tạm ngưng hợp đồng và phải thông báo chính thức cho bên B bằng văn bản trước 15 ngày.

2. Trách nhiệm

- a. Chỉ sử dụng thùng rác bên B cung cấp để chứa CTRSH giao cho bên B. Thực hiện việc phân loại, quản lý chất thải theo đúng quy định trước khi giao CTRSH cho bên B. Bỏ gọn CTRSH vào thùng rác đã nêu tại điều 1. Bố trí nơi đặt thùng rác đảm bảo cho xe bên B ra, vào thu gom - vận chuyển được thuận lợi.
- b. Cử người giám sát, ký xác nhận khối lượng thực hiện và lưu giữ biên bản bàn giao chất thải. Trong trường hợp bên A làm mất/thất lạc biên bản giao nhận chất thải thì bên A phải thanh toán theo biên bản giao nhận chất thải do bên B lưu giữ.
- c. Đảm bảo an toàn trong quá trình thu gom chất thải tại khuôn viên của bên A.
- d. Chịu trách nhiệm lập biên bản bàn giao chất thải giữa 02 bên để làm cơ sở thanh toán cho bên B.
- e. Không được để lẫn chất thải công nghiệp, các loại chất thải nguy hại hoặc chất thải nặng, cứng, cồng kềnh như: Đất, đá, xà bần, tủ bàn ghế, cành nhánh cây to, ... vào CTRSH giao bên B. Nếu phát sinh chất thải trên, bên A phải phân loại riêng với CTRSH và thông báo cho bên B để hai bên thống nhất đơn giá và phương tiện vận chuyển.

- f. Bên A có trách nhiệm bảo quản thùng rác do bên B cung cấp, không được sử dụng ngoài mục đích chứa CTRSH giao cho bên B. Bên A phải bồi thường cho bên B nếu để thùng rác bị cháy, hỏng, mất. Chi phí bồi thường thùng rác là: **1.950.000 đồng/thùng 240 lít** (giá đã bao gồm thuế GTGT và chi phí vận chuyển nội ô Thành phố Biên Hòa. Hoàn trả thùng lại cho bên B khi hợp đồng hết hiệu lực hoặc thanh lý hợp đồng trước thời hạn.
- g. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước các cơ quan chức năng và bồi thường mọi chi phí phát sinh cho bên B và các bên có liên quan trong trường hợp bên A để lẫn các loại chất thải khác vào chất thải giao cho bên B, bao gồm nhưng không giới hạn các loại chất thải sau: chất thải nguy hại, các loại hóa chất độc hại, các chất dễ gây cháy nổ, chất thải lây nhiễm,
- h. Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, bên A không được giao CTRSH cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy. Nếu bên A vi phạm điều khoản này, bên B được quyền thanh lý hợp đồng trước thời hạn và bên A sẽ chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật.
- i. Thanh toán cho bên B giá trị dịch vụ đã thực hiện theo điều 4 của hợp đồng.

Điều 3. Quyền và trách nhiệm bên B

1. Quyền

- a. Khi xe bên B đến địa điểm giao nhận chất thải theo lịch điện thoại hoặc lịch cố định mà 2 bên đã thống nhất trước đó, nhưng bên A không giao CTRSH cho bên B, hoặc vì bất kỳ lý do nào do lỗi của bên A mà bên B không được thu gom, thì bên B có quyền không thu gom và bên A phải thanh toán chi phí cho bên B số tiền **145.000 đồng** (chưa bao gồm thuế GTGT).
- b. Thu hồi các thùng rác đã lắp đặt cho bên A, nếu bên A sử dụng thùng rác của bên B ngoài mục đích chứa CTRSH giao bên B hoặc hợp đồng hết hiệu lực.
- c. Tạm ngưng thu gom chất thải trong các trường hợp sau: Bên A chưa thanh toán giá trị dịch vụ đúng thời hạn đã thỏa thuận tại điều 4; Bên A vi phạm khoản 3 điều 5 của hợp đồng; tạm ngưng thu gom theo yêu cầu của các cơ quan chức năng; Các trường hợp bất khả kháng được nêu tại Điều 6.

2. Trách nhiệm

- a. Đảm bảo thu gom, vận chuyển chất thải ở vị trí cố định tại điều 1 của hợp đồng, tránh để rơi vãi trong quá trình chuyển chất thải từ các thùng lên phương tiện vận chuyển.
- b. Đảm bảo đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện và thiết bị để thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải theo lịch trình đã thỏa thuận giữa hai bên hoặc theo lịch bên A đã báo cho bên B trước tối thiểu 1 ngày.
- c. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện dịch vụ.
- d. Ký xác nhận số lượng thực hiện vào sổ của bên A để làm cơ sở thanh toán trong tháng (nếu bên A có nhu cầu).

Điều 4. Đơn giá và phương thức thanh toán

1. Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt như sau:

- **Thùng 240L: 145.000 đồng/thùng** (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)
- **Thùng 660L: 240.000 đồng/thùng** (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi ngàn đồng)
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT, thuế GTGT được áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. **Khối lượng tiếp nhận tối thiểu/tháng là: 02 thùng 240 lít/tháng.**

3. **Trong thời gian 01 tháng (từ ngày 21 tháng trước đến ngày 20 tháng liền kề):**
 Nếu bên A không phát sinh khối lượng hoặc phát sinh khối lượng nhưng ít hơn khối lượng tiếp nhận tối thiểu, bên A vẫn phải thanh toán cho bên B theo khối lượng tối thiểu tương ứng với số tiền là: **290.000 đồng**.

4. Đơn giá này có thể thay đổi trong thời gian thực hiện hợp đồng, trong trường hợp thay đổi giá, bên B sẽ thông báo cho bên A biết trước **15 ngày** và hai bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng. Trường hợp 02 bên không thỏa thuận được thì sẽ thanh lý hợp đồng trước thời hạn.

5. Hàng tháng, bên B sẽ tổng hợp biên bản giao nhận chất thải (nếu có) trong tháng giữa hai bên để làm cơ sở xuất hóa đơn thanh toán giá trị dịch vụ. Thời gian chốt khối lượng là ngày 20 hàng tháng (từ ngày 21 tháng trước đến ngày 20 tháng này).

6. Phương thức thanh toán: *Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.*

Bên A phải thanh toán cho bên B giá trị dịch vụ đã thực hiện trong tháng, trước **ngày 16 của tháng liền kề** (phí chuyển khoản do bên A chi trả).

7. Nếu quá thời hạn thanh toán mà bên A vẫn chưa thanh toán chi phí cho bên B thì bên A phải nộp phạt cho bên B theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Đồng Nai (**tính từ ngày 16 của tháng liền kề đến ngày bên A thanh toán chi phí dịch vụ cho bên B**) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.

8. Nếu sau thời gian **60 ngày** kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn mà bên A vẫn chưa thanh toán chi phí cho bên B thì bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào do việc chấm dứt hợp đồng gây ra. Bên A phải thanh toán cho bên B các chi phí mà bên B đã thực hiện trước đó.

Điều 5. Các trường hợp phát sinh

1. Trường hợp bên A thay đổi thành phần chất thải, tuần suất thu gom, thời gian thu gom, khối lượng, ... mà hai bên đã thống nhất trước đó thì bên A phải thông báo cho bên B biết trước 03 ngày để hai bên thống nhất đơn giá và phương tiện vận chuyển.
2. Trong trường hợp phương tiện gặp sự cố đột xuất, bên B phải thông báo cho bên A biết để hai bên thỏa thuận biện pháp giải quyết.
3. Sau thời gian 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc từ ngày thu gom chất thải gần nhất, nếu bên A không giao chất thải cho bên B mà không có lý do chính đáng bằng văn bản, bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời

hạn mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào do việc chấm dứt hợp đồng gây ra. Đồng thời bên A phải hoàn trả nguyên vẹn thùng rác và thanh toán đầy đủ chi phí mà bên B đã thực hiện cho bên A.

4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu bên A có ca bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định của Nhà nước, bên A phải chủ động thông báo cho bên B để tiến hành các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định hiện hành. Trường hợp bên A không cung cấp thông tin đầy đủ cho bên B dẫn đến việc lây nhiễm trong cộng đồng thì bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
5. Đối với các cơ sở của bên A có quyết định cách ly, phong tỏa của cơ quan chức năng; sau thời gian cách ly, phong tỏa, bên A có nhu cầu thu gom chất thải trở lại tại cơ sở trên phải cung cấp cho bên B văn bản xác nhận hết thời gian cách ly, phong tỏa của cơ quan chức năng. Đồng thời, bên A phải gửi văn bản cam kết không bỏ lẫn chất thải lây nhiễm vào khối lượng chất thải giao cho bên B. Sau khi nhận được văn bản bên A cung cấp, bên B sẽ tiến hành thu gom trở lại.

Điều 6. Trường hợp bất khả kháng

1. Tất cả những trường hợp/sự kiện xảy ra sau khi hợp đồng này có hiệu lực do những nguyên nhân ngoài ý muốn hay ngoài sự kiểm soát của hai bên và nó ảnh hưởng trực tiếp đến sự thực hiện toàn bộ hay một phần những điều khoản của hợp đồng này, được xem là những trường hợp bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn: Chiến tranh dù được chính thức tuyên bố hay không, bạo động hay nổi loạn, chính trị, khủng bố, động đất, hỏa hoạn, lũ lụt, bão, cháy nổ, bệnh dịch hay các thiên tai khác, sự thay đổi các chính sách của Nhà nước, ...
2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này.
3. Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài liên tục trong thời gian nhiều hơn 1 (một) tháng, cả hai Bên sẽ thảo luận với nhau để tìm biện pháp tốt nhất ngăn ngừa sự chậm trễ hơn nữa.

Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng

1. Thời gian hiệu lực hợp đồng: **Từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025.**
2. Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực nếu những quy định của pháp luật có liên quan ảnh hưởng đến hợp đồng hoặc hai bên có nhu cầu điều chỉnh nội dung hợp đồng. Hai bên sẽ điều chỉnh bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.
3. Trong trường hợp hợp đồng hết hiệu lực mà bên A vẫn tiếp tục sử dụng dịch vụ của bên B, thì bên A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ giá trị dịch vụ mà bên B đã thực hiện trong thời gian chờ tái ký hợp đồng.
4. Hai bên có thể kết thúc hợp đồng trước thời hạn, và việc kết thúc hợp đồng phải được thông báo cho bên kia trước **15 ngày** bằng văn bản.

5. Sau khi hợp đồng hết hiệu lực và các bên đã thực hiện hoàn tất nghĩa vụ tài chính với nhau, hai bên không có nhu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng và **bên B đã thu hồi thùng rác đã lắp đặt cho bên A trước đó**, thì hợp đồng được xem như chính thức thanh lý.

Điều 8. Điều khoản chung.

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng và nghiêm túc các điều khoản trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những khó khăn, trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và hai bên cùng có lợi. Nếu hai bên thương lượng không đạt được kết quả, sẽ đưa ra Tòa án Nhân dân Thành phố Biên Hòa để giải quyết, kết quả phán quyết của Tòa án là kết quả cuối cùng, mọi chi phí phát sinh tại Tòa án do bên thua kiện chi trả.
2. Hợp đồng này thay thế tất cả các thỏa thuận, cam kết trước đây bằng miệng hoặc bằng văn bản.
3. Hai bên cam kết bảo mật thông tin các điều khoản của hợp đồng này. Trường hợp có nhu cầu cung cấp thông tin cho bên thứ ba phải được sự đồng ý của bên kia.
4. Bên nào đơn phương vi phạm hợp đồng sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.
5. Hợp đồng này được lập thành 04 bản. Mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau. /v

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC

田村 秋男
HIROTSUGU TAMURA

ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC

Quách Ngọc Bửu

Số: TN.41./25/HĐXLĐN-TPH

Tây Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

HỢP ĐỒNG

(V/v: Thu gom, vận chuyển & xử lý chất thải nguy hại)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
 - Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
 - Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực ngày 01/01/2022.
 - Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.
 - Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường có hiệu lực ngày 10/01/2022.
 - Căn cứ chức năng, lĩnh vực hoạt động và khả năng của Công Ty CP Môi Trường Xanh VN;
 - Căn cứ vào nhu cầu của Công Ty TNHH Thực Phẩm House Việt Nam;
- Tại địa điểm: Công Ty Cổ Phần Môi Trường Xanh VN.

Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN

Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 8 - KCN Trảng Bàng – Phường An Tịnh – Thị Xã Trảng Bàng
- Tỉnh Tây Ninh - Việt Nam

Số điện thoại: 02763 898322

Fax: 02763 898 321

Mã số thuế: 3900357907

Số tài khoản: 5704.201.000.192 Mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Thị Xã Trảng Bàng,
Tỉnh Tây Ninh

Đại diện: Ông **LÊ THIÊN TÚ**

Chức vụ: Giám Đốc Điều Hành

BÊN B: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô Số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 025138877225

Fax: 025138877226

Mã số thuế: 3602703340

Đại diện: Ông **HIROTSUGU TAMURA**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Hai bên thỏa thuận thống nhất nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1. Nội dung công việc.

- Bên B đồng ý giao cho Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt là CTNH) phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Bên B với chủng loại theo danh mục sau:

❖ Danh mục chất thải nguy hại:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH
1	Dầu thải từ quá trình bảo trì máy móc	Lỏng	17 02 03
2	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04
3	Bùn thải từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp	Rắn	12 06 05
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06
5	Thùng chứa dầu bằng kim loại	Rắn	18 01 02
6	Bao tay, giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01

Điều 2. Phương thức và địa điểm giao nhận.

- Hai bên phải đối chiếu từng loại số lượng chất thải nguy hại và ký xác nhận của đại diện hai Bên vào biên bản giao nhận (hoặc phiếu xuất kho) và chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường.

- 01 (một) năm Bên A sẽ thu gom và xử lý chất thải cho Bên B 02 (hai) lần. Bên B báo trước cho Bên A 04 ngày bằng email hoặc điện thoại để Bên A sắp xếp công việc.

- Khi Bên A và Bên B giao nhận chất thải nguy hại, Bên A chỉ nhận đúng chủng loại chất thải có trong danh mục tại **Điều 1.**

- Đối với các loại chất thải nguy hại phát sinh ngoài danh mục trên thì hai Bên sẽ thương lượng mức giá và ký phụ lục hợp đồng bổ sung.

Địa điểm giao nhận: Bên B giao chất thải cho Bên A tại kho của Bên B theo Địa chỉ: **Lô Số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.**

Điều 3. Giá cả và Phương thức thanh toán.

1. Giá cả thanh toán:

- Chi phí xử lý khoản Bên B phải thanh toán cho Bên A là: **25.000.000 VNĐ/Năm.**
- Nếu tổng số lượng chất thải nguy hại (các loại như trong danh mục ở Điều 1) phát sinh trong năm ít hơn hoặc bằng **2.000 Kg** thì Bên A sẽ thu gom và xử lý nhưng không thu thêm chi phí xử lý chất thải.
- Trường hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm trên **2.000 Kg** thì mỗi kg vượt hơn sẽ tính với đơn giá **5.000 VNĐ/Kg** chung cho các loại chất thải.
- Chi phí vận chuyển phát sinh từ chuyến thứ 03 (nếu có) trong năm là: **2.500.000 VNĐ/Chuyến.**
- Đơn giá xử lý trên chưa bao gồm thuế VAT.
- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển chất thải.

2. Phương thức thanh toán.

- Bên B thanh toán cho Bên A theo từng đợt tương ứng với từng lần lấy CTNH như sau:
 - + Đợt 1: Bên B thanh toán 50% giá trị Hợp đồng sau lần thu gom thứ 1
 - + Đợt 2: Bên B thanh toán 50% giá trị Hợp đồng sau lần thu gom thứ 2
- Bên A căn cứ vào chứng từ giao nhận thu gom CTNH thực tế, Bên A phát hành hóa đơn thu thêm tiền số lượng chất thải chênh lệch trên định mức nếu có.
- Bên B thanh toán cho Bên A bằng chuyển khoản vào tài khoản:

Tên tài khoản: Công Ty Cổ Phần Môi Trường Xanh VN

Số tài khoản: 5704 201 000 192 - Ngân hàng Agribank, CN Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

Ngoài hình thức thanh toán bằng chuyển khoản vào số tài khoản trên, Bên A không chấp nhận hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc bất cứ hình thức thanh toán nào khác.

- Thời hạn thanh toán không quá 30 ngày kể từ ngày Bên B nhận được hoá đơn tài chính do Bên A phát hành.



Trường hợp quá thời hạn nêu trên nếu Bên B vẫn chưa thanh toán cho Bên A thì Bên B phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng của ngân hàng Agribank chi nhánh Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

Điều 4. Trách nhiệm của hai Bên.

4.1. Trách nhiệm Bên A

- Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của Bên B theo đúng pháp luật hiện hành, khi Bên A vận chuyển CTNH ra khỏi kho của Bên B thì mọi vấn đề về môi trường sẽ thuộc trách nhiệm của Bên A.

- Khi thu gom vận chuyển CTNH Bên A chỉ sử dụng các xe vận chuyển nằm trong danh mục giấy phép hành nghề quản lý CTNH của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp (Mã QLCTNH: 3-4-5-6.005.VX).

- Bên A chịu trách nhiệm hoàn tất toàn bộ chứng từ CTNH và cung cấp lại đầy đủ chứng từ đã xử lý cho Bên B trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày Bên A nhận được chứng từ do Bên B cung cấp.

4.2. Trách nhiệm Bên B

- Bên B chịu trách nhiệm phân loại và quản lý CTNH tại kho của Bên B theo đúng quy định pháp luật.

- Bên B có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình giao nhận CTNH tại kho Bên B.

- Phối hợp với bên A để chứng từ liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH (chứng từ CTNH gồm 6 liên) theo quy định của pháp luật.

- Trong thời hạn hợp đồng Bên B không được giao CTNH cho đơn vị khác xử lý hoặc tự ý xử lý. Nếu Bên B vi phạm hợp đồng thì Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A theo đúng qui định của pháp luật.

Điều 5. Điều khoản bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra các sự kiện như hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, cấm vận, bao vây hoặc các hạn chế khác của chính phủ và các sự kiện bất khả kháng khác xảy ra sau thời điểm ký kết hợp đồng này, mà các bên không có khả năng dự đoán, kiểm soát và ngăn chặn, làm cho Bên A không thể thu gom và vận chuyển toàn bộ hoặc một phần hoặc trì hoãn việc thu gom và vận chuyển thì Bên A sẽ không phải chịu trách nhiệm về việc này.

Điều 6. Điều khoản chung.

- Trong trường hợp Bên B có thay đổi thông tin về Chủ nguồn thải, Bên B phải báo cho Bên A. Ngược lại, Trường hợp bên A có thay đổi Giấy phép kinh doanh, giấy phép liên quan đến việc xử lý chất thải thì phải thông báo cho Bên B bằng văn bản. Nếu 02 (hai) Bên không thực hiện đúng theo điều khoản này sẽ chịu trách nhiệm cho các vấn đề pháp sinh (nếu có) do sự không thông báo mang lại.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên B không thanh toán tiền xử lý theo **điều 3** của hợp đồng thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và có văn bản gửi cho Bên B trước 15 ngày. Bên B vẫn phải thanh toán tiền xử lý chất thải cho Bên A dựa trên **điều 3** của hợp đồng này cho phần chất thải đã giao Bên A xử lý.

-Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng, nếu có vấn đề gì thay đổi hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Bất kỳ sự thay đổi nào đều phải được lập thành văn bản có ký kết của hai Bên.

-Trường hợp hai Bên không thống nhất được với nhau sau khi đã có thảo luận thì mọi khiếu nại sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Quyết định của Tòa án có thẩm quyền sẽ là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do Bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán.

-Các bản phụ lục hợp đồng (nếu có) ký kết về sau sẽ là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng.

Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng.

-Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày **01/01/2025 đến ngày 31/12/2025**.

-Hợp đồng này được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



LÊ THIỆN TÚ

ĐẠI DIỆN BÊN B



HIROTSUGU TAMURA



CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG XANH VN

Đường số 8 - KCN Trảng Bàng – Phường An Tịnh –
Thị Xã Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh – Việt Nam

Số: TN43/25/HĐXLĐN-TPH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

HỢP ĐỒNG

(V/v: Thu gom, vận chuyển & xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
 - Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
 - Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực ngày 01/01/2022.
 - Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.
 - Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường có hiệu lực ngày 10/01/2022.
 - Căn cứ chức năng, lĩnh vực hoạt động và khả năng của Công Ty CP Môi Trường Xanh VN;
 - Căn cứ vào nhu cầu của Công Ty TNHH Thực Phẩm House Việt Nam;
- Tại địa điểm: Công Ty Cổ Phần Môi Trường Xanh VN.

Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN

Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 8 - KCN Trảng Bàng – Phường An Tịnh – Thị Xã Trảng Bàng - Tỉnh Tây Ninh - Việt Nam

Số điện thoại: 02763 898322

Fax: 02763 898 321

Mã số thuế: 3900357907

Số tài khoản: 5704.201.000.192 Mở tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

Đại diện: Ông **LÊ THIÊN TÚ**

Chức vụ: Giám Đốc Điều Hành

BÊN B: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô Số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 025138877225

Fax: 025138877226

Mã số thuế: 3602703340

Đại diện: Ông **HIROTSUGU TAMURA**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Hai bên thỏa thuận thống nhất nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1. Nội dung công việc.

- Bên B đồng ý giao cho Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, rác thải công nghiệp không nguy hại (sau đây gọi tắt là Rác thải) phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Bên B như sau:

STT	Tên hàng	ĐVT	Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý (VNĐ/ĐVT)
1	Chất thải công nghiệp không nhiễm thành phần nguy hại	Kg	2.000

Điều 2. Phương thức và địa điểm giao nhận.

- Khi cần thu gom rác thải, Bên B thông báo cho Bên A trước 03 ngày để Bên A sắp xếp giao nhận hàng.
- Hai bên đối chiếu số lượng rác thải công nghiệp và ký xác nhận của đại diện hai Bên vào biên bản giao nhận (hoặc phiếu xuất kho)
- Phương tiện vận chuyển, chi phí vận chuyển do Bên A chịu.
- Số lượng rác thải căn cứ theo số lượng thực tế qua cân tại kho của Bên B (kèm theo phiếu xuất kho hoặc biên bản giao nhận có chữ ký xác nhận của đại diện hai Bên).
- **Địa điểm giao nhận:** Bên B giao chất thải cho Bên A tại kho của Bên B theo Địa chỉ: **Lô Số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.**

Điều 3. Giá cả và Phương thức thanh toán.

1. Giá cả thanh toán:

- Chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý Bên B phải thanh toán cho Bên A được ghi ở điều 1.
- Đơn giá xử lý trên chưa bao gồm thuế VAT 10%.
- Đơn giá trên đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải.

2. Phương thức thanh toán.

- Bên B thanh toán 100% chi phí theo khối lượng phát sinh từng đợt thu gom cho Bên A bằng chuyển khoản vào tài khoản:

Tên tài khoản: Công Ty Cổ Phần Môi Trường Xanh VN

Số tài khoản: 5704 201 000 192 - Ngân hàng Agribank, CN Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

- Thời hạn thanh toán không quá 30 ngày kể từ ngày Bên B nhận được hoá đơn tài chính do Bên A phát hành.

Trường hợp quá thời hạn nêu trên nếu Bên B vẫn chưa thanh toán cho Bên A thì Bên B phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng của ngân hàng Agribank chi nhánh Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

Điều 4. Trách nhiệm của hai Bên.

4.1. Trách nhiệm Bên A

- Thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng pháp luật hiện hành. Khi Bên A vận chuyển rác thải ra khỏi kho của Bên B thì mọi vấn đề về môi trường sẽ thuộc trách nhiệm của Bên A.

- Tuân thủ các thủ tục ra vào công ty của Bên B khu thu gom rác thải.

4.2. Trách nhiệm Bên B

- Bên B chịu trách nhiệm phân loại và quản lý theo đúng quy định pháp luật.
- Bên B có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình giao nhận rác thải tại kho Bên B.
- Thanh toán phí xử lý theo điều 3 của hợp đồng này

Điều 5. Điều khoản bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra các sự kiện như hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, cấm vận, bao vây hoặc các hạn chế khác của chính phủ và các sự kiện bất khả kháng khác xảy ra sau thời điểm ký kết hợp đồng này, mà các bên không có khả năng dự đoán, kiểm soát và ngăn chặn, làm cho Bên A không thể thu gom và vận chuyển toàn bộ hoặc một phần hoặc trì hoãn việc thu gom và vận chuyển thì Bên A sẽ không phải chịu trách nhiệm về việc này.

Điều 6. Điều khoản chung.

-Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng, nếu có vấn đề gì thay đổi hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Bất kỳ sự thay đổi nào đều phải được lập thành văn bản có ký kết của hai Bên.

-Trường hợp hai Bên không thống nhất được với nhau sau khi đã có thảo luận thì mọi khiếu nại sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Quyết định của Tòa án có thẩm quyền sẽ là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do Bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán.

-Các bản phụ lục hợp đồng (nếu có) ký kết về sau sẽ là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng.

Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng.

-Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày **01/01/2025 đến ngày 31/12/2025**.

-Hợp đồng này được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản./.



LÊ THIÊN TÚ



HIROTSUGU TAMURA



Số: 150/TD-PCCC (.....)HDP

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 02 ngày 02/03/2011
của: Công ty TNHH thực phẩm House Việt Nam

Người đại diện là ông/bà: MASAKAZU YAMAGUCHI Chức danh: Tổng Giám đốc
(1) SỞ CS PC & CC TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG NHẬN:

VPJ

(2) Địa điểm: Lô 239, KCN Amata, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH thực phẩm House Việt Nam
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH tư vấn đầu tư & xây dựng Quốc Tế

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

Giao thông – Thoát nạn

Diện tích sàn cho phép

Khoảng cách an toàn PCCC

Hệ thống cấp nước chữa cháy

Hệ thống chữa cháy tự động

Hệ thống điện, chống sét, báo cháy

Phương tiện chữa cháy tại chỗ

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) 1. Khoảng cách xa nhất từ chỗ làm việc đến lối thoát nạn gần nhất phải đảm bảo $\leq 25m$ theo quy định của QCVN 06-2010.

2. Mọi phương tiện, thiết bị về PCCC phải được kiểm định trước khi lắp đặt, tổ chức kiểm tra thi công, nghiệm thu công trình theo quy định của luật PCCC.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (thực hiện);
- Cục C66 (báo cáo);
- Phòng CS PC&CC Tp. Biên Hòa (theo dõi);
- Phòng TH (theo dõi);
- Lưu: Phòng HD-PC (Đội HDTDKT).

Đồng Nai, ngày 15 tháng 3 năm 2012

(4)

GIÁM ĐỐC



Đại tá Võ Văn Sáng

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
	Mặt bằng tổng thể Kiến trúc Kết cấu Hệ thống cấp nước chữa cháy Hệ thống chữa cháy tự động Hệ thống điện, chống sét, báo cháy		

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG XANH VN
Đường số 8 – KCN Trảng Bàng- Phường An
Tĩnh – Thị Xã Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh-
Việt Nam

Số: TN.42./25/HĐPLĐN-TPH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

HỢP ĐỒNG

(V/v: Thu mua và vận chuyển phế liệu)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường có hiệu lực ngày 10/01/2022.
- Căn cứ chức năng, lĩnh vực hoạt động và khả năng của Công Ty CP Môi Trường Xanh VN;
- Căn cứ vào nhu cầu của **Công Ty TNHH Thực Phẩm House Việt Nam**;

Tại địa điểm: Công Ty Cổ Phần Môi Trường Xanh VN.

Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG XANH VN

- Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 8 – Khu CN Trảng Bàng – Phường An Tĩnh – Thị Xã Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh - Việt Nam.
- Điện thoại: 0276.3898322 Fax: 0276.3898321
- Tài khoản số: 5704201000192 Mở tại ngân hàng NN & PTNT Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
- Mã số thuế: 3900357907
- Đại diện là: Ông **LÊ THIÊN TÚ** Chức vụ: Giám Đốc Điều Hành

BÊN B: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

- Địa chỉ: Lô Số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 025138877225 Fax: 025138877226
- Mã số thuế: 3602703340
- Đại diện: Ông **HIROTSUGU TAMURA** Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Hai bên thỏa thuận thống nhất nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung công việc giao dịch

- Bên A thu mua các loại phế liệu còn giá trị thương mại sau khi xử lý của Bên B bao gồm các loại như sau:

STT	Tên hàng	ĐVT	Đơn giá thu mua (VNĐ/ĐVT)
1	Thùng carton phế liệu	Kg	2.000
2	Can thiết 18L	Cái	3.700
4	Pallet gỗ	Cái	10.000
5	Sắt phế liệu	Kg	3.500
6	Bao nilong	Kg	3.000
7	Giấy màu	Kg	500
8	Màng phim nhôm ghép nhựa	Kg	Miễn phí

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.
- Đơn giá thu mua phế liệu trên là đơn giá tại thời điểm ký hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu giá phế liệu trên thị trường có sự biến động thì hai bên sẽ thương lượng và ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá để đảm bảo phù hợp với giá trên thị trường.
- Đối với các loại phế liệu phát sinh ngoài danh mục trên hai Bên sẽ thương lượng đơn giá và ký phụ lục hợp đồng bổ sung.

Điều 2: Phương thức giao nhận

- Bên B giao phế liệu cho Bên A tại kho của Bên B theo địa chỉ: **Lô Số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tp.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**
- Khi phế liệu của Bên B đủ lượng cần phải xuất bán, Bên B thông báo cho Bên A trước 03 ngày để Bên A sắp xếp giao nhận hàng.
- Phương tiện vận chuyển, chi phí vận chuyển và chi phí hải quan do Bên A chịu (nếu có).
- Số lượng phế liệu căn cứ theo số lượng thực tế qua cân tại kho của Bên B (kèm theo phiếu cân, phiếu xuất kho hoặc biên bản giao nhận có chữ ký xác nhận của đại diện hai Bên).

Điều 3: Phương thức thanh toán

- Hai Bên đối chiếu số lượng phế liệu trong từng chuyến hàng.
- Bên A thanh toán tiền thu mua phế liệu cho Bên B bằng tiền mặt ngay tại thời điểm giao nhận phế liệu hoặc bằng chuyển khoản trong vòng 10 (mười) ngày sau khi nhận được hóa đơn tài chính từ Bên B.

Điều 4: Trách nhiệm của hai Bên trong việc thực hiện hợp đồng

Trách nhiệm Bên B

- Bên B chịu trách nhiệm quản lý các loại phế liệu trong quá trình lưu tại kho của Bên B theo đúng quy định của pháp luật.
- Bên B có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình giao nhận phế liệu.

- Bên B có trách nhiệm cung cấp những giấy tờ liên quan đến số phế liệu mà Bên B bán cho Bên A, bao gồm: Phiếu giao phế liệu, Phiếu mang hàng ra công và hóa đơn tài chính, đồng thời thông báo cho Bên A mỗi khi có nhu cầu bán hàng để Bên A kịp thời sắp xếp công việc.
- Bên B không được bán phế liệu cho đối tác khác ngoài Bên A trong thời hạn của hợp đồng này, nếu Bên B chuyển giao hoặc bán phế liệu cho một đơn vị, cá nhân khác mà chưa được sự đồng ý của Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Trách nhiệm Bên A

- Bên A thu gom vận chuyển phế liệu của Bên B theo đúng pháp luật hiện hành, khi Bên A vận chuyển phế liệu ra khỏi kho của Bên B mọi vấn đề về môi trường Bên A sẽ chịu trách nhiệm.
- Có trách nhiệm thanh toán cho bên B theo điều 3 của hợp đồng này
- Bên A có trách nhiệm nộp tất cả các loại thuế phế liệu mua của Bên A cho cơ quan thuế và có trách nhiệm làm đầy đủ các thủ tục Hải quan đối với những phế liệu Bên B bán cho Bên A.

Điều 5. Điều khoản bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra các sự kiện như hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, cấm vận, bao vây hoặc các hạn chế khác của chính phủ và các sự kiện bất khả kháng khác xảy ra sau thời điểm ký kết hợp đồng này, mà các bên không có khả năng dự đoán, kiểm soát và ngăn chặn, làm cho Bên A không thể thu gom và vận chuyển toàn bộ hoặc một phần hoặc trì hoãn việc thu gom và vận chuyển thì Bên A sẽ không phải chịu trách nhiệm về việc này.

Điều 6. Điều khoản chung.

- Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trong bản hợp đồng này, không được đơn phương thay đổi hợp đồng, Bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bồi phải thường thiệt hại cho Bên kia theo quy định của pháp luật.
- Trong trường hợp nếu có vấn đề gì thay đổi hai Bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Bất kỳ sự thay đổi nào đều phải được lập thành văn bản có ký kết của hai Bên.
- Trường hợp hai Bên không thống nhất được với nhau sau khi đã qua thảo luận thì mọi khiếu nại sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền. Quyết định của tòa án có thẩm quyền sẽ là quyết định cuối cùng.
- Các bản phụ lục hợp đồng ký kết về sau sẽ là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng này.

Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày **01/01/2025** đến ngày **31/12/2025**.
- Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



LÊ THIÊN TÚ

ĐẠI DIỆN BÊN B

TỔNG GIÁM ĐỐC



HIROTSUGU TAMURA





CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)

AMATA POWER (BIÊN HOA) LIMITED

Mã số thuế (Tax code): 3600257958

Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata),

P. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu (Series) : 1K25TAP

Số (No) : 00000103

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Danh số điện kế (Meter no.) : 21130188

Tên khách hàng (Customer's name) : Công Ty TNHH Thực Phẩm House Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's code) : 10000142

Địa chỉ (Address) : Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code) : 3602703340

Hình thức thanh toán (Method of payment) : Thanh toán Chuyển khoản

Ngày (Date): 31 / 01 / 2025

Số tài khoản (Bank Account No.) :

Kỳ (Period) : 01/2025 từ ngày (from) : 01/01/2025 đến ngày (to) : 31/01/2025

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	21.946	3.344 đ	73.387.424 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	64.089	1.830 đ	117.282.870 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off-Peak)	Kwh	22.060	1.168 đ	25.766.080 đ
Cộng tiền hàng (Sub-total) :					216.436.374 đ
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 8% Tiền thuế GTGT (VAT amount) :					17.314.910 đ
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment) :					233.751.284 đ
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Hai trăm ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi một ngàn hai trăm tám mươi bốn đồng					

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:

(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name): AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED

Số tài khoản (Account Number): 00148310000142 (VND) 090262551101 (USD)

Tên Ngân Hàng (Bank Name): Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - CN Hồ Chí Minh

Nội dung thanh toán 1K25TAP00000103 Thanh toán tiền điện

(Description for the payments):

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.

Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date) , the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)

Ký ngày: 01 / 02 / 2025 22:53:42

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại <https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: AR1078362



CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)
AMATA POWER (BIÊN HOA) LIMITED

Mã số thuế (Tax code): **3600257958**

Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata),

P. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu (Series) : **1K25TAP**

Số (No) : **00000365**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Danh số điện kế (Meter no.) : 21130188

Tên khách hàng (Customer's name) : Công Ty TNHH Thực Phẩm House Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's code) : 10000142

Địa chỉ (Address) : Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code) : 3602703340

Hình thức thanh toán (Method of payment) : Thanh toán Chuyển khoản

Ngày (Date): **28 / 02 / 2025**

Số tài khoản (Bank Account No.) :

Kỳ (Period) : 02/2025 từ ngày (from) : 01/02/2025 đến ngày (to) : 28/02/2025

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	24.085	3.344 đ	80.540.240 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	69.706	1.830 đ	127.561.980 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off-Peak)	Kwh	24.766	1.168 đ	28.926.688 đ
Cộng tiền hàng (Sub-total) :					237.028.908 đ
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 8% Tiền thuế GTGT (VAT amount) :					18.962.313 đ
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment) :					255.991.221 đ
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Hai trăm năm mươi lăm triệu chín trăm chín mươi một ngàn hai trăm hai mươi một đồng					

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:

(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name): **AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED**

Số tài khoản (Account Number): **00148310000142 (VND) 090262551101 (USD)**

Tên Ngân Hàng (Bank Name): **Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - CN Hồ Chí Minh**

Nội dung thanh toán **1K25TAP00000365 Thanh toán tiền điện**

(Description for the payments):

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.

Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date) , the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. **Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification** of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)

Ký ngày: 01 / 03 / 2025 23:03:57

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại <https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: AR1147359



CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)

AMATA POWER (BIÊN HOA) LIMITED

Mã số thuế (Tax code): 3600257958

Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata),

P. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu (Series) : 1K25TAP

Số (No) : 00000627

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Danh số điện kế (Meter no.) : 21130188

Tên khách hàng (Customer's name) : Công Ty TNHH Thực Phẩm House Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's code) : 10000142

Địa chỉ (Address) : Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code) : 3602703340

Hình thức thanh toán (Method of payment) : Thanh toán Chuyển khoản

Ngày (Date): 31 / 03 / 2025

Số tài khoản (Bank Account No.) :

Kỳ (Period) : 03/2025 từ ngày (from) : 01/03/2025 đến ngày (to) : 31/03/2025

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	29.815	3.344 đ	99.701.360 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	89.596	1.830 đ	163.960.680 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off-Peak)	Kwh	29.521	1.168 đ	34.480.528 đ
Cộng tiền hàng (Sub-total) :					298.142.568 đ
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 8% Tiền thuế GTGT (VAT amount) :					23.851.405 đ
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment) :					321.993.973 đ
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Ba trăm hai mươi một triệu chín trăm chín mươi ba ngàn chín trăm bảy mươi ba đồng					

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:

(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name): AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED

Số tài khoản (Account Number): 00148310000142 (VND) 090262551101 (USD)

Tên Ngân Hàng (Bank Name): Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - CN Hồ Chí Minh

Nội dung thanh toán 1K25TAP00000627 Thanh toán tiền điện

(Description for the payments):

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.

Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date) , the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)

Ký ngày: 01 / 04 / 2025 16:45:51

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại <https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: AR1184381



CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)

AMATA POWER (BIÊN HOA) LIMITED

Mã số thuế (Tax code): 3600257958

Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata),

P. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu (Series) : 1K25TAP

Số (No) : 00000887

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Danh số điện kế (Meter no.) : 21130188

Tên khách hàng (Customer's name) : Công Ty TNHH Thực Phẩm House Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's code) : 10000142

Địa chỉ (Address) : Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code) : 3602703340

Hình thức thanh toán (Method of payment) : Thanh toán Chuyển khoản

Ngày (Date): 30 / 04 / 2025

Số tài khoản (Bank Account No.) :

Kỳ (Period) : 04/2025 từ ngày (from) : 01/04/2025 đến ngày (to) : 30/04/2025

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	26.386	3.344 đ	88.234.784 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	77.794	1.830 đ	142.363.020 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off-Peak)	Kwh	25.963	1.168 đ	30.324.784 đ
Cộng tiền hàng (Sub-total) :					260.922.588 đ
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 8% Tiền thuế GTGT (VAT amount) :					20.873.807 đ
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment) :					281.796.395 đ
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Hai trăm tám mươi một triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn ba trăm chín mươi lăm đồng					

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:

(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name): AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED

Số tài khoản (Account Number): 00148310000142 (VND) 090262551101 (USD)

Tên Ngân Hàng (Bank Name): Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - CN Hồ Chí Minh

Nội dung thanh toán 1K25TAP00000887 Thanh toán tiền điện

(Description for the payments):

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.

Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date) , the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)

Ký ngày: 01 / 05 / 2025 21:25:05

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại <https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: AR1214359



CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)

AMATA POWER (BIÊN HOA) LIMITED

Mã số thuế (Tax code): 3600257958

Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata),

P. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu (Series) : 1K25TAP

Số (No) : 00001148

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Danh số điện kế (Meter no.) : 21130188

Tên khách hàng (Customer's name) : Công Ty TNHH Thực Phẩm House Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's code) : 10000142

Địa chỉ (Address) : Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code) : 3602703340

Hình thức thanh toán (Method of payment) : Thanh toán Chuyển khoản

Ngày (Date): 13 / 05 / 2025

Số tài khoản (Bank Account No.) :

Kỳ (Period) : 05/2025 từ ngày (from) : 01/05/2025 đến ngày (to) : 09/05/2025

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	7.100	3.344 đ	23.742.400 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	20.873	1.830 đ	38.197.590 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off-Peak)	Kwh	6.975	1.168 đ	8.146.800 đ
Cộng tiền hàng (Sub-total) :					70.086.790 đ
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 8% Tiền thuế GTGT (VAT amount) :					5.606.943 đ
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment) :					75.693.733 đ
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Bảy mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm ba mươi ba đồng					

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:

(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name): AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED

Số tài khoản (Account Number): 00148310000142 (VND) 090262551101 (USD)

Tên Ngân Hàng (Bank Name): Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - CN Hồ Chí Minh

Nội dung thanh toán 1K25TAP00001148 Thanh toán tiền điện

(Description for the payments):

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.

Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date) , the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)

Ký ngày: 13 / 05 / 2025 21:22:22

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại <https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: AR1232357



CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)

AMATA POWER (BIÊN HOA) LIMITED

Mã số thuế (Tax code): 3600257958

Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata),

P. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu (Series) : 1K25TAP

Số (No) : 00001409

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Danh số điện kế (Meter no.) : 21130188

Tên khách hàng (Customer's name) : Công Ty TNHH Thực Phẩm House Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's code) : 10000142

Địa chỉ (Address) : Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code) : 3602703340

Hình thức thanh toán (Method of payment) : Thanh toán Chuyển khoản

Ngày (Date): 31 / 05 / 2025

Số tài khoản (Bank Account No.) :

Kỳ (Period) : 05/2025 từ ngày (from) : 10/05/2025 đến ngày (to) : 31/05/2025

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	20.701	3.491 đ	72.267.191 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	61.498	1.910 đ	117.461.180 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off-Peak)	Kwh	20.525	1.219 đ	25.019.975 đ
Cộng tiền hàng (Sub-total) :					214.748.346 đ
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 8% Tiền thuế GTGT (VAT amount) :					17.179.868 đ
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment) :					231.928.214 đ
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Hai trăm ba mươi một triệu chín trăm hai mươi tám ngàn hai trăm mười bốn đồng					

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:

(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name): AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED

Số tài khoản (Account Number): 00148310000142 (VND) 090262551101 (USD)

Tên Ngân Hàng (Bank Name): Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - CN Hồ Chí Minh

Nội dung thanh toán 1K25TAP00001409 Thanh toán tiền điện

(Description for the payments):

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.

Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date) , the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)

Ký ngày: 01 / 06 / 2025 22:27:21

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại <https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: AR1244359



CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)

AMATA POWER (BIÊN HOA) LIMITED

Mã số thuế (Tax code): 3600257958

Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata),

P. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu (Series) : 1K25TAP

Số (No) : 00001670

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Danh số điện kế (Meter no.) : 21130188

Tên khách hàng (Customer's name) : Công Ty TNHH Thực Phẩm House Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's code) : 10000142

Địa chỉ (Address) : Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code) : 3602703340

Hình thức thanh toán (Method of payment) : Thanh toán Chuyển khoản

Ngày (Date): 30 / 06 / 2025

Số tài khoản (Bank Account No.) :

Kỳ (Period) : 06/2025 từ ngày (from) : 01/06/2025 đến ngày (to) : 30/06/2025

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	28.216	3.491 đ	98.502.056 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	83.442	1.910 đ	159.374.220 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off-Peak)	Kwh	24.523	1.219 đ	29.893.537 đ
Cộng tiền hàng (Sub-total) :					287.769.813 đ
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 8% Tiền thuế GTGT (VAT amount) :					23.021.585 đ
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment) :					310.791.398 đ
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Ba trăm mười triệu bảy trăm chín mươi một ngàn ba trăm chín mươi tám đồng					

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:

(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name): AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED

Số tài khoản (Account Number): 00148310000142 (VND) 090262551101 (USD)

Tên Ngân Hàng (Bank Name): Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - CN Hồ Chí Minh

Nội dung thanh toán 1K25TAP00001670 Thanh toán tiền điện

(Description for the payments):

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.

Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date) , the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)

Ký ngày: 01 / 07 / 2025 18:29:24

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại <https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: AR1290357



CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)

AMATA POWER (BIÊN HÒA) LIMITED

Mã số thuế (Tax code): 3600257958

Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình,

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu (Series) : 1K25TAP

Số (No) : 00001933

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Danh số điện kế (Meter no.) : 21130188

Tên khách hàng (Customer's name) : Công Ty TNHH Thực Phẩm House Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's code) : 10000142

Địa chỉ (Address) : Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code) : 3602703340

Hình thức thanh toán (Method of payment) : Thanh toán Chuyển khoản

Ngày (Date): 31 / 07 / 2025

Số tài khoản (Bank Account No.) :

Kỳ (Period) : 07/2025 từ ngày (from) : 01/07/2025 đến ngày (to) : 31/07/2025

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	28.710	3.491 đ	100.226.610 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	81.003	1.910 đ	154.715.730 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off-Peak)	Kwh	26.671	1.219 đ	32.511.949 đ
Cộng tiền hàng (Sub-total) :					287.454.289 đ
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 8% Tiền thuế GTGT (VAT amount) :					22.996.343 đ
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment) :					310.450.632 đ
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Ba trăm mười triệu bốn trăm năm mươi ngàn sáu trăm ba mươi hai đồng					

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:

(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name):

AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED

Số tài khoản (Account Number):

00148310000142 (VND) 090262551101 (USD)

Tên Ngân Hàng (Bank Name):

Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - CN Hồ Chí Minh

Nội dung thanh toán

1K25TAP00001933 Thanh toán tiền điện

(Description for the payments):

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.

Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date), the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)

Ký ngày: 01 / 08 / 2025 17:07:57

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại <https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: AR1326358



CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)

AMATA POWER (BIÊN HÒA) LIMITED

Mã số thuế (Tax code): 3600257958

Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu (Series) : 1K25TAP

Số (No) : 00002197

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Danh số điện kế (Meter no.) : 21130188

Tên khách hàng (Customer's name) : Công Ty TNHH Thực Phẩm House Việt Nam
Mã khách hàng (Customer's code) : 10000142
Địa chỉ (Address) : Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Mã số thuế (Tax code) : 3602703340
Hình thức thanh toán (Method of payment) : Thanh toán Chuyển khoản Ngày (Date): 31 / 08 / 2025
Số tài khoản (Bank Account No.) :
Kỳ (Period) : 08/2025 từ ngày (from) : 01/08/2025 đến ngày (to) : 31/08/2025

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	29.474	3.491 đ	102.893.734 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	85.538	1.910 đ	163.377.580 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off-Peak)	Kwh	29.698	1.219 đ	36.201.862 đ
Cộng tiền hàng (Sub-total) :					302.473.176 đ
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 8% Tiền thuế GTGT (VAT amount) :					24.197.854 đ
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment) :					326.671.030 đ
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Ba trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn không trăm ba mươi đồng					

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:
(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name): AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED
Số tài khoản (Account Number): 00148310000142 (VND) 090262551101 (USD)
Tên Ngân Hàng (Bank Name): Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - CN Hồ Chí Minh
Nội dung thanh toán: 1K25TAP00002197 Thanh toán tiền điện
(Description for the payments):

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.

Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date), the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)

Ký ngày: 01 / 09 / 2025 22:00:40

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại <https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: AR1347360



CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)
AMATA POWER (BIÊN HOA) LIMITED

Mã số thuế (Tax code): **3600257958**

Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu (Series) : **1K25TAP**

Số (No) : **00002472**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Danh số điện kế (Meter no.) : 21130188

Tên khách hàng (Customer's name) : Công Ty TNHH Thực Phẩm House Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's code) : 10000142

Địa chỉ (Address) : Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code) : 3602703340

Hình thức thanh toán (Method of payment) : Thanh toán Chuyển khoản

Ngày (Date): **30 / 09 / 2025**

Số tài khoản (Bank Account No.) :

Kỳ (Period) : 09/2025 từ ngày (from) : 01/09/2025 đến ngày (to) : 30/09/2025

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	27.902	3.491 đ	97.405.882 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	81.230	1.910 đ	155.149.300 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off-Peak)	Kwh	29.337	1.219 đ	35.761.803 đ
Cộng tiền hàng (Sub-total) :					288.316.985 đ
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 8% Tiền thuế GTGT (VAT amount) :					23.065.359 đ
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment) :					311.382.344 đ
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Ba trăm mười một triệu ba trăm tám mươi hai ngàn ba trăm bốn mươi bốn đồng					

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:

(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name):

AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED

Số tài khoản (Account Number):

00148310000142 (VND) 090262551101 (USD)

Tên Ngân Hàng (Bank Name):

Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - CN Hồ Chí Minh

Nội dung thanh toán

1K25TAP00002472 Thanh toán tiền điện

(Description for the payments):

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.

Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date), the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. **Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification** of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)

Ký ngày: 01 / 10 / 2025 21:23:11

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại <https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: AR1391372



CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC AMATA (BIÊN HÒA)

AMATA POWER (BIÊN HÒA) LIMITED

Mã số thuế (Tax code): 3600257958

Địa chỉ (Address): Đường 3A, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0251.3936 669/ 3936 938 - Fax : 0251.3936 668 / 3936 445

Ký hiệu (Series) : 1K25TAP

Số (No) : 00002726

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Danh số điện kế (Meter no.) : 21130188

Tên khách hàng (Customer's name) : Công Ty TNHH Thực Phẩm House Việt Nam
Mã khách hàng (Customer's code) : 10000142
Địa chỉ (Address) : Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Mã số thuế (Tax code) : 3602703340
Hình thức thanh toán (Method of payment) : Thanh toán Chuyển khoản Ngày (Date): 31 / 10 / 2025
Số tài khoản (Bank Account No.) :
Kỳ (Period) : 10/2025 từ ngày (from) : 01/10/2025 đến ngày (to) : 31/10/2025

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Điện năng tiêu thụ giờ cao điểm (Peak)	Kwh	32.116	3.491 đ	112.116.956 đ
2	Điện năng tiêu thụ giờ bình thường (Normal)	Kwh	92.960	1.910 đ	177.553.600 đ
3	Điện năng tiêu thụ giờ thấp điểm (Off-Peak)	Kwh	33.131	1.219 đ	40.386.689 đ
Cộng tiền hàng (Sub-total) :					330.057.245 đ
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 8% Tiền thuế GTGT (VAT amount) :					26.404.580 đ
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment) :					356.461.825 đ
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Ba trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng					

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau:
(Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows)

Tên tài khoản (Account Name): AMATA POWER (BIEN HOA) LIMITED
Số tài khoản (Account Number): 00148310000142 (VND) 090262551101 (USD)
Tên Ngân Hàng (Bank Name): Ngân Hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) - CN Hồ Chí Minh
Nội dung thanh toán: 1K25TAP00002726 Thanh toán tiền điện
(Description for the payments):

Ghi chú: Nếu Bên mua không thanh toán tiền điện trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn (Ngày quá hạn) thì Bên mua phải trả tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định trong hợp đồng. Bên mua không thanh toán cho Bên bán vào Ngày quá hạn thì Ngày quá hạn được xem là ngày thông báo tự động đầu tiên của Bên bán đối với Bên mua về việc chậm thanh toán tiền điện.

Notes: If payment is not made within 10 days from the day of receiving the invoice (the Due Date), the Buyer shall pay interest on overdue payment to the Seller following the conditions of Power Supply Agreement. Not meeting the Due Date shall also be considered as the Automatic First Notification of the Seller to the Buyer for electricity charge late payment.

Người mua hàng (Customer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Tổng giám đốc (President)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: Công Ty TNHH Điện Lực Amata (Biên Hòa)

Ký ngày: 01 / 11 / 2025 18:20:44

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Quý khách vui lòng tra cứu hóa đơn tại <https://dienlucamata-tt78.vnpt-invoice.com.vn> . Mã tra cứu: AR1441361

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA**

Mã số thuế (Tax code): 3600265395

KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02513991007 - Fax: 02513891251

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ký hiệu (Serial): 1C25TAB

Số (No.): **303**

Ngày (Date): 21 Tháng (Month): 01 Năm (Year): 2025

Họ tên người mua hàng (Customer):

Tên đơn vị (Company): CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Nước tiêu thụ tháng 01/2025.	M3	809	11.500	9.303.500

Cộng tiền hàng (Sub-total): 9.303.500

Thuế suất GTGT (VAT rate): 5%

Tiền thuế GTGT (VAT): 465.175

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 9.768.675

Số tiền bằng chữ (In words): Chín triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn sáu trăm bảy mươi lăm đồng.

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau (Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows:)

- MUFG BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	041173 (VND)
- BANGKOK BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	0818 - 129700 - 401 (VND)
- VIETINBANK - KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA	113000013158 (VND)
- VIETCOMBANK - ĐỒNG NAI	012.1.00.000.141.7 (VND)
- MIZUHO BANK, LTD - CN TP. HỒ CHÍ MINH	H15 - 796 - 505324 (VND)
- VIETCOMBANK - BIÊN HÒA	048.1.00.000797-9 (VND)

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Buyer's signature, full name)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Seller's signature, full name)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

540101014A8FD19BB65675E54D02A76A

Ngày ký: 2025-01-21T19:25:42

TỔNG CỤC THUẾ

75580955FC81D6A7

Ngày ký: 2025-01-21T19:27:53

Mã cơ quan thuế (Code): 007230047C2B3A40318730B5069039F534 - tra cứu tại website (research at) : <https://tracuu.xuathoadon.vn/>

Ghi chú: Người mua được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn dạng giấy bao gồm đầy đủ các thông tin sau: dòng chữ phân biệt giữa hóa đơn chuyển đổi và hóa đơn điện tử gốc - hóa đơn nguồn (ghi rõ "HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ"); họ và tên, chữ ký của người được thực hiện chuyển đổi; thời gian thực hiện chuyển đổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

Mã số thuế (Tax code): 3600265395

KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02513991007 - Fax: 02513891251

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TAB

Số (No.): 1017

Ngày (Date): 25 Tháng (Month): 02 Năm (Year): 2025

Họ tên người mua hàng (Customer):

Tên đơn vị (Company): CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Nước tiêu thụ tháng 02/2025.	M3	700	11.500	8.050.000

Cộng tiền hàng (Sub-total): 8.050.000

Thuế suất GTGT (VAT rate): 5%

Tiền thuế GTGT (VAT): 402.500

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 8.452.500

Số tiền bằng chữ (In words): Tám triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn năm trăm đồng.

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau (Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows:)

- MUFG BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	041173 (VND)
- BANGKOK BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	0818 - 129700 - 401 (VND)
- VIETINBANK - KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA	113000013158 (VND)
- VIETCOMBANK - ĐỒNG NAI	012.1.00.000.141.7 (VND)
- MIZUHO BANK, LTD - CN TP. HỒ CHÍ MINH	H15 - 796 - 505324 (VND)
- VIETCOMBANK - BIÊN HÒA	048.1.00.000797-9 (VND)

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Buyer's signature, full name)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Seller's signature, full name)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

540101014A8FD19BB65675E54D02A76A

Ngày ký: 2025-02-25T15:54:01

TỔNG CỤC THUẾ

75580955FC81D6A7

Ngày ký: 2025-02-25T15:54:36

Mã cơ quan thuế (Code): 00D5933B39563B4E78B27312966713FAE2 - tra cứu tại website (research at) : <https://tracuu.xuathoadon.vn/>

Ghi chú: Người mua được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy bao gồm đầy đủ các thông tin sau: dòng chữ phân biệt giữa hóa đơn chuyển đổi và hóa đơn điện tử gốc - hóa đơn nguồn (ghi rõ "HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ"); họ và tên, chữ ký của người được thực hiện chuyển đổi; thời gian thực hiện chuyển đổi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA**

Mã số thuế (Tax code): 3600265395

KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02513991007 - Fax: 02513891251

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ký hiệu (Serial): 1C25TAB

Số (No.): 1763

Ngày (Date): 25 Tháng (Month): 03 Năm (Year): 2025

Họ tên người mua hàng (Customer):

Tên đơn vị (Company): CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Nước tiêu thụ tháng 03/2025.	M3	788	11.500	9.062.000
Cộng tiền hàng (Sub-total):					9.062.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT): 453.100
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					9.515.100

Số tiền bằng chữ (In words): Chín triệu năm trăm mười lăm ngàn một trăm đồng.

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau (Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows:)

- MUFG BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	041173 (VND)
- BANGKOK BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	0818 - 129700 - 401 (VND)
- VIETINBANK - KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA	113000013158 (VND)
- VIETCOMBANK - ĐỒNG NAI	012.1.00.000.141.7 (VND)
- MIZUHO BANK, LTD - CN TP. HỒ CHÍ MINH	H15 - 796 - 505324 (VND)
- VIETCOMBANK - BIÊN HÒA	048.1.00.000797-9 (VND)

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Buyer's signature, full name)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Seller's signature, full name)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

540101014A8FD19BB65675E54D02A76A

Ngày ký: 2025-03-25T15:41:57

CỤC THUẾ

2A05F812673607B0

Ngày ký: 2025-03-25T15:46:08

Mã cơ quan thuế (Code): 00341826FC97CD47269AD2407A6B51C228 - tra cứu tại website (research at) : <https://tracuu.xuathoadon.vn/>

Ghi chú: Người mua được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn dạng giấy bao gồm đầy đủ các thông tin sau: dòng chữ phân biệt giữa hóa đơn chuyển đổi và hóa đơn điện tử gốc - hóa đơn nguồn (ghi rõ "HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ"); họ và tên, chữ ký của người được thực hiện chuyển đổi; thời gian thực hiện chuyển đổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

Mã số thuế (Tax code): 3600265395

KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02513991007 - Fax: 02513891251

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TAB

Số (No.): 2402

Ngày (Date): 25 Tháng (Month): 04 Năm (Year): 2025

Họ tên người mua hàng (Customer):

Tên đơn vị (Company): CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Nước tiêu thụ tháng 04/2025.	M3	871	11.500	10.016.500
Cộng tiền hàng (Sub-total):					10.016.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT): 500.825
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					10.517.325

Số tiền bằng chữ (In words): Mười triệu năm trăm mười bảy ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng.

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau (Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows:)

- MUFG BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	041173 (VND)
- BANGKOK BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	0818 - 129700 - 401 (VND)
- VIETINBANK - KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA	113000013158 (VND)
- VIETCOMBANK - ĐỒNG NAI	012.1.00.000.141.7 (VND)
- MIZUHO BANK, LTD - CN TP. HỒ CHÍ MINH	H15 - 796 - 505324 (VND)
- VIETCOMBANK - BIÊN HÒA	048.1.00.000797-9 (VND)

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer's signature, full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller's signature, full name)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

540101014A8FD19BB65675E54D02A76A

Ngày ký: 2025-04-25T15:00:10

CỤC THUẾ

2A05F812673607B0

Ngày ký: 2025-04-25T14:59:43

Mã cơ quan thuế (Code): 008341A9C0741E448D9A1E0F62D7807D30 - tra cứu tại website (research at) : <https://tracuu.xuathoadon.vn/>

Ghi chú: Người mua được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy bao gồm đầy đủ các thông tin sau: dòng chữ phân biệt giữa hóa đơn chuyển đổi và hóa đơn điện tử gốc - hóa đơn nguồn (ghi rõ "HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ"); họ và tên, chữ ký của người được thực hiện chuyển đổi; thời gian thực hiện chuyển đổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

Mã số thuế (Tax code): 3600265395

KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02513991007 - Fax: 02513891251

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TAB

Số (No.): 3041

Ngày (Date): 26 Tháng (Month): 05 Năm (Year): 2025

Họ tên người mua hàng (Customer):

Tên đơn vị (Company): CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Nước tiêu thụ tháng 05/2025.	M3	502	11.500	5.773.000
Cộng tiền hàng (Sub-total):					5.773.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT): 288.650
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					6.061.650

Số tiền bằng chữ (In words): Sáu triệu không trăm sáu mươi mốt ngàn sáu trăm năm mươi đồng.

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau (Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows:)

- MUFG BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	041173 (VND)
- BANGKOK BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	0818 - 129700 - 401 (VND)
- VIETINBANK - KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA	113000013158 (VND)
- VIETCOMBANK - ĐỒNG NAI	012.1.00.000.141.7 (VND)
- MIZUHO BANK, LTD - CN TP. HỒ CHÍ MINH	H15 - 796 - 505324 (VND)
- VIETCOMBANK - BIÊN HÒA	048.1.00.000797-9 (VND)

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer's signature, full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller's signature, full name)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

540101084C09DF5E3E6CBF19B61811E7

Ngày ký: 2025-05-26T14:38:55

CỤC THUẾ

2A05F812673607B0

Ngày ký: 2025-05-26T14:39:01

Mã cơ quan thuế (Code): 00FB7EB3A6FE054327940FCC87542A677D - tra cứu tại website (research at) : <https://tracuu.xuathoadon.vn/>

Ghi chú: Người mua được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy bao gồm đầy đủ các thông tin sau: dòng chữ phân biệt giữa hóa đơn chuyển đổi và hóa đơn điện tử gốc - hóa đơn nguồn (ghi rõ "HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ"); họ và tên, chữ ký của người được thực hiện chuyển đổi; thời gian thực hiện chuyển đổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

Mã số thuế (Tax code): 3600265395

KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02513991007 - Fax: 02513891251

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TAB

Số (No.): 3681

Ngày (Date): 26 Tháng (Month): 06 Năm (Year): 2025

Họ tên người mua hàng (Customer):

Tên đơn vị (Company): CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Nước tiêu thụ tháng 06/2025.	M3	491	11.500	5.646.500

Cộng tiền hàng (Sub-total): 5.646.500

Thuế suất GTGT (VAT rate): 5%

Tiền thuế GTGT (VAT): 282.325

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 5.928.825

Số tiền bằng chữ (In words): Năm triệu chín trăm hai mươi tám ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng.

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau (Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows:)

- MUFG BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	041173 (VND)
- BANGKOK BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	0818 - 129700 - 401 (VND)
- VIETINBANK - KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA	113000013158 (VND)
- VIETCOMBANK - ĐỒNG NAI	012.1.00.000.141.7 (VND)
- MIZUHO BANK, LTD - CN TP. HỒ CHÍ MINH	H15 - 796 - 505324 (VND)
- VIETCOMBANK - BIÊN HÒA	048.1.00.000797-9 (VND)

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Buyer's signature, full name)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Seller's signature, full name)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

540101014A8FD19BB65675E54D02A76A

Ngày ký: 2025-06-26T11:15:35

CỤC THUẾ

2A05F812673607B0

Ngày ký: 2025-06-26T11:21:09

Mã cơ quan thuế (Code): 00ACC67C46784D48689484E6403EF2C2AD - tra cứu tại website (research at) : <https://tracuu.xuathoaddon.vn/>

Ghi chú: Người mua được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy bao gồm đầy đủ các thông tin sau: dòng chữ phân biệt giữa hóa đơn chuyển đổi và hóa đơn điện tử gốc - hóa đơn nguồn (ghi rõ "HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ"); họ và tên, chữ ký của người được thực hiện chuyển đổi; thời gian thực hiện chuyển đổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

Mã số thuế (Tax code): 3600265395

KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02513991007 - Fax: 02513891251

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TAB

Số (No.): 4346

Ngày (Date): 28 Tháng (Month): 07 Năm (Year): 2025

Họ tên người mua hàng (Customer):

Tên đơn vị (Company): CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Nước tiêu thụ tháng 07/2025.	M3	517	11.500	5.945.500

Cộng tiền hàng (Sub-total): 5.945.500

Thuế suất GTGT (VAT rate): 5%

Tiền thuế GTGT (VAT): 297.275

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 6.242.775

Số tiền bằng chữ (In words): Sáu triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn bảy trăm bảy mươi lăm đồng.

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau (Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows:)

- MUFG BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	041173 (VND)
- BANGKOK BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	0818 - 129700 - 401 (VND)
- VIETINBANK - KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA	113000013158 (VND)
- VIETCOMBANK - ĐỒNG NAI	012.1.00.000.141.7 (VND)
- MIZUHO BANK, LTD - CN TP. HỒ CHÍ MINH	H15 - 796 - 505324 (VND)
- VIETCOMBANK - BIÊN HÒA	048.1.00.000797-9 (VND)

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Buyer's signature, full name)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Seller's signature, full name)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

540101084C09DF5E3E6CBF19B61811E7

Ngày ký: 2025-07-28T10:32:14

CỤC THUẾ

2A05F812673607B0

Ngày ký: 2025-07-28T10:32:27

Mã cơ quan thuế (Code): 002121FBC8F7724626850245693345C76B - tra cứu tại website (research at) : <https://tracuu.xuathoadon.vn/>

Ghi chú: Người mua được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy bao gồm đầy đủ các thông tin sau: dòng chữ phân biệt giữa hóa đơn chuyển đổi và hóa đơn điện tử gốc - hóa đơn nguồn (ghi rõ "HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ"); họ và tên, chữ ký của người được thực hiện chuyển đổi; thời gian thực hiện chuyển đổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

Mã số thuế (Tax code): 3600265395

KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02513991007 - Fax: 02513891251

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TAB

Số (No.): 5025

Ngày (Date): 26 Tháng (Month): 08 Năm (Year): 2025

Họ tên người mua hàng (Customer):

Tên đơn vị (Company): CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Nước tiêu thụ tháng 08/2025.	M3	516	11.500	5.934.000

Cộng tiền hàng (Sub-total): 5.934.000

Thuế suất GTGT (VAT rate): 5%

Tiền thuế GTGT (VAT): 296.700

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 6.230.700

Số tiền bằng chữ (In words): Sáu triệu hai trăm ba mươi ngàn bảy trăm đồng.

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau (Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows:)

- MUFG BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	041173 (VND)
- BANGKOK BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	0818 - 129700 - 401 (VND)
- VIETINBANK - KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA	113000013158 (VND)
- VIETCOMBANK - ĐỒNG NAI	012.1.00.000.141.7 (VND)
- MIZUHO BANK, LTD - CN TP. HỒ CHÍ MINH	H15 - 796 - 505324 (VND)
- VIETCOMBANK - BIÊN HÒA	048.1.00.000797-9 (VND)

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Buyer's signature, full name)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Seller's signature, full name)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

540101084C09DF5E3E6CBF19B61811E7

Ngày ký: 2025-08-26T09:37:20

CỤC THUẾ

2A05F812673607B0

Ngày ký: 2025-08-26T09:37:23

Mã cơ quan thuế (Code): 009035C8DFA4B5424899529B9C38D99483 - tra cứu tại website (research at) : <https://tracuu.xuathoadon.vn/>

Ghi chú: Người mua được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy bao gồm đầy đủ các thông tin sau: dòng chữ phân biệt giữa hóa đơn chuyển đổi và hóa đơn điện tử gốc - hóa đơn nguồn (ghi rõ "HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ"); họ và tên, chữ ký của người được thực hiện chuyển đổi; thời gian thực hiện chuyển đổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

Mã số thuế (Tax code): 3600265395

KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02513991007 - Fax: 02513891251

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TAB

Số (No.): 6356

Ngày (Date): 27 Tháng (Month): 10 Năm (Year): 2025

Họ tên người mua hàng (Customer):

Tên đơn vị (Company): CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Nước tiêu thụ tháng 10/2025.	M3	555	11.500	6.382.500
Cộng tiền hàng (Sub-total):					6.382.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT): 319.125
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					6.701.625

Số tiền bằng chữ (In words): Sáu triệu bảy trăm lẻ một nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng.

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau (Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows:)

- MUFG BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	041173 (VND)
- BANGKOK BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	0818 - 129700 - 401 (VND)
- VIETINBANK - KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA	113000013158 (VND)
- VIETCOMBANK - ĐỒNG NAI	012.1.00.000.141.7 (VND)
- MIZUHO BANK, LTD - CN TP. HỒ CHÍ MINH	H15 - 796 - 505324 (VND)
- VIETCOMBANK - BIÊN HÒA	048.1.00.000797-9 (VND)

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer's signature, full name)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller's signature, full name)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

540101084C09DF5E3E6CBF19B61811E7

Ngày ký: 2025-10-27T14:21:55

CỤC THUẾ

2A05F812673607B0

Ngày ký: 2025-10-27T14:22:07

Mã cơ quan thuế (Code): 00D0A6C8BB9CB44CB6B8ADC0190C6AAABF - tra cứu tại website (research at) : <https://tracuu.xuathoadon.vn/>

Ghi chú: Người mua được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy bao gồm đầy đủ các thông tin sau: dòng chữ phân biệt giữa hóa đơn chuyển đổi và hóa đơn điện tử gốc - hóa đơn nguồn (ghi rõ "HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ"); họ và tên, chữ ký của người được thực hiện chuyển đổi; thời gian thực hiện chuyển đổi.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

Mã số thuế (Tax code): 3600265395

KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02513991007 - Fax: 02513891251

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TAB

Số (No.): 5711

Ngày (Date): 26 Tháng (Month): 09 Năm (Year): 2025

Họ tên người mua hàng (Customer):

Tên đơn vị (Company): CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Nước tiêu thụ tháng 09/2025.	M3	468	11.500	5.382.000

Cộng tiền hàng (Sub-total): 5.382.000

Thuế suất GTGT (VAT rate): 5%

Tiền thuế GTGT (VAT): 269.100

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 5.651.100

Số tiền bằng chữ (In words): Năm triệu sáu trăm năm mươi một ngàn một trăm đồng.

Xin vui lòng thanh toán bằng chuyển khoản đến một trong các ngân hàng của chúng tôi như sau (Please make payment by wire transfer through one of our banks as follows:)

- MUFG BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	041173 (VND)
- BANGKOK BANK - CN TP. HỒ CHÍ MINH	0818 - 129700 - 401 (VND)
- VIETINBANK - KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA	113000013158 (VND)
- VIETCOMBANK - ĐỒNG NAI	012.1.00.000.141.7 (VND)
- MIZUHO BANK, LTD - CN TP. HỒ CHÍ MINH	H15 - 796 - 505324 (VND)
- VIETCOMBANK - BIÊN HÒA	048.1.00.000797-9 (VND)

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Buyer's signature, full name)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Seller's signature, full name)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ AMATA BIÊN HÒA

540101084C09DF5E3E6CBF19B61811E7

Ngày ký: 2025-09-26T11:30:39

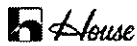
CỤC THUẾ

2A05F812673607B0

Ngày ký: 2025-09-26T11:30:51

Mã cơ quan thuế (Code): 002CDE4CC56A024BB9B206FC294B4D2293 - tra cứu tại website (research at) : <https://tracuu.xuathoadon.vn/>

Ghi chú: Người mua được chuyển đổi hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử sang hóa đơn giấy bao gồm đầy đủ các thông tin sau: dòng chữ phân biệt giữa hóa đơn chuyển đổi và hóa đơn điện tử gốc - hóa đơn nguồn (ghi rõ "HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ"); họ và tên, chữ ký của người được thực hiện chuyển đổi; thời gian thực hiện chuyển đổi.



House Foods Vietnam Co., Ltd.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TAA

Số hóa đơn (No.): 601

Ngày (Date) 30 tháng (month) 10 năm (year) 2025
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Mã của

CQT: 00982E111F811C4B4A8FD13245C3EB8BAD

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028.3911 0877 - Fax: 028.3910 3414

Số tài khoản (Account No.): 007.100.068.5546 tại (at) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP.HCM

Mã kiểm tra (Verified code): dmQFRZxxCX

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH QUÂN LỘC PHÁT

Mã số thuế (Tax code): 3603789855

Địa chỉ (Address): Lầu 2, số 32-L8, KDC An Hưng Phát, khu phố Bình Dương, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): CK

Số tài khoản (Account No.):

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

Tỷ giá (Exchange rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phế liệu thùng thiếc	Cái	1.408	3.700	5.209.600
2	Phế liệu giấy carton	Kg	774	2.000	1.548.000
3	Phế liệu giấy màu	Kg	244	500	122.000
4	Phế liệu pallet gỗ không hư hỏng	Cái	24	10.000	240.000
5	Phế liệu nylon	Kg	12	3.000	36.000
Tổng cộng tiền hàng (Total):					7.155.600
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 10 %					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 715.560
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total):					7.871.160
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Bảy triệu tám trăm bảy mươi một nghìn một trăm sáu mươi đồng					

Cơ Quan Thuế (Tax Authority)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CUC THUẾ

Ký ngày: 30/10/2025

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM

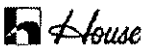
HOUSE VIỆT NAM

Ký ngày: 30/10/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp phần mềm: Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin Đông Nam Á - MST: 0102454468 - ĐT: 19006630

Hóa đơn điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến <http://tax24.com.vn>



House Foods Vietnam Co., Ltd

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày (Date) 29 tháng (month) 09 năm (year) 2025

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Mã của

CQT: 00A10806A993B8451FA028FA1B350CCF24

Ký hiệu (Serial): 1C25TAA

Số hóa đơn (No.): 509

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028.3911 0877 - Fax: 028.3910 3414

Số tài khoản (Account No.): 007.100.068.5546 tại (at) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP.HCM

Mã kiểm tra (Verified code): BFoEaA1kVu

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH QUÂN LỘC PHÁT

Mã số thuế (Tax code): 3603789855

Địa chỉ (Address): Lầu 2, số 32-L8, KDC An Hưng Phát, khu phố Bình Dương, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): CK

Số tài khoản (Account No.):

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

Tỷ giá (Exchange rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phế liệu thùng thiếc	Cái	338	3.700,00	1.250.600
2	Phế liệu giấy carton	Kg	269	2.000,00	538.000
3	Phế liệu giấy màu	Kg	15	500,00	7.500
4	Phế liệu pallet gỗ không hư hỏng	Cái	24	10.000,00	240.000
5	Phế liệu nylon	Kg	4	3.000,00	12.000
Cộng tiền hàng (Total):					2.048.100
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 10 %			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		204.810
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total):					2.252.910
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai triệu hai trăm năm mươi hai nghìn chín trăm mười đồng					

Cơ Quan Thuế (Tax Authority)

(Chữ ký số)
(Digital signature)

Signature Valid
Ký bởi: CỤC THUẾ
Ký ngày: 29/09/2025

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))
(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký số)
(Digital signature)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
HOUSE VIỆT NAM
Ký ngày: 29/09/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp phần mềm: Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin Đông Nam Á - MST: 0102454468 - ĐT: 19006630

Hóa đơn điện tử (HDET) được tra cứu trực tuyến <http://tax24.com.vn>



House Foods Vietnam Co., Ltd

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Ngày (Date) 28 tháng (month) 08 năm (year) 2025
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Mã của

CQT: 00CE544265883D4AB796EDF8062E2291E7

Ký hiệu (Serial): 1C25TAA

Số hóa đơn (No.): 442

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028.3911 0877 - Fax: 028.3910 3414

Số tài khoản (Account No.): 007.100.068.5546 tại (at) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP.HCM

Mã kiểm tra (Verified code): lf5Si4Q3kg

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH QUÂN LỘC PHÁT

Mã số thuế (Tax code): 3603789855

Địa chỉ (Address): Lầu 2, số 32-L8, KDC An Hưng Phát, khu phố Bình Dương, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): CK

Số tài khoản (Account No.):

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

Tỷ giá (Exchange rate): 1



STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phế liệu thùng thiếc	Cái	1.392	3.700,00	5.150.400
2	Phế liệu giấy carton	Kg	842	2.000,00	1.684.000
3	Phế liệu giấy màu	Kg	45	500,00	22.500
4	Phế liệu pallet gỗ không hư hỏng	Cái	24	10.000,00	240.000
5	Phế liệu nylon	Kg	7	3.000,00	21.000
Cộng tiền hàng (Total):					7.117.900
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 10 %			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		711.790
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total):					7.829.690
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Bảy triệu tám trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi đồng					

Cơ Quan Thuế (Tax Authority)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CỤC THUẾ

Ký ngày: 28/08/2025

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
HOUSE VIỆT NAM

Ký ngày: 28/08/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp phần mềm: Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin Đông Nam Á - MST: 0102454468 - ĐT: 19006630

Hóa đơn điện tử (HDDT) được tra cứu trực tuyến <http://tax24.com.vn>



House Foods Vietnam Co., Ltd

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ngày (Date) 28 tháng (month) 07 năm (year) 2025

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Mã của

CQF: 00656209A9204F4575880BD9D024EFF790

Ký hiệu (Serial): 1C25TAA

Số hóa đơn (No.): 370

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028.3911 0877 - Fax: 028.3910 3414

Số tài khoản (Account No.): 007.100.068.5546 tại (at) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP.HCM

Mã kiểm tra (Verified code): qSF34379kz

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH QUÂN LỘC PHÁT

Mã số thuế (Tax code): 3603789855

Địa chỉ (Address): Lầu 2, số 32-L8, KDC An Hưng Phát, khu phố Bình Dương, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): CK

Số tài khoản (Account No.):

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

Tỷ giá (Exchange rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phế liệu thùng thiếc	Cái	1.377	3.700,00	5.094.900
2	Phế liệu giấy carton	Kg	809	2.000,00	1.618.000
3	Phế liệu giấy màu	Kg	308	500,00	154.000
4	Phế liệu pallet gỗ	Cái	45	10.000,00	450.000
5	Phế liệu sắt	Kg	25	3.500,00	87.500
6	Phế liệu nylon	Kg	14	3.000,00	42.000
Cộng tiền hàng (Total):					7.446.400
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 10 %			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		744.640
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total):					8.191.040
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Tám triệu một trăm chín mươi một nghìn không trăm bốn mươi đồng					

Cơ Quan Thuế (Tax Authority)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CỤC THUẾ

Ký ngày: 28/07/2025

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
HOUSE VIỆT NAM

Ký ngày: 28/07/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp phần mềm: Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin Đông Nam Á - MST: 0102454468 - ĐT: 19006630

Hóa đơn điện tử (HDDT) được tra cứu trực tuyến <http://tax24.com.vn>



House Foods Vietnam Co., Ltd

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày (Date) 23 tháng (month) 06 năm (year) 2025
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Mã của

CQT: 0052B0665FDDB54E87942771956E18C622

Ký hiệu (Serial): 1C25TAA

Số hóa đơn (No.): 286

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028.3911 0877 - Fax: 028.3910 3414

Số tài khoản (Account No.): 007.100.068.5546 tại (at) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP.HCM

Mã kiểm tra (Verified code): ultM2Tt1WO

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH QUÂN LỘC PHÁT

Mã số thuế (Tax code): 3603789855

Địa chỉ (Address): Lầu 2, số 32-L8, KDC An Hưng Phát, khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM

Số tài khoản (Account No.):

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

Tỷ giá (Exchange rate): 1



STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phế liệu thùng thiếc	Cái	699	3.700,00	2.586.300
2	Phế liệu giấy carton	Kg	924	2.000,00	1.848.000
3	Phế liệu giấy màu	Kg	338	500,00	169.000
4	Phế liệu pallet gỗ	Cái	24	10.000,00	240.000
5	Phế liệu pallet nhựa	Kg	5	10.000,00	50.000
6	Phế liệu nylon	Kg	8	3.000,00	24.000
Cộng tiền hàng (Total):					4.917.300
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 10 %			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		491.730
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total):					5.409.030
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Năm triệu bốn trăm lẻ chín nghìn không trăm ba mươi đồng					

Cơ Quan Thuế (Tax Authority)
(Chữ ký số)
(Digital signature)

Người mua hàng (Buyer)
(Chữ ký số (nếu có))
(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)
(Chữ ký số)
(Digital signature)

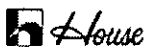
Signature Valid
Ký bởi: CỤC THUẾ
Ký ngày: 23/06/2025

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
HOUSE VIỆT NAM
Ký ngày: 23/ 06/ 2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp phần mềm : Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin Đồng Nam Á - MST : 0102454468 - ĐT : 19006630

Hóa đơn điện tử (HDDT) được tra cứu trực tuyến <http://tax24.com.vn>



House Foods Vietnam Co., Ltd

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Ngày (Date) 30 tháng (month) 05 năm (year) 2025
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Mã của

CQT: 00FCD0162F72A542E8BF8ACC955EFFFFA65

Ký hiệu (Serial): 1C25TAA

Số hóa đơn (No.): 246

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028.3911 0877 - Fax: 028.3910 3414

Số tài khoản (Account No.): 007.100.068.5546 tại (at) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP.HCM

Mã kiểm tra (Verified code): RRCRir2xWn

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH QUÂN LỘC PHÁT

Mã số thuế (Tax code): 3603789855

Địa chỉ (Address): Lầu 2, số 32-L8, KDC An Hưng Phát, khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM

Số tài khoản (Account No.):

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

Tỷ giá (Exchange rate): 1



STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phế liệu thùng thiếc	Cái	549	3.700,00	2.031.300
2	Phế liệu giấy carton	Kg	476	2.000,00	952.000
3	Phế liệu giấy màu	Kg	1.970	500,00	985.000
4	Phế liệu pallet gỗ	Cái	24	10.000,00	240.000
5	Phế liệu nylon	Kg	3	3.000,00	9.000
Cộng tiền hàng (Total):					4.217.300
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 10 %			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		421.730
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total):					4.639.030
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words):... Bốn triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn không trăm ba mươi đồng ..					

Cơ Quan Thuế (Tax Authority)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CỤC THUẾ

Ký ngày: 30/05/2025

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM

HOUSE VIỆT NAM

Ký ngày: 30/05/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp phần mềm: Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin Đồng Nam Á - MST: 0102454468 - ĐT: 19006630

Hóa đơn điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến <http://tax24.com.vn>



House Foods Vietnam Co., Ltd

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày (Date) 22 tháng (month) 04 năm (year) 2025
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Mã của
CQT: 00CF29534173E84AFA81E923B26B3F2518

Ký hiệu (Serial): 1C25TAA

Số hóa đơn (No.): 190

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028.3911 0877 - Fax: 028.3910 3414

Số tài khoản (Account No.): 007.100.068.5546 tại (at) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP.HCM

Mã kiểm tra (Verified code): IOCMRfw3ex

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN

Mã số thuế (Tax code): 3900357907

Địa chỉ (Address): Đường số 8, Khu công nghiệp Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh

Hình thức thanh toán (Payment method): TM

Số tài khoản (Account No.):

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

Tỷ giá (Exchange rate): 1



STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phế liệu thùng thiếc	Cái	500	3.700,00	1.850.000
2	Phế liệu giấy carton	Kg	261	2.000,00	522.000
3	Phế liệu giấy màu	Kg	22	500,00	11.000
4	Phế liệu pallet gỗ	Cái	25	10.000,00	250.000
5	Phế liệu nylon	Kg	5	3.000,00	15.000
Cộng tiền hàng (Total):					2.648.000
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 10 %			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		264.800
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total):					2.912.800
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai triệu chín trăm mười hai nghìn tám trăm đồng					

Cơ Quan Thuế (Tax Authority)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CỤC THUẾ

Ký ngày: 22/04/2025

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
HOUSE VIỆT NAM

Ký ngày: 22/04/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhập hóa đơn)

Đơn vị cung cấp phần mềm : Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin Đông Nam Á - MST : 0102454468 - ĐT : 19006630

Hóa đơn điện tử (HDDT) được tra cứu trực tuyến <http://tax24.com.vn>



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TAA

Số hóa đơn (No.): 146

Ngày (Date) 27 tháng (month) 03 năm (year) 2025
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)
Mã của
CQT: 00B665149EE4A14ADC88E78A4CFEF19040

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028.3911 0877 - Fax: 028.3910 3414

Số tài khoản (Account No.): 007.100.068.5546 tại (at) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP.HCM

Mã kiểm tra (Verified code): uL8THBDWqz

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN

Mã số thuế (Tax code): 3900357907

Địa chỉ (Address): Đường số 8, Khu công nghiệp Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh

Hình thức thanh toán (Payment method): TM

Số tài khoản (Account No.):

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

Tỷ giá (Exchange rate): 1



STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phế liệu thùng thiếc	Cái	600	3.700,00	2.220.000
2	Phế liệu giấy carton	Kg	320	2.000,00	640.000
3	Phế liệu giấy màu	Kg	93	500,00	46.500
4	Phế liệu pallet gỗ	Cái	24	10.000,00	240.000
5	Phế liệu nylon	Kg	5	3.000,00	15.000
Cộng tiền hàng (Total):					3.161.500
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 10 %			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		316.150
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total):					3.477.650
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Ba triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng					

Cơ Quan Thuế (Tax Authority)

(Chữ ký số)
(Digital signature)

Signature Valid
Ký bởi: CỤC THUẾ
Ký ngày: 27/03/2025

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))
(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký số)
(Digital signature)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
HOUSE VIỆT NAM
Ký ngày: 27/03/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp phần mềm : Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin Đồng Nam A - MST : 0102454468 - ĐT : 19006630

Hóa đơn điện tử (HDDT) được tra cứu trực tuyến <http://tax24.com.vn>



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TAA

Số hóa đơn (No.): 120

Ngày (Date) 10 tháng (month) 03 năm (year) 2025
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)
Mã của
CQT: 00BF2B8E222C1A4C1DBC5CEB414BDA1F2B

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028.3911 0877 - Fax: 028.3910 3414

Số tài khoản (Account No.): 007.100.068.5546 tại (at) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP.HCM

Mã kiểm tra (Verified code): dqaqQXGoVI

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN

Mã số thuế (Tax code): 3900357907

Địa chỉ (Address): Đường số 8, Khu công nghiệp Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh

Hình thức thanh toán (Payment method): TM

Số tài khoản (Account No.):

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

Tỷ giá (Exchange rate): 1



STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phế liệu thùng thiếc	Cái	448	3.700,00	1.657.600
2	Phế liệu giấy carton	Kg	186	2.000,00	372.000
3	Phế liệu nylon	Kg	4	3.000,00	12.000
Cộng tiền hàng (Total):					2.041.600
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 10 %			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		204.160
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total):					2.245.760
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi đồng					

Cơ Quan Thuế (Tax Authority)
(Chữ ký số)
(Digital signature)

Signature Valid
Ký bởi: TÔNG CỤC THUẾ
Ký ngày: 10/03/2025

Người mua hàng (Buyer)
(Chữ ký số (nếu có))
(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)
(Chữ ký số)
(Digital signature)

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
HOUSE VIỆT NAM
Ký ngày: 10/03/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp phần mềm : Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin Đông Nam Á - MST : 0102454468 - ĐT : 19006630

Hóa đơn điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến <http://tax24.com.vn>



House Foods Vietnam Co., Ltd

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Ngày (Date) 20 tháng (month) 02 năm (year) 2025
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Mã của

CQT: 008A42FF2D3368462D9BC94F389207D6A2

Ký hiệu (Serial): 1C25TAA

Số hóa đơn (No.): 73

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028.3911 0877 - Fax: 028.3910 3414

Số tài khoản (Account No.): 007.100.068.5546 tại (at) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP.HCM

Mã kiểm tra (Verified code): 60lMprNvpH

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN

Mã số thuế (Tax code): 3900357907

Địa chỉ (Address): Đường số 8, Khu công nghiệp Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh

Hình thức thanh toán (Payment method): TM

Số tài khoản (Account No.):

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

Tỷ giá (Exchange rate): 1



STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phế liệu thùng thiếc	Cái	424	3.700,00	1.568.800
2	Phế liệu giấy carton	Kg	367	2.000,00	734.000
3	Phế liệu giấy màu	Kg	112	500,00	56.000
4	Phế liệu nylon	Kg	6	3.000,00	18.000
Cộng tiền hàng (Total):					2.376.800
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 10 %			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		237.680
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total):					2.614.480
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai triệu sáu trăm mười bốn nghìn bốn trăm tám mươi đồng					

Cơ Quan Thuế (Tax Authority)

(Chữ ký số)
(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CỤC THUẾ

Ký ngày: 20/02/2025

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số nếu có)
(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký số)
(Digital signature)

Signature Valid

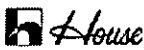
Ký bởi: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
HOUSE VIỆT NAM

Ký ngày: 20/02/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp phần mềm: Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin Đông Nam Á - MST: 0102454468 - ĐT: 19006630

Hóa đơn điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến <http://tax24.com.vn>



House Foods Vietnam Co., Ltd

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TAA

Số hóa đơn (No.): 35

Ngày (Date) 23 tháng (month) 01 năm (year) 2025

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Mã của

CQT: 009F535BAF6C2D451DB3433A639499E0C9

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3602703340

Địa chỉ (Address): Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028.3911 0877 - Fax: 028.3910 3414

Số tài khoản (Account No.): 007.100.068.5546 tại (at) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP.HCM

Mã kiểm tra (Verified code): k7fg88uJPd

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN

Mã số thuế (Tax code): 3900357907

Địa chỉ (Address): Đường số 8, Khu công nghiệp Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh

Hình thức thanh toán (Payment method): TM

Số tài khoản (Account No.):

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

Tỷ giá (Exchange rate): 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phế liệu thùng thiếc	Cái	656	3.700,00	2.427.200
2	Phế liệu giấy carton	Kg	376	2.000,00	752.000
3	Phế liệu pallet gỗ không hư hỏng	Cái	24	10.000,00	240.000
4	Phế liệu nylon	Kg	4	3.000,00	12.000
Cộng tiền hàng (Total):					3.431.200
Thuế suất thuế GTGT (VAT rate): 10 %			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		343.120
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total):					3.774.320
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Ba triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi đồng					

Cơ Quan Thuế (Tax Authority)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CỤC THUẾ

Ký ngày: 23/01/2025

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
HOUSE VIỆT NAM

Ký ngày: 23/01/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp phần mềm: Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Thông Tin Đồng Nam Á - MST: 0102454468 - ĐT: 19006630

Hóa đơn điện tử (HDDT) được tra cứu trực tuyến <http://tax24.com.vn>



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 22 tháng 01 năm 2025

Ký hiệu : **1C25THD**

Mã của cơ quan

Số : **434**

thuế:00709E3C5324EC4D838C38EBC3127211D4

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Mã số thuế : **3600274914**

Địa chỉ : Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, P.Bửu Long, TP.Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Số tài khoản : 1170 0001 2889

Điện thoại : 0251.3952257 Hotline:19003160 Fax: 02513 951771 Email:
taichinhketoan_bes@yahoo.com.vn

NH TMCP Công Thương Đồng Nai

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM**

Địa chỉ : **Lô 239, KCN Long Bình(Amata), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, VN**

MST : **3602703340**

Mã KH : **HDHOUSE**

Hình thức thanh toán : **TM/CK**

Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vận chuyển và xử lý rác tháng 01/2025	Thùng	13	145.000	1.885.000
				Cộng tiền hàng :	1.885.000
Thuế suất thuế GTGT : 8%		Tiền thuế GTGT :			150.800
Tổng cộng tiền thanh toán :					2.035.800

Số tiền viết bằng chữ : Hai triệu ba mươi lăm ngàn tám trăm đồng chẵn

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan thuế

(Ký, đóng dấu)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ,O=BỘ TÀI
CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN
Ký ngày: 22/ 01/ 202519:52:41

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI
TRƯỜNG SONADEZI
Ký ngày: 22/ 01/ 202519:51:02

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Để tra cứu hóa đơn quý khách vui lòng truy cập địa chỉ : <https://sze.com.vn>.Mã tra cứu: HDH1310



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 24 tháng 02 năm 2025

Ký hiệu : 1C25THD

Số : 929

Mã của cơ quan

thuế:00F14062BEEB7A4415A933672791E180A2

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Mã số thuế : 3600274914

Địa chỉ : Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, P.Bửu Long, TP.Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Số tài khoản : 1170 0001 2889

Điện thoại : 0251.3952257 Hotline:19003160 Fax: 02513 951771 Email:
taichinhketoan_bes@yahoo.com.vn

NH TMCP Công Thương Đồng Nai

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình(Amata), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, VN

MST : 3602703340

Mã KH : HDHOUSE

Hình thức thanh toán : TM/CK

Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vận chuyển và xử lý rác tháng 02/2025	Thùng	11	145.000	1.595.000
				Cộng tiền hàng :	1.595.000
Thuế suất thuế GTGT : 8%		Tiền thuế GTGT :			127.600
Tổng cộng tiền thanh toán :					1.722.600

Số tiền viết bằng chữ : Một triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm đồng chẵn

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan thuế

(Ký, đóng dấu)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ,O=BỘ TÀI
CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN
Ký ngày: 24/ 02/ 202508:33:29

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI
TRƯỜNG SONADEZI
Ký ngày: 24/ 02/ 202508:32:23

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Để tra cứu hóa đơn quý khách vui lòng truy cập địa chỉ : <https://sze.com.vn>.Mã tra cứu: HDH/01560



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 24 tháng 03 năm 2025

Ký hiệu : 1C25THD

Số : 1416

Mã của cơ quan

thuế:007E799E6BB4854B52A5D03E9EF02E1C4C

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Mã số thuế : 3600274914

Địa chỉ : Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, P.Bửu Long, TP.Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Số tài khoản : 1170 0001 2889

Điện thoại : 0251.3952257 Hotline:19003160 Fax: 02513 951771 Email: taichinhketoan_bes@yahoo.com.vn

NH TMCP Công Thương Đồng Nai

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình(Amata), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, VN MST : 3602703340

Mã KH : HDHOUSE

Hình thức thanh toán : TM/CK Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vận chuyển và xử lý rác tháng 03/2025	Thùng	12	145.000	1.740.000
				Cộng tiền hàng :	1.740.000
Thuế suất thuế GTGT : 8%		Tiền thuế GTGT :			139.200
Tổng cộng tiền thanh toán :					1.879.200

Số tiền viết bằng chữ : Một triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm đồng chẵn

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan thuế
(Ký, đóng dấu)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CN=CỤC THUẾ O=BỘ TÀI
CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN
Ký ngày: 24/ 03/ 202513:24:39

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI
TRƯỜNG SONADEZI
Ký ngày: 24/ 03/ 202513:23:12

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Để tra cứu hóa đơn quý khách vui lòng truy cập địa chỉ : <https://sze.com.vn>.Mã tra cứu: HDH/06309



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 24 tháng 04 năm 2025

Ký hiệu : 1C25THD

Số : 2368

Mã của cơ quan

thuế:005B2B6AC2FFE1423185DCE08B78263437

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Mã số thuế : 3600274914

Địa chỉ : Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, P.Bửu Long, TP.Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Số tài khoản : 1170 0001 2889

Điện thoại : 0251.3952257 Hotline:19003160 Fax: 02513 951771 Email: taichinhketoan_bes@yahoo.com.vn

NH TMCP Công Thương Đồng Nai

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình(Amata), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, VN MST : 3602703340

Mã KH : HDHOUSE

Hình thức thanh toán : TM/CK Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vận chuyển và xử lý rác tháng 04/2025	Thùng	12	145.000	1.740.000
				Cộng tiền hàng :	1.740.000
Thuế suất thuế GTGT : 8%		Tiền thuế GTGT :			139.200
Tổng cộng tiền thanh toán :					1.879.200

Số tiền viết bằng chữ : Một triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm đồng chẵn

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan thuế

(Ký, đóng dấu)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CN=CỤC THUẾ O=BỘ TÀI

CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN

Ký ngày: 24/ 04/ 202518:19:20

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI

TRƯỜNG SONADEZI

Ký ngày: 24/ 04/ 202518:18:17

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Để tra cứu hóa đơn quý khách vui lòng truy cập địa chỉ : <https://sze.com.vn>.Mã tra cứu: HDH06616



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 23 tháng 05 năm 2025

Ký hiệu : **1C25THD**

Số : **2980**

Mã của cơ quan

thuế:005AD02F401CD64C4CBE1DE49C08FC928F

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Mã số thuế : **3600274914**

Địa chỉ : Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, P.Bửu Long, TP.Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Số tài khoản : 1170 0001 2889

Điện thoại : 0251.3952257 Hotline:19003160 Fax: 02513 951771 Email:
taichinhketoan_bes@yahoo.com.vn

NH TMCP Công Thương Đồng Nai

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM**

Địa chỉ : **Lô 239, KCN Long Bình(Amata), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, VN**

MST : **3602703340**

Mã KH : **HDHOUSE**

Hình thức thanh toán : **TM/CK**

Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vận chuyển và xử lý rác tháng 05/2025	Thùng	11	145.000	1.595.000
				Cộng tiền hàng :	1.595.000
Thuế suất thuế GTGT : 8%		Tiền thuế GTGT :			127.600
Tổng cộng tiền thanh toán :					1.722.600

Số tiền viết bằng chữ : Một triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm đồng chẵn

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan thuế
(Ký, đóng dấu)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CN=CỤC THUẾ O=BỘ TÀI
CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN
Ký ngày: 23/ 05/ 202513:38:58

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI
TRƯỜNG SONADEZI
Ký ngày: 23/ 05/ 202513:36:02

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Để tra cứu hóa đơn quý khách vui lòng truy cập địa chỉ : <https://sze.com.vn>.Mã tra cứu: HDH/06872



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 24 tháng 06 năm 2025

Ký hiệu : **1C25THD**

Mã của cơ quan

Số : **3802**

thuế:0096C921B58C744D239C1C0D514F44DB01

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Mã số thuế : **3600274914**

Địa chỉ : Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, P.Bửu Long, TP.Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

Số tài khoản : 1170 0001 2889

Điện thoại : 0251.3952257 Hotline:19003160 Fax: 02513 951771 Email:
taichinhketoan_bes@yahoo.com.vn

NH TMCP Công Thương Đồng Nai

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM**

Địa chỉ : **Lô 239, KCN Long Bình(Amata), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, VN** MST : **3602703340**

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách :

Số căn cước công dân : Số hộ chiếu :

Mã KH : **HDHOUSE**

Hình thức thanh toán : **TM/CK** Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vận chuyển và xử lý rác tháng 06/2025	Thùng	13	145.000	1.885.000
Cộng tiền hàng :					1.885.000
Thuế suất thuế GTGT : 8%		Tiền thuế GTGT :			150.800
Tổng cộng tiền thanh toán :					2.035.800

Số tiền viết bằng chữ : Hai triệu ba mươi lăm ngàn tám trăm đồng chẵn

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan thuế

(Ký, đóng dấu)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CN=CỤC THUẾ O=BỘ TÀI
CHÍNH,L=Hà Nội, VN
Ký ngày: 24/ 06/ 202513:46:38

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI
TRƯỜNG SONADEZI
Ký ngày: 24/ 06/ 202513:43:16

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Để tra cứu hóa đơn quý khách vui lòng truy cập địa chỉ : <https://sze.com.vn>. Mã tra cứu: HDH/07027



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 24 tháng 07 năm 2025

Ký hiệu : 1C25THD

Mã của cơ quan

Số : 4447

thuế:0032881742AE804A34830C7B6AA4F08A3D

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Mã số thuế : 3600274914

Địa chỉ : Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số tài khoản : 1170 0001 2889

Điện thoại : 0251.3952257 Hotline:19003160 Fax: 02513 951771 Email: taichinhketoan_bes@yahoo.com.vn

NH TMCP Công Thương Đồng Nai

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình(Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam MST : 3602703340

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách :

Số căn cước công dân :

Số hộ chiếu :

Mã KH : HDHOUSE

Hình thức thanh toán : TM/CK

Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vận chuyển và xử lý rác tháng 07/2025 - Từ Công ty TNHH House Việt Nam đến Khu xử lý Chất Thải Vĩnh Tân; Biển kiểm soát phương tiện vận tải: 60C-381.31; 60C-323.21; 60C-290.48; 60C-241.76	Thùng	12	145.000	1.740.000
Cộng tiền hàng :					1.740.000
Thuế suất thuế GTGT : 8%		Tiền thuế GTGT :			139.200
Tổng cộng tiền thanh toán :					1.879.200

Số tiền viết bằng chữ : Một triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm đồng chẵn

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan thuế
(Ký, đóng dấu)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid
Ký bởi: CN=CỤC THUẾ O=BỘ TÀI
CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN
Ký ngày: 24/ 07/ 202521:48:45

Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI
TRƯỜNG SONADEZI
Ký ngày: 24/ 07/ 202521:48:42

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Để tra cứu hóa đơn quý khách vui lòng truy cập địa chỉ : <https://sze.com.vn>.Mã tra cứu: HDH/07406



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 26 tháng 08 năm 2025

Ký hiệu : 1C25THD

Mã của cơ quan

thuế:00FC6289E5099B43C0AC323BC84473CF1E

Số : 5307

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Mã số thuế : 3600274914

Địa chỉ : Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số tài khoản : 1170 0001 2889

Điện thoại : 0251.3952257 Hotline:19003160 Fax: 02513 951771 Email: taichinhketoan_bes@yahoo.com.vn

NH TMCP Công Thương Đồng Nai

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình(Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam MST : 3602703340

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách :

Số căn cước công dân :

Số hộ chiếu :

Mã KH : HDHOUSE

Hình thức thanh toán : TM/CK

Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vận chuyển và xử lý rác tháng 08/2025 - Từ Công ty TNHH thực phẩm House Việt Nam đến Khu xử lý Chất Thải Vĩnh Tân; Biên kiểm soát phương tiện vận tải: 60C-381.31; 60C-323.21; 60C-290.48; 60C-241.76	Thùng	13	145.000	1.885.000
Cộng tiền hàng :					1.885.000
Thuế suất thuế GTGT : 8%		Tiền thuế GTGT :			150.800
Tổng cộng tiền thanh toán :					2.035.800

Số tiền viết bằng chữ : Hai triệu ba mươi lăm ngàn tám trăm đồng chẵn

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan thuế

(Ký, đóng dấu)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CN=CỤC THUẾ O=BỘ TÀI

CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN

Ký ngày: 26/08/202511:05:53

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI

TRƯỜNG SONADEZI

Ký ngày: 26/08/202511:05:50

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Để tra cứu hóa đơn quý khách vui lòng truy cập địa chỉ : <https://sze.com.vn>.Mã tra cứu: HDH/7871



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 24 tháng 09 năm 2025

Ký hiệu : 1C25THD

Số : 5685

Mã của cơ quan

thuế:009639A5E2EF2F4AF9BAFF6467D1E87C79

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Mã số thuế : 3600274914

Địa chỉ : Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số tài khoản : 1170 0001 2889

Điện thoại : 0251.3952257 Hotline:19003160 Fax: 02513 951771 Email: taichinhketoan_bes@yahoo.com.vn

NH TMCP Công Thương Đồng Nai

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam MST : 3602703340

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách :

Số căn cước công dân :

Số hộ chiếu :

Mã KH : HDHOUSE

Hình thức thanh toán : TM/CK

Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vận chuyển và xử lý rác tháng 09/2025 - Từ Công ty TNHH thực phẩm House Việt Nam đến Khu xử lý chất thải Vĩnh Tân ; biển kiểm soát phương tiện vận tải: 60C-290.48; 60C-241.76; 60C-381.31; 60C-323.21	Thùng	14	145.000	2.030.000
				Cộng tiền hàng :	2.030.000
Thuế suất thuế GTGT : 8%		Tiền thuế GTGT :			162.400
Tổng cộng tiền thanh toán :					2.192.400

Số tiền viết bằng chữ : Hai triệu một trăm chín mươi hai ngàn bốn trăm đồng chẵn

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan thuế

(Ký, đóng dấu)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CN=CỤC THUẾ O=BỘ TÀI CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN
Ký ngày: 24/ 09/ 202516:34:30

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI
Ký ngày: 24/ 09/ 202516:34:25

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Để tra cứu hóa đơn quý khách vui lòng truy cập địa chỉ : <https://sze.com.vn>.Mã tra cứu: HDH/8100



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

Ký hiệu : 1C25THD

Mã của cơ quan

Số : 6423

thuế:00655DBE08A4EF4E3E854E2030DB6FE11A

Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Mã số thuế : 3600274914

Địa chỉ : Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số tài khoản : 1170 0001 2889

Điện thoại : 0251.3952257 Hotline:19003160 Fax: 02513 951771 Email: taichinhketoan_bes@yahoo.com.vn

NH TMCP Công Thương Đồng Nai

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình(Amata), Phường Long Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam MST : 3602703340

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách :

Số căn cước công dân :

Số hộ chiếu :

Mã KH : HDHOUSE

Hình thức thanh toán : TM/CK

Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Vận chuyển và xử lý rác tháng 10/2025 - Từ Công ty TNHH thực phẩm House Việt Nam đến Khu xử lý chất thải Vĩnh Tân ; biển kiểm soát phương tiện vận tải: 60C-381.31; 60C-323.21; 60C-241.76; 60C-290.48	Thùng	14	145.000	2.030.000
				Cộng tiền hàng :	2.030.000
Thuế suất thuế GTGT : 8%		Tiền thuế GTGT :			162.400
Tổng cộng tiền thanh toán :					2.192.400

Số tiền viết bằng chữ : Hai triệu một trăm chín mươi hai ngàn bốn trăm đồng chẵn

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan thuế

(Ký, đóng dấu)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CN=CỤC THUẾ O=BỘ TÀI CHÍNH,L=Hà Nội,C=VN
Ký ngày: 24/ 10/ 202517:05:54

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI
Ký ngày: 24/ 10/ 202517:05:50

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Để tra cứu hóa đơn quý khách vui lòng truy cập địa chỉ : <https://sze.com.vn>.Mã tra cứu: HDH/6035

TỈNH/THÀNH PHỐ TÂY NINH		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 4410 / 20.25 / 3-4-5-6.005VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh ĐT: 02763898322 Địa chỉ cơ sở: ĐT:.....							
2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: ĐT:..... Địa chỉ cơ sở: ĐT:.....							
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Mã số QLCTNH:..... Địa chỉ văn phòng: Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), P. Long Bình, Tỉnh Đồng Nai ĐT: 025138877225 Địa chỉ cơ sở: Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), P. Long Bình, Tỉnh Đồng Nai ĐT: 025138877225							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu thải từ quá trình bảo trì máy móc	x			17 02 03	20	TC-TĐ
2	Thùng chứa dầu bằng kim loại	x			18 01 02	0	SR
3	Hộp mực in thải	x			08 02 04	30	TĐ
4	Bùn thải từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp	x			12 06 05	1150	HR
5	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	7	PT-HR
6	Bao tay, giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm TPNH	x			18 02 01	25	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH: (không) Nước nhập khẩu: (không) Cửa khẩu nhập (không) Số hiệu phương tiện: (không) Ngày xuất cảng: (không) Cửa khẩu xuất: (không)							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 70C-16168							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Huỳnh Tuấn Duy Ký: Ngày: 21/10/2025							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký:..... Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày 21 tháng 10 năm 2025  HIROTSUGU TAMURA Tổng giám đốc (Chữ ký, đóng dấu)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Tây Ninh, ngày 7 tháng 11 năm 2025  Lê Thị Năm (Chữ ký, đóng dấu)			
@Liên số: 1□- 2□ - 3□- 4□ Ghi chú:..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 16 tháng 04 năm 2025

Ký hiệu: 1C25TMT

Số: 00000771

Mã QGT: 005D08084ABBD94DDCAEFEBAA3F2278E7B

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN

Mã số thuế: 3900357907

Địa chỉ: Đường số 8, Khu công nghiệp Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 02763898322

Fax: 02763898321

Số tài khoản: 5704201000192 - Ngân hàng Agribank - CN Huyện Trảng Bàng, Tây Ninh

196.478.789 - Ngân hàng ACB, PGD Trảng Bàng, Tây Ninh

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Mã số thuế: 3602703340

Địa chỉ: Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), Phường Long Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:

Đồng tiền thanh toán: VND



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại Đợt 1 : 50% giá trị của Hợp Đồng số: TN41/25/HĐXLĐN-TPH ngày 30/12/2024				12.500.000
Cộng tiền hàng:					12.500.000
Thuế suất GTGT: 8% Tiền thuế GTGT:					1.000.000
Tổng tiền thanh toán:					13.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI
TRƯỜNG XANH VN

Ký ngày: 16/04/2025

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn: N7HEHKPDDXVG

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

TỈNH/THÀNH PHỐ TÂY NINH		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 1131 / 2025 / 3-4-5-6.005VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005VX Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh ĐT: 02763898322 Địa chỉ cơ sở: ĐT:.....							
2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: ĐT:..... Địa chỉ cơ sở: ĐT:.....							
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Mã số QLCTNH:..... Địa chỉ văn phòng: Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), P. Long Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai ĐT: 025138877225 Địa chỉ cơ sở: Lô số 239, KCN Long Bình (Amata), P. Long Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai ĐT: 025138877225							
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu thải từ quá trình bảo trì máy móc	x			17 02 03	17	TC-TĐ
2	Thùng chứa dầu bằng kim loại	x			18 01 02	0	SR
3	Hộp mực in thải	x			08 02 04	17	TĐ
4	Bùn thải từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp	x			12 06 05	667	HR
5	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	2	PT-HR
6	Bao tay, giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm TPNH	x			18 02 01	10	TĐ
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH: (không) Nước nhập khẩu: (không) Cửa khẩu nhập (không) Số hiệu phương tiện: (không) Ngày xuất cảng: (không) Cửa khẩu xuất: (không)							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 70C-16033							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Văn Đua Ký: Ngày: 21/03/2025							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký:..... Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Đồng Nai, ngày 21 tháng 3 năm 2025  HIROTSUGU TAMURA Tổng giám đốc (Chữ ký, đóng dấu)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Tây Ninh, ngày 16 tháng 4 năm 2025  Lê Thị Năm (Chữ ký, đóng dấu)			
@Liên số: 1□- 2□ - 3□- 4□ Ghi chú:..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 02134/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0539.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 07/03/2025
Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.0539.KT1: Tại vị trí ống thải của HTXL mùi

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn
				25.0539.KT1	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	35	-
2	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)	600 ⁽¹⁾
3	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,88)	510 ⁽¹⁾
4	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)	300 ⁽¹⁾
5	Bụi ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	10,5	120 ⁽¹⁾
6	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	IS 11255 (part 4):2006	0,97	4,5 ⁽¹⁾
7	Metyl mercaptan ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,05)	15 ⁽²⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 7 do VIMCERTS 117 thực hiện;
- ⁽¹⁾QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; C_{max}: K_p = 1, K_v = 0,6
- ⁽²⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 02135/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0539.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 07/03/2025

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình,
TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : 25.0539.NT1: Tại hố ga đầu nổi nước thải KCN Amata

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Amata
				25.0539.NT1	
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,28	6 ÷ 9
2	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	8	50
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	11	500
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	26	530
5	Tổng Nitơ ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,3	30
6	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,75	5
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	16	200
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .B&C:2017	KPH (LOD=0,5)	20
9	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (LOD=0,3)	4,05

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Amata;
3. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

Giám đốc

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 02136/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.0539.KKLV1-2
---------------------------	---	---------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 07/03/2025
Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Không khí môi trường lao động
Vị trí lấy mẫu : 25.0539.KKLV1: Tại khu vực trộn
25.0539.KKLV2: Tại khu vực đóng gói sản phẩm

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				25.0539.KKLV1	25.0539.KKLV2	
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 3985-1999, TCVN 9799:2013	71,2	66,4	≤ 85 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	TCVN 5508:2009	26,1	26,4	18 - 32 ⁽²⁾
3	Độ ẩm ^(a)	%	TCVN 5508:2009	56,4	56,2	40- 80 ⁽²⁾
4	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	0,08	0,073	5 ⁽⁴⁾
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	0,035	0,056	5 ⁽⁴⁾
6	Bụi toàn phần ^(a)	mg/m ³	QCVN 02:2019/BYT	0,181	0,13	8 ⁽³⁾
7	CO ^(a)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	7,05	6,05	20 ⁽⁴⁾

Ghi chú:

- (a)- Thông số được chứng nhận theo Công văn số 1469/SYT-NVY-HCC ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Sở Y Tế TP.HCM;
- ⁽¹⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- ⁽²⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- ⁽⁴⁾QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.Đien Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05663/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1877.KK1,3,4
---------------------------	---	---------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 17/06/2025
Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Không khí
Vị trí lấy mẫu : 25.1877.KK3: Tại khu vực trộn
25.1877.KK4: Tại khu vực đóng gói sản phẩm

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				25.1877.KK3	25.1877.KK4	
1	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	59,3	62,8	≤ 85 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	27,5	26,9	18 - 32 ⁽²⁾
3	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2022/BTNMT	70,2	71,5	40- 80 ⁽²⁾
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	135	112	8.000 ⁽³⁾
5	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	60	55	5.000 ⁽⁴⁾
6	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	69	64	5.000 ⁽⁴⁾
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	6.090	6.079	20.000 ⁽⁴⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- ⁽²⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- ⁽⁴⁾QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.Đien Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05664/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1877.KK1-2
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 17/06/2025
Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : 25.1877.KK1: Không khí trong khuôn viên nhà máy
25.1877.KK2: Không khí ngoài khuôn viên nhà máy

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				25.1877.KK1	25.1877.KK2	
1	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	57,9	57,6	70 ⁽²⁾
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	33,1	31,9	-
3	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2022/BTNMT	73,5	72,9	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	82,2	78,5	300 ⁽¹⁾
5	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	55	59	350 ⁽¹⁾
6	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	61	66	200 ⁽¹⁾
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	KPH (LOD=6.000)	KPH (LOD=6.000)	30.000 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.Điên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05665/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1877.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 17/06/2025

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình,
TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 25.1877.KT1: tại vị trí ống thải của HTXL bụi, mùi

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.1877.KT1	Cột B	Nồng độ tối đa
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	25	-	-
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	16,1	120	-
3	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)	600	-
4	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,88)	510	-
5	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)	300	-
6	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	KPH (LOD=0,14)	4,5	-
7	Metyl mercaptan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	-	15

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: K_p = 1, K_v = 0,6
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.Đien Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 05666/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.1877.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 17/06/2025

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình,
TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : 25.1877.NT1: Tại hồ ga đầu nổi nước thải KCN Amata

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn tiếp nhận KCN Amata
				25.1877.NT1	
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	5,59	5,5 ÷ 9
2	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	29	150
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	26	50
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	61	150
5	Tổng Nitơ ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	8,5	40
6	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,2	6
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	45	100
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	1,1	10
9	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)	10

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. Giới hạn tiếp nhận KCN Amata;
3. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
6. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
7. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 07 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diễn Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 07731/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.2876.KK1-2
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 18/08/2025
Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : 25.2876.KK1: Tại khu vực trộn
25.2876.KK2: Tại khu vực đóng gói sản phẩm

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				25.2876.KK1	25.2876.KK2	
1	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	75	75,6	≤ 85 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	26,4	26,3	18 - 32 ⁽²⁾
3	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2022/BTNMT	65	65,2	40- 80 ⁽²⁾
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	147	139	8.000 ⁽³⁾
5	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	71	63	5.000 ⁽⁴⁾
6	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	82	69	5.000 ⁽⁴⁾
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	7.042	7.032	20.000 ⁽⁴⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- ⁽²⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- ⁽⁴⁾QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 07732/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.2876.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 18/08/2025
Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, Loại mẫu : Nước thải
tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : 25.2876.NT1: Tại hố ga đầu nổi nước thải KCN Amata

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn tiếp nhận KCN Amata
				25.2876.NT1	
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,87	5,5 ÷ 9
2	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	32	150
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	29	50
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	72	150
5	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	9,2	40
6	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,36	6
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	24	100
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	1,52	10
9	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)	10

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- Giới hạn tiếp nhận KCN Amata;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiến



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 07730/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.2876.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 18/08/2025
Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : 25.2876.KT1: Tại vị trí ống thải của HTXL mùi

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.2876.KT1	Cột B	Nồng độ tối đa
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	32	-	-
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	13,5	120	-
3	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)	600	-
4	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,88)	510	-
5	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)	300	-
6	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	1,63	4,5	-
7	Metyl mercaptan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	-	15

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B: K_p = 1, K_v = 0,6
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 09 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10324/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4099.KK3-6
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 23/10/2023

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình,
tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Không khí

Vị trí lấy mẫu : 25.4099.KK3: Tại khu vực trộn

25.4099.KK4: Tại khu vực đóng gói sản phẩm

25.4099.KK5: Khu vực trộn bột trắng miệng

25.4099.KK6: Khu vực đóng gói



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				25.4099.KK3	25.4099.KK4	
1	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	70,1	71,3	≤ 85 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	25,5	26,7	18 - 32 ⁽²⁾
3	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2022/BTNMT	56,3	57,4	40 - 80 ⁽²⁾
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	143	132	8.000 ⁽³⁾
5	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	62	57	5.000 ⁽⁴⁾
6	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	71	61	5.000 ⁽⁴⁾
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	7.976	7.014	30.000 ⁽¹⁾

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				25.4099.KK5	25.4099.KK6	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	26,1	25,3	18 - 32 ⁽²⁾
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	142	129	8.000 ⁽³⁾
3	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	50	43	5.000 ⁽⁴⁾
4	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	57	51	5.000 ⁽⁴⁾
5	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	7.035	7.016	30.000 ⁽¹⁾



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				25.4099.KK5	25.4099.KK6	
6	H ₂ S ^(b)	µg/Nm ³	MASA 701	KPH (LOD=9,5)	KPH (LOD=9,5)	42 ⁽¹⁾
7	Mercaptan (tính theo Methyl mercaptan) ^(b)	µg/Nm ³	ASTM D2913-20	KPH (LOD=4)	KPH (LOD=4)	50 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- ⁽²⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- ⁽⁴⁾QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- ⁽⁵⁾QCVN 01:2025/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 70 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10326/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4099.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 23/10/2025
Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Nước thải
Vị trí lấy mẫu : 25.4099.NT1: Tại hồ ga đầu nối nước thải KCN Amata

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn tiếp nhận KCN Amata
				25.4099.NT1	
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	5,91	6 ÷ 9
2	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	28	50
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	21	500
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	61	530
5	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	12,4	30
6	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,55	5
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	10	200
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	3,2	20
9	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)	4,05

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10323/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4099.KK1-2
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 23/10/2025
Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Không khí xung quanh
Vị trí lấy mẫu : 25.4099.KK1: Không khí trong khuôn viên nhà máy
25.4099.KK2: Không khí ngoài khuôn viên nhà máy

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				25.4099.KK1	25.4099.KK2	
1	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	61,1	60,4	70 ⁽²⁾
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	29,1	30,1	-
3	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2022/BTNMT	62,7	60,3	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	91	101	300 ⁽¹⁾
5	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	42	49	350 ⁽¹⁾
6	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	49	68	200 ⁽¹⁾
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	7.105	7.129	30.000 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10325/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4099.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 23/10/2025
Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.4099.KT1: tại vị trí ống thải của HTXL bụi, mùi

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4099.KT1	Cột B Kp=1 và Kv=0,6	Nồng độ tối đa
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	31	-	-
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	26,8	120	-
3	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)	600	-
4	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,88)	510	-
5	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)	300	-
6	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	1,09	4,5	-
7	Metyl mercaptan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	-	15

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền

Số : 268-03/24-2.2/ KQPT

Tp.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG**1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM****2/ Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Đồng Nai****3/ Thời gian lấy mẫu : 13/03/2024****4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn****5/ Phương pháp thực hiện:**

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2:2018	30 ÷ 120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 50°C
3	Độ ẩm*	QCVN 46:2012/BTNMT	0÷100%RH

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ỒN

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)
268-03/24-2.2KKXQ1.Khu vực trộn	74	29,1	63,8
268-03/24-2.2KKXQ2.Khu vực đóng gói sản phẩm	71	29,2	67,1
QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80

*Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông**(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận***BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****Bùi Mạnh Hiệp**

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**
HÀ THỤY NGỌC DIỄM

Số : 268-03/24-2.2/ KQPT

Tp.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Đồng Nai

3/ Thời gian lấy mẫu : 13/03/2024

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³
2	CO*	SOP_K01-LM	SOP_K01-PT	0,044 mg/m ³
3	SO ₂ *	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	0,015 mg/m ³
4	NO ₂ *	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009	0,006 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu	Bụi	CO	SO ₂	NO ₂
Điểm đo	(mg/m ³)	(mg/m ³)	(mg/m ³)	(mg/m ³)
268-03/24-2.2KKXQ1.Khu vực trộn	0,46	3,37	0,074	0,038
268-03/24-2.2KKXQ2.Khu vực đóng gói sản phẩm	0,48	3,84	0,071	0,034
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	8	20	5	5

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc**(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận; KPH: Không phát hiện (< MDL)**(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)**Kết quả thử nghiệm được tính ở nhiệt độ 25°C và áp suất tuyệt đối 760 mm thủy ngân, tương đương mg/Nm³.***BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG****Bùi Mạnh Hiệp**

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

TRUNG TÂM
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG
COSHET

Hà Thủy Ngọc Diễm

Số : 268-03/24-2.2/ KQPT

Tp.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Đồng Nai

3/ Thời gian lấy mẫu : 13/03/2024

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm ³
2	CO*	SOP_HTKT01	-	0÷11400 mg/Nm ³
3	SO ₂ *	SOP_HTKT01	-	0÷13100 mg/Nm ³
4	NO _x *	SOP_HTKT01	-	NO: 0÷4920 mg/Nm ³ NO ₂ : 0÷2068 mg/Nm ³
5	Nhiệt độ*	SOP_HTKT02	-	0÷1200°C
6	H ₂ S*	JIS K 0108:2010	JIS K 0108:2010	0,56 mg/Nm ³
7	Methyl mercaptan *	PD CEN/TS 13649	PD CEN/TS 13649	0,30 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI testo r

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Nhiệt độ	Bụi	CO	SO ₂	NO _x	H ₂ S	Metyl mercaptan
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(°C)	(mg/Nm ³)					
268-03/24-2.2KT Khí thải tại ống thải của HTXL mùi (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	47	23	9,12	KPH (<IDL= 2,62)	KPH (<IDL= 1,23)	KPH	KPH
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =1 và K _v = 0,6	-	120	600	300	510	4,5	-
QCVN 20 : 2009/BTNMT	-	-	-	-	-	-	-	15

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc**(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận**KPH: Không phát hiện(<IDL); IDL: Giới hạn phát hiện của thiết bị ;KPH: Không phát hiện (< MDL)***BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Bùi Mạnh Hiệp

Hà Thụy Ngọc Diễm

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

3/4

Số : 268-03/24-2.2/ KQPT

Tp.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

2/ Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, Thành phố Biên Hoà, Đồng Nai

3/ Thời gian lấy mẫu : 13/03/2024

4/ Loại mẫu : 268-03/24-2.2NT.Nước thải tại hố ga đầu nổi KCN Amata

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	Tiêu chuẩn KCN Amata	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(31,2 ⁰ C)	-	7,16	2÷12	6- 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	60	1,5	200	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	396	2,0	530	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	161	1,0	500	TCVN 6001-1:2021
5	Tổng nitơ**	mg/L	5,88	1,50	30	TCVN 6638:2000
6	Tổng photpho (tính theo P)**	mg/L	0,76	0,016	5	TCVN 6202:2008
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)**	mg/L	2,13	0,010	20	TCVN 6179-1:1996
8	Độ màu (tính theo Pt-Co)*	mg/L	48	1,5	50	SMEWW 2120.C:2023
9	Dầu, mỡ khoáng*	mg/L	3,0	0,3	4,05	SMEWW 5520.B&F:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Bùi Mạnh Hiệp

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**
HÀ THUY NGỌC DIỄM**Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy**

4/4



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03862/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1607.KK1-2
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 22/05/2024

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, Loại mẫu : Không khí xung quanh
thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Vị trí lấy mẫu : 24.1607.KK1: Không khí trong khuôn viên nhà máy
24.1607.KK2: Không khí ngoài khuôn viên nhà máy

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				24.1607.KK1	24.1607.KK2	
1	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	67,9	67,5	70 ⁽²⁾
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	124	109	300 ⁽¹⁾
3	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	75	65	350 ⁽¹⁾
4	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	59	57	200 ⁽¹⁾
5	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	KPH (LOD=6.000)	KPH (LOD=6.000)	30.000 ⁽¹⁾
6	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,5	31,6	-
7	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	64,2	62,9	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiến



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03863/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1607.KKLV1-2
---------------------------	---	---------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 22/05/2024

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Không khí môi trường lao động

Vị trí lấy mẫu : 24.1607.KKLV1: Không khí tại khu vực trộn
24.1607.KKLV2: Không khí tại khu vực đóng gói sản phẩm

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				24.1607.KKLV1	24.1607.KKLV2	
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 3985-1999, TCVN 9799:2013	75,1	70,9	≤ 85 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	TCVN 5508:2009	29,9	29,4	18 - 32 ⁽²⁾
3	Độ ẩm ^(a)	%	TCVN 5508:2009	63,5	66,9	40- 80 ⁽²⁾
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,415	0,356	8 ⁽³⁾
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	0,062	0,061	5 ⁽⁴⁾
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	5 ⁽⁴⁾
7	CO ^(a)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	KPH (LOD=6)	KPH (LOD=6)	20 ⁽⁴⁾

Ghi chú:

- (a)- Thông số được chứng nhận theo Công văn số 1469/SYT-NVY-HCC ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Sở Y Tế TP.HCM;
- ⁽¹⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- ⁽²⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- ⁽³⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- ⁽⁴⁾ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03864/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1607.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 22/05/2024

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, Loại mẫu : Khí thải
thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Vị trí lấy mẫu : 24.1607.KT1: tại vị trí ống thải của HTXL mùi

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				24.1607.KT2	Cột B $K_p = 1, K_v = 0,6$
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	47,5	-
2	Bụi ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	24	120
3	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	10,3	600
4	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,88)	510
5	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)	300
6	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	IS 11255 (part 4):2006	KPH (LOD=0,9)	4,5

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Cột B: $K_p = 1, K_v = 0,6$
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 03865/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.1607.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 22/05/2024

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, Loại mẫu : Nước thải
thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Vị trí lấy mẫu : 24.1607.NT1: Tại hồ ga đầu nối nước thải KCN Amata

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN Amata
				24.1607.NT1	
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,22	6-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	69	200
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	152	500
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	388	530
5	Tổng Nitơ ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	6,9	30
6	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,58	5
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017	3,5	20
8	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	2,5	4,05
9	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	45	50

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 09399/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.3886.KKLV1-2
---------------------------	---	---------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 27/09/2024

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, Loại mẫu : Không khí môi trường lao động
thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Vị trí lấy mẫu : 24.3886.KKLV1: Không khí tại khu vực trộn
24.3886.KKLV2: Không khí tại khu vực đóng gói sản phẩm

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				24.3886.KKLV1	24.3886.KKLV2	
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 3985:1999, TCVN 9799:2013	70,1	62,5	≤ 85 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	TCVN 5508:2009	30,2	29,8	18 - 32 ⁽²⁾
3	Độ ẩm ^(a)	%	TCVN 5508:2009	63,3	63,1	40- 80 ⁽²⁾
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,16	0,12	8 ⁽³⁾
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	0,046	0,049	5 ⁽⁴⁾
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	0,047	0,052	5 ⁽⁴⁾
7	CO ^(a)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	KPH (LOD=6)	KPH (LOD=6)	20 ⁽⁴⁾

Ghi chú:

- (a)- Thông số được chứng nhận theo Công văn số 1469/SYT-NVY-HCC ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Sở Y Tế TP.HCM;
- ⁽¹⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- ⁽²⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- ⁽³⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- ⁽⁴⁾ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 09400/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.3886.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM

Ngày lấy mẫu : 27/09/2024

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình,
thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Loại mẫu : Khí thải

Vị trí lấy mẫu : 24.3886.KT1: tại vị trí ống thải của HTXL mùi

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				24.3886.KT1	Cột B $K_p = 1, K_v = 0,6$
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	37,4	-
2	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)	600
3	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,88)	510
4	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)	300
5	Bụi ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	15,4	120
6	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	IS 11255 (part 4):2006	KPH (LOD=0,9)	4,5
7	Metyl mercaptan ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (LOD=0,025)	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 7 do VIMCERTS 292 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Cột B: $K_p = 1, K_v = 0,6$
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 09401/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.3886.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 27/09/2024

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : 24.3886.NT1: Tại hố ga đầu nối nước thải KCN Amata

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN Amata
				24.3886.NT1	
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,36	6-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	28	200
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	23	500
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	52	530
5	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	KPH (LOD=1)	30
6	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,48	5
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017	KPH (LOD=0,5)	20
8	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (LOD=0,3)	4,05
9	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	11	50

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 13402/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.5696.KK1-2
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 16/12/2024
Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, Loại mẫu : Không khí xung quanh
TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Vị trí lấy mẫu : 24.5696.KK1: Không khí trong khuôn viên nhà máy
24.5696.KK2: Không khí ngoài khuôn viên nhà máy

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				24.5696.KK1	24.5696.KK2	
1	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018	65,4	59,3	70 ⁽²⁾
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30	29,7	-
3	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	66,1	64,7	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	148	153	300 ⁽¹⁾
5	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	54	52	350 ⁽¹⁾
6	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	66	61	200 ⁽¹⁾
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	KPH (LOD=6.000)	KPH (LOD=6.000)	30.000 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- ⁽²⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giám đốc

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



T.S. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 13405/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.5696.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 16/12/2024
Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 24.5696.KT1: Tại vị trí ống thải của HTXL mùi

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				24.5696.KT1	Cmax	Nồng độ tối đa
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	38,1	-	-
2	Bụi ^(b)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	8,7	120	-
3	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)	600	-
4	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,88)	510	-
5	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)	300	-
6	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	IS 11255 (part 4):2006	0,93	4,5	-
7	Metyl mercaptan ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (LOD=0,025)	-	15

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 7 do VIMCERTS 292 thực hiện;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Cmax: K_p = 1, K_v = 0,6
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng; *W*

Phụ trách PTN

HL
Trinh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giám đốc





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4367 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 13406/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.5696.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 16/12/2024
Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai Loại mẫu : Nước thải
Vị trí lấy mẫu : 24.5696.NT1: Tại hồ ga đầu nổi nước thải KCN Amata

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Amata
				24.5696.NT1	
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,67	6 ÷ 9
2	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	15	50
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	24	500
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	69	530
5	Tổng Nitơ ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	KPH (LOD=1)	30
6	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,6	5
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	31	200
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2017	KPH (LOD=0,5)	20
9	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (LOD=0,3)	4,05

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- Tiêu chuẩn tiếp nhận KCN Amata;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiến



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 13403/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.5696.KKLV1 -3
---------------------------	---	-------------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOUSE VIỆT NAM Ngày lấy mẫu : 16/12/2024

Địa chỉ : Lô 239, KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, Loại mẫu : Không khí môi trường lao động
thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Vị trí lấy mẫu : 24.5696.KKLV1: Tại khu vực trộn
24.5696.KKLV2: Tại khu vực đóng gói sản phẩm
24.5696.KKLV3: Tại khu vực trộn bột trắng miệng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả			Giới hạn
				24.5696.KKLV1	24.5696.KKLV2	24.5696.KKLV3	
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 3985-1999, TCVN 9799:2013	73,3	77,1	-	≤ 85 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	TCVN 5508:2009	24,6	24,5	24,6	18 - 32 ⁽²⁾
3	Độ ẩm ^(a)	%	TCVN 5508:2009	51,3	56	-	40- 80 ⁽²⁾
4	Bụi ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,21	0,24	0,26	8 ⁽³⁾
5	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	0,044	0,042	0,038	5 ⁽⁴⁾
6	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	0,054	0,048	0,044	5 ⁽⁴⁾
7	CO ^(a)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	7,01	KPH (LOD=6)	7,01	20 ⁽⁴⁾
8	H ₂ S ^(a)	mg/m ³	MASA 701	-	-	KPH (LOD=0,0095)	10 ⁽⁴⁾
9	Metyl Mercaptan ^(d)	mg/m ³	ASTM D2913-96(2007)	-	-	KPH (LOD=0,006)	1 ⁽⁵⁾

Ghi chú:

- (a)- Thông số được chứng nhận theo Công văn số 1469/SYT-NVY-HCC ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Sở Y Tế TP.HCM;
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 9 do "Công Ty Cp Xây Dựng Và Môi Trường Đại Phú" thực hiện
- (1) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
(2) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
(3) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
(4) QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
(5) Tiêu chuẩn Vệ sinh Lao động: Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
6. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ trách PTN

Giám đốc

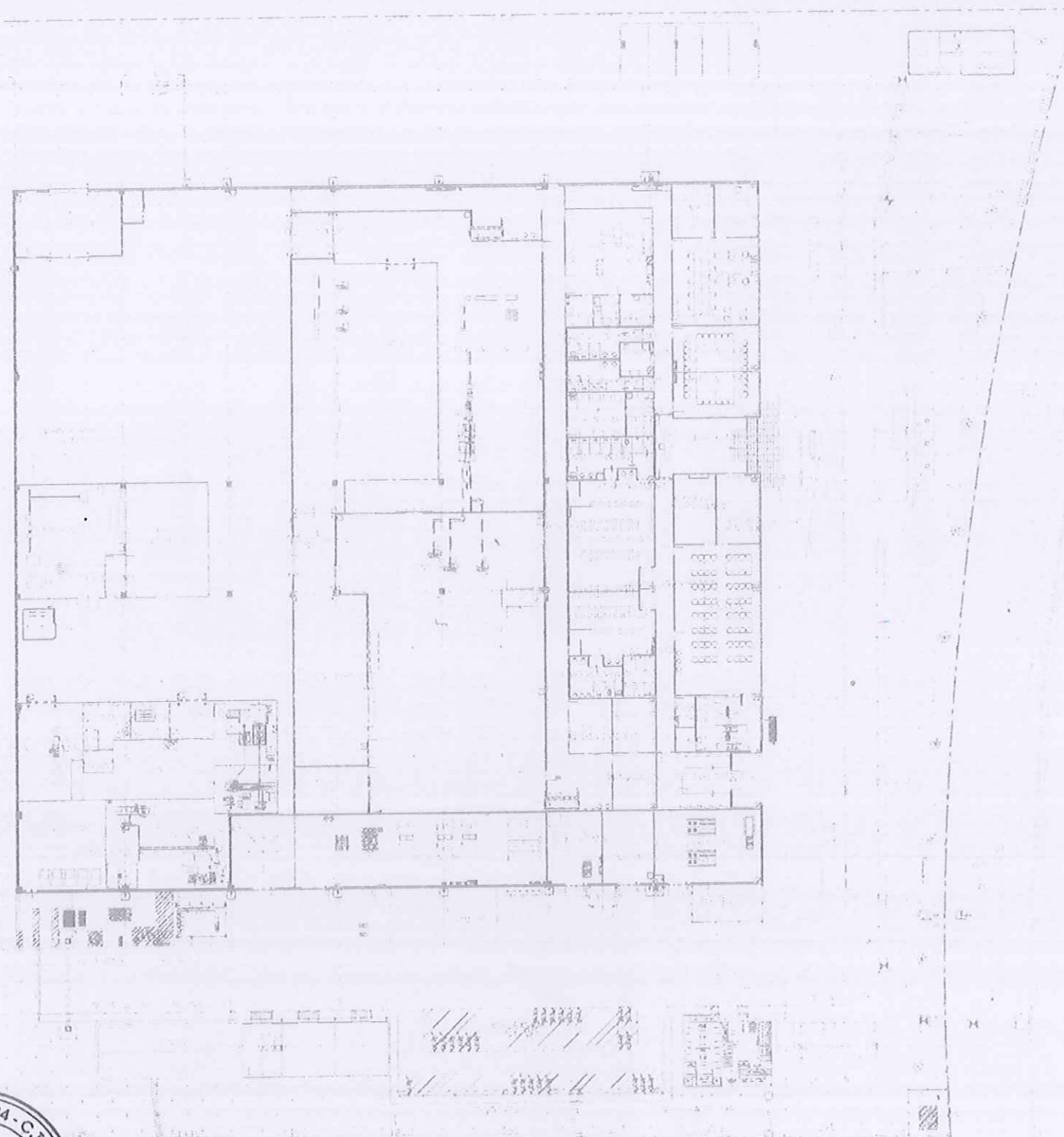
ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền

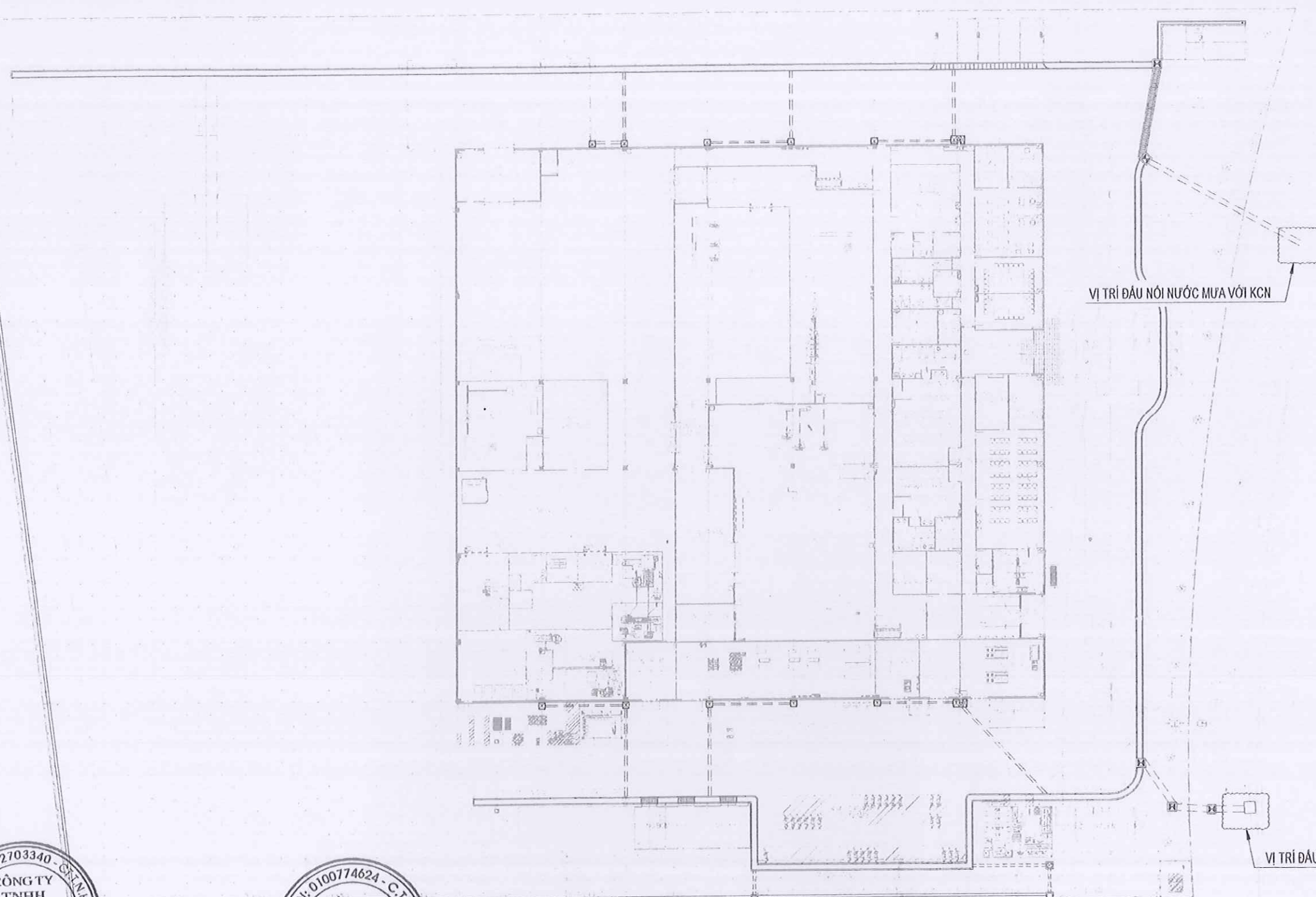


BẢNG DIỆN TÍCH TÒA NHÀ HIỆN CÓ		
SỐ	CÔNG TRÌNH HIỆN TRẠNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG
1	TẦNG LŨNG TRONG NHÀ MÁY	88.32 m ²
2	NHÀ BẾ XE HƠI	63.73 m ²
3	NHÀ BẢO VỆ	40.00 m ²
4	NHÀ ĐỂ XE MÁY	188.40 m ²
5	BỂ NƯỚC	68.50 m ²
6	NHÀ RÁC + NHÀ BƠM + NHÀ KHO	69.00 m ²
7	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI + NHÀ ĐIỀU HÀNH	50.40 m ²
8	DIỆN TÍCH ĐƯỜNG NỘI BỘ	2.357.63 m ²
9	DIỆN TÍCH CỎ	7.368.97 m ²
10	CHIỀU CAO CÔNG TRÌNH	9.20 m
11	CỘT NỀN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH (SỐ VỚI CỘT ĐƯỜNG NỘI BỘ)	+3.25 m
12	DIỆN TÍCH NHÀ XƯỞNG	4.855.35 m ²
13	DIỆN TÍCH LỘ ĐẤT	15.150.30 m ²



MẶT BẰNG TỔNG THỂ HIỆN HỮU
TỶ LỆ 1:500

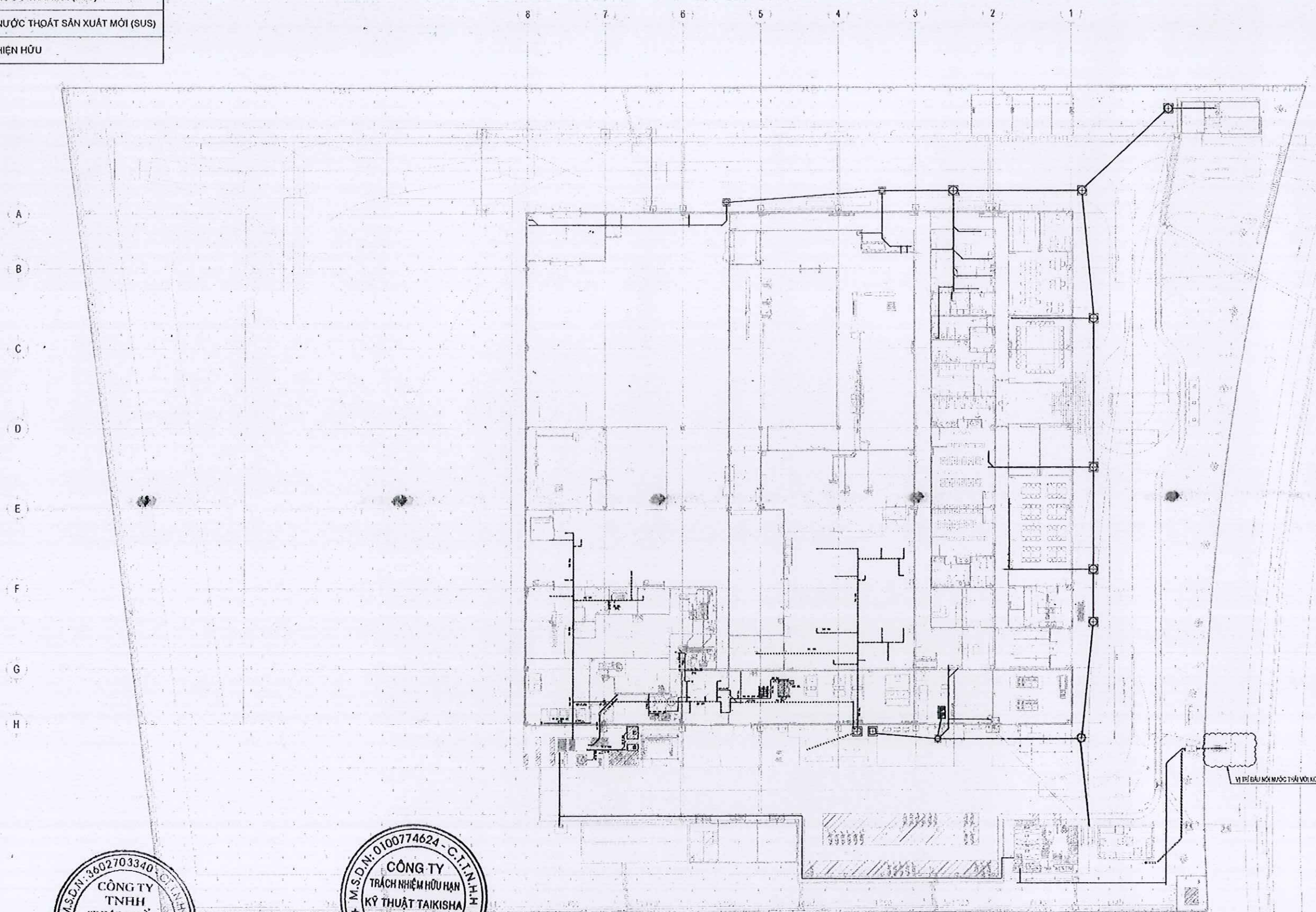
MÔ TẢ			TÀI LIỆU					TÊN DỰ ÁN		DWG NO
1			TỔNG GIÁM ĐỐC					CẢI TẠO PHÒNG NẤU ĂN - NHÀ MÁY HOUSE FOODS		A-G-P1
2			PHẠM THANH BÌNH					TÊN BẢN VẼ		REV
3			DEPUTY GENERAL DIRECTOR					MẶT BẰNG TỔNG THỂ HIỆN HỮU		0
4								SCALE (1:1)		



TỔNG GIÁM ĐỐC
HYDROTECH TAMIKA

~~PHAM THANH BINH~~
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

KÝ HIỆU	DIỄN GIẢI
WW	ÔNG NƯỚC THẢI MÔI (PVC)
PD	ÔNG NƯỚC THOÁT SẢN XUẤT MÔI (SUS)
—	ÔNG HIỆN HỮU



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI HIỆN HỮU TỔNG THỂ



House Foods
HOUSE FOODS VIETNAM CO., LTD.



TAKI-SHA
TAKISHA VIETNAM ENGINEERING INC
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT
TAKISHA VIETNAM.

Địa chỉ: Tầng 12 Tòa Nhà Delco, 2 Đường Tôn Thất Thuyết,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
ĐT: (+84-24) 3502-2750 FAX: (+84-24) 3502-275

PHAM THANH BINH
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

GLY 602

REFERENCES

ĐỀM TÊN

NAME _____

ĐIỀU KIỆN: ĐƠN VỊ

TÊN QUÂN:

CÀI TAO PHÒNG KẪU ĂN - NHÀ MÁY HOUSE FOODS

ONG HO

M-UL-09

TÊN HÀNG:

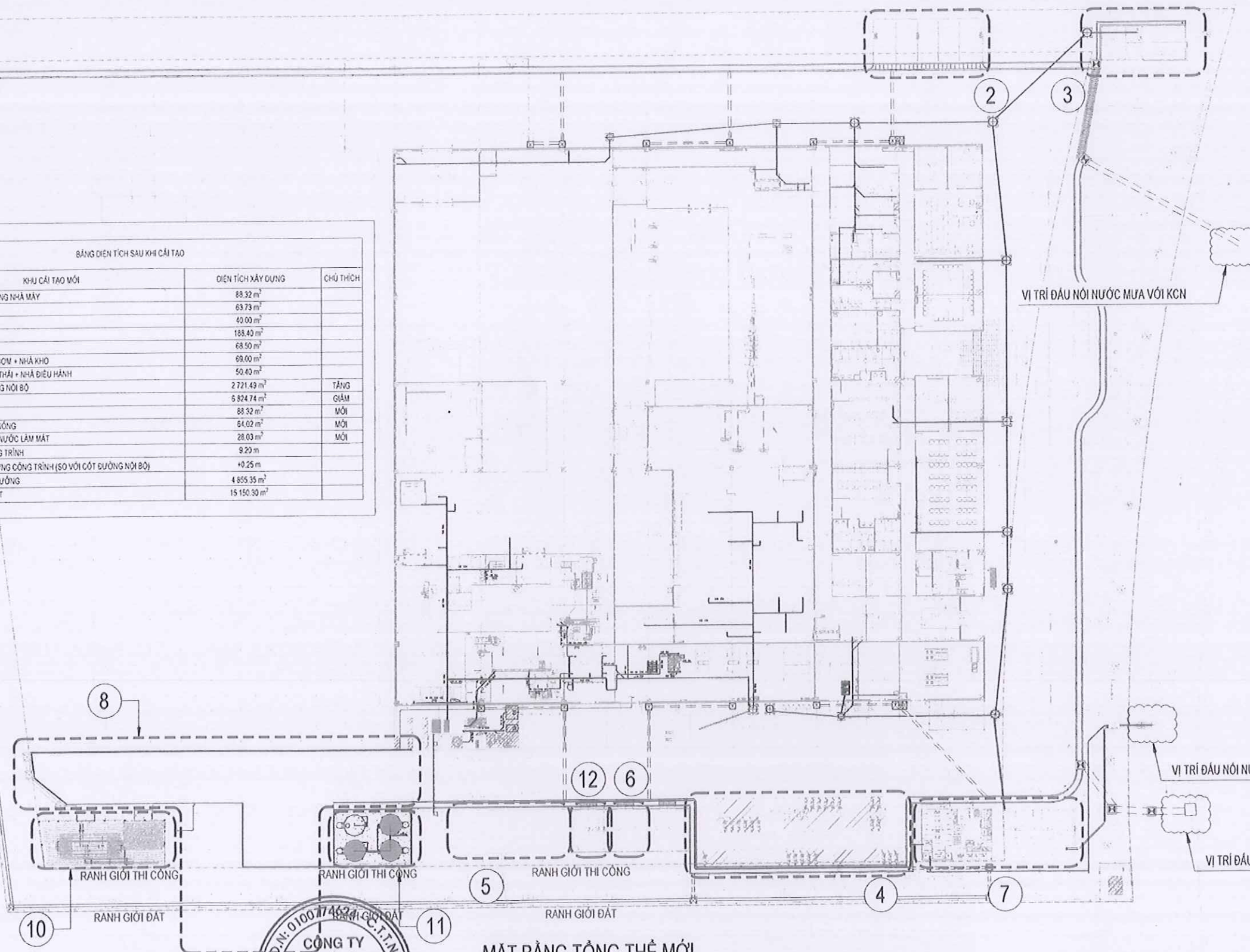
TILE PUT

43

MẬT BẢNG THOÁT NƯỚC THẢI HIỆN HỮU TỔNG THỂ



BẢNG DIỆN TÍCH SAU KHI CẢI TẠO			
SỐ	KHU CẢI TẠO MỚI	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	CHÚ THÍCH
1	TẦNG LỬNG TRONG NHÀ MÁY	88.32 m ²	
2	NHÀ ĐỂ XE HƠI	63.73 m ²	
3	NHÀ BẢO VỆ	40.00 m ²	
4	NHÀ ĐỂ XE MÁY	188.40 m ²	
5	BỂ NƯỚC	68.50 m ²	
6	NHÀ RÁC + NHÀ BƠM + NHÀ KHO	69.00 m ²	
7	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI + NHÀ ĐIỀU HÀNH	50.40 m ²	
8	DIỆN TÍCH ĐƯỜNG NỘI BỘ	2.721.49 m ²	TẦNG
9	DIỆN TÍCH CỎ	5.824.74 m ²	GIÁM
10	TRẠM GA LPG	88.52 m ²	MỎI
11	TRẠM BÓN ĐUÔI NÓNG	84.02 m ²	MỎI
12	TRẠM MÁY BƠM NƯỚC LẠM MẬT	28.03 m ²	MỎI
13	CHIỀU CAO CÔNG TRÌNH	9.20 m	
14	CỘT NỀN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH (SƠ VỚI CỘT ĐƯỜNG NỘI BỘ)	+0.25 m	
15	DIỆN TÍCH NHÀ XƯỞNG	4.855.35 m ²	
16	DIỆN TÍCH LỘ ĐẤT	15.150.30 m ²	



MẶT BẰNG TỔNG THỂ MỚI



House Foods
HOUSE FOODS VIETNAM CO., LTD.
TỔNG GIÁM ĐỐC
HIROTSUGU TAMURA

TAIKISHA
TAIKISHA VIETNAM ENGINEERING INC.
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT
TAIKISHA VIETNAM.
Địa chỉ: Tầng 12 Tòa Nhà Delich, 8 Đường Tôn Thất Thuyết,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (+84-24) 3502-3750 FAX: (+84-24) 3502-3751

PHẠM THANH BÌNH
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

SỐ	GẤM ĐỐC	PHÊ DUYỆT	Kiểm TRA	BẢN VẼ	MỤC DÍCH BẢN VẼ	TÊN DỰ ÁN	DWG. NO
1						CẢI TẠO PHÒNG NẤU ĂN - NHÀ MÁY HOUSE FOODS	A-G1-P1
2							
3							
4							

TÊN BẢN VẼ	SCALE (A1)	REV
MẶT BẰNG TỔNG THỂ MỚI		0

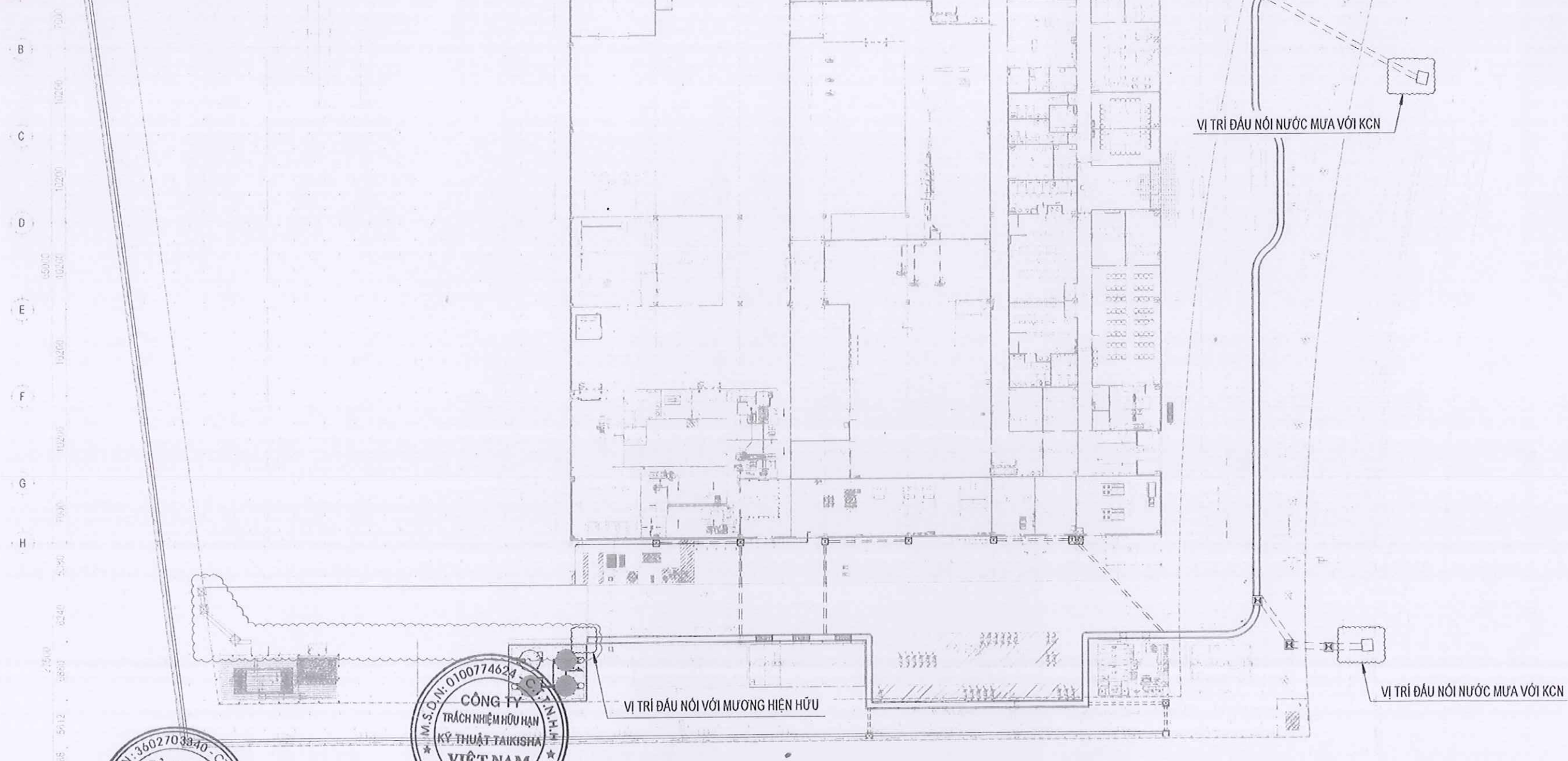
☐ 1. The first step in the process of creating a new product is to identify a market need.

☒ 2. The second step is to develop a prototype of the product.

☐ 3. The third step is to conduct market research.

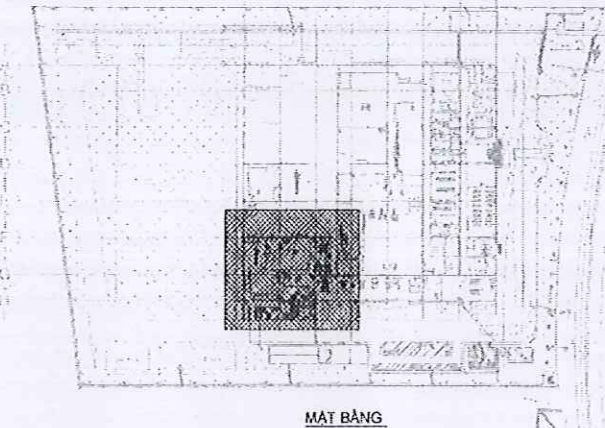
☐ 4. The fourth step is to create a business plan.

8 7 6 5 4 3 2

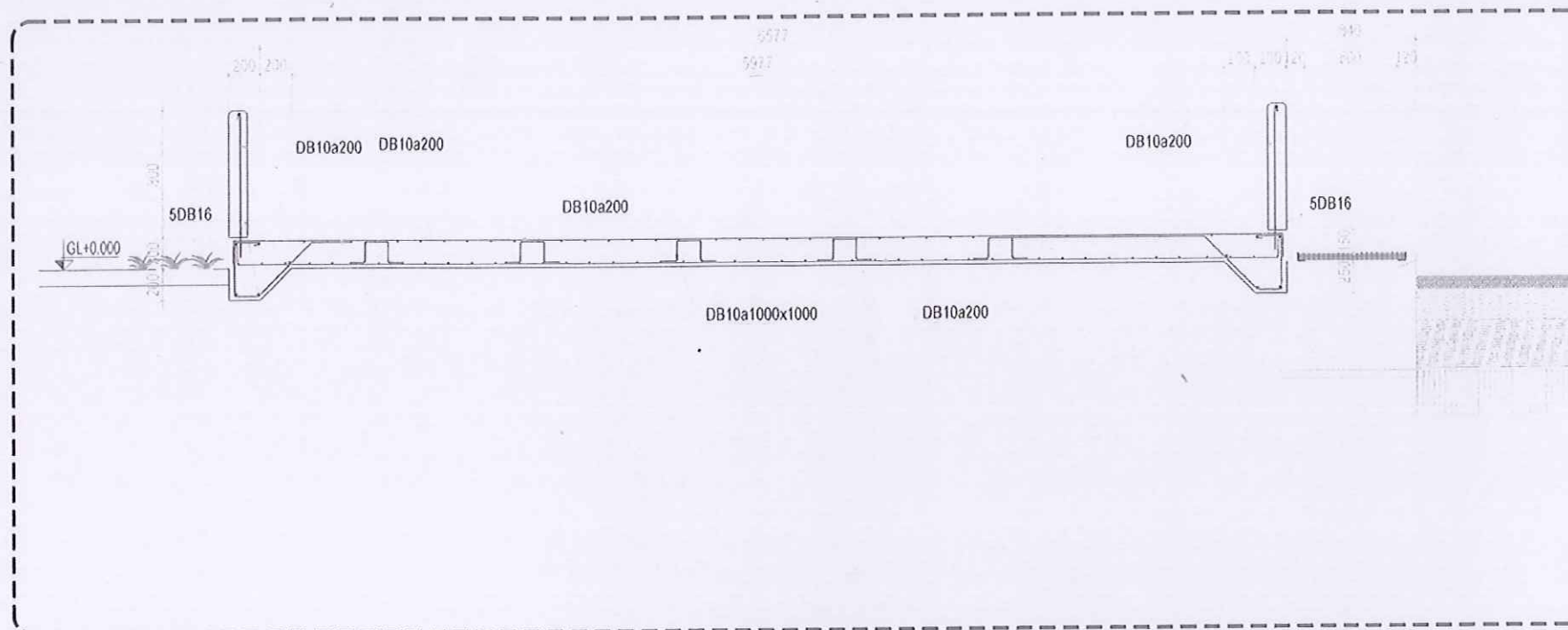


MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA CẢI TẠO

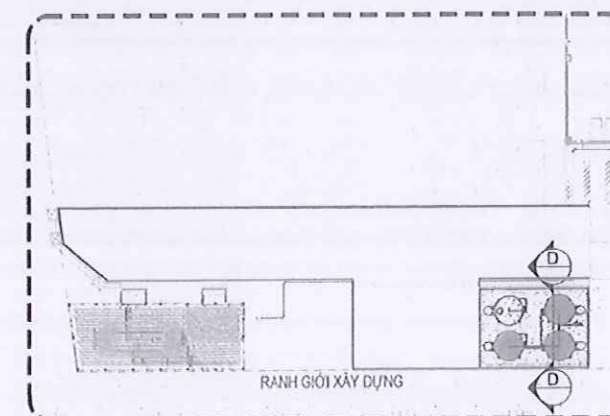
[illegible]



House Foods
HOUSE FOODS VIETNAM CO., LTD.
TỔNG GIÁM ĐỐC
HIROTSUGU TAMURA



MẶT CẮT D-D



VỊ TRÍ MẶT BẰNG

STT	Mô tả	Ngày	Chức vụ	Đơn vị	Giám đốc	Phê duyệt	Kiểm tra	Bản vẽ	Mục đích bản vẽ	Tên dự án	Ngày
1										CẢI TẠO PHÒNG NẤU ĂN - NHÀ MÁY HOUSE FOODS	S-LPG-S2
2											
3											
4											

TỔNG GIÁM ĐỐC
HIROTSUGU OZAKI

PHẠM THANH BÌNH
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

FOR QUOTATION

NOTES:
_____ SUPPLIED BY KYOWA KAKO VIETNAM

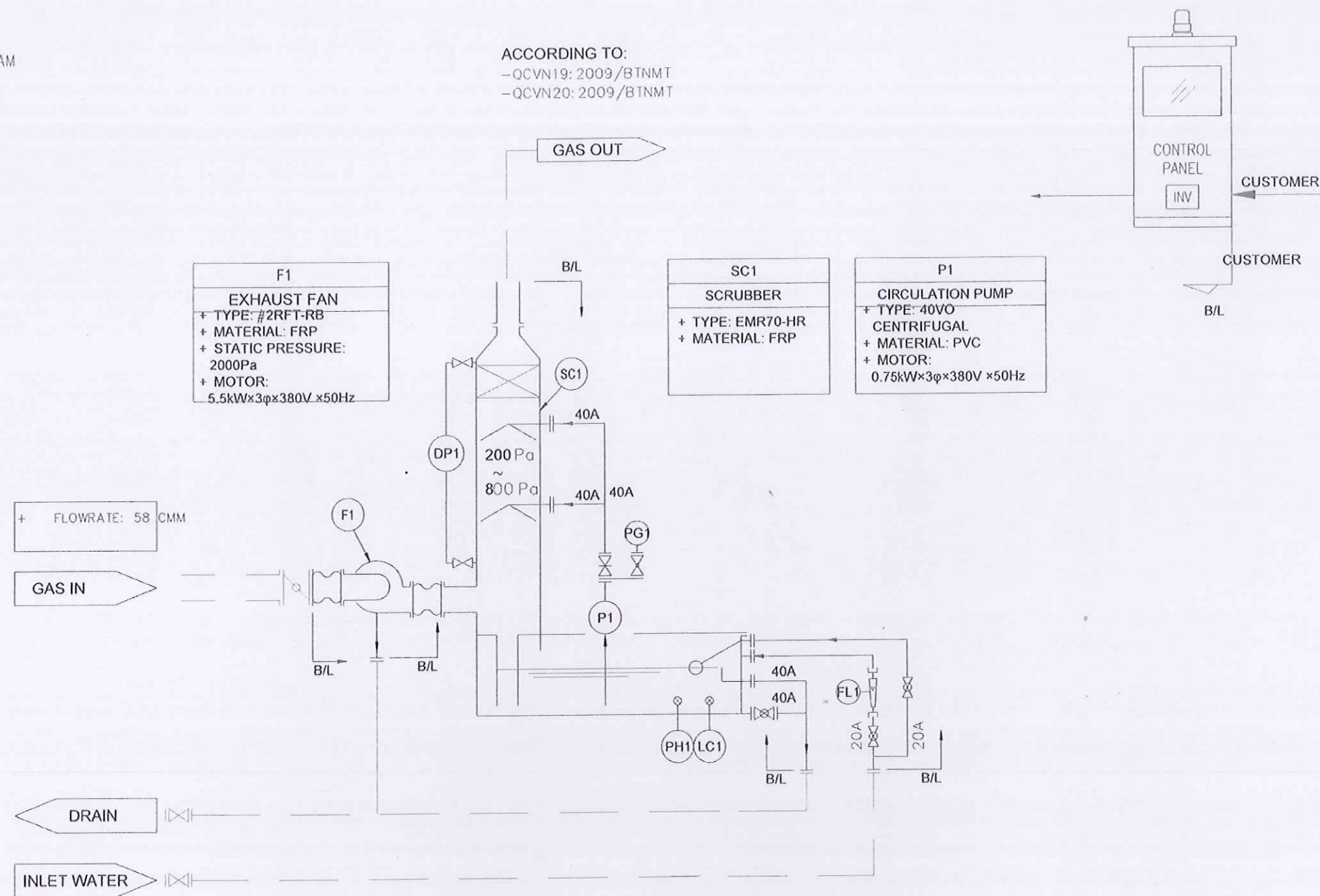
_____ SUPPLIED BY CUSTOMER

B/L BOUNDARY LIMIT

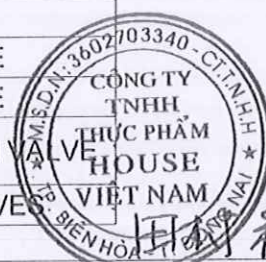


–QCVN19: 2009/BTNMT
–QCVN20: 2009/BTNMT

–QCVN19: 2009/BTNMT
–QCVN20: 2009/BTNMT



REMARKS	
	BALL VALVE
	STOP VALVE
	GATE VALVE
	DIAPHRAGM VALVE
	OTHER VALVES



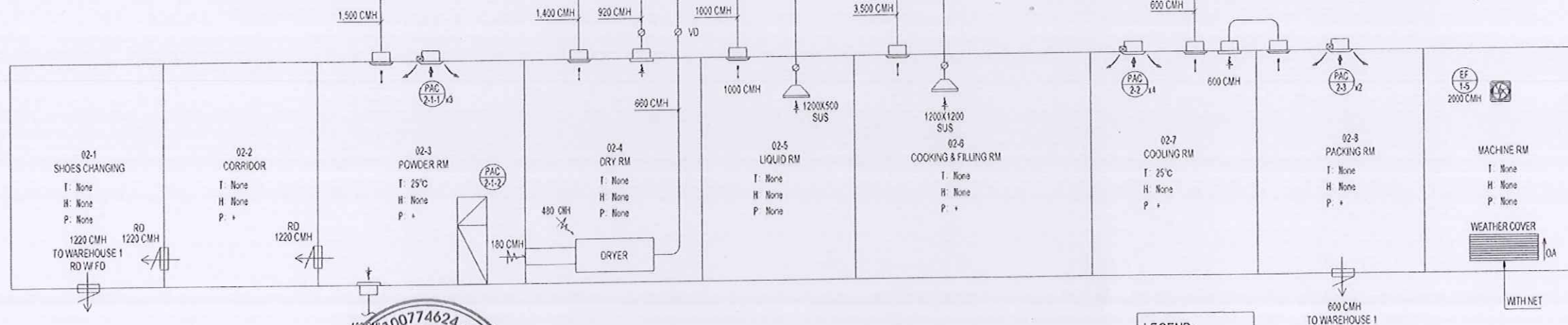
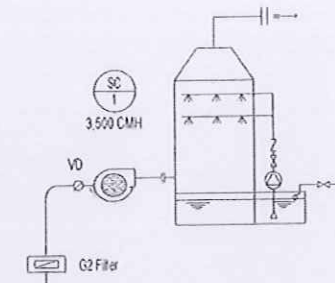
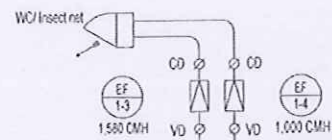
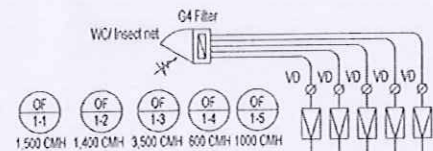
DP1	DIFFERENTIAL PRESSURE -		1	
FL1	FLOWMETER	PVC	1	AC-2020
PG1	PRESSURE GAUGE	PVC	1	15AJIS10K
LC1	LEVEL CONTROLLER	SUS	1	PS-5S
P1	CIRCULATION PUMP	PVC	1	
F1	EXHAUST FAN	FRP	1	
SC1	SCRUBBER	FRP	1	

Bên	MST	Hạng	Chú giải từ:		TÊN QUẢN LÝ	CÁI TẠO PHÒNG NẤU ĂN - NHÀ MÁY HOUSE FOODS	DNG NO
1							
2							
3							
4							

 **House Foods**
HOUSE FOODS VIETNAM CO., LTD.
TỔNG GIÁM ĐỐC
HIROTSUGU TAMURA

TAIKI-SHA
TAIKISHA VIETNAM ENGINEERING INC.
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT
TAIKISHA VIETNAM

PHAM THANH BINH
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

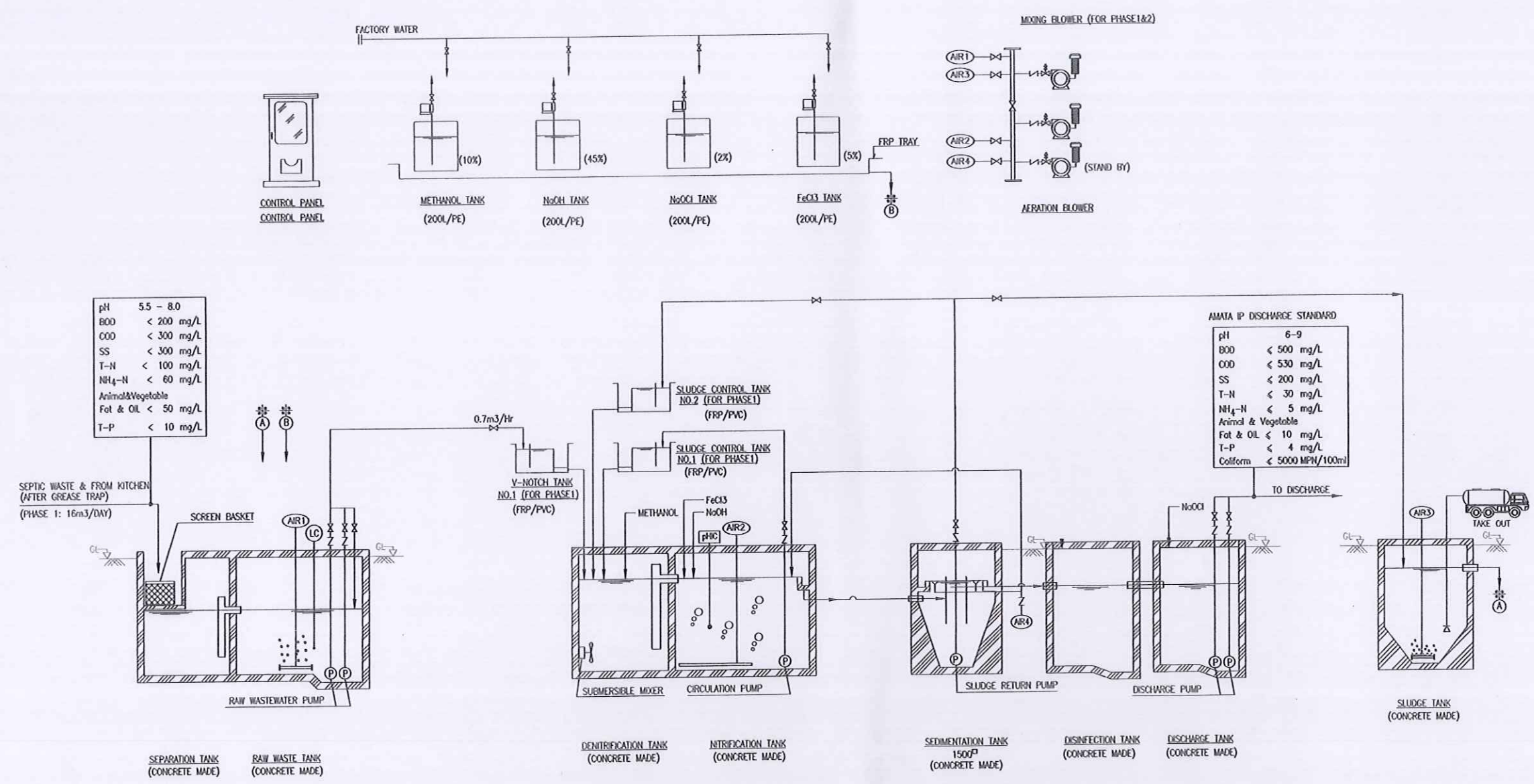


CURRY AREA

LEGEND:
T: Temperature
H: Humidity
P: Pressure
---: Existing
—: New



Bst	Mô tả	House Foods	TAIKI-SHA	GIÁM ĐỐC	PHÊ DUYỆT	Kiểm tra	BẢN VẼ	MỤC ĐÍCH BẢN VẼ	TÊN DỰ ÁN	ĐV.G. NO
1		HOUSE FOODS VIETNAM CO., LTD.	TAIKISHA VIETNAM ENGINEERING INC.	PHẠM THANH BÌNH				BẢN VẼ HOÀN CÔNG	CẢI TẠO PHÒNG NẤU ĂN - NHÀ MÁY HOUSE FOODS	
2		TỔNG GIÁM ĐỐC	CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT	ĐẠI QUOC KHANH					SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ HỆ THỐNG KHÍ THẢI	SCALE (A1)
3		HIROTSUGU TAMURA	TAIKISHA VIETNAM	BUI QUANG THIEN NH						REV
4				DƯƠNG MẠT QUANG						0



SEPTIC WASTE & FROM KITCHEN (AFTER GREASE TRAP)
(PHASE 1: 16m3/DAY)

pH	5.5 - 8.0
BOD	< 200 mg/L
COD	< 300 mg/L
SS	< 300 mg/L
T-N	< 100 mg/L
NH ₄ -N	< 60 mg/L
Animal & Vegetable	
Fat & Oil	< 50 mg/L
T-P	< 10 mg/L

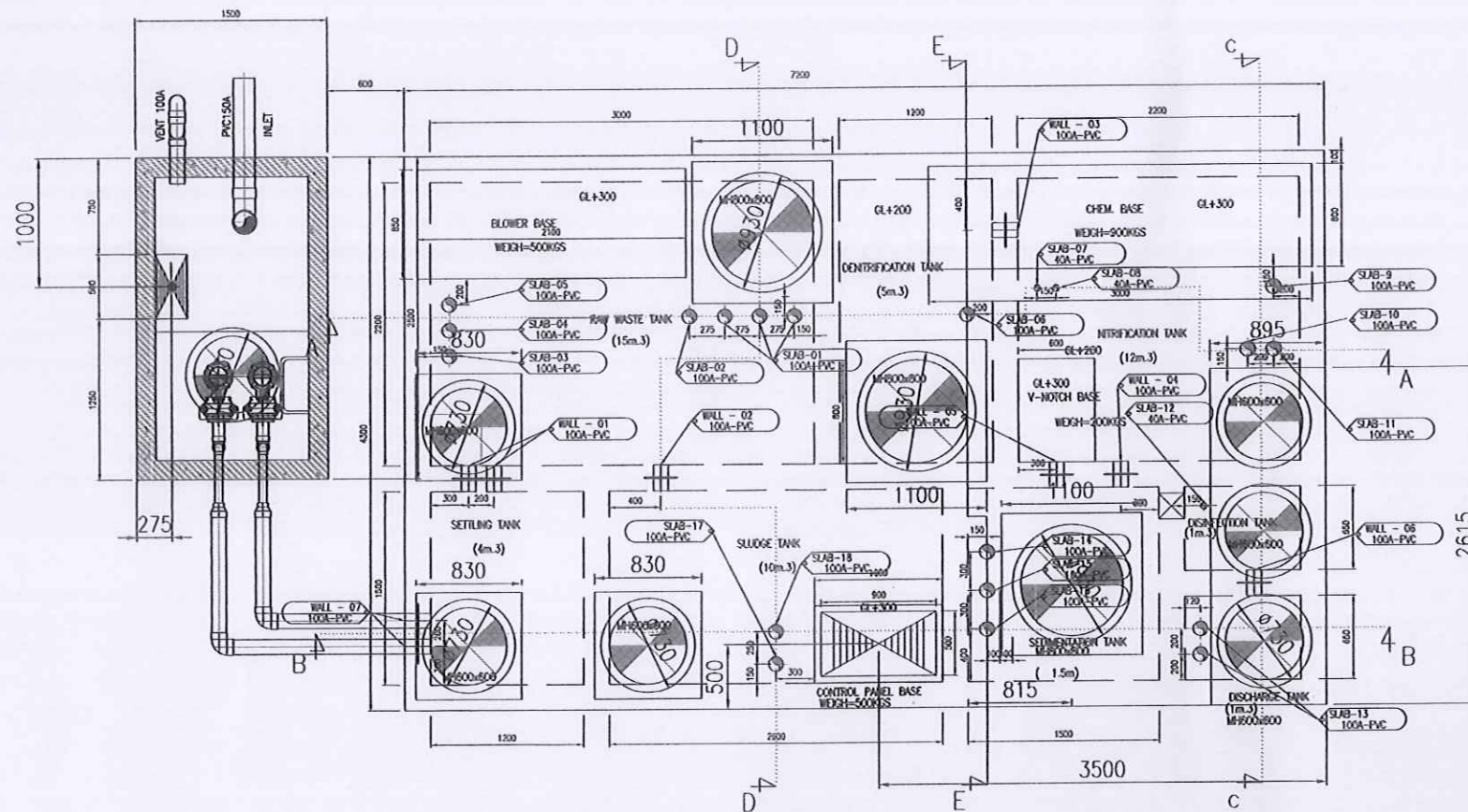
AMATA IP DISCHARGE STANDARD

pH	6-9
BOD	< 500 mg/L
COD	< 530 mg/L
SS	< 200 mg/L
T-N	< 30 mg/L
NH ₄ -N	< 5 mg/L
Animal & Vegetable	
Fat & Oil	< 10 mg/L
T-P	< 4 mg/L
Coliform	< 5000 MPN/100ml

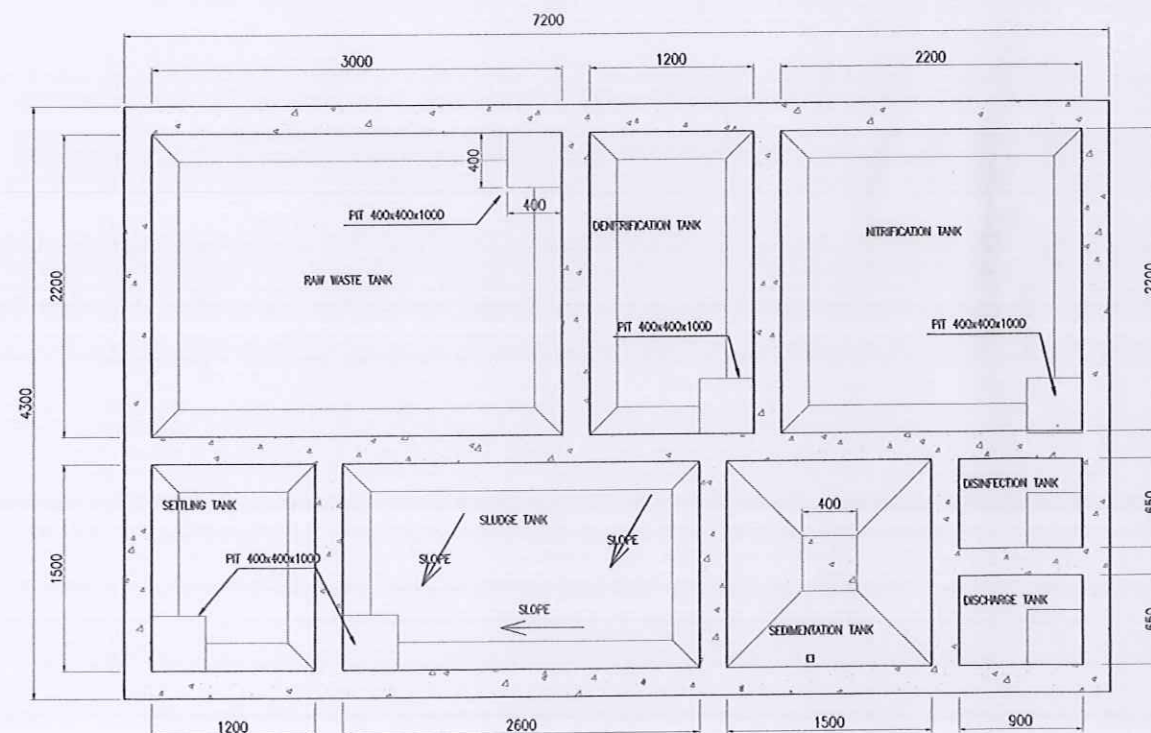
REMARKS
= PHASE 2
ELECTRIC POWER SOURCE
///kW. 380V. 3ø. 4W.

AS-BUILT		
REV	DESCRIPTION	DATE
Δ		
Δ		
Δ		
Δ		
Δ		
Δ		
Δ		
Δ		
PROJECT/AN		
VPJ PROJECT		
LOCATION: AMATA INDUSTRIAL PARK BIEN HOA CITY, DONG NAI PROVINCE, VIETNAM		
PRINCIPAL/ENGINEERING		
CLIENT/OWNER		
HOUSE FOODS VIETNAM CO., LTD.		
TỔNG GIÁM ĐỐC DIRECTOR		
Contractor		
KAJIMA OVERSEAS ASIA PTE LTD 70 Floor, A3 Tower 75 Le Lu 9, Dist. 1, HCM City, Vietnam		
Design Coordinator		
KAJIMA DESIGN ASIA PTE LTD 82 Marine Parade Road, #9-02/03 Parkway Parade Singapore 449269		
CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUỐC TẾ INTERNATIONAL CONSTRUCTION & INVESTMENT CONSULTANCY COMPANY		
I/C KIC Co., LTD		
Head Office 140 Nguyen Van Thu street, Dakao Ward, District 1 Ho Chi Minh City, Vietnam Tel No : 094.39111915 - 094.39111916 Fax No : 094.39111914 Email : kic@kic.vn Website : www.kic.vn		
DRAWING TITLE: BẢN VẼ:		
SƠ ĐỒ HỆ THỐNG BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
WASTE WATER TREATMENT PLANT DIAGRAM		
DIRECTOR :		
ENTERPRISE DIRECTOR :		
PROJECT MANAGER :		
DRAWN BY :		
CHECKED BY :		
SCALE: NTS		
CONTRACT No: M-33		

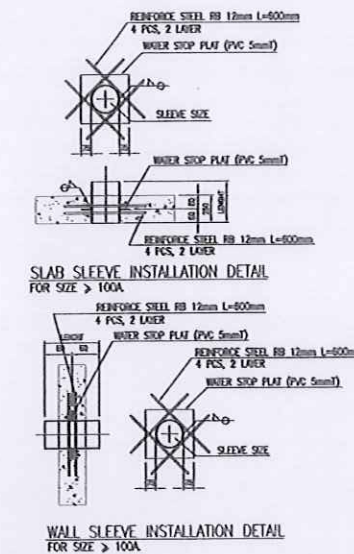
KAJIMA OVERSEAS ASIA PTE LTD				
AS-BUILT DRAWINGS				
OWNER	MAIN-CONTRACTOR	SUB-CONTRACTOR	CONSULTANT	DRAW BY
				HOANG XUAN NGUYEN



TOP SLAB VIEW



BOTTOM SLAB



SLEEVE_NO	SERVICE	SLEEVE_SIZE	HEIGHT(H)MM	LENGTH	Quantity
SLAB-01	RAW WASTE PUMP	100A-PVC	GL+200	300 mm	3
SLAB-02	V-NOTCH RETURN	100A-PVC	GL+200	300 mm	1
SLAB-03	LEVEL SWITCH	100A-PVC	GL+200	300 mm	1
SLAB-04	AIR MIXING	100A-PVC	GL+200	300 mm	1
SLAB-05	SPARE	100A-PVC	GL+200	300 mm	1
SLAB-06	V-NOTCH TO DENITRIFICATION	100A-PVC	GL+200	300 mm	1
SLAB-07	FOR NH ₄	40A-PVC	GL+200	300 mm	1
SLAB-08	FOR FeO ₃	40A-PVC	GL+200	300 mm	1
SLAB-09	AIR MIXING	100A-PVC	GL+200	300 mm	1
SLAB-10	pH SENSOR	100A-PVC	GL+200	300 mm	1
SLAB-11	CIRCULATION PUMP	100A-PVC	GL+200	300 mm	1
SLAB-12	FOR NH ₄	40A-PVC	GL+200	300 mm	1
SLAB-13	DISCHARGE PUMP	100A-PVC	GL+200	300 mm	2
SLAB-14	ARASOUM	100A-PVC	GL+200	300 mm	1
SLAB-15	SLUDGE TRANSFER PUMP	100A-PVC	GL+200	300 mm	1
SLAB-16	ARASOUM	100A-PVC	GL+200	300 mm	1
SLAB-17	AIR MIXING	100A-PVC	GL+200	300 mm	1
SLAB-18	SLUDGE INLET	100A-PVC	GL+200	300 mm	1
WALL-01	OVERFLOW FROM SETTLING TANK	100A-PVC	BOP=GL-1000	300 mm	2
WALL-02	OVER FLOW FROM SLUDGE TANK	100A-PVC	BOP=GL-300	300 mm	1
WALL-03	OVERFLOW FROM DEN. TANK	100A-PVC	BOP=GL-500	300 mm	1
WALL-04	OVER FLOW FROM NITR. TANK	100A-PVC	BOP=GL-500	300 mm	1
WALL-05	OVER FLOW FROM SED. TANK	100A-PVC	BOP=GL-200	300 mm	1
WALL-06	OVER FLOW TO DISIN. TANK	100A-PVC	BOP=GL-500	300 mm	1
WALL-07	OVER FLOW TO SETTLING TANK	100A-PVC	BOP=GL-600	300 mm	2

REMARK : PVC ARE USE CNS 12 KSC OR ASTM 12.5 KSC

KAJIMA OVERSEAS ASIA PTE LTD				
AS-BUILT DRAWINGS				
OWNER	MAIN-CONTRACTOR	SUB-CONTRACTOR	CONSULTANT	DRAW BY
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VIỆT NAM	LE THANH TINH	NGUYỄN VĂN QUANG	Bai Ba Hien	HOANG XUAN NGUYEN

AS-BUILT

REV	DESCRIPTION	DATE
1		
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		
10		

VPJ PROJECT
LOCATION : ANIATA INDUSTRIAL PARK
BINH HOA CITY, DONG NAI PROVINCE, VIETNAM
PRINCIPAL/HEAD OFFICE
HOUSE FOODS VIETNAM CO., LTD.

HONG GIAM DUC
DIRECTOR
Kajima Overseas Asia Pte Ltd
70 Floor, 40 Tower
70 Le Loi St., Dist. 1, HCM City, Vietnam
Design Coordinator
Kajima Design Asia Pte Ltd
40 Marlin Parade Road, #02-03 Parkway Parade
Singapore 440269

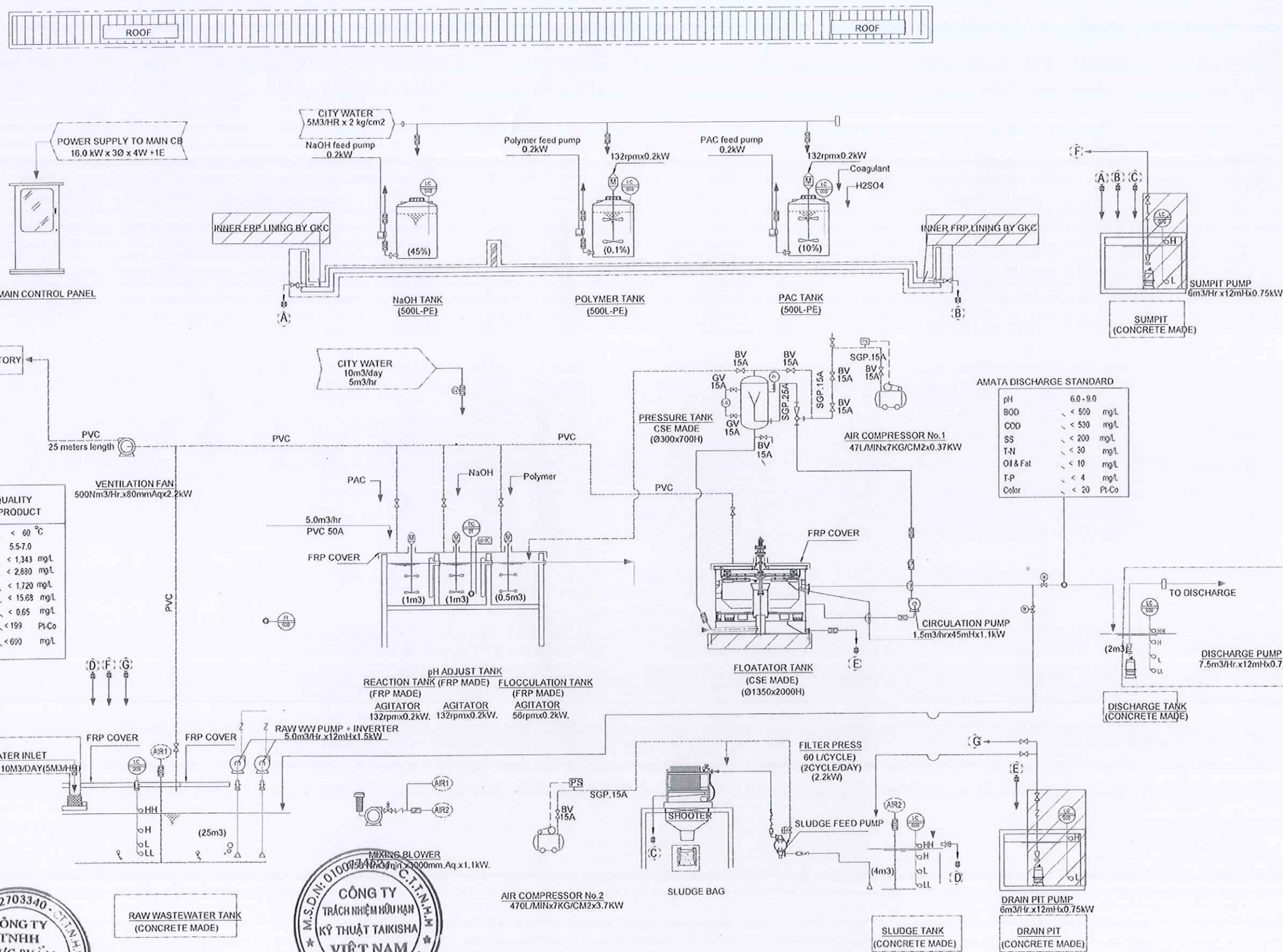
CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ
& XÂY DỰNG QUỐC TẾ
INTERNATIONAL CONSTRUCTION &
INVESTMENT CONSULTANCY COMPANY
KIC Co., Ltd.
Head Office:
140 Nguyễn Văn Thiệu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel No : 094.39111915 - 094.39111916
Fax No : 094.39111914
Email : kic@kic.vn
Website : www.kic.vn

DRAWING TITLE:
BẢN VẼ:
MẶT BẰNG
BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTE WATER TREATMENT
PLANT

DIRECTOR :	
ENTERPRISE DIRECTOR :	
PROJECT MANAGER :	
DRAWN BY :	
CHECKED BY :	
SCALE:	1/25
CONTRACT No:	M-34





WASTE DISCHARGE STANDARD		
pH	6.0 - 9.0	
BOD	< 500	mg/L
COD	< 530	mg/L
SS	< 200	mg/L
T-N	< 30	mg/L
Oil & Fat	< 10	mg/L
T-P	< 4	mg/L
Color	< 20	Pl-Co

dan	usia	jenis
1		
2		
3		
4		

House Foods
HOUSE FOODS VIETNAM CO., LTD.
TỔNG GIÁM ĐỐC
HIROTSUGU TAMURA

TAIKI-SHA
TAIKISHA VIETNAM ENGINEERING INC.
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT
TAIKISHA VIETNAM.

Địa chỉ: Tầng 12 Tòa Nhà Otech, 8 Đường Tân Thái Thịnh,
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
ĐT: (+84-24) 3582-2750 FAX: (+84-24) 3582-2751

PHAM THANH BINH
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

Kiểm tra	Bản vẽ	Mục đích bản vẽ
Bùi Quang Thiện An	Dương Nhật Quang	Bản vẽ hoàn công

TÊN DỰ ÁN	CẢI TẠO PHÒNG NẤU ĂN - NHÀ MÁY HOUSE FOODS
TÊN BÀN VẼ	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SCALE (A3)

DWG. NO.	
REV.	0